HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

61

THÁNG 10 & 11 NĂM 2001



Mai Chửng

TRÍ THỨC VIỆT NAM

(tư cách trí thức)

PHẠN THỊ HOÀI LÊ QUỐC ĐẠT ĐỖ MINH TUẤN NGUYỄN ĐỨC TÙNG NGUYỄN VĂN TRUNG NGUYỄN VY KHANH PHÙ VÂN NGUYỄN VIỆN LƯU HY LẠC LÊ HÙNG VỌNG MAI VĂN PHẤN ĐINH LINH VI THÙY LINH THÁI VIỄN PHƯƠNG HUỲNH LIỄU NGẠN PHAN HUYỀN THƯ PHẠM HẢI ANH TRỊNH THANH THỦY PHAN NHIÊN HẠO TRƯỜNG ĐINH HOÀI MỸ LAM TRÙNG DƯƠNG LÊ THÁI LÂM NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG TRẦN THỊ NGH. TRỊNG GIA MỸ LÊ QUỲNH MAI NGÔ THẾ VINH KIM THI NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU MAI CHỬNG ĐINH CƯỜNG NGUYỄN TRUNG NGUYỄN PHƯỚC



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 534-2205- Email: tchl@aol.com

http://saigonline/hopluu.com

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 61 tháng 10 & 11 năm 2001

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trần Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ biên

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



8/12/2001 kỷ niệm thập nhị chu niên (1990-2002) tạp chí Hợp Lưu

Hợp Lưu số sau (số 62, phát hành đầu tháng 12 năm 2001) sẽ là số Xuân Nhâm Ngọ, đồng thời cũng là số kỷ niệm Thập nhị chu niên, Hợp Lưu tròn 12 tuổi.

Trân trọng kính mời văn hữu trong, ngoài nước đã cộng tác với Hợp Lưu suốt thời gian dài đã qua, cùng đóng góp bài vở, để số báo này có được sự chuẩn mực mong ước, mà 12 năm qua, Hợp Lưu không ngừng muốn vươn đến.

Bài vở xin gửi về tòa soạn ngay từ bây giờ.

Song song với việc phát hành số đặc biệt này, Hợp Lưu sẽ tổ chức một chương trình họp mặt mang chủ đề **Hợp Lưu với văn hữu & độc giả** chiều ngày 8 tháng 12 năm 2001 tại

MIMI Studio
15361 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683. USA

Ngoài phần ca nhạc thính phòng trong buổi khai mạc, 40 tranh sơn dầu của Khánh Trường sẽ được trưng bày một tuần lễ sau đó và sẽ bán với giá thật thân hữu (từ 400 đến 600 Mỹ Kim), nhằm tích vốn nuôi dưỡng Hợp Lưu cho năm tới. Quí vị ở xa (kể cả các quốc gia khác) muốn mua tranh KT làm kỷ niệm, (cũng là một hình thức tiếp tay giúp Hợp Lưu tồn tại), xin liên lạc với tòa soạn, chúng tôi sẽ gửi Catalogue để quí vị chọn. Tranh sẽ được đóng thùng gửi đến quí vị qua bưu điện. Nếu vị nào về Orange County trong thời điểm ấy, Hợp Lưu rất hân hạnh được đón tiếp.

HỢP LƯU

mục lục

HỢP LƯU

số 61, tháng 10 &11 năm 2001

Tranh bìa: **Mai Chửng**
Minh họa: **Đinh Cường, DươngVăn Hùng, Nguyyễn Đại Giang Nguyên Khai, Lê Thánh Thư, Đỗ Quang Em, Thu Huệ**



thư tòa soạn



Trong cuộc tọa đàm tổ chức tại Berlin tháng 10 năm 2000, nhà văn Phạm Thị Hoài đã đọc một bài nói chuyện nhan đề "Tư Cách Chính Thống Của Trí Thức Việt Nam". Bài này được báo Cánh Én* đăng lại sau đó, cùng lời mời "quí văn hữu - những nhà văn, nhà thơ, phê bình gia, văn nghệ sĩ" - qua trung gian nhà thơ Đỗ Quyên, chủ nhân một "trang nhà" trên mạng lưới Internet** - tham gia *"Diễn đàn Liên mạng Trí Thức Việt Nam"* mà bài nói chuyện của nhà văn Phạm Thị Hoài chúng tôi vừa đề cập là bài khai mở đầu tiên.

Một số độc giả theo dõi cuộc thảo luận này, đề nghị Hợp Lưu đăng lại làm tài liệu tham khảo, cũng như để giới thiệu với nhiều độc giả khác không sử dụng computer, hoặc có sử dụng nhưng không quen và không thích đọc trên màn hình. Nhận thấy đề nghị hữu lý, Hợp Lưu đã nhờ nhà thơ Đỗ Quyên chọn lọc giúp bước đầu, sau đó, Tòa soạn lọc lại thêm một lần nữa, cũng như mạn phép các tác giả cắt bớt một số chữ, câu, đoạn cho phù hợp với yêu cầu đăng báo (dĩ nhiên, vẫn hoàn toàn tôn trọng nội dung).

Đề tài của *"Diễn đàn Liên mạng Trí Thức Việt Nam"* được chia làm 4 phần:

---

*) Cánh Én - Tòa Soạn: Ruemann Str. 61/1 St. - 80804 Muenchen - Germany - Tel: & Fax: 49-089-361-007-27. Email: phamce@t-online.de. WebSite: www.canhen.de
**) www.yahoogroups.com/group/tri_thuc_VN

1. Tư cách Trí thức Việt Nam
2. Trí thức & Phản trí thức
3. Văn hóa Việt Nam
4. Văn chương & Thời thế.

Vì số trang giới hạn, số này, Hợp Lưu chỉ đăng tải phần đầu: *Tư cách Trí thức Việt Nam.* Ba phần còn lại, Hợp Lưu sẽ lần lượt công bố khi có cơ hội thuận tiện.

Như đã thông báo từ số trước, Hợp Lưu số 62 (số kế) sẽ là số Xuân Nhâm Ngọ, phát hành đầu tháng 12 năm 2001, cũng là số kỷ niệm thập nhị chu niên ngày Hợp Lưu ra đời. Song song với số kỷ niệm này, một triển lãm tranh sơn dầu & mầu nước qui mô (40 tranh lớn ngoài trời, 40 tranh nhỏ trong studio) của họa sĩ Khánh Trường sẽ khai mạc và được trưng bày một tuần, kể từ thứ Bảy, ngày 8 tháng 12/2001 tại: MIMI Studio -15361 Brookhurst St. # 103 -Westminster, CA 92683.

40 sáng tác mới nhất, kích thước trung bình sẽ được bán với giá thật thân hữu, từ 200 đến 600 dollars. Tiền bán tranh được sử dụng để duy trì sự tồn tại của Hợp Lưu trong tài khóa năm 2002.

Hợp Lưu trân trọng kính mời độc giả cư ngụ tại quận Cam, các vùng phụ cận, cũng như độc giả sinh sống ngoài tiểu bang hoặc các quốc gia khác, nếu có dịp viếng quận Cam trong thời điểm trên, đừng quên đến với Hợp Lưu và phòng tranh Khánh Trường.

Nhân đây, Hợp Lưu cũng xin thông báo trước, sau số Tân Niên 2002, Hợp Lưu sẽ thực hiện một số đặc biệt mang chủ đề: VIỆT KIỀU.

Sau hơn 1/4 thế kỷ định cư trên xứ người, thế hệ thứ hai, thứ ba đã ra đời. Mọi sự thái quá, trong tư duy cũng như ngoài đời thường phần nào đã lắng đọng, Hợp Lưu nghĩ, đã đến lúc chúng ta có thể nhìn lại quá vãng, và nói về hiện tại một cách bình tĩnh, công bằng và khách quan hơn. Trên tinh thần đó, Hợp Lưu rất mong quí văn hữu, độc giả đóng góp bài vở tích cực cho số báo này, qua mọi lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật... với những thành công, những thất bại, cùng những chuyển hóa tâm thức của mỗi cá nhân, của cả một cộng đồng, dọc lộ trình 26 năm sống và phấn đấu để tồn tại trên những phần đất bên ngoài quê hương.

Để chủ đề được phổ biến rộng và mọi giới có thể tham gia dễ dàng, Hợp Lưu cũng xin mượn "trang nhà" của nhà thơ Đỗ Quyên làm nơi nhận và chuyển bài đến mọi nơi trên thế giới.

Cuối cùng, mời độc giả đi vào nội dung số báo này...

HỢP LƯU

TRÍ THỨC VIỆT NAM

I. Tư cách trí thức Việt Nam

- Lỗ Tấn
- Phạm Thị Hoài
- Nguyễn Văn Trung
- Bùi Chánh Thời
- Đỗ Minh Tuấn
- Lê Quốc Đạt
- Nguyễn Vy Khanh
- Nguyễn Đức Tùng
- Phù Vân





LỖ TẤN

(Khiem Dinh dịch từ bản Anh ngữ)

sẩy thai và tuyệt chủng

LTS: *Rất mong quí độc giả và văn hữu theo dõi cuộc "tọa đàm" TRÍ THỨC VIỆT NAM ở những trang sau bằng tinh thần mà nhà văn Lỗ Tấn đã trình bày trong bài "Sẩy Thai & Tuyệt Chủng" này.*

Gần đây một tính ngữ khắc nghiệt - sẩy thai- được gán cho tác phẩm của một số văn sĩ trẻ, và nhiều người đang ra rả lặp lại. Tôi tin rằng kẻ đầu tiên dùng từ này đã không làm vậy vì mục đích mạ lỵ có suy tính mà hoàn toàn ngẫu nhiên.

Nhưng tôi không thể hiểu nổi sao người Trung Hoa mình lại quá thỏa mãn với tình trạng hiện tại và quá dị ứng với những thay đổi; quá khoan dung với những gì đã được hoàn tất và quá phê phán những gì mới mẻ.

Những bậc đại trí đã dạy chúng ta rằng: nếu không đẻ được một bậc thánh, một anh hùng hoặc một thiên tài thì tốt nhất đừng sinh đẻ. Nếu bạn không thể viết một tác phẩm bất hủ, tốt nhất đừng viết. Nếu cải tổ không thể biến thế giới thành thiên đường chỉ sau một đêm hoặc ít nhất thành một chỗ mà tôi khá hơn, thôi đừng thay đổi...

Họ là những kẻ bảo thủ? Không, chúng ta được bảo, họ không phải vậy. Thực ra họ là những tay cách mạng. Họ là những kẻ duy nhất với chương trình cải tổ công bằng và thích đáng, an toàn và

xuyên suốt, hòa bình và không thể sai. Nghiên cứu về vấn đề này được tiến hành đúng vào lúc này ở những viện nghiên cứu - phiền toái duy nhất là - chúng chưa sẵn sàng.

Khi nào chúng sẵn sàng? Câu trả lời: Chúng tôi không biết.

Trong mắt người lớn, những bước đi đầu tiên của một đứa trẻ hiển nhiên là chập chững, nguy hiểm và mắc cười. Nhưng một người đàn bà dù ngu tới cỡ nào cũng háo hức với những bước chân đầu tiên của con mình, và chắc chắn không bao giờ cấm cản vì nó đi quá vụng về và có thể vướng chân quan chức. Cô ta chắc chắn không bao giờ giữ nó nằm bẹp trong nôi để học cho tới khi hiểu được phải chạy như thế nào. Vì cô biết rằng, trong trường hợp đó, nó có thể sống cả trăm tuổi mà vẫn không biết đi.

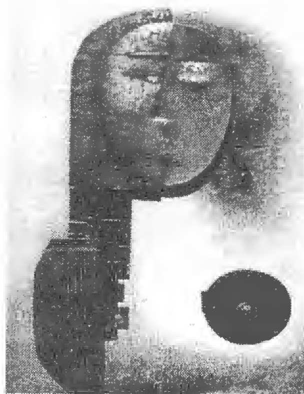
Từ xửa xửa xưa, những bậc gọi là học giả luôn cố phủ đầu những kẻ tiếp bước. Gần đây, họ lịch sự hơn, nhưng bất kỳ ai mà cố thoát ly có lẽ sẽ được các học giả và những kẻ có học nhận ra ngay và mời ngồi lại. Khi đó họ sẽ tranh luận với anh ta, xem xét các điều kiện, nghiên cứu, suy ngẫm và trau dồi - cho tới khi anh bạn của chúng ta chết rục ở đó vì tuổi già. Nếu không, anh ta sẽ được phong tặng ngay là đồ phá thối. Tôi, cũng như những bạn trẻ ngày nay, đã từng hỏi đạo từ những ông thầy đã chết và vẫn còn chưa chết. Tất cả họ đều nói, "Đừng đi về hướng đông, hướng tây, hướng bắc hoặc hướng nam." Không một ai bảo tôi hướng nào nên theo. Cuối cùng tôi phát hiện ra những gì họ nghĩ trong đầu. Nó thật đơn giản, "Đừng đi đâu hết."

Ngồi một chỗ và đợi đến khi yên hãy đi thì quả là tốt, nếu nó khả thi; nhưng tôi e rằng chúng ta sẽ già đi và chết trước khi những gì chúng ta chờ đợi biến thành hiện thực. Nếu ai đó không muốn đẻ mà cũng không muốn sẩy thai, mà chỉ muốn chờ cho một đứa con xinh đẹp xuất hiện; coi cũng được đó, nhưng tôi e rằng người đó rốt cục chẳng được gì hết.

Nếu chúng ta tin rằng triệt sản cần thiết bởi vì không thể đẻ được những đứa trẻ ngoại hạng, không cần phải nói gì nữa. Nhưng nếu chúng ta luôn muốn nghe bước chân của những ngươi trưởng thành, thì tôi nghĩ rằng sẩy thai vẫn đáng hy vọng hơn là không đẻ, bởi nó chứng tỏ rành rành là chúng ta có thể đẻ.

20 tháng mười hai, 1925
LỖ TẤN

(Lỗ Tấn Tuyển Tập do Nhà xuất bản ngoại văn Trung Hoa ấn hành)





PHẠM THỊ HOÀI
về tư cách của trí thức việt nam

Bài nói chuyện này tôi không muốn phổ biến rộng hơn phạm vi của buổi toạ đàm tháng Mười 2000 tại Berlin, và đương nhiên đã không cho phép sử dụng và đăng tải tại bất cứ nơi nào. Song vì những hiểu lầm nhất định, tạp chí Cánh Én đã đăng bài này tháng Tư 2001 và tổ chức thảo luận trên diễn đàn liên mạng Trí thức Việt Nam. Vì bản chuyển từ băng ghi âm do Cánh Én thực hiện và không hề thông qua tác giả có vô số sai sót nghiêm trọng, tôi đành tự ghi lại bài nói chuyện này để có một tư liệu đúng. Đó là lí do duy nhất về phía tôi cho việc đăng tải mà trước sau tôi vẫn không muốn. PTH.

Vấn đề tôi muốn đặt ra ở đây rất đơn giản, xin những vị có ý chờ đợi ở một nhà văn những tư tưởng cao siêu, phức tạp thể tất cho. Tất

nhiên là mọi vấn đề của hiện thực Việt Nam đều rất phức tạp. Nhưng tôi nghĩ rằng, cái cách dễ dàng nhất, láu lỉnh nhất để khỏi phải đối mặt với cái hiện thực này chính là làm cho nó phức tạp hơn bản thân nó. Mà văn nghệ sĩ và trí thức Việt Nam có một căn bệnh trầm kha là, khi sự vật dường như không thể giải quyết nổi theo các tiêu chí của nho sĩ, hiệp sĩ hay chiến sĩ thì nó lập tức được nhìn theo nhãn quang của phương sĩ, hay đạo sĩ. Đấy là một thứ nhãn quan tất nhiên rất thú vị và vô cùng phức tạp, thú vị và phức tạp tới mức cho phép người ta có thể mải mê trong chính nó, và bản thân hiện thực chỉ còn là cái cớ rất phụ mà thôi. Nhưng chúng ta sẽ trở lại cái hiện thực này ở một đoạn sau. Bây giờ tôi chỉ xin nói trước là, trong buổi hôm nay chúng ta sẽ cố gắng giản dị và sáng tỏ trong suy nghĩ của mình.

Xuất phát điểm của vấn đề mà tôi muốn đặt ra cũng rất giản dị:

Sau ít nhất là hai ngàn năm có một cộng đồng Việt, một dân tộc Việt, một văn hoá Việt, một quốc gia Việt, và sau ít nhất là hai trăm năm có một lãnh thổ Việt như ngày nay, chúng ta vẫn là một nước nghèo và lạc hậu vào hạng nhất thế giới. Nhưng vấn đề không phải chỉ ở chỗ nghèo và lạc hậu. Nếu chỉ như vậy thì tôi còn chưa thấy có gì đáng sợ lắm. Vấn đề một là ở chỗ: chưa bao giờ chúng ta không như thế. Từ khi tôi sinh ra đã như vậy Từ khi cha mẹ, ông bà tôi sinh ra đã như vậy Từ khi các cụ tôi sinh ra cũng như vậy Khi các kỵ tôi sinh ra thì thế giới lúc đó chỉ là Trung Hoa và Ấn Độ, nhưng bảng xếp hạng thì vẫn thế, không có gì thay đổi. Nước Hy Lạp chẳng hạn là một nước hiện nay đang nghèo nhất cộng đồng Châu Âu, nhưng không phải bao giờ cũng thế. Nước Nga cũng đang vô cùng bê bối, nhưng không phải lúc nào cũng thế. Chỉ có nước Việt là chưa bao giờ không như thế mà thôi. Tôi thậm chí không dám nghĩ tiếp rằng, khi cháu tôi, hoặc chắt tôi sinh ra, chúng ta vẫn không thoát được cái kiếp đội sổ như vậy. Sở dĩ tôi phải nói hơi dài về vấn đề này, vì nó là một yếu tố quan trọng trong việc hình thành tính cách và tư cách của người Việt nói chung và người trí thức Việt nói riêng. Ta hãy hình dung, nếu một anh học trò trong suốt cuộc đời đi học của mình không bao giờ không đứng cuối lớp, như một cái dớp không thay đổi, thì đến một lúc nào đó ý chí phấn đấu của anh ta, nếu anh ta có một ý chí, cũng phải tiêu tan.

Hai là, nếu câu chuyện chỉ dừng ở chỗ chúng ta là một nước nghèo và lạc hậu mà thôi thì tất nhiên vẫn là một câu chuyện buồn, nhưng chưa đến nỗi bi đát và vô vọng. Bởi lẽ - chỗ này tôi cũng phải nói thẳng, vì chúng ta đang sống ở một nước không nghèo và không lạc hậu tí nào là nước Đức - có thể nói rằng sự giàu có và văn minh tiến

bộ cũng đẻ ra những nỗi buồn rất đặc trưng của nó, cũng đẻ ra sự bi đát của nó, chứ không phải chỉ riêng nghèo và lạc hậu mới buồn và bi đát. Ta vẫn thường xuyên thấy những công dân của cái thế giới văn minh và giầu có này tìm cách giải toả những nỗi buồn của họ, giải toả những bi kịch của sự thừa thãi vật chất cũng như của sự tiến bộ với tốc độ rất nhanh chóng của cái xã hội hiện đại của họ bằng cách tìm về những xã hội còn mông muội, còn bán khai, còn nghèo khó, và coi đó là một câu trả lời nhất định, một *alternative*. Tất nhiên chúng ta có thể mỉm cười và coi đó là một thứ lãng mạn, một căn bệnh quí phái, nhưng không thể bác bỏ nó được. Chỉ có điều, hiện thực Việt Nam thậm chí không phải là chỗ thích hợp để cái thế giới thứ nhất đó chữa chạy những cái căn bệnh quí phái của mình. Bởi vì ngoài cái nghèo và lạc hậu, thì đến đầu thế kỷ 21 này xã hội Việt Nam còn là chỗ hội tụ của những dịch bệnh dường như vô phương cứu chữa khác mà bao trùm lên tất cả là một khái niệm, tôi đặt tên khái niệm đó là sự bất an. Với một nhà văn thì đương nhiên sự bất an trong tinh thần và tâm hồn là mối quan tâm chính. Theo cách nhìn của tôi, thì sức mạnh của một xã hội là khả năng đem lại cho các thành viên của nó cảm giác an toàn và yên tâm nhất định. Người ta có thể nghèo, nhưng nếu người ta có được một cảm giác an toàn nhất định, điều đó quan trọng hơn. Nếu không có cảm giác ấy thì người ta chỉ có thể miễn cưỡng sống tạm cuộc đời của mình và đương nhiên không có một động cơ nào đủ mạnh để sống tiếp cuộc đời của những thế hệ trước, sống trước cuộc đời của những thế hệ sau và sống chung cuộc đời của những kẻ cùng thời. Nói như thế thì xã hội Việt Nam là một tập hợp tạm bợ, rời rạc và hoàn toàn không hữu cơ của những cá nhân hoang mang và bất ổn.

Về xuất phát điểm là như vậy, vấn đề đặt ra là trong cái số phận dường như là vĩnh viễn hẩm hiu đó của dân tộc ta thì người trí thức tham dự như thế nào? Nói một cách khoa trương và có lẽ tương đối sáo thì người trí thức Việt Nam chịu trách nhiệm gì về cái số phận chung ấy của cả một dân tộc?

Cho đến nay, chúng ta đã nghe, có thể là đã nghe đến thuộc lòng, những lời đáp vô cùng rõ ràng về việc này. Việc vì ai, do ai mà nước ta đáng buồn như vậy. Có hai câu trả lời rõ như ban ngày: một là do khách quan, hai là do chủ quan.

"Thằng khách quan", tôi xin lỗi là phải dùng một từ như vậy, bởi vì trong tiếng Việt thì kẻ có tội rất to như thế phải bị gọi là *thằng*. Thằng khách quan nó có vô số hoá thân và đều được gọi tên rất rành mạch: lúc thì đó là thằng lịch sử, lúc thì đó là thằng bối cảnh, thằng hoàn cảnh, thằng tình hình chung, lúc thì đó là thằng ngoại xâm, thằng

thế lực thù địch, thằng thực dân đế quốc, thằng thiên tai địch hoạ. Nếu nghe như vậy thì người ta có cảm giác là: bao nhiêu thằng khách quan đểu cáng nhất đều hùa nhau vào ám dân tộc ta cả. Như vậy thì chẳng có lý do gì hy vọng và chẳng có một cuộc toạ đàm nào, một cuộc hội thảo nào cần thiết nữa. Và nếu ai tin vào lời tiên đoán của ông giáo sư Harvard là ông Huntington trong cuốn sách cách đây mấy năm rầm rộ, cuốn *Cuộc Chiến Văn Hóa*, rằng Việt Nam sẽ là địa bàn xung đột để chiến tranh thế giới lần thứ ba giữa Mỹ và Trung Quốc xảy ra, thì quả nhiên là chúng ta đáng tuyệt vọng hoàn toàn.

Về chủ quan, người Việt Nam không có truyền thống đem cả một dân tộc ra mà tự phê bình. Một trong những lý do vì sao như vậy cũng là ở chỗ, khi người ta đã suốt cả một số phận luôn luôn đội sổ thì lòng tự tin thực sự chẳng còn gì lớn lắm. Đấy là tôi muốn nói đến một lòng tự tin thực sự, chứ không phải cái thứ tự tin theo kiểu vừa đánh võ mồm vừa run trong lòng, hoặc là thứ tự tin lưu manh, cứ kích nhau lên để hòng vụ lợi cho mình. Rõ ràng là tự phê bình đòi hỏi một lòng tự tin lớn. Tôi cứ nhìn cái cách tự tra vấn mình, tự hành hạ, tự truy tội, tự xỉ vả mình của một dân tộc như dân tộc Đức này mà phải nhận ra rằng: phải là một dân tộc đã đạt được nhiều thành tựu đến mức nào mới dám làm cái việc cũng rất ư quí phái là tự phê bình mình như vậy. Vậy dân tộc Việt trọn gói thì không có lỗi gì đáng kể, nhưng một bộ phận, bộ phận đầu sỏ của nó thì bao giờ cũng luôn luôn là đầu mối của mọi tai họa. Bộ phận đó, như chúng ta thường xuyên được nghe nói, bao giờ cũng là chính quyền, là lực lượng thống trị. Lúc thì chính quyền Bắc thuộc, lúc thì là vua quan nhà Nguyễn chịu trách nhiệm, lúc thì chính quyền thực dân Pháp chịu trách nhiệm, lúc thì bè lũ Mỹ-ngụy. Và bây giờ, không có chính quyền nào khác hơn là chính quyền cộng sản, thì chính quyền cộng sản chịu trách nhiệm. Bảo đúng thì tất nhiên là đúng. Nhưng như vậy có kỳ cục lắm không? Chẳng lẽ trước năm 1945 nạn đói xảy ra là do phong kiến thực dân, còn bây giờ nạn đói xẩy ra là do cộng sản hay sao? Chẳng lẽ cái thói chạy chọt, vây cánh, cửa quan, cửa quyền, bợ đỡ... rất nổi tiếng từ thời cụ Ngô Tất Tố cũng tại cộng sản hay sao? Chẳng lẽ văn chương Việt Nam cả một thế kỷ 15 chỉ được một ông Nguyễn Trãi, cả một thế kỷ 16 hầu như cũng toàn nhạt nhẽo và trung bình cả thì cũng tại cộng sản hay sao? Một trong những nhà phê bình văn học sắc sảo nhất của Việt Nam ở hải ngoại, anh Nguyễn Hưng Quốc, hiện là giảng viên của trường Đại học Victoria tại Úc, cách đây 10 năm có viết một cuốn sách nhan đề *Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản*. Trong đó anh đi tìm câu giải thích cho tình trạng kém cỏi tẻ nhạt của văn học miền Bắc trong những vấn đề của

chế độ xã hội chủ nghĩa và hệ thống lý luận mác-xít. Điều đó tất nhiên có nhiều phần đúng, nhưng chưa đủ. Những năm sau này anh Nguyễn Hưng Quốc đi đến một nhận xét hết sức khổ tâm là văn học Việt Nam ở hải ngoại tồn tại ở các chế độ dân chủ, tự do, hoàn toàn không phải dính líu đến hệ lý luận mác-xít, hệ kiểm duyệt cộng sản, hoàn toàn không liên quan đến bộ máy tuyên truyền chính trị chính thống, nhưng cái văn học ấy cũng không khá gì hơn, cũng trì trệ, lạc hậu, bảo thủ và tẻ nhạt. Tất nhiên là tẻ nhạt theo một kiểu khác. Vậy lời đáp nằm ở đâu?

Việc phê phán cái xã hội nghèo đói, loạn tặc, nhiễu nhương, tạm bợ, không có phương hướng ở Việt Nam, tất nhiên có thể gắn với việc phê bình chính quyền lãnh đạo. Thế cái xã hội của người Việt ở ngoài nước, tại cộng đồng hải ngoại, không có mặt sự lãnh đạo của chính quyền cộng sản mà cũng đủ những phẩm tính tương tự thì chúng ta biết phê phán trên cơ sở nào? Rõ ràng có những vấn đề thuộc về văn hoá Việt Nam, những vấn đề nghiêm trọng, không thể qui vào một chính thể, tập đoàn hay đảng phái thống trị nào, nó là những hằng số xuyên suốt cả số phận dân tộc Việt Nam, bắt đầu thậm chí từ Lạc Long Quân, nếu như có ông ấy và bà Âu Cơ. Và nếu đã mở hồ sơ văn hoá Việt Nam ra mà xét thì có thể nói là ở ngay trang đầu chúng ta đã gặp một thành phần không thể không gặp, đó là trí thức Việt Nam.

Bản thân tôi không dám làm cái việc là điều tra số phận dân tộc bằng cách đi truy tìm phần dính líu của từng cá nhân người Việt, trí thức hay không trí thức thì cũng thế. Nói chung nhiệm vụ nhà văn của tôi không nằm ở chỗ đi qui trách nhiệm cho ai. Vả lại, trong rất nhiều tình huống thì câu hỏi ai có tội, ai có lỗi, là không thể giải đáp trọn vẹn được. Nhưng việc tất yếu mà một nhà văn phải làm ở thời nào cũng thế là quan sát, và nếu có thể thì khám phá những khía cạnh mà anh ta cho rằng còn mờ khuất của con người và cuộc đời. Nhưng không một nhà văn nào khi làm việc đó có thể ôm đồm cả thế gian mà quan sát và khám phá được. Bản thân tôi, do hoàn cảnh gia đình cũng như môi trường đào tạo, môi trường sống, môi trường sáng tác và làm việc, tôi không thể làm một việc gì khác hơn là quan sát và khám phá giới trí thức. Tôi không có thẩm quyền gì để có thể phát biểu, chẳng hạn về tư cách của người nông dân hay thợ thuyền Việt Nam. Tôi không có một hiểu biết gì đáng kể về những điều đó. Song trí thức Việt Nam là chủ đề của hầu hết các sáng tác của tôi. Vì vậy mà có một buổi nói chuyện như thế này. Tôi không nghĩ rằng mình có thể vạch ra được một đường hướng nào. Việc duy nhất mà tôi có thể thử làm là khắc hoạ diện mạo của trí thức Việt Nam. Bản thân việc này là một đề tài mà

một cá nhân không kham nổi. Hôm nay tôi thử trình bày về hai tư cách mà theo tôi là đáng để ý, đó là: "tư cách chính thống" và "tư cách học trò".

Bây giờ phải xin nói trước để chúng ta dễ đồng ý với nhau về khái niệm là: một định nghĩa hoàn hảo về trí thức rõ ràng không thể có được, ngay cả đối với hoàn cảnh còn tương đối dễ bao quát như hoàn cảnh Việt Nam. Chúng ta tạm quy ước với nhau là khi nói tới trí thức Việt Nam ở đây là nói tới những người mà do học thức, trình độ, môi trường sống, thói quen, hoặc thậm chí do ngẫu nhiên cũng được, mà hoạt động trí tuệ và tinh thần là thường trực, hoặc chủ yếu, hoặc đóng một vai trò đáng kể.

Bây giờ tôi xin nói về tư cách chính thống của trí thức Việt Nam.

Một người bạn vong niên của tôi ở Hà Nội, ông Nguyễn Kiến Giang, gần đây có đưa ra một khái niệm là "tính cách phò chính thống của trí thức Việt Nam". Tôi thì gọi đó là tư cách quan văn, theo cái mô hình trị nước là một ông vua có thể u mê, có thể anh minh, hai bên tả hữu là quan văn và quan võ. Tôi gọi tư cách chính thống của trí thức Việt Nam này là "tư cách quan văn".

Chúng ta hãy xem lại lịch sử. Nếu như bỏ qua cái thời kỳ mông muội, khi người săn bắn giỏi nhất, bắt cá khéo nhất, thắng nhiều cuộc vật nhất và có thể cũng có nhiều con nhất vì được nhiều đàn bà ái mộ nhất, một người như thế được đứng đầu một cộng đồng Việt, nếu bỏ qua thời kỳ đó thì chúng ta có ngay mười mấy thế kỷ toàn trị của giới có học. Khi đó là giới sĩ, một thời gian dài là giới tu sĩ, sau đó tuyệt đối là giới nho sĩ. Chế độ khoa cử với chức năng là một hệ thống đào tạo và tuyển chọn cán bộ và nhân viên nhà nước, đã tự động ghép học thức, tri thức và quyền lực thành một cặp bài trùng. Tri thức vừa là con đường dẫn đến quyền lực, vừa là cách thực hiện quyền lực. Không có gì để nghi ngờ nữa, giới sĩ phu Việt Nam trong lịch sử là giới cầm quyền, hay ít nhất cũng là giới thừa hành quyền lực. Nói theo từ hiện đại thì toàn bộ guồng máy nhà nước Việt Nam trong lịch sử nằm trong tay các trí thức nho giáo. Nhân đây cũng xin nói ngoài lề là cái tinh thần rất nổi tiếng và thường xuyên được ca ngợi rằng, người Việt hiếu học, cha mẹ muốn con hay chữ, yêu thầy, theo tôi một phần cũng rất đáng kể xuất phát từ tinh thần yêu địa vị và trọng quyền lực. Nếu chữ nghĩa không mở ra được một triển vọng thơm tho như vậy, một người đi học thi đỗ làm quan thì cả họ được nhờ, tôi tin rằng cái sự hiếu học kia chắc chắn là giảm đi đáng kể.

Song câu chuyện "phò chính thống", câu chuyện "quan văn" không chỉ dừng lại khi nho học thất thế. Công bằng mà nói thì ở một giai đoạn ngắn của lịch sử, tức là ở đầu thế kỷ 20 trong cả nước, và từ năm 1954 đến năm 1975 ở miền Nam, đã có một cơ hội để cặp bài trùng trí thức và quyền lực có thể tách nhau ra được, và quả thực cũng có tách nhau ra phần nào. Nhưng đấy là một khoá học tiếc thay rất ngắn, quá ngắn để trí thức Việt Nam vượt ra khỏi cái vòng kiềm toả và tự kiềm toả bằng quyền lực chính trị để trở thành một lực lượng độc lập như giới trí thức ở các xã hội dân chủ hiện đại. Chúng ta có thể coi những vận động cải cách xã hội và dân trí ở Việt Nam đầu thế kỷ 20 là độc lập với chính quyền nửa phong kiến nửa thực dân đương thời. Và quả nhiên có một tầng lớp trí thức văn nghệ sĩ tự do, tức là không ăn lương của nhà nước, không hưởng bổng lộc của chính quyền. không phải là các công chức, viên chức, cán bộ trong bộ máy cai trị, một tầng lớp như vậy quả nhiên là có xuất hiện, điều này cũng lặp lại ở miền Nam trong khoảng thời gian 1954 -1975. Thế nhưng lịch sử đã quyết định diễn ra theo chiều hướng là tự lặp lại. Bi kịch của một người như Phạm Quỳnh là bi kịch của một trí thức xuất thân hoàn toàn độc lập, có đủ mọi cơ hội và đủ uy tín để tồn tại như một tiếng nói, một uy tín tinh thần, một trọng lượng xã hội độc lập hẳn hoi, nhưng cuối cùng cũng không vượt qua nổi sự mê hoặc của quyền lực chính thống. Tất nhiên Phạm Quỳnh trở thành thượng thư Bộ Lại trong triều Nguyễn với một hy vọng là mượn những phương tiện chính trị mà hành cái đạo của mình. Thế nhưng, ông Tây học Phạm Quỳnh vậy là cũng hành động không khác gì ông Khổng Tử. Khổng Tử chẳng làm được điều gì khi còn đang tại chức. Khổng Tử chỉ có đánh xe đi bát phố, nghe nhạc và bình phẩm về đàn bà, về cái hoạ đàn bà thì đúng hơn, khi tại chức. Và Phạm Quỳnh cũng chẳng làm được gì cho cái đạo của mình trong suốt thời gian làm bộ trưởng như vậy, và Phạm Quỳnh có lẽ còn lâu mới là người trí thức Việt Nam cuối cùng vừa ghét quyền lực, vừa mong được phục vụ quyền lực như vậy.

Từ năm 1945 ở miền Bắc Việt Nam và từ năm 1975 ở toàn đất nước, có thể nói rằng câu chuyện của cặp bài trùng trí thức và quyền lực lại được kể tiếp với những tình tiết thực ra là giống hệt như trong lịch sử. Chỉ có pha thêm những màn gay cấn đặc trưng cho cái thời đại này mà thôi. Tôi cho rằng chỉ có những người rất ưa sơ đồ hóa các hiện thực mới kết luận rằng trong xã hội cộng sản hay xã hội chủ nghĩa không có chỗ cho trí thức. Không phải như vậy. Nó chỉ không có chỗ cho các trí thức bất đồng quan điểm, bất đồng tư duy mà thôi. Một xã hội của đồng chí tất nhiên không trải chiếu hoa cho những kẻ bất

đồng chí. Song điều đó không có gì là mới mẻ, không phải là đặc sản riêng của chuyên chính vô sản, mà của bất kỳ một nền chuyên chính nào. Một trí thức từng là đồng chí như Nguyễn Trãi khi thành bất đồng chí tất nhiên cũng phải chịu cái hoạ tru di tam tộc. Và một nhà văn tài hoa từng được coi là thần tượng của sự ngông nghênh, thách thức như Nguyễn Tuân thực ra cũng có thể so với Nguyễn Du: bất mãn thì có bất mãn, bất đồng thì có bất đồng, nhưng cả hai dù miễn cưỡng hay tự nguyện, cuối cùng cũng để cho chính quyền trọng dụng mình. Nguyễn Du đóng vai đại sứ đi công cán ở nước ngoài, một chức vụ thực sự là không thấp hèn gì. Nguyễn Tuân cũng vậy. Hồi sinh viên tôi thường tự hỏi: Tại sao lại như thế? Phải tay tôi thì không bao giờ chịu để mình ở cái thế há miệng mắc quai như vậy. Nhưng khi đó tôi còn chưa hiểu gì về cái thế phò chính thống, cái thế quan văn của trí thức Việt Nam, một cái thế quả nhiên là rất há miệng mắc quai.

Cuộc cách mạng vô sản ở Việt Nam thực ra là một cuộc cách mạng hoàn toàn do giới trí thức lãnh đạo, còn quần chúng cách mạng thì thời nào cũng vậy, là đám đông, và đám đông trong một nước nông nghiệp tất nhiên là nông dân. Cách mạng vô sản ở Việt Nam là một cuộc cách mạng do một nhóm trí thức lãnh đạo một đám đông nông dân tranh đấu cho quyền lợi của một giai cấp khác, đó là giai cấp công nhân. Nếu chúng ta nói như vậy thì việc các quyền lợi dẫm lên nhau, sự không đồng bộ của nhân sự và khả năng phản bội lẫn nhau của những bên tham gia đã được định trước.

Song ở đây tôi chỉ muốn nói về sự tham gia của trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam ở buổi ban đầu của cuộc cách mạng, rồi khi cách mạng quay ra ăn thịt những đứa con đẻ của mình, và bây giờ, khi rõ ràng là cách mạng đã về hưu. Mối tình giữa chủ nghĩa cộng sản và trí thức, nhất là trí thức cánh tả trên toàn thế giới, là một mối tình phức tạp, đẫm nước mắt và đẫm máu. Nhưng tôi dám nói rằng chính cái cuộc tình hết sức nồng nhiệt và lãng mạn với lực lượng trí thức và văn nghệ sĩ Việt Nam thuở ấy đã chắp cánh cho cách mạng, khiến cho nó không chỉ là một cuộc khởi nghĩa của nông dân, hay một cuộc bạo động của thợ thuyền.

Điều gì diễn ra khi cách mạng không chỉ còn là một ý tưởng và một lí tưởng, mà đã trở thành một hiện thực, một chế độ, một guồng máy khổng lồ? Tôi xin trích ra ở đây một vài dòng trong nhật ký của Trần Dần năm 1958, vào cái thời điểm mà người ngoài tưởng là cuộc nổi dậy trong văn giới Việt Nam, được biết đến dưới cái tên *Nhân văn Giai phẩm* còn rất là sôi sục. Ông ghi ngày 08-01-1958 như sau:

œTin chạy xì xầm xung quanh rất ghê gớm. Rằng báo Văn là một

cái rớt của Nhân Văn, rằng nhà xuất bản hội nhà văn bị lái, rằng Câu Lạc Bộ thành nơi hoạt động của bọn Nhân Văn. Tóm lại, bọn Nhân Văn ấy lọt vào tổ chức của Hội Nhà Văn, chúng ra tay chèo lái một cách 'tinh vi'... Sự thật ra, bọn Nhân Văn ấy, non năm nay họ đã theo một cái chính sách gì? Có thể tóm chính sách của họ là: sợ, cầu an, cố đi gần lãnh đạo, dao động, chán nản... Một ngón tay Nhân Văn cũng không có. Non năm nay họ đã nằm bẹp cả xuống, vắt tay lên trán, suy nghĩ như các nhà hiền triết cả rồi. Họ có còn cái khao khát chiến thắng của những người tiến bộ nữa đâu? Nói đúng ra, họ vẫn mong sự tiến bộ sẽ thắng. Song họ mong nó sẽ thắng bằng một cách ích kỷ, tức là bằng bàn tay thúc đẩy của kẻ khác hơn là bàn tay họ. Vậy đỡ nguy hiểm hơn... Giá lãnh đạo thuyết phục, họ sẽ có cơ giác ngộ, trở nên con nhà nết na nữa cũng nên. Đằng này lãnh đạo cứ cái chính sách ục, thụi vô lý mãi! Họ càng tủi thân và thất vọng... Tôi biết họ chỉ mong nhất một điều là: mong 'thánh đế hồi tâm'" .

Những dòng ấy được viết ra do một trong những người được coi là cứng cổ nhất trong *Nhân Văn Giai Phẩm* là Trần Dần. Tôi xin lưu ý những khái niệm như "cố đi gần lãnh đạo", "giá lãnh đạo thuyết phục", "mong thánh đế hồi tâm". Tôi cho rằng không cần phải nhiều lời nữa để mô tả cái tính cách phò chính thống này của văn nghệ sĩ trí thức Việt Nam. Nếu có một trí thức thực sự li khai với quyền lực, li khai với quyền lực không lấy gì làm đẹp đẽ lắm của chế độ cộng sản, thì phải có mười trí thức đang nằm chờ ngày "thánh đế hồi tâm" và sẽ có một trăm trí thức không làm gì khác hơn là để cho cái chính quyền ấy trọng dụng mình.

Mao Trạch Đông trong bài nói chuyện nổi tiếng ở Thiên An có tuyên bố thẳng thừng: "trí thức là cục phân", song người am hiểu hiện thực của chủ nghĩa xã hội phải nói rằng, trí thức cũng là cục vàng. Những cục vàng ấy là báu vật nằm trong tay những nhà cầm quyền. Ở một địa vị như vậy thì có lí do gì mà mong thay đổi! Người ta có thể gọi đó là cái hèn, cái nhu nhược, cái cầu an. Tôi gọi đó là cái nghiện. Nghiện chính thống. Nghiện suốt cả một lịch sử thì không dễ gì một vài ngày mà cai ngay được. Người nghiện thì ít khi trách cái sự nghiện của mình mà có chăng chỉ đổ tội cho cái làm mình nghiện. Chúng ta phải buộc lòng đi đến một kết luận: khi tự đồng nhất mình ở mức độ cao như vậy với giai cấp thống trị, bất kể là giai cấp nào, thì cái bộ phận ưu tú nhất của dân tộc Việt Nam là trí thức Việt Nam mặc nhiên phải đánh mất cái thôi thúc cải thiện, thay đổi và cải cách xã hội. Một ông trí thức nho giáo làm quan tất nhiên là không bao giờ nảy ra sáng kiến chống nạn mù chữ trong đám dân đen. Bởi lẽ ông ta chỉ hơn họ và

được làm quan nhờ có mấy trăm chữ ở trong bụng. Một ông nhà thơ phụ trách Ban văn hoá văn nghệ tất nhiên không khuyến khích những thứ thơ văn mới lạ, bởi lẽ nếu thiên hạ đi say mê thứ văn thơ mới lạ đó thì thơ ông ta ai đọc? Kinh nghiệm của chính bản thân tôi ở trong nước, với tư cách là một nhà văn hiện nay không được phép công bố tác phẩm ở trong nước, là: Chưa có một ông Đảng hay một ông công an nào có cơ hội đọc duyệt tác phẩm của tôi cả. Bởi vì trước khi các vị đó sờ được đến bản thảo của tôi thì các đồng nghiệp của tôi ngồi ở những vị trí rất nhiều quyền lực đã kiểm duyệt hộ chính quyền từ khuya rồi!

Bây giờ tôi xin nói đến tư cách học trò của trí thức Việt.

Thực ra dân tộc Việt không toàn phải tiếp xúc với những kẻ đến từ một nền văn minh cao và mạnh hơn hẳn. Láng giềng của nước Việt một thuở, như chúng ta đã biết, là Chiêm Thành, Ai Lao, Phù Nam, Khơme, Xiêm La, Chà Và, Nhật Bản... Đương nhiên người Việt cũng tiếp thu điều này, điều nọ trong quá trình giao lưu văn hoá với họ. Trong tiếng Việt ta có thể tìm thấy những dấu tích đó. Thế nhưng, chúng ta có thể lấy hẳn của người Chiêm Thành một giống lúa, lúa chiêm, mà chả buồn học hỏi gì nhiều ở văn hoá và ngôn ngữ của họ. Chúng ta lấy biết bao nhiêu điệu nhạc buồn của họ vào chính cái quan họ Bắc Ninh nổi tiếng của chúng ta, khiến cho cái làn điệu dân ca đó trở nên có thể nói là buồn nhất trong các làn điệu dân ca của miền Bắc nói chung, lúc đó miền Bắc là cái nôi văn hoá Việt và lúc đó Việt Nam chỉ dừng lại ở miền Bắc. Chúng ta lấy của họ như vậy mà chả buồn học hỏi điều gì ở họ, không buồn nghiên cứu gì về họ và thậm chí dường như chúng ta chôn phắt họ đi mà không tiếc nuối gì hết. Như vậy, ở cái thế của kẻ mạnh, hoặc ít nhất ở cái thế của kẻ bằng vai, thì người Việt chẳng buồn học ai cả, chẳng buồn ngưỡng mộ ai cả. Thế nhưng, khi ở cái thế của kẻ yếu, của kẻ bị chinh phục, bị khinh bỉ, bị nhục nhã, thì sự học của chúng ta mới vội vã bắt đầu. Tôi có viết trong một tác phẩm về việc hầu như chẳng người Việt nào buồn biết tiếng Nhật như sau: "... người Nhật chiếm nước này chưa đủ dài để người nước này thèm tiếng Nhật. Nỗi nhục chưa kịp ngả thành lòng yêu".

Cái sự học của trí thức chúng ta trong thế giằng xé giữa một bên là nỗi nhục, một bên là lòng yêu, là một sự học đầy mâu thuẫn, thậm chí có thể nói là bệnh hoạn, đầy những đau khổ mà bản thân tôi có thể chia sẻ nhiều phần. Ta hãy lấy ví dụ về việc học này qua cách sáng tạo chữ viết. Cả người Việt lẫn người Nhật vốn đều có tiếng nói riêng mà không có chữ viết riêng. Trung Hoa thì ngược lại, có chữ viết. Nhưng Trung Hoa không băng qua biển để đi sang Nhật mà mang chữ viết cho

người Nhật. Và nói chung thì Trung Hoa là một dân tộc lục địa, họ tin ở con ngựa hơn con thuyền. Cái từ mà chúng ta dùng để chỉ họ là người "Tầu" thật ra chẳng đúng tý nào, họ là dân tộc không liên quan đến tầu bè. Trung Hoa rõ ràng không băng qua biển để cưỡng bách người Nhật phải học sách Tầu và viết chữ Tầu, mà chính là người Nhật đã tự động ngồi lên thuyền, băng qua biển đến Trung Hoa, rồi khuân một ít văn hóa Trung Hoa, trong đó có chữ viết, về nhà họ để dùng tạm trong lúc còn thiếu thốn. Cái thái độ đi học của người Nhật như vậy là một thái độ chủ động, tích cực và có sự sòng phẳng của nó. Cần thì học, thích thì học, hoàn toàn tự nguyện. Và một khi người Nhật đã mất công lặn lội như vậy để khuân về nhà từng ấy bộ chữ Trung Quốc thì họ cũng dùng hết, không vứt đi đâu bộ nào. Tất nhiên, không phải ngày một ngày hai, nhưng sau trên dưới khoảng chục thế kỷ, sau nhiều thất bại thì người Nhật cũng dùng được bộ chữ Trung Quốc trong việc ghi lại tiếng Nhật. Chữ Nhật ra đời và trụ được cho đến ngày nay trên cơ sở bộ chữ Tầu giản tiện. Một người Nhật nếu biết tiếng Tầu thì rất quý, thế nhưng nếu không biết thì họ vẫn có khả năng dùng tốt chữ Nhật của họ. Họ đã thành công trong việc đi học ở bên ngoài và làm ra được cái mà họ chưa có. Họ là hạng học trò ngoại lệ.

Còn việc sáng tạo chữ viết của người Việt diễn ra như thế nào? Người Việt chẳng cần lặn lội sang Tầu đi học, mà chính là người Tầu mang một núi khí giới, một rừng người đến trước, rồi sau đó khuân một hòm sách sang sau. Dĩ nhiên là người Việt vừa học vừa chửi, giống hệt như vừa học vừa chửi Pháp, vừa học vừa chửi Liên Xô, và bây giờ vừa học vừa chửi Mỹ. Cái sự vừa học vừa chửi này biến thiên qua nhiều cấp độ và tuỳ vào diễn biến hay triển vọng trong mối quan hệ giữa thầy và trò. Ở trong dân gian, thái độ lưỡng phân này thường bùng nổ chỉ ở thời gian đầu, sau đó có thể nói là cái gì của ta sẵn có, cái gì mà nó bắt ta phải học, dần dần cũng đồng hoá vào nhau, ở cấp độ dân dã, đôi khi không phân biệt nổi xuất xứ nữa. Thí dụ như nói đến ông bụt chẳng hạn, nào ai còn rạch ròi mà bảo rằng đấy là một ngoại kiều Ấn Độ, mà tên thực ra phải là *buddha* cơ, nào có ai phải rạch ròi đến thế đâu. Nhưng trong giới trí thức thì cái thái độ lưỡng phân kia là cả một tấn bi hài kịch, trong đó có những pha đầy phi lý, những pha trái khoáy, những pha nực cười và tất nhiên là rất nhiều pha vô cùng vô duyên. Với giới trí thức Việt Nam thì chỗ này có sự rạch ròi của nó. Cái học thuyết của ông bụt không mang tên là *bụt giáo* mà mang tên là *Phật giáo*, bởi lẽ giữa chữ *bụt* và chữ *Phật* có một khoảng trống, và ngồi trong khoảng trống ấy chính là ông thầy Trung Hoa.

Việc người Việt luôn có những kẻ thù mạnh và giỏi hơn mình, và

kết quả là người Việt luôn phải tiếp thu nền văn minh của kẻ thù, việc ấy vừa là một bất hạnh vừa là một diễm phúc. Rõ ràng là trên đời chẳng có cái gì không có ít nhất hai mặt của nó, chỉ có điều, sức mạnh và tầm vóc của một nền văn hoá biểu hiện ra ở chính cái chỗ nó vận động như thế nào trong sự phức tạp đa chiều đó. Nó có đủ khả năng khống chế sự bất hạnh và khuyếch trương cái diễm phúc kia lên không, hay là ngược lại. Hay là nó chẳng có một chủ trương chiến lược nào cả, cứ tiện lúc nào sướng cái hay của Tây của Tầu thì khen lấy được, học lấy được, lúc nào cáu lên thì vứt hết, dẹp hết, quay về trâu ta ăn cỏ đồng ta. Và tôi ngờ rằng sự tuỳ tiện này chính là cách ứng xử của chúng ta. Người ta có thể cho sự tuỳ tiện này một cái tên quan trọng hơn, "sự linh hoạt" chẳng hạn. Nhưng tên có hay như thế nào cũng không thể kéo cái hiện thực dở đi theo được.

Kẻ bị buộc phải đi học trong tình thế lưỡng phân mà lại tùy tiện như vậy thì đến hệ quả gì? Một trong những hệ quả là: hắn không bao giờ học cho hết chữ của thầy. Mới học được nửa trang, mới đọc được nửa trang, học đến nửa quyển sách thì cái phanh của lòng yêu nước, lòng căm thù ngoại xâm - tất nhiên đấy là một tình cảm rất chính đáng- đã chặn đứng tất cả lại và hắn nhất quyết quay ra với khẩu hiệu "tự lực cánh sinh", hoặc phương châm "sáng tạo, ứng dụng vào hoàn cảnh Việt Nam". Nghiên cứu đối phương chẳng hạn, khi người ta có một kẻ thù thì nghiên cứu kẻ thù để chiến thắng nó là một động cơ đáng kể để học hỏi nền văn minh của kẻ thù. Chỉ có điều tôi có cảm giác rằng sự nghiên cứu của chúng ta chỉ dừng lại ở cái mức tin tức tình báo, đại loại như cái thông tin rằng quân Nguyên Mông không thạo đường thuỷ, hay đại quân hậu cần của giặc hiện đang tắc ở đoạn nào. Chắc là cái sự học và sự nghiên cứu của chúng ta nó dừng lại ở chỗ ấy, nó khác hẳn sự nghiên cứu của cả người Tầu, người Pháp, và người Mỹ về chúng ta. Có một thực tế là các học giả Việt Nam ngày nay muốn thực sự nghiên cứu về Việt Nam thì không thể không sang Trung Quốc, Pháp và Mỹ để ngồi đọc tài liệu Việt Nam mà những nước đó đem về giữ trong các thư viện và văn khố của họ. Tôi có một người bạn, hiện nay đang lang thang ở các trường đại học Mỹ để nghiên cứu về Phan Khôi. Một hành trình hết sức vòng vo. Vì sao? Để nghiên cứu về Phan Khôi, anh phải đọc báo Việt Nam của những năm 30. Những báo đó, chúng ta không giữ lại đầy đủ, chúng ta không giữ lại, theo đúng tinh thần của người Việt là thời nào biết chuyện của thời đó, thời nào khoanh lại thời đó, thế hệ nào khoanh lại thế hệ đó, không dính líu gì đến thế hệ sau nữa. Nhưng người Pháp thì khuân những báo đó về Pháp, không phải chỉ khuân một bản mà khuân nhiều bản. Cái bản

thừa, bản đúp, thì họ bán lại cho người Mỹ và bây giờ thì Bộ văn hoá Pháp cấp cho một nhà nghiên cứu Việt Nam một khoản tài trợ để nhà nghiên cứu Việt Nam sang Mỹ mua số báo Việt Nam đã được Pháp bán lại cho Mỹ, để nghiên cứu về một nhân vật Việt Nam đầu thế kỷ. Đối với giới sử học Việt Nam, các công trình của cơ quan nghiên cứu Pháp, Viễn Đông Bác Cổ, là một chỗ dựa không thể thay thế nổi. Rõ ràng là thực dân Pháp muốn chinh phục và bám trụ ở Đông Dương và điều đó không có gì để bàn cãi cả. Để làm điều ấy, họ cần hiểu biết về cái xứ sở mà họ muốn chiếm giữ, hiểu biết tường tận về văn hoá, một nền văn hoá xa lạ với họ, chứ không phải chỉ là thu thập những tin tức tình báo. Chắc chắn là hoạt động của Viễn Đông Bác Cổ được Bộ thuộc địa Pháp tài trợ. Các học giả và trí thức Pháp có thể đã là công cụ cho một mục đích không lấy gì làm đẹp đẽ lắm, song bản thân công việc nghiên cứu của họ diễn ra nghiêm túc và thấu đáo. Còn các học giả Việt Nam có thể là công cụ cho một mục đích chính đáng, song kết quả công việc của họ lại tạm bợ và nửa vời.

Xét về phương diện này thì người trí thức Việt Nam ngoại lệ nhất là Nguyễn Trường Tộ, và bản thân Tự Đức cũng là một bậc trí thức không đến nỗi ngu đần như trong sách sử chính thống mô tả. Song như chúng ta đã biết, chương trình canh tân được Nguyễn Trường Tộ đề nghị và rất nhiều điểm cũng được Tự Đức tán đồng không hề được đem ra thực hiện. Đa số giới cầm quyền đương thời cũng là các bậc học giả hiểu cao, biết rộng, họ có đủ lí do cần thiết để cản trở chương trình canh tân đó, mà cái lí do rằng Nguyễn Trường Tộ là người theo đạo Tây chỉ là một cái cớ.

Một mặt thì chưa học đến nơi đã sốt sắng sáng tạo, để rồi toàn đi đến những kết quả nửa vời như vậy. Mặt khác, khi chỉ còn một mình với cái đống sáng tạo dở dang không dùng được đó thì người trí thức Việt Nam mới lại thành một học trò ngoan, thậm chí rất ngoan. Ngoan tới mức thành một kẻ nô lệ, thành bảo hoàng hơn vua. Thậm chí Khổng Tử hơn cả Khổng Tử, ga-lăng hơn cả người Pháp, mác-xít hơn cả cha đẻ của mác-xít. Lúc bấy giờ cái người học trò thích sáng tạo ấy mới tự phong cho mình những danh hiệu, chẳng hạn là đại diện xứng đáng nhất của những trường phái gì gì đó, của những ông thầy gì gì đó... Khi Trung Hoa đã là Trung Hoa dân quốc, và trí thức Trung Hoa đã miệt mài ngồi dịch sách của những bậc như Rousseau, Montesquieu, thì trí thức Việt lúc đó vẫn còn chết chìm trong cái mớ "thi vân tử viết" của mình, và triều Nguyễn khi đó trưng ra những lễ nghi nho giáo còn chặt chẽ hơn cả triều đình Bắc Kinh một thuở. Ta có thể lấy chủ nghĩa lãng mạn trong văn học Việt Nam tiền chiến làm ví dụ cho việc nay.

Tất nhiên phong trào Thơ Mới và văn xuôi 1930-1945 là một bước tiến khổng lồ cho văn học Việt Nam, song thần tượng của nó, nguồn ảnh hưởng của nó từ văn học Pháp là những thứ đã diễn ra trước đó có khi cả vài thế kỷ. Cái mà ông thầy Pháp đã bỏ ra khỏi giáo trình của mình từ mấy đời thì anh học trò Việt vẫn còn nghiền ngẫm say sưa lắm, còn cái mà ông thầy ấy đang dạy ở trên lớp thì anh học trò ấy chỉ nghe có một nửa tai rồi bảo: "Cái đoạn này thì ta nên tự lực cánh sinh". Cho đến bây giờ cái tinh thần của lãng mạn tiền chiến vẫn chế ngự trong văn chương Việt Nam hiện đại. Nếu có ai phê bình thì các vị ấy vênh mặt lên bảo rằng: "Văn chương Pháp cũng thế, dám chê cả văn chương Pháp à!?" Song những điều đang diễn ra trong văn học Pháp hiện đại thì chẳng có ai buồn học, có bảo là phải học thì các vị ấy lại bảo: "Biết cả rồi, xoàng cả thôi, cũng chả hơn gì ta đâu, mình làm có khi còn hay hơn!" Như thế thì hỏi làm sao văn chương nghệ thuật nước ta không luôn luôn đi lạc một bước, ít nhất là một bước sau thế giới? Năm mươi năm nữa chẳng hạn, các học trò Việt lại đi mở những thứ sách của thế giới bây giờ ra, thế giới bây giờ, để học lấy học để. Đã học như thế thì lấy đâu ra thời gian để học chính những thứ đang cùng thời với mình? Hỏi làm sao cái học đó không phải là cái học viển vông?

Thí dụ rõ rệt cho cái lẫn lộn lung tung giữa chủ động nô lệ và chủ động sáng tạo ta có thể quan sát ở các trí thức Việt khi họ đi ra nước ngoài để học hỏi. Chẳng hạn, khi ra nước ngoài học về khoa học quản lí, là thứ mà chúng ta chưa bao giờ có. Rõ ràng trước khi một nước phương Tây quyết định đầu tư vào một chỗ nào đó ở Việt Nam thì họ đành phải làm cái việc không đừng được là đào tạo, cũng như muốn bán cho ta một cái máy bay thì họ phải làm cái việc là đào tạo hộ một anh phi công, đấy là chuyện họ không đừng được. Như vậy là trí thức Việt cấp cặp đi học khoa học quản lí hiện đại. Chữ thầy được mười thì học trò nghe được một, thôi thế thì cũng là may rồi. Nhưng cái mà tôi thường xuyên chứng kiến ở những người đó là họ sẵn sàng vứt tất cả một phần đó đi, mà bảo rằng: "Úi trời, cái kiểu quản lí này không thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam!" Cũng là có lí chứ không phải không có lí, tất nhiên là không ai đi bệ nguyên xi nước ngoài về mà dùng được, nhưng chuyện đó tôi không bàn. Tinh thần sáng tạo thì bao giờ cũng muôn năm cả. Thế nhưng cũng chính những người đó, khi trở về nước, đối mặt với những lề lối quản lí rất Việt Nam, nghĩa là rất cẩu thả, rất tạm bợ, rất mông muội, rất trung cổ, thì lại giương cái sở học của mình trong các chuyến đào tạo ở nước ngoài như vậy ra mà bảo rằng: "Tây nó làm như thế, Tây nó khác, Tây nó phải như thế... Không được thế này, không được thế kia..." Nhưng Tây nó làm như thế nào thì không

còn nhớ, thế là lại đi học nữa! Xã hội Việt Nam sinh ra một tầng lớp trí thức không làm điều gì khác hơn là suốt đời đi học như vay. Cứ đến lớp thì chê thầy, cứ về nhà thì lại nhớ thầy, xin cắp cặp theo học lại. Suốt đời đi học như vậy. Như thế thì hỏi làm sao được như người Nhật, tự làm ra chữ viết dùng được cho mình?

Chữ Nôm Việt Nam được làm ra, về xuất phát điểm thực ra không khác gì chữ Nhật, chỉ có điểm khác là nó không thành công. Muốn dùng chữ Nôm, người ta phải biết chữ Hán trước đã, rồi sau đó lại phải học thêm quy tắc cấu trúc cái chữ Hán, vốn đã rất phức tạp như vậy, vào với nhau như thế nào để nó ra cái gọi là chữ Nôm. Tôi lấy một ví dụ: muốn viết chữ "trời" chẳng hạn, muốn viết cái tiếng ta ấy ra mặt giấy thì phải viết thế nào? Người ta phải biết hai chữ Hán là chữ "thiên" và chữ "thượng", phải biết cách ghép hai chữ này vào nhau để thành một chữ "trời". Quả nhiên là một cái lô gích vô cùng kinh hoàng đối với hình dung của tôi, cứ làm như còn một cái "thiên" nào khác, ngoài cái "thượng" đó. Mà đã thế sao không dùng luôn tiếng Hán, chỉ có một chữ "thiên" là xong, tại sao lại hai lần tiếng Hán như thế, gộp vào nhau để ra chữ "trời"? Trong cái công trình sáng tạo chữ Nôm ấy, rõ ràng sáng tạo là gì? - Là ghép hai cái rập khuôn vào nhau! Tôi chưa bao giờ dám tự hào về cái chữ Nôm mà theo tôi, xin lỗi quý vị ở đây, là điển hình cho tinh thần khổ dâm. Phải học cái chữ của kẻ thù thì chỉ đơn giản là khổ, nhưng học cái chữ của mình bằng cách hai lần đi qua chữ của kẻ thù thì lại bỗng nhiên sướng? Như thế chẳng phải khổ dâm thì là cái gì? Song kết cục của công trình làm ra chữ viết của ta như thế nào lại là bất ngờ lớn cho chúng ta. Chữ quốc ngữ là tác phẩm của một số cha cố Dòng Tên. Cái may của chúng ta trong câu chuyện này là những người truyền giáo có mặt ở Việt Nam một thời gian dài, có ảnh hưởng quan trọng, là các vị Dòng Tên, nổi tiếng là những trí thức tu sĩ uyên bác, có năng khiếu ngoại ngữ và có một lòng khoan thứ nhất định đối với những tín ngưỡng khác, chứ không phải là các vị của Dòng Dominique như trong trường hợp của Trung Quốc chẳng hạn.

Những căn bệnh khác của "người học trò Việt Nam" trong tình thế lưỡng phân này chúng ta có thể kể ra: Học như vậy thì không thể không mặc cảm. Đương nhiên là phải thấy mình bé nhỏ, kém cỏi trước cái khổng lồ, phong phú và cái ưu thế của những thành tựu văn hoá khác. Tôi thực sự chưa hề được chứng kiến một trí thức hoặc văn nghệ sĩ Việt Nam nào có một lòng tự hào và tự tin đáng thuyết phục khi họ đi ra nước ngoài. Tất nhiên trong chuyện này có nhiều bên tham gia. Không thể có kẻ đại diện cho một văn hoá nhược tiểu nếu như không có kẻ đại diện cho một cường quốc văn hoá. Tất nhiên như vậy, nhưng

đấy không phải là đề tài của chúng ta hôm nay. Đã mặc cảm như vậy thì không thể không chán nản, mà ỳ ra và ăn sẵn. Dường như trí thức Việt Nam có thể rất yên tâm mà nghĩ rằng: "Không có chúng ta thì thế giới vẫn tiến bộ ầm ầm". Thế thì đợi người ta tiến bộ mà ăn nhờ có phải đỡ mất công hay không? Mà đằng nào, nếu mình làm thì có ra gì mà làm? Thế nhưng ăn sẵn cũng có rất nhiều cách ăn sẵn. Cái cách ăn sẵn của trí thức chúng ta cũng chẳng giống ai, còn chọn chán, còn chê chán, còn chặt miếng ra, miếng nào vừa mồm mình thì mới dùng, vừa khẩu vị mình, dễ cho cái bụng mình tiêu hoá. Tất nhiên điều đó cũng có cái hợp lí của nó, song vì sao không thử xem lại cái miệng mình có nhỏ quá hay không, khẩu vị của mình có cần thay đổi đi hay không, và bụng dạ mình có còn đủ tốt để tiêu hoá cái gì đó hay không?

Tóm lại, khi cái học của một tầng lớp có học của chúng ta như thế thì cái học ấy có hơn gì sự vô học của một đám đông hay không? Hỏi làm sao mà cái học ấy không giúp gì được ai?

PHẠM THỊ HOÀI



LÊ QUỐC ĐẠT
đọc phạm thị hoài - tham luận về trí thức và trách nhiệm với đất nước

A. Từ câu hỏi chung

Câu hỏi định hướng đến là: Người trí thức có trách nhiệm với đất nước không?

Câu hỏi đó còn tổng quát, nên có thể khai triển thành ra các câu hỏi sau:

1. Thế nào là trí thức? Trí thức Việt?

Ở nước ta, có một sự khác biệt rất lớn về thời gian. Nên có sự phân biệt chi tiết hơn:

a. Trong thời quân chủ: Nhà nho, kẻ sĩ, giới sĩ phu
b. Trong thời cận, hiện đại: Trí thức, chuyên viên
c. "Giao tình giữa văn chương và thời thế" ; " Nhà văn nói về

chính trị: Vấn đề trí thức Việt nam"

- Nhà văn và trí thức : Có phải ai cầm bút viêt văn, làm báo, cũng là trí thức không?
- Chính trị, thời thế và cai trị, cầm quyền: có khác nhau không?

Khi đánh giá, phán đoán, nên tôn trọng bối cảnh lịch sử và thời gian.

(Phải chăng trí thức là một thái độ - phẩm tính, tạo thành nhân cách?)

2. Nếu cho trí thức có trách nhiệm với xã hội, đất nước:

a. Tại sao lại có trách nhiệm? Trách nhiệm đó từ đâu tới? Ai cho? Có được xã hội công nhận không? xã hội chấp nhận đến đâu?

b. Trách nhiệm đó là gì? Tiêu chuẩn ra sao? mức độ đến đâu? do đâu qui định xếp đặt? Có thay đổi theo thời gian? không gian không?

c. Các giới khác (ngoài trí thức) có trách nhiệm không? Khác?

- Trách nhiệm như thế nào? đến đâu? Ra sao?
- Khác biệt và có liên hệ như thế nào với trách nhiệm của giới trí thức?

(Trách nhiệm và tự do: phải có tự do, mới thể hiện được trách nhiệm?)

3. Có thể trả lời là không cho câu hỏi chủ đề được không?

a. Trí thức không có trách nhiệm gì với tư cách là trí thức

b. Hay có trách nhiệm nhưng không có gì đặc biệt - ai cũng như nhau, trí thức hay không à với đất nước

c. Nếu không nhận trách nhiệm, hay không có trách nhiệm đặc biệt, có còn là trí thức không?

(Xã hội là tập hợp, vậy trách nhiệm là tập thể ? chung và như nhau giữa trí thức và các giới khác?

Trí thức chỉ thực hiện được sứ mạng của mình trong tập thể đồng thuận?)

4. Phê phán trí thức Việt:

a. Tiêu chuẩn:

- Tính chất: Thái độ hay hành động?
- Đối tượng tác động: Chính trị? Xã hội?

b. Nếu nói về tư cách của trí thức Việt: có phải họ chỉ đi với kẻ cầm quyền? Là học trò học nửa vời của nước ngoài không? Tại sao?

c. Những người trí thức Việt đã làm được gì?

- Trong quá khứ?

- Trong thời chúng ta?
- Thất bại? Thành công? Theo tiêu chuẩn nào? Ra sao? Đến đâu?
- Tại sao thành công hay thất bại?

(Có phải họ hành động như lịch sử ghi lại là vì họ là trí thức không? Hay chỉ vì là người yêu nước, có ý chí, can đảm có thaí độ?)

5. Các câu hỏi trên sẽ có thể mở rộng ra, đưa đến:

a. Sự phân biệt các tầng lớp trong xã hội. Phân biệt như thế nào cho hợp lý trong xã hội VN?

- trên căn bản học vấn/khả năng suy nghĩ, thái độ?

(trí thức/không trí thức)

- trên căn bản quyền lực? (kẻ cầm quyền/người bị trị)
- căn bản kinh tế ? (kẻ có ăn có mặc/kẻ khốn cùng)
- có cách phân biệt nào khác nữa không?

b. Tương quan giữa các tầng lớp trong xã hội, nhất là trong xã hội chúng ta, các lực lượng, tầng lớp xã hội, các bộ phận của nó tác động nhau ra sao? Tính chất các tác động ra sao? Tại sao?

c. Vai trò của con người với xã hội mình sống, đất nước mình sinh ra? thời đại của mình? muôn ngàn năm sau?

d. Trong xã hội chúng ta:

Có ăn, có mặc > có học, trí thức + cầm quyền = có cơ hội tác động vào thời sự, xã hội

Tại sao cái phương trình đó? Có đúng không?

ở các nước khác (nơi chúng ta đang sống) ra sao? Có khác biệt? Tại sao ?

6. Cuối cùng - nếu tin vào trách nhiệm của trí thức: tin là có sự tác động từ giới trí thức vào xã hội và thời đại? Vậy:

a. Trí thức tác động như thế nào vào xã hội? thời đại, đất nước?

b. Từ vị thế nào:

- Có cần thiết là phải ở trong vị thế cầm quyền không? (phải tham chính?)
- Có phải ở trong các tổ chức kết hợp không? (phải lập đảng, hội?)
- Có phải ở trong vị thế cầm bút không? (phải viết văn, làm báo, "toạ đàm"?)

c. Tri thức và quyền lực? Quyền lực tác động vào trí thức? Lợi và danh, chuyện tự nghìn xưa?

Trí thức bị tha hoá, mất gốc, vong thânà thế nào? ra sao? Vì đâu ???

(Liên hệ đặc biệt? Trí thức bị quyền lực thay đổi? Văn chương bị chính trị vây toả?)

7. Làm gì? Làm được không? Tương lai?

Những nhận xét cá nhân, chủ quan:

a. Trong tôn giáo, người ta rao giảng (những niềm tin, giáo điều) trong chính trị, người ta tuyên truyền (cho các chủ nghĩa, chính sách), trong thương mãi, người ta quảng cáo (cho mọi thứ có thể bán buôn có lời được). Người trí thức làm sao để không rơi vào những bẫy, các "mê hồn trận" đó?

b. Tại phương Tây, Bertrand Russell (1872-1970), J. P. Sartre (1905-1980), Noam Chomsky... là ai? Có thể học được gì ở họ?

(Ngày hôm nay, ở nước ta, có ai là trí thức? Khả năng thật sự ra sao?

Họ có thể đóng vai trò giáo dục đồng bào, chỉ đạo hay soi đường cho dân tộc được chưa?

Trước các vấn đề của đất nước, đâu là lời giải của họ? Giá trị?

Nếu được tham chính, cầm quyền, họ có đảm đương được không? Triển vọng ra sao?)

B. Đến những trả lời riêng

Từ vốn sống và vốn học riêng, mỗi người trong chúng ta sẽ đưa ra những lời đáp khác nhau. Trả lời được hay không, ít hay nhiều, các câu hỏi trên sẽ còn quay trở lại, đặt lại. Tìm kiếm lời đáp là một hành trình dài. Trong lúc này, vì suy nghĩ trước các câu hỏi chung, nên các lời đáp khác nhau sẽ soi sáng lẫn nhau. Đó là ý nghĩa của sự trao đổi. Làm giàu có chung cho tất cả chúng ta tham dự vào cuộc thảo luận này.

Khi tìm cách trả lời các câu hỏi trên, mỗi người sẽ có lời đáp riêng, sẽ đưa ra những phân tích cá nhân. Lời đáp đó của mỗi cá nhân cũng lại sẽ có thể thay đổi vì ở mỗi chúng ta, qua các chặng đời khác nhau, mỗi biến chuyển sống khác lạ... lại mở ra những kiến thức, kinh nghiệm giàu có hơn, dồi dào hơn. Dù kết luận có giống nhau, nhưng nếu đến từ những chủ đích khác nhau, sẽ hướng đến những hành động khác nhau.

Sau nữa, lời đáp chỉ là phần ngọn, cái gốc của nó là các dữ kiện biện minh, cách cấu kết lý luận mới là chủ yếu. Nếu chúng dựa trên

những dữ kiện sai lạc, không tề chỉnh, thiếu thông quán, giá trị hướng tới là hành động sẽ không có. Vì suy nghĩ để hành động. Vậy suy nghĩ không thấu đáo hết mọi lẽ, hành động sẽ nửa vời. Nếu nói không hết lẽ, làm sẽ không đến nơi đến chốn.

C. Nhưng trên cơ sở của suy tưởng, lý luận

Chúng ta nên trả lời ra sao đây? Các ý kiến, giải đáp thường dùng những dữ kiện từ lịch sử((1) để phân tích, hay dựa vào các dẫn chứng từ sinh hoạt văn hoá, xã hội((2) để suy diễn, phê phán. Nếu dữ kiện đưa ra không chính xác, không hiển nhiên(3); các phê phán, nhận xét sẽ sai lạc(4); Các dẫn chứng nên chính xác(5), các suy diễn nên hợp lý(6), nếu không, tư tưởng sẽ mơ hồ, khó hiểu(7). Như thế, ý kiến khó được chấp nhận.

Đằng sau các phê phán cũng thường là những cách nhìn, chỗ đứng. Khi chúng ta nói điều này tốt, việc kia ích lợi, sự kiện này hơn hay kém sự kiện kia? Tốt cho ai? Ích lợi theo thước đo nào? Hơn kém trên các giá trị nào? Các giá trị đó có được chấp nhận từ các phía đối ngược không?

Nếu cách nhìn không phổ thông, hướng nhìn thiếu hợp lý hay chỗ đứng để lập luận không vững chãi, và tất cả không thuần nhất. Sự phê phán thành thô thiển(8). Lý luận thành không mạch lạc(9), hàm hồ, đi đến ngụy biện (? fallacies). Điều muốn trao đổi sẽ kém sức thuyết phục.

Cuối cùng nên có thái độ của người cầu học, thành thật, không nên nói những gì mình tưởng là biết, hay chưa biết. Lý trí là chỗ dựa để quan sát thận trọng, và đừng phê phán khi chưa hiểu rõ ngọn ngành.

Kiến thức ít, suy tưởng yếu là chuyện thường, ai mà có cho đủ? Nhưng không bắt buộc phải phán đoán trong vội vàng, như thế chỉ đi sâu vào các ngõ ngách của lầm lạc.

Có phải nhiều tai họa và tội ác trên quê hương chúng ta đã khởi đi từ các ngõ ngách của vô minh không?

LÊ QUỐC ĐẠT
Toronto, 5/2001

1- "*Khi Trung Hoa đã là Trung Hoa Dân Quốc -trí thức Trung Hoa đã miệt*

mài ngồi dịch sách - lúc đó trí thức Việt Nam vẫn còn chết chìm trong cái mớ "thi vân tử viết" của mình và triều Nguyễn còn trưng ra những nghi lễ nho giáo còn khắt khe hơn triều đình Bắc Kinh một thuở" (Phạm Thị Hoài). Có sự lẫn lộn về thời gian ở đây:

- Triều Nguyễn ở Việt Nam bắt đầu từ Gia Long lên ngôi (1802) còn Trung Hoa Dân Quốc hơn trăm năm sau mới thành lập (1912)

- Trung Hoa dịch sách dân chủ Tây phương trước Trung Hoa Dân Quốc rất lâu. Khang Hữu Vi (Kang Yu-wei 1858-1927) và Lương Khải Siêu (Liang Chi Chao 1873-1929) làm cách mạng "cải tổ Peking" (1897) ở cuối đời Thanh, không đợi đến thời Dân quốc mới dịch sách! Vì dịch sách trước đó nên mới có Dân quốc, còn sau dân quốc có dịch (thêm! người khác?) chắc bên Việt Nam, các trí thức đã đọc Rousseau, Montesquieu bằng tiếng Pháp rồi!

2- "Khổng Tử "chỉ" có đánh xe". Thật thế không? Hay chúng ta chỉ còn biết được những chi tiết không toàn vẹn như vậy? Gần hai nghìn năm xưa, sách không nhiều, lại chẳng còn bao nhiêu tồn tại đến nay. Trong những gì còn giữ được, sự việc ghi chép rất vắn tắt, nhằm chuyển ý hơn là chép lời. Đọc sách xưa có chỗ khác với đọc sách nay. Vin vào chi tiết nhỏ, có tính tượng trưng đó, để phán đoán cả một sự nghiệp, dù có ý khôi hài, rồi đi đến phê phán cả một tầng lớp xã hội, e không khách quan, thiếu công bằng.

3- *Phạm Quỳnh: trí thức xuất thân hoàn toàn "độc lập?"* (PTHoài) Không phải ông làm báo bằng tiền của trùm mật thám Pháp Marty đấy sao? Phạm Quỳnh ra làm thượng thư để mà "hành cái đạo của mình (PTHoài)"? Tôi đọc sách chỉ nghe Phan Khôi gọi PQ là nhà học phiệt, còn Ngô Đức Kế gọi các điều PQ hô hào (về truyện Kiều chẳng hạn) là "tà thuyết" chứ không phải "học thuật", chưa biết PQ có "đạo" gì? Lớn đến đâu để đem ra "hành"?

4- So sánh Nguyễn Du và Nguyễn Tuân? Dù nhận ra Nguyễn Tuân *"ngông nghênh, thách thức"* (PTHoài) nhưng hai người khác nhau như kim cương và than đá! Một bên là Nguyễn Du. Một bên là chỉ là một nghệ sĩ tài hoa, nhưng nếu nói thêm Nguyễn Tuân lại phóng túng, khinh bạc, ít học, truy lạc, chắc cũng có người đồng ý. Nguyễn Tuân làm cán bộ văn hoá thừa hành, phục vụ cho hệ thống tuyên truyền của chính quyền đương thời, có lúc quỵ luỵ, có lúc vênh váo. E tự Nguyễn Tuân cũng không dám sánh mình với Nguyễn Du. Hay so sánh vì chung một chữ "hoài"? Vậy Nguyễn Tuân "hoài" cái gì? "Trung" với ai? Hơn nữa, Nguyễn Du "hoài Lê" vẫn là một nghi vấn văn học, một cách giải thích, chưa rõ chi tiết. (Hoài như thế nào? Hoài ai? Lê hay Trịnh? Tại sao?) Nguyễn Tuân là nhà trí thức?

- "*Cuộc chiến văn hoá - VN sẽ là địa bàn xung đột để chiến tranh thế giới lần thứ ba giữa Mỹ và Trung Quốc* (PTHoài)". Trong Samuel P. Huntington, *The clash of civilizations and the remaking of world order*, Simon & Shuster, New York, 1996 - tạm dịch là "Sự xung đột giữa các nền văn minh và sự xếp đặt lại trật

tự thế giới", tác giả cho rằng sau cuộc Chiến tranh Lạnh (cộng sản Nga, tư bản Mỹ), thế giới sẽ phân chia lại theo các khu vực văn minh (Tàu-Hán, Hồi giáo, Nhật, Chính thống giáo, ấn giáo, Âu Mỹ) có thể tranh chấp với nhau, trước khi đi đến việc chấp nhận lẫn nhau và một nền văn minh chung. Tác giả xếp Việt Nam cũng như Korea vào khối Hán (Sinic) nhưng không có chỗ nào nói đến "chiến tranh thế giới lần thứ ba", Việt Nam là một điểm nóng cũng như Cashmir hay Trung Đông, nhưng cũng không có chỗ nào tác giả nói đến "địa bàn xung đột"!

6- "*Học cái chữ của mình bằng cách hai lần đi qua chữ của kẻ thù*" Có phải vì chữ Trời viết bằng "thiên" và "thượng" nên thành hai lần không? Nhưng khi học chữ "trời" không tiên quyết phải biết các chữ kia, cứ học thẳng ngay vào chữ đó cũng được, phân tích đến sau. "Phải biết cách ghép.." Không, học trò không cần phải biết cách ghép, chữ đã có sẵn, không phải mỗi lần ai học lại phải ngồi ghép! Nếu đếm cửa (chữ Hán), chỉ có một, không hai! Ngay cả học chữ Hán cũng vậy, mỗi chữ thường ghép từ hai, có khi ba chữ khác có sẵn... Có vì vậy mà gọi là qua hai, ba cửa đâu?

7- Khách quan, chủ quan! Hỏi "việc vì ai? do ai?" mà nước ta đáng buồn như vậy, Có hai câu trả lời. Một là do khách quan" (lịch sử, thiên nhiên)" hai là do chủ quan" (dân tộc, con người, văn hoá Việt). Có lẽ tác giả muốn nói ở ngòai và ở trong đối với con người. Ngoài là khách mà trong là chủ! Có lẽ hiểu như thế không sâu sắc lắm với khoa suy luận logic. Hơn nữa, lịch sử có thể là khách quan, ngoài con người được không? Thiên nhiên, ngoại cảnh được ghi chép và thu nhận qua lăng kính con người và là môi trường sống, có thể coi là sự nối dài của con người. Vậy có là khách quan? Đâu là trong? ngoài? Vậy lời đáp chỉ có một: con người Việt, với xã hội, văn hoá, lịch sử và thiên nhiên của nó. Không có hai, không có trong, ngoài, chủ, khách! Khái niệm logic hiểu quá đơn giản. Khách quan (objective) và chủ quan (subjective) là thuộc tính (attribute) cho một nhận xét, một quan sát, một lời đáp, là màu sắc cho một cái khác, nó không là tự nó. Lý luận trên những ý niệm mơ hồ.

8- Chữ Nôm, so với chữ Nhật "*nó không thành công*" (PTHoài). Thế nào là chữ viết "thành công"? Tôi nghĩ tác giả muốn nói chữ Nôm vì khó học nên không phổ thông, không được dùng? Chữ Nhật giản dị hơn nên được dùng rông rãi, nên "thành công"?

Trước hết, muốn giỏi chữ Nhật, cũng phải biết nhiều chữ Hán (kun) vì chữ nhật Kanji dùng chữ Hán. Tiếng Nhật đa âm (polysyllabic), lại dùng tiếng đơn âm (Hán) để ghi, họ lúng túng vô cùng! Cho nên ngoài kanji, họ phải tạo ra chữ kana (gồm hiranaga và katanaka) Ngày nay khi viết, phải dùng cả ba hệ thống: kanji và hiranaga (viết) lẫn katanaka (in). Thực ra, họ cũng không hoàn toàn vui vẻ với chữ viết của họ đâu, có vận động bỏ lối viết theo chữ Tàu, chuyển sang lối viết khác dùng mẫu tự ghi âm, nhưng thói quen đã cản trở họ.

"*Người Nhật đã tự động băng qua biển đến THoa khuân một ít văn hoá Trung Hoa, trong đó có chữ viết về nhà.*" (PTHoài). Các sách Nhật viết về họ ghi

rằng vào khoảng 400 AD, các học giả Korea đem sách Tàu sang Nhật! Và từ đó người Nhật mới bắt đầu chính thức học chữ Hán! Họ học giỏi, tạo ra nhiều chữ mới, thí dụ "khoa học (kagaku)" hay "xã hội (shakai)" là tiếng Nhật! Truyền sang Korea, rồi sang Tàu, rồi về Việt Nam! Tác giả như chắc chắn chữ Nôm là công trình của giới trí thức, nên dựa vào đó để phê phán. Nhưng điều này cũng không rõ ràng, còn là nghi vấn. Chúng ta chỉ rõ có một điều là các nho sĩ dùng chữ Nôm, nhưng các công trình tạo lập (tạo ra chữ, sao chép, khắc in...) không hẳn là trong giới trí thức. Nếu có cũng chưa rõ phần nào? Bao nhiêu? Lúc nào?

Chúng ta có thể so sánh chữ Nôm với chữ Nhật được không? Một bên là công trình chết yểu, không toàn vẹn, còn dở dang (chỉ dùng trong sáng tác văn chương, không trong học thuật, khoa cử, triều đình, ngoài Nguyễn Huệ và Nguyễn Thiếp ngắn ngủi), một bên là công trình sống, phát triển cho đến ngày nay. Chữ viết chỉ là dụng cụ để ghi lại tiếng nói, tư tưởng. Trong khoa ngữ học, không có khái niệm chữ viết "thành công". Tạo ra chữ viết riêng cho mình, thường là do các yếu tố lịch sử và địa lý, và không là mức đo trí tuệ sáng tạo. Các nước Âu châu hiện dùng chữ cái Latin, cũng không hề tạo ra chữ viết của mình. Họ vay mượn từ các nước Cận đông (qua Greek, rồi Etruscan). Chữ viết truyền đi theo gót chân các đoàn lính viễn chinh, hay truyền giáo. Nước Korea, có chữ viết riêng với mẫu tự Hangul của mình, là do nhu cầu (dùng chữ Hán không xong) và vị trí địa lý của họ, ở một góc của Á châu, có Mãn Châu cách nước Tàuà Chắc không ai có thể nói là họ thông minh, sáng tạo "hơn" Nhật, hay Việt. Thái Lan mượn chữ viết của dân tộc bị họ đánh bại nhiều lần là Khmer .

Có chữ viết là dấu hiệu của phát triển tinh thần, đánh dấu sự tiến bộ về văn hoá. Con người đã có suy tưởng và kết hợp thành tổ chức xã hội đông dảo, trở nên có nhu cầu ghi chép và truyền thông. Chữ viết đánh dấu cái mốc quan trọng ấy. Chữ viết Việt, từ chữ cổ như người Mường (trước Bắc thuộc), đến chữ Hán (sau Bắc thuộc), rồi chữ quốc ngữ (cận đại), ba hệ thống khác biệt, do hoàn cảnh lịch sử mà ra đời, mất đi, hay tồn tại, nhưng ở thời nào, chúng ta cũng có chữ viết. Sau nữa, nội dung nó chuyên chở mới là quan trọng hơn. Chuyện chúng ta dùng chữ quốc ngữ hoàn toàn là do hoàn cảnh lịch sử, ngoài ý muốn của nhiều thế hệ trước. Các nhà truyền giáo Âu châu đã dùng chữ viết và theo vần của họ để ghi âm tiếng Việt trong việc giao tiếp và giảng đạo cho người bản xứ. Họ không hề có ý định tạo ra chữ viết cho chúng ta! (Và cũng chưa tạo đến mức hoàn thiện!) Cũng như nhiều người Việt sang đến nước ngoài, đi học tiếng Anh, ghi âm tiếng Anh bằng chữ Việt! Các nhà truyền giáo ở Việt cũng thường là các nhà truyền giáo ở Macao, Thiên Tân chạy về, và cũng có trong dòng Jesuit. Nếu giỏi thì chắc là các nhà truyền đạo bên Tàu giỏi hơn, như Matteo Ricci nghiên cứu tinh thâm Nho giáo, vào kinh đô Nanking, rồi Peking đối thoại với các trí thức, danh sĩ, nho gia Tàu. Theo Phạm Thị Hoài, các nhà truyền giáo bên ta (so với bên Tàu) "có lòng khoan thứ"(?) Khoan thứ chắc không phải là kính trọng (Nếu có lòng kính trọng các tôn giáo khác thì chắc là không đi truyền giáo!) Hay khoan dung và rộng lượng? Họ đứng ở đâu mà có thể có thái độ như vậy? Đã "khoan (dung)" lại "rộng rãi (thứ)". Tại Tàu (Wade-Giles romanization) và Nhật, họ cũng ghi âm tiếng địa phương theo Latin, vì Tàu và Nhật không mất nước như chúng ta, nên chữ đó không có cơ

hội được dùng.

Chữ quốc ngữ dễ học, dễ viết (cho người bình dân nghèo là đối tượng của Thiên chúa giáo lúc mới sang nước ta) tiện cho việc dịch chép kinh thánh, lời cầu nguyện, nên sớm phổ thông trong nhà thờ từ thời phân tranh đàng Trong, đàng Ngoài. Nhưng phải đến thời thuộc Pháp, vì nhu cầu cai trị (thúc đẩy dân chúng đọc thông cáo, yết thị và báo chí tuyên truyền của nhà nước thực dân - Gia Định Báo, Đông Dương, Nam Phong) và tham vọng về chính trị, văn hoá: cắt đứt chúng ta với truyền thống văn hoá dân tộc (chữ đó, lúc ấy chưa chuyên chở tình tự yêu nước, không mang quá khứ dân tộc) lại dễ in, tiện phổ biến nên được chính quyền thực dân đẩy vào giáo dục, cho thành phổ thông. Chỉ bắt đầu sang thế kỷ XX, từ Đông Kinh Nghĩa Thục, các nhà ái quốc Việt mới chính thức chấp nhận và hô hào việc học chữ quốc ngữ, bỏ chữ Hán, vì xem đó là lợi khí duy tân. Chữ quốc ngữ cũng còn nhiều điểm chưa toàn mỹ, nhiều chỗ có thể làm cho tốt đẹp hơn được. Trẻ nhỏ học đọc, đánh vần nhanh, nhưng "biết chữ mà chưa biết nghĩa". Đọc chữ "trời" mà chưa hẳn đã hiểu nghĩa, còn trong chữ Nôm, khi học được chữ "trời" cũng sẽ hiểu là gì!, hay "năm" nếu trong chữ Nôm, biết là số năm hay năm tháng (vì viết khác nhau). Chúng ta vẫn dùng các chữ Hán Việt (orthographic structure-pictoral) nhưng ghi âm Latin (linguistic structure-text). Lại dùng các dấu ghi âm (diacritic) theo Spanish và Portuguese, nên viết khó đọc, khó in, đánh vào máy... lại chưa thống nhất, hợp lý(i & y...)

9- Xem đoạn khai triển về "lý do chủ quan":

Theo dõi lý luận, khởi đi:

Chúng ta đội sổ, thua kém thiên hạ (a)

Chúng ta không tự tin (b)

(Vì) Chúng ta đội sổ, thua kém thiên hạ NÊN chúng ta không tự tin (c)

(a), (b) là nhận xét chủ quan, có thể chấp nhân, đồng ý, hay không đồng ý.

Trong kết luận (c), là suy diễn, đặt ra liên lạc (NÊN) giữa (a) và (b) không có cơ sở vững chắc vì giữa nghèo, lạc hậu và tự tin không có quan hệ tất yếu (có thể thua kém thiên hạ vì nghèo, lạc hậu, nhưng vẫn có thể tự tin)

Lý luận như vậy cũng giống như:

Tôi ăn bánh

Tôi đọc báo

(vì) Tôi ăn bánh nên tôi đọc báo (!)

Sau đó:

Chúng ta không tự phê bình (d)

Chúng ta (đội sổ, thua kém thiên hạ) không tự tin (c)

"Rõ ràng" là tự phê bình đòi hỏi một lòng tự tin lớn (e)

(d) là nhận xét tuy chủ quan, có thể chấp nhân, đồng ý ít nhiều

(c) chúng ta đội sổ, thua kém thiên hạ (NÊN) chúng ta không tự tin - câu này đã yếu từ trên.

Trong kết luận (c), liên hệ giữa tự tin và phê bình không được thiết lập vững chãi, vì cũng không có quan hệ tất yếu. Nên không rõ ràng dù tác giả có nói "rõ

ràng"!

Đi thêm một bước nữa, nhận xét về dân tộc Đức và phê bình thành thừa thãi, nhạt nhẽo.

Tương tự:

Tôi đi chơi

Tôi (ăn bánh nên tôi) đọc báo

Rõ ràng là đi chơi đòi hỏi phải (ăn bánh) đọc báo nhiều (!)

Ông Đức đi chơi, nhất định là ông ấy đã (ăn nhiều bánh và) đọc báo nhiều lắm!

Các lý luận mỗi bước càng yếu đi. Sự thuyết phục cũng càng giảm đi.

Lại thêm thí dụ, như đoạn cuối: Trí thức VN mặc cảm

Vì sao? - Vì "thấy mình bé nhỏ trước các thành tựu văn hoá khác".

Dĩ nhiên đây là một nhận xét riêng của một người, là tác giả, nên chỉ mới có tác động mời gọi sự chấp nhận, chưa có tác động thuyết phục. Nên phải thêm kinh nghiệm riêng lẻ của mình: "*Tôi thực sự chưa được chứng kiến một trí thức hay một văn sĩ Việt Nam nào có một lòng tự tin đáng thuyết phục khi họ đi ra nước ngoài.*" (PTHoài)

Giống như, có ai nói:

Chó không cắn chết người được đâu.

Không tin à? Tôi "thực sự" chưa thấy chó cắn chết ai bao giờ cả.

Người nói chắc rất tự tin, nhưng chưa hẳn có người nghe theo. Ai tin như thế, có ngày chết vì chó dại cắn!







ĐỖ MINH TUẤN
trí thức việt nam, "dương vật buồn thiu"

Người trí thức Việt Nam nói riêng và trí thức phương Đông nói chung xưa nay bị giễu cợt và sỉ nhục từ ba phía: Những người cầm quyền, như Mao Trạch Đông "coi trí thức là cục phân "; Nông dân ít học coi trí thức là kẻ ốm đói, dài lưng tốn vải chạy rông vô tích sự; Và, những người phụ nữ như Phạm Thị Hoài, thấy trí thức Việt Nam là một lũ người "dương vật buồn thiu" bất lực về sinh lý.

Trong ba lời nguyền rủa đó, lời nguyền rủa của Phạm Thị Hoài là độc địa sâu cay hơn cả. Cái cảm hứng chán chường bất mãn với "dương vật buồn thiu" của trí thức Việt Nam là hoàn toàn có cơ sở trong hiện thực cuộc sống hôm nay. Những nước văn minh người ta còn tìm cách tổ chức các Hội nghị Khoa học quốc tế, cử các nữ chiến sĩ *sexy-girl* ăn nằm với những nhà bác học được giải Nobel để lấy tinh trùng đưa vào ngân hàng tinh trùng quốc gia, ngõ hầu phát triển trí tuệ giống nòi bằng các kỹ thuật cấy ghép công phu. Vậy mà những người trí thức Việt Nam luôn ở tình trạng "dương vật buồn thiu", báo động đỏ về *sex*. Thiếu chất, thiếu ngủ, thiếu chỗ làm tình cho tử tế, bất an, căng thẳng

vì họp hành đấu đá, rồi đạo lý Khổng Mạnh lườm nguýt cấm đoán, biến con người thành đạo đức giả, dâm vặt, dâm bằng văn bằng thơ. Bao nhiêu đòn kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng giáng vào dương vật người trí thức, khiến cho nó "buồn thiu". Người ta có ảo tưởng đó là đạo đức, nhưng thực ra là những bộ óc quý giá nhất của người Việt cũng vì cái buồn thiu đó mà lụi tàn đi, không tiếp tục sản sinh duy trì nòi giống. Một cảnh báo về chất lượng sống của người trí thức, về sự tái sinh trí tuệ của giống nòi. Thật là những thông điệp đầy nhân văn và trách nhiệm!

Bài nói chuyện của Phạm Thị Hoài không nằm ngoài cảm hứng về "dương vật buồn thiu" đó. Như sẽ phân tích dưới đây, tư cách "phò chính thống" và tư cách "học trò" của trí thức Việt Nam chính là *profiles* của sự bất lực sinh lý kinh niên đã được PTH hình tượng hoá trong các tác phẩm văn xuôi.

Trí thức là kẻ sáng tạo ra các dược liệu kích dục hay các kỹ nghệ làm tình giúp nhân loại tăng chất lượng sống, nhưng chính hắn thì lại là kẻ yếu về sinh lý so với các đồng loại vô tư ít học của mình vì lao động trí óc và sinh hoạt không điều độ đã biến hắn thành kẻ thù của *sex*, mặt khác hắn lại bị ràng buộc bởi những nguyên tắc đạo đức, thẩm mỹ tôn giáo, sống không hồn nhiên, nhiều khi kìm nén, đạo đức giả, nên hay bị lệch nhịp giữa nhu cầu bản năng và các nhu cầu tinh thần khác. Nhiều khi do nhu câu thẩm mỹ chi phối, hắn dễ nhạy cảm văn hoá, ghê sợ những khuyết tật trong nhân cách đàn bà nên mất hứng làm tình. Thậm chí, đang dở cuộc mây mưa mà hắn tình cờ chạm tay vào huy hiệu Đoàn viên của người tình rơi trên giường, hắn cũng có thể... xỉu luôn. Văn hóa càng cao tình cảm càng bén nhạy, tình dục càng thiếu dẻo dai. Một anh Vọi chài lưới, một chàng da đen nô lệ làm các bà các cô thoả mãn bằng tỷ lần các nhà thơ, nhà văn, hoạ sỹ, nhạc sỹ, ca sĩ, kiến trúc sư, viện sỹ... cộng lại; vì sự vô cảm là vũ khí vĩ đại của đàn ông mà không một trí tuệ bằng cấp nào sánh nổi. Đó là cái căn nguyên tiềm tàng của thái độ khinh bỉ coi thường trí thức trong nữ giới trên phạm vi nhân loại. Riêng ở Việt Nam, đời sống kinh tế lạc hậu đội sổ đã làm trí thức suy dinh dưỡng trầm trọng, môi trường xã hội bất an làm trí thức nhạy cảm nhiều lo âu, nhiều *stress*, khiến trí thức luôn ở trong tình trạng "dương vật buồn thiu". Các trí thức "quan văn" có chức có quyền và các trí thức "học trò" suốt ngày đêm chúi mũi vào họp hành, học tập... giữ gìn tư cách và uy tín để mong kiếm thêm chiếc ghế, mảnh bằng thì tình trạng hững hờ bất lực về sinh lý còn thảm thê hơn gấp bội!

Từ ngày xưa, các cụ ta qua ca dao văn thơ đã hé lộ cái tâm thức

coi khinh năng lực sinh dục của trí thức quan văn, trí thức phò chính thống. Không phải ngẫu nhiên mà cụ Nguyễn Du để cho Kiều từ chối ái ân với Kim Trọng ở đoạn đoàn viên. Sau khi đã ăn nằm với người đàn ông bàng thống Từ Hải "*vai năm tấc rộng thân mười thước cao*", đã biết thế nào là dương vật bàng thống thì Kiều còn thích thú gì cái "dương vật buồn thiu" của ông quan văn Kim Trọng nữa! Cũng từ ngày xửa ngày xưa, các cụ ta đã chê trí thức, chê học trò là những kẻ:

Văn chương chữ nghĩa bề bề
Thần l.. ám ảnh cũng mê mẩn hồn

Nghĩa là loại người dâm tưởng, bị ám ảnh bởi biểu tượng âm hộ, thờ âm hộ là chính, chứ đâu có những khả năng đàn ông trần thế. Các cụ cũng khuyên con gái đừng lấy học trò

Ai ơi, đừng lấy học trò
Dài lưng, tốn vải , ăn no lại nằm

Ăn no, nằm dài, áo quần kín mít... toàn là những thứ phản *sex!* Bây giờ tình hình cũng chẳng khá hơn. Trí thức "phò chính thống" thì luôn có tâm lý sợ lãnh đạo, sợ vợ, thích yên ổn cơ quan và hạnh phúc gia đình, các cô nào máu mê ngoại tình thì coi như tuyệt vọng. Ngoại tình với loại người "quan văn" ham quyền chức thì vừa nơm nớp sợ vợ hắn đánh ghen, vừa lo hắn phủi tay rũ sạch trách nhiệm đổ hết lỗi cho mình khi bị lộ. Trí thức sinh viên thì phần lớn thanh niên con nhà nghèo ở quê lên, ăn không đủ chất, tâm lý sợ bị đuổi học, nên vừa chạm vào đã xỉu! Ăn nằm với hắn thì vừa nơm nớp sợ hắn xỉu bất chợt, lại vừa lo hắn nghèo chơi đại gái đứng đường giá rẻ, lây nhiễm HIV. Tóm lại, hai đối tượng này làm phụ nữ có cảm giác bất an, bất mãn khi làm tình, khi ngoại tình. Sự bất mãn, bất an tích tụ lại thăng hoa lên thành ẩn ức tâm lý, thành thái độ ghét quan văn, ghét chính thống, ghét học trò trong tâm thức người đàn bà Việt mà PTH đã thể hiện ra trong bài nói chuyện kia...

Nếu những phân tích này là đúng thì rõ ràng bài nói của PTH là nhất quán với dòng tư duy sáng tạo của nhà văn và là sự phát lộ ở dạng lý luận những ám ảnh về "dương vật buồn thiu", về sự bất lực sinh lý của của người đàn ông Việt. Đây không phải là một kinh nghiệm *sex* sâu thẳm của một nhà văn chủ yếu giao du với giới trí thức *salon* như một số môn đồ của Freud muốn khám phá hay bới móc. Đó là tiếng thở dài não nuột chua chát của người phụ nữ có lương tâm trước cảnh ngộ

bạc nhược vô sinh của các vị trí thức tinh hoa dân tộc, thể hiện một trách nhiệm trước tương lai của nòi giống Lạc Hồng!

Có thể trong lập luận, trong kiến thức bài nói còn chỗ này chỗ khác chưa ổn như nhiều người đã chỉ ra, nhưng việc đả phá, giễu cợt cái tư cách chính thống, tư cách học trò của trí thức Việt Nam là một đóng góp lớn có giá trị thực tiễn, đánh trúng huyệt của tình trạng "dương vật buồn thiu", tình trạng đói nghèo lạc hậu, đội sổ, bất an kinh niên, nhằm thức tỉnh những người trí thức và những người quản lý đất nước về một nguy cơ, một thách thức có tầm thời đại.

Phải nâng chất lượng sống và khả năng sinh lý của sinh viên và lãnh đạo lên nhiều bậc! Điều này đòi hỏi đầu tư nhiều trí tuệ và tiền của. Cần có công trình khoa học cấp quốc gia KX bao nhiêu đấy, với vài chục triệu *dollars* lấy từ ngân sách hay vay từ quỹ ODA, khảo cứu thực trạng sinh lý lãnh đạo và sinh viên, thử tinh trùng, phân loại và lưu trữ cấp tốc tinh trùng của những người có xu hướng bàng thống, lập ra Ủy ban Nhà nước Phục hưng Dương vật Trí thức, xây dựng các khoa chỉnh hình nâng cấp dương vật cho đủ độ lớn như dương vật công-nông-binh-trí thức bàng thống. Xây dựng chương trình truyền hình *sex* cho trí thức và sinh viên. Có chế độ ăn uống bồi dưỡng thích đáng cho lãnh đạo và sinh viên; nếu cần quy hoạch lại các cửa hàng Lẩu Dê, các cửa hàng bán cá ngựa, tắc kè, rượu bổ dương... không để nạn chảy máu chất kích dục như hiện nay, nhà nước tập trung quản lý các mặt hàng này phân phối cho sinh viên và lãnh đạo v.v...

Tóm lại, cần phải có một chiến lược quốc gia và một phối hợp quốc tế trong nhiệm vụ này theo khẩu hiệu "Tương lai Việt đặt trên dương vật Việt".

ĐỖ MINH TUẤN
1-6-2001





NGUYỄN
ĐỨC
TÙNG



vài ý kiến sơ khởi*

Trí Thức VN là vấn đề chưa bao giờ được thảo luận đến nơi đến chốn. Bài của Phạm Thị Hoài (PTH) xứng đáng là phát súng khởi đầu. Tôi chỉ sợ rằng nhiều người đọc chưa tự chuẩn bị cho mình đầy đủ để đọc bài viết này. Có thể tôi cũng ở trong số những người như thế, trong vấn đề Trí Thức VN. Tuy nhiên nếu chúng ta cứ cầu toàn thì bao giờ mới góp ý được với nhau?

Bài của Lê Quốc Đạt (LQĐ) có tính cách gợi mở và outline, vì vậy nó có một giá trị hoàn toàn khác. Theo tôi đây là những suy nghĩ rất sâu xa của một trí thức có cách tiếp cận khác với tác giả PTH. Nhưng vì vậy mà nó đẩy vấn đề đi qua một hướng hơi khác, có thể là hoàn toàn cần thiết, nhưng xem ra không trả lời trực tiếp được những vấn đề nêu ra trong bài PTH, và làm khác đi vẻ đẹp của bài viết ấy.

1- Trí thức/ Định nghĩa/ Các thuộc tính:

Người trí thức (intellectual) là người thường xuyên tham gia các hoạt động trí tuệ (intelligence) có tính xã hội. Họ và các hoạt động

của họ tạo ra một lực lương xã hội gọi là giới trí thức(intelligensia). Ở VN có những người TT đơn lẻ, nhưng chưa có giới trí thức. Người trí thức như vây có các thuộc tính sau đây:

- thường tham gia các lao động trí tuệ và tinh thần
- tự chọn cho mình trách nhiệm xã hội
- có kiến thức trong một lĩnh vực cụ thể
- có học thức (1 nhà trường/ hoặc 2 nhà trường và tự học hỏi/ hoặc 3 tự học là chính. Tôi rất sợ những người sau cùng này)
- có thể có hay không có bằng cấp
- thường tham gia ít nhiều trong các hoạt động sáng tạo, nhưng không bắt buộc
- thường có tính độc lập trong suy nghĩ và hoạt động tinh thần
- được kỳ vọng bởi xã hội, như là tiếng nói của trí tuệ và lương tâm của cộng đồng hay/và dân tộc mình.
- trí thức và văn nghệ sĩ : trí thức không đồng nhất với văn nghệ sĩ, mặc dù thường khi VNS là trí thức /hoặc tự cho mình là TT/ hoặc được người đời gọi lầm là TT. Cũng vậy với những người có bằng cấp/ có bằng cấp không nhất thiết là trí thức
- Tôi đồng ý với PTH là không thể nào có một định nghĩa hoàn hảo cho các khái niệm nhân văn.

Vả chăng, mỗi định nghĩa đều bao hàm một triết lý được dùng như một trường (field) để tiếp cận. Các quan điểm khác nhau sẽ nảy sinh những định nghĩa khác nhau. Tôi tự hỏi việc phân chia ra các câu hỏi chung và riêng như LQĐ đề nghị có nặng tính hình thức không? Vì bản thân tôi, khi suy luận về TTVN, không thấy phát sinh nhu cầu này.

2- Trí thức và trách nhiệm:

Trí thức là một khái niệm xã hội. Là trí thức, nghĩa là mặc nhiên có trách nhiệm xã hội, về tinh thần. Cũng như nghề thầy thuốc hay nghề thợ mộc. Thầy thuốc thì chữa bệnh, thợ mộc thì đóng bàn ghế. Dĩ nhiên, trong một hoàn cảnh cụ thể nào đó, cả về pháp luật lẫn đạo lý, người thầy thuốc có quyền từ chối chữa bệnh, và ngườI thợ mộc có quyền đình công.

Cũng vậy, khái niệm trí thức gắn chặt với khái niệm trách nhiệm xã hội (đây là thuộc tính căn bản thứ hai của TT). Và cũng tương tự như vậy, người TT trong một hoàn cảnh nào đó có thể từ chối một trách nhiệm cụ thể nào đó của mình (xưa nay xuất xử thường hai lối). Tuy nhiên điều này thường chỉ xảy ra trong một giai đoạn. Ngoài ra, ngay khi người TT từ chối (tham gia hoạt đông, viết bài, thuyết giảng, chính quyền), cũng có thể là cách họ bày tỏ thái độ của mình.

3- Về tư cách phò chính thống:

PTH nói như vậy thì không sai, nhưng nó làm chệch hướng suy nghĩ. Cũng như gọi ăn cắp là tham ô, không sai nhưng làm nhẹ tội người có tội. Ở trong nước hiện nay có cái lệ là một ông giám đốc tham nhũng, thì khi bị truy tố ra tòa, họ gọi ông ta là nguyên giám đốc, vì ông ta đã bị cách chức hành chánh trước khi ra tòa. Đây là trò láu cá về chữ nghĩa. Theo tôi nghĩ, trí thức nước ta phù thịnh thì đúng hơn.

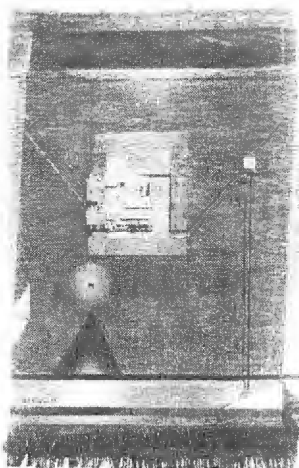
Phò chính thống là một khái niệm triết lý, phù thịnh thì không. Phù thịnh là vì sợ hãi và hám lợi. Phò chính thống là vì bảo thủ.

4.Về Phạm Quỳnh và Nguyễn Tuân như những case studies:

Nhân nói về trí thức và chính thống, PTH, LQĐ nhắc đến Phạm Quỳnh. Tôi nghĩ PTH công bằng hơn. Câu chuyện mật thám Pháp Marty (giả sử đúng), không làm thay đổi gì cái nhìn của tôi xưa nay đối với tư cách trí thức của PQ (có hay, có dở) như từ trước đến nay. Một nhà nghiên cứu Miền Nam gần đây cố sức thuyết phục người khác rằng một nhà văn nổi tiếng trước đây ở Sài gòn nhận tiền CIA để làm báo. Dù đúng hay sai, những người đứng đắn chẳng hơi đâu mà bận tâm đến chuyện này, vào lúc này. Cũng như thể bây giờ có ai bảo với chúng ta rằng Hà Sĩ Phu chỉ là con bài của chính quyền, vì ông ấy có nhận tiền trợ cấp của Hội nhà văn chẳng hạn, thì theo thiển nghĩ, chúng ta chẳng cần tin hay chẳng tin, vì như vậy là mắc bẫy bọn phương sĩ.

NGUYỄN ĐỨC TÙNG
Canada, 27/5 & 3/6/01

* *Chúng tôi biên soạn lại để phù hợp với bài đăng trên báo (HL)*





BÙI CHÁNH THỜI
biện minh cho người trí thức

Sinh hoạt trí thức về các vấn đề trước mắt của đất nước là một yêu cầu cấp bách, nhất là về những vấn đề có tính cách cơ cấu như vấn đề "trí thức Việt Nam". Mặc dù trí thức đã từng là đề tài chính luận trong nhiều thập niên qua, ở miền Nam trước 1975, và thỉnh thoảng ở ngoài nước, sau này, nhưng cũng không mấy khi có những cuộc tọa đàm và thảo luận có khả năng mở rộng với một đề tài đi thẳng vào vấn đề như đề tài "Tư cách chính thống của trí thức Việt Nam".

Tôi không được hân hạnh tham dự buổi nói chuyện của nhà văn Phạm Thị Hoài và chỉ được đọc bản ghi lại; bản ghi này thỉnh thoảng có đôi chỗ thiếu, sót; vì vậy những ý kiến đóng góp của tôi dưới đây cũng có thể có những chỗ không phản ánh từ ý kiến chân thật của diễn giả.

Vã lại, mặc dù trí thức Việt Nam nói chung là chủ đề của buổi nói chuyện, nhưng dường như những nhận xét về tư cách của người trí thức có phần dựa trên thực tế mà diễn giả đã trải qua ở miền Bắc, hơn là những kinh nghiệm ở miền Nam.

Dù sao, tôi là người sinh trưởng và sinh sống ở miền Nam, nên cũng không rõ lắm về tình hình trí thức ở miền Bắc; do đó, tôi chỉ xin nêu những nhận xét có tính cách chung chung về giới trí thức, mà không đi sâu vào các chi tiết về sinh hoạt trí thức trong nước hiện nay.

Tôi rất đồng ý với diễn giả rằng mọi vấn đề Việt Nam đều phức tạp, nhưng, trái với lời mở đầu khiêm tốn của diễn giả, bản chất phức tạp của tầng lớp trí thức đã được diễn giả giản đơn thành những hiện tượng của đời sống con người; cho nên cái phần "huyền hoặc" về người trí thức không còn ám ảnh chúng ta nữa, mà chỉ còn là những vấn đề thực tế bao quanh con người trí thức ấy.

Cái thực tế cốt yếu nhất đó là hơn hai ngàn năm có một dân tộc, một văn hóa, một lãnh thổ, mà ngày nay đất nước ta trở thành một đất nước lạc hậu nhất, và theo diễn giả, "*đến đời cháu chắt chúng ta vẫn đội sổ*". Ngoài ra, cũng theo diễn giả, "*ở Việt Nam cái bệnh không chữa được là bệnh bất an*". Chính vì cái bệnh "bất an" ấy khiến cho con người "*khó sống tạm cuộc đời của mình, sống tiếp cuộc đời của thế hệ trước, và sống trước cuộc đời của thế hệ sau*".

Diễn giả cũng nêu lên một câu hỏi thích đáng đó là trong cái số phận của dân tộc, người trí thức "tham dự như thế nào", "chịu trách nhiệm gì ?"

Có thật sự người trí thức phải chịu trách nhiệm chăng? Diễn giả không quyết đoán như vậy; nhưng cho rằng "*không thể quy vào chính thể nào*" mà "*rõ ràng´ là vấn đề văn hóa*", "thuộc về văn hóa" và nếu mở hồ sơ văn hóa thì phần phải gặp là "trí thức" Việt Nam. Tuy nhiên, "*nhà văn không làm cái việc đi tìm lỗi và tìm ai có lỗi*", *chỉ* "*quan sát và khám phá giới trí thức*", chỉ "*khắc chạm diện mạo trí thức*," mặc dù trí thức Việt Nam là chủ đề của hầu hết sáng tác của nhà văn nữ này. Phạm Thị Hoài nêu lên hai tư cách "chính thống" và "học trò" của giới trí thức Việt Nam: tư cách chính thống, tức là "tư cách phò chính thống" (theo Nguyễn Kiến Giang), tức là tư cách "quan văn" (Pham Thị Hoài). Nói một cách nôm na thì đó là tư cách "phò chính quyền". Tư cách này không thể tách rời "tư cách học trò". Cho nên khi nói đến sự "hiếu học" cũng có nghĩa là "hiếu" làm quan; và, mục tiêu tối hậu của sĩ phu Việt Nam là trở thành giới cầm quyền. Nhận định này của Phạm Thị Hoài không xa thực tế bao nhiêu.

Không có gì lạ khi Phạm Thị Hoài đánh giá rất thấp trí thức Việt Nam, cho trí thức là "*hèn, nhu nhược và cầu an*". Vì cái tinh thần nhu nhược và cầu an đó mà có mặc cảm "*thấy mình nhỏ bé trước những thành tựu văn hóa khác*"; trí thức ra nước ngoài không tự tin, "*chờ người ta tiến bộ rồi mình ăn sẵn.*"

Từ những nhận xét đáng buồn cho giới trí thức Việt Nam trên đây, Phạm Thị Hoài đi đến kết luận rằng: "*khi cái học của tầng lớp có học của chúng ta như thế, thì cái học ấy có hơn gì sự vô học của đám đông hay không*".

Nói theo cái ý được bộc lộ trong toàn bài nói chuyện của nhà văn Phạm Thị Hoài, thì trí thứcViệt Nam, chung tất cả, chẳng có thể được gọi là trí thức; quá hơn nữa, cũng chỉ là một lớp người vô học đó thôi.

*

Mặc dù trong phần trình bày, diễn giả Phạm Thị Hoài nói rằng nhà văn không làm cái việc đi tìm lỗi, hay tìm ai có lỗi. Nhưng qua cách "khắc chạm" của nhà văn, thì chúng ta không thể không đi đến nhận định rằng sự yếu kém của tầng lớp trí thức Việt Nam là nguyên nhân cuả sự suy bại của đất nước chúng ta hiện nay.

Trước hết, đa số người Việt chúng ta vẫn hay quen hiểu từ "trí thức" là để chỉ những người có học, dù học ít hay học nhiều, mà không quan tâm mấy đối với yếu tố hoạt động trí tuệ và tinh thần là chủ yếu. Thật ra, tính cách "trí thức" cũng có một khoảng cách với tính cách "học thức", dùng để chỉ bất cứ người nào có một trình độ học vấn (instruit, educated), thông thường là người có "bằng cấp", thậm chí còn gọi là "khoa bảng".

Ngay trong định nghĩa về trí thức mà Phạm Thị Hoài nêu ra trong bài nói chuyện, cũng chỉ có thể áp dụng cho một số người giới hạn. Yếu tố "hoạt động trí tuệ, tinh thần thường trực" không dễ gì tìm thấy trong tuyệt đại đa số những người "khoa bảng" xuất thân. Đó là thực tế của mọi xã hội, chứ không phải chỉ riêng lẻ cho trường hợp xã hội Việt Nam chúng ta.

Trong nền văn hóa xưa, người ta còn dùng chữ *kẻ sĩ* để chỉ người trí thức chân chính (và do đó thêm từ "*ngụy tri thức*", để chỉ những người có học vấn mà thiếu những đức tính cần có của kẻ sĩ). Kẻ sĩ có những đức tính được đề cao: khi không thể làm được điều tốt thì thà làm một người *xử sĩ* , sống *an bần lạc đạo* (thà chịu sống nghèo khổ, mà vui với đạo của kẻ sĩ, không làm điều trái với lương tâm); hoặc giả thà chịu chết chứ không chịu nhục (*sĩ khả lục, bất khả nhục).* Ngoài ra, người trí thức cũng là người biết *phò chính nghĩa chứ không phò chính thống.*

Thế cho nên nền giáo dục thời xưa chủ yếu, và trước hết là *trồng người* và quan niệm việc "trồng người" là kế trăm năm (*thụ nhân* = thập niên chi kế mạc như thụ mộc, bách niên chi kế mạc như thụ nhân).

Ngày nay, những điều nói trên chỉ còn là "vang bóng một thời". Đa số con người đi theo cử nghiệp ngày nay chỉ nhằm tìm kiếm con đường ngắn nhất để vào chính quyền, để "phò chính thống" như Phạm Thị Hoài nói. Tình hình đó không mấy khác với thời cận đại của chúng ta, tôi muốn nói đến thời Pháp thuộc; đa số sinh viên cao đẳng chỉ mong có mảnh bằng để được bổ đi làm tri huyện, đốc học, tham tá... và mấy cô gái thời ấy thường chỉ kén chồng trong số những người khoa bảng lớp mới đó (*phi cao đẳng bất thành phu phụ*) .

Thế nhưng, ở bất cứ xã hội nào, cũng có những con người trí thức (người Pháp dùng từ "intellect" chỉ khả năng trí tuệ của những người này) và chính khả năng trí tuệ ấy giúp cho con người tìm đến trạng thái *chân thiện mỹ* của sinh hoạt trí thức.

Trong bất cứ thời đại nào cũng có người (ta tạm gọi là) *chân* trí thức; và đồng thời cũng có vô số những kẻ *nguỵ* trí thức hiện diện ở đó. Chúng ta khó phân biệt được; nhưng không phải vì khó phân biệt mà chúng ta có thể bỏ rơi cái số người chân trí thức vốn ít ỏi kia. Ngay trong thời quân chủ chuyên chế ở nước ta cũng có những kẻ sĩ, như Chu Văn An, sau khi dâng thất trảm sớ để trừ lũ gian thần mà không được toại nguyện thì từ quan, trở về dạy học, chứ không chịu sắp hàng cùng lũ gian thần ấy. Trong thời kỳ pháp thuộc, những kẻ sĩ như Phan Đình Phùng, như Trần Quý Cáp, Phan Bội Châu chấp nhận cái chết khi mưu đồ phục quốc thất bại. Ngày nay, dưới chế độ cộng sản, ở Trung Quốc cũng như ở nước ta, đã có biết bao văn nghệ sĩ, biết bao nhà nghiên cứu đã bị trù dập dã man trong các phong trào phản kháng như phong trào Trăm hoa (Trung Quốc), Nhân văn (Việt Nam); gần đây hơn nữa là những người trí thức, văn nghệ sĩ đang đấu tranh quyết liệt để đòi dân chủ trong nước, số người này càng ngày càng gia tăng,

Và, trước mắt tôi, nhà văn Phạm Thị Hoài đã, ít nhất, là một biểu tượng của trí thức phản kháng.

Chúng ta không thể đòi hỏi ở người trí thức một loại "phong trào quần chúng". Nhưng hành động của họ có khả năng tác động vào quần chúng một cách mạnh mẽ. Tôi tự hỏi, nếu không có bài Bình Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi, liệu cuộc kháng chiến chống quân Minh có kết thúc trong mười năm không?

*

Tất nhiên, người ta có quyền đòi hỏi nhiều hơn từ người trí thức Việt Nam. Tuy nhiên con người thường hay bị hạn chế trong hoàn cảnh nào đó, nếu không có cơ hội hay những yếu tố khác góp vào thì khó mà vượt qua được cái hoàn cảnh ấy. Tôi không muốn nói rằng tình hình đáng buồn của tầng lớp gọi là trí thức Việt Nam mà Phạm Thị Hoài nêu lên là do ai, vì ai; hay là vì một trong những "thằng" khách quan mà diễn giả gợi ý; chẳng hạn như lịch sử, bối cảnh, ngoại xâm, v.v..

Thật ra, không cần phải đổ lỗi cho ai, cho cái gì; nhưng ít nhất cũng cần phải đặt vấn đề vào một khung cảnh xã hội nhất định để tiện phân tích và tìm ra giải đáp cho vấn đề.

Tôi cũng có cùng một nhận định như Phạm Thị Hoài rằng vấn đề trí thức Việt Nam là thuộc vào văn hóa. Trải qua nhiều thế kỷ trước thời pháp thuộc, người trí thức, cũng gọi là giới sĩ phu Việt Nam, trầm tư trong ý thức hệ nho giáo, nhất là thời nhà Nguyễn lại sùng thượng Tống nho, một hệ Nho giáo không có được tính chất tự do, phóng khoáng của hệ Minh nho, cho nên thiếu sáng kiến và ý kiến, không dám nghĩ điều gì khác hơn là "Tử viết..." Cũng vì cái ý thức hệ Tống nho ràng buộc, mà đất nước chúng ta đã bỏ mất cơ hội ***canh tân*** như Nhật Bản. Sự sai lầm lịch sử này đã đưa đất nước chúng ta vào vòng nô lệ cho người Pháp gần cả trăm năm.

Tất nhiên, trong thời gian Pháp thuộc, ngoại trừ một số sĩ phu nổi lên chống Pháp, như chúng ta đã biết, đa số còn lại chấp nhận thân phận con dân của một nước thuộc địa. Tâm lý nô lệ không thể làm cho con người vươn lên cao được và đồng thời cũng phát triển cái tâm lý cầu an, ích kỷ. Trong cái khung tâm lý và xã hội đó, những người có học vấn cũng chẳng làm được gì hơn là mong có cơ hội được một chút chức phận trong chính quyền thuộc địa để được "sớm vác ô đi, tối vác về". Văn hóa nô dịch đã dễ dàng biến con người thành nô dịch, số trí thức có tinh thần cách mạng, hay đi làm cách mạng thật hiếm hoi.

Văn hóa có tính cách di cữu, nói nôm na là dây dưa. Văn hóa hình thành theo tập quán và giáo dục, theo tâm lý xã hội, theo nếp sống của con người trong xã hội đó. Thật ra, thông thường thi chính trị chỉ là một bộ phận của văn hóa, Nhưng trong trường hợp của một chính thể chuyên chế hay thuộc địa thì chính trị trở thành một thứ "văn hóa", một nếp sống của xã hội. Bởi vậy, khi mà xã hội Việt Nam bước từ vùng bóng tối của một nền chính trị thuộc địa, sang nền chính trị vô sản chuyên chính, thì chính thể này đã hình thành một nền văn hóa mới, văn hóa Mác-xít.

Nhưng, như đã nói trên đây, văn hoá có tính cách di cửu, cho nên ngay trong nền văn hóa Mác-xít vừa hình thành, thì những dấu tích của nền văn hóa nô dịch, thuộc địa cũng hội nhập vào nền văn hóa mới. Nói một cách khác, nền văn hóa Việt Nam hiện nay là một hỗn hợp của nền văn hóa của các thời đại từ quân chủ chuyên chế đến thuộc địa và hiện nay là cộng sản (với xã hội chủ nghĩa kinh tế thị trường!), cách khoảng bởi hai cuộc chiến tranh; chiến tranh dành độc lập và chiến tranh Quốc-Cộng.

Khi Phạm Thị Hoài đặt câu hỏi rằng vì sao ở nhiều nước người ta cũng có lúc trải qua cơn nghèo đói và lạc hậu, nhưng chỉ một thời gian sau người ta đã có thể vươn lên, như nước Ý chẳng hạn; trong lúc đó thì đất nước ta vẫn cứ mãi mãi nghèo khổ và còn thêm bệnh "bất an" nữa.

Sự khắc khoải của nhà văn Phạm Thi Hoài là chính đáng. Tôi đã gặp nhiều người nước ngoài sau khi viếng thăm Việt Nam trở về cũng có những thắc mắc tương tự. Tuy nhiên, vốn có tinh thần duy lý, những người này nhận xét rằng, cơn bệnh của Việt Nam chính là nỗi lo âu không biết ngày mai ra sao, càng thêm lo khi họ biết mình không làm chủ được vận mệnh của mình. Người dân trở thành người ngoài cuộc, trong khi những cơn sóng tham nhũng, bất công cuốn hút lấy sự sống của họ.

Phạm Thị Hoài kịch liệt đả kích những người đi học ở nước ngoài ngày nay, chỉ học qua loa, chẳng tới đâu cả mà "*về thì nói phét*". Nếu có ai theo dõi tình hình du học của sinh viên Việt Nam hiện nay thì tất thấy rằng đa số các du học sinh ấy là " con ông cháu cha", hoặc con cháu của lớp "*tư bản đỏ*" trong nước. Con cháu của cái "giai cấp mới" này, chẳng khác gì con cháu nhà giàu thời Pháp thuộc, sang Tây du học; rốt cuộc hầu hết các cậu chỉ học được môn... "nhảy đầm".

Tất nhiên, nếu không thay đổi nền văn hóa nửa thuộc địa, nửa Mác-xít đó, và nếu không bắt đầu xây dựng nền văn hóa dân chủ để thay thế, thì tôi nghĩ rằng cái bệnh "bất an" cùng với sự nghèo đói và bất công xã hội sẽ khiến cho đất nước ta đi lùi về thời nô lệ. Người trí thức Việt Nam trong hoàn cảnh này, cần phải tách rời với cái tâm lý "phò chính thống" và bắt đầu làm người trí thức thật sự và độc lập để xây dựng một chế độ chính trị dân chủ, đồng thời với một nền văn hóa khai phóng, để đưa đất nước chóng thoát khỏi tình trạng lạc hậu và chậm tiến hiện nay.

BÙI CHÁNH THỜI
(Australia)





NGUYỄN VĂN TRUNG thư gửi phạm thị hoài

Mến gửi chị Hoài,

Thật tiếc tôi chưa được đọc các tác phẩm của chị để tự mình nhận diện khuôn mặt người trí thức, hay vấn đề trí thức Việt Nam, mà theo Ban biên tập Cánh Én, là đề tài tiềm ẩn trong các sáng tác của chị và bài nói chuyện của chị là một phát biểu trực tiếp, bằng "ngôn ngữ chính luận thông thường" quan niệm của chị về đề tài kể trên. Vì hiện nay, chỉ có thể dựa vào bài nói chuyện, nên tôi e ngại có thể không hiểu hết hay không hiểu đúng những gì chị muốn gửi gắm như một sứ điệp của nhà văn qua các sáng tác của mình, nên xin lỗi chị trước.

Nhà văn hay nhà thơ sử dụng ngôn ngữ gián tiếp, hình tượng ẩn dụ, tượng trưng khêu gợi những gì mình trực quan mà đôi khi chưa thể diễn tả thành lời và vì những cảm quan đó không còn thuộc lãnh vực cái phi lý, cái có lý, mà đụng tới cái bi đát. Phạm trù bi đát không xoá bỏ cái phi lý hay cái có lý, mà chỉ vượt qua chúng. Hoặc nhà văn nhà

thơ dừng lại ở lãnh vực thực tế, nhưng đưa ra lối nhìn khác lạ không theo những đường mòn mà người ta vẫn theo mỗi khi nói đến vấn đề gì, như thể là nhìn theo những đường mòn được coi như chân lý hiển nhiên - đã hẳn là thế rồi. Lối nhìn có khả năng mở đường vạch lối thường bị coi là chọc giận, xúc phạm, mang tính khuynh đảo, buộc người nghe phải nhìn lại, đặt lại vấn đề. Đó là vai trò của người sáng tác thơ, truyện...

Một nhà văn nữ người Pháp. Viviane Forrestier không chuyên về kinh tế, đã đem kinh tế thế giới của thời hiện nay vào tiểu thuyết. Đã hẳn người đọc không thể tìm thấy trong truyện những hiểu biết chính xác về kinh tế thị trường, thậm chí có thể nhận ra những thiếu xót về hiểu biết kinh tế của một người không chuyên môn, nhưng điều quí của cuốn truyện là ở chỗ đã đưa người đọc vào một lối nhìn mới về kinh tế, cho thấy những khó khăn bất ổn, bất công không phải do kinh tế mà do một chính sách về chính trị. Cuốn truyện được dịch ra 24 thứ tiếng, bán trên 1 triệu cuốn.

Trong bài nói chuyện, chị buộc người đọc phải có những cái nhìn khác về cái nghèo truyền kiếp của VN, gắn liền với khái niệm bất an, như một nguyên nhân giải thích số phận của một dân tộc, hay sự nghèo nàn, trì trệ, lạc hậu của một nền văn học ở miền Bắc mà người ta đã cho là do một chế độ chính trị gây ra. Thế thì một nền văn học khác ở hải ngoại, cũng nghèo nàn, trì trệ, lạc hậu, tẻ nhạt không thể đổ lỗi do chế độ chính trị ở trong nước, vậy tại sao? Do đó lối nhìn, giải thích phải hướng tới những nguyên nhân khác nhau không phải thuộc một chế độ chính trị.

Tại sao chị nói cái nghèo lạc hậu truyền kiếp của VN đã là như thế, nhưng lại chưa bao giờ có như ngày nay và nguyên nhân, theo chị, là do sự bất an, do tình trạng thiếu an toàn, yên tâm về tinh thần. Phải chăng chị muốn ám chỉ một chế độ chính trị gọi là xã hội chủ nghĩa thực tế (socialisme réel) đã tạo ra tình trạng bất an đó?

Tình trạng bất an tạo ra tâm trạng xao xuyến. Tâm lý học phân biệt sợ và xao xuyến (angosse). Lo sợ có đối tượng làm cho sợ: Sợ cái gì, sợ ai. Đối tượng gây sợ hãi ở trước mặt, có thể xác định được, nhận diện được, do đó có thể tìm hiểu, giải thích và tìm ra được biện pháp khắc phục lo sợ. Trái lại xao xuyến là một lo sợ không rõ đối tượng, nguyên nhân, nhất là không thể xác định được đối tượng gây xao xuyến là gì, từ đâu đến, đến lúc nào, nên không thể đề phòng. Ngay cả khi đối tượng gây ra xao xuyến đã xuất hiện, bắt chịu thử thách, thử thách đã vượt qua được rồi cũng không rút kinh nghiệm gì được để đề ra biện pháp đề phòng vì trong tương lai, nó vẫn có thể xuất hiện bất

cứ lúc nào. Con người trong hoàn cảnh sống đó luôn luôn cảm thấy bị đe doạ, đồng thời cũng cảm thấy bất lực, buộc phải sống trong một tâm trạng bất ổn thường xuyên vì cái gì cũng chỉ là tạm. Người buôn bán được cấp môn bài, tưởng rằng có thể an tâm buôn bán vì có đủ giấy tờ hợp pháp. Nhưng một ngày nào đó, có thể bị dẹp tiệm trong một đợt kiểm tra hành chánh. Người buôn bán cảm thấy bị lừa dối. Thực ra không phải lừa dối, vi buôn bán trong đạo lý của một chế độ xã hội bị coi là là xấu xa từ bản chất, cần xoá bỏ. Tuy nhiên vẫn cho phép buôn bán như là một biện pháp nhân nhượng tạm thời trong thời kỳ gọi là quá độ. Hiểu như vậy, môn bài không thể có nghĩa một bảo đảm buôn bán là chính đáng, mặc dầu không gian lận, lậu thuế.

Trong chế độ cái gì cũng tạm thời như một nhà thơ đã đúc kết thành vè đăng trên báo chí công khai.

Vè chữ Tạm

Nghe vẻ vè ve
Nghe vè chữ tạm
Lâu nay bị lạm
ở xứ nước ta
Chú Bảy anh Ba
Công nhân giáo chức
Lương tháng mấy đồng
Tạm chi tạm ứng
Chị Hai bán thúng
Cô Bốn bán chè
Lời được bao nhiêu
Tạm thu thuế buổi
Những ai chống đối
Phe cánh hổng cùng
Bày đặt anh hùng
Tạm thời nghỉ việc
Dân khi có việc
Lên xuống chục lần
Sốt ruột tiêu gan
Tạm chờ giải quyết
Bệnh viện xuống cấp
Trường học điêu tàn
Sữa chữa cà tàng
Cũng vì tạm rút
Kể không hết xiết

Thư hãy tạm dừng
Đổi mới thẳng thừng
Dẹp ngay chữ tạm

Lê Yên (Báo Sài Gòn Giải Phóng, ngày 22-02-1990)

Nhà thơ đã tránh né đụng đến những cái tạm khác, nhất là tạm tha. Tù chính trị thường không bị đưa ra toà, giam giữ rồi nếu được tha chỉ là tạm tha, do đó bất cứ lúc nào cũng có thể bị gọi trình diện và bắt lại.

Cuộc sống của mọi người bị đặt trong tình trạng bất ổn thường xuyên về mọi mặt, không phải chỉ người dân thường, mà cả cán bộ cấp lãnh đạo. Trong ý hướng về chủ nghĩa xã hội lý tưởng, cán bộ, đảng viên luôn phải cảnh giác, học tập, kiểm điểm, phê bình và tự phê bình, chỉnh huấn hết đợt này lại phát động đợt kế tiếp, hết vấn đề này đến vấn đề kia, để khỏi mất lập trường, rơi vào sa đoạ. Mặc dầu không ngừng phấn đấu, cố gắng vươn lên cũng không có gì đảm bảo chắc chắn được an tâm vì luôn luôn vẫn có thể bị nghi ngờ, trở thành đối tượng có "vấn đề phức tạp" mà không bao giờ xác định rõ rệt được.

Nhớ lại những lần đổi tiền, tôi không lo đủ tiền và được bà con lối xóm cho thêm tiền để đủ đổi, nhưng chắc chắn biện pháp đổi tiền đã gây lo âu cho nhiều người, kể cả những người thuộc tầng lớp buôn thúng bán mẹt ở miền Nam. Sáng sớm hôm sau ngày đổi tiền, tôi lên sân thượng nhìn xuống phố phường bày ra quang cảnh thật lặng lẽ vắng vẻ, tôi thực sự cảm phục quyết tâm hủy diệt ước muốn có, có của và có của riêng, không phải chỉ ở nơi tầng lớp gọi là tư sản, mà cả tầng lớp gọi là vô sản, và người thuộc tầng lớp này có thể ước muốn có, có của và có của riêng mãnh liệt hơn người gọi là tư sản., nhằm thực hiện tinh thần khó nghèo (1). Người thực hiện tinh thần khó nghèo đạt được thái độ thanh thản, an tâm vì có gì đâu mà sợ mất. Nhưng thực tế quyết định hủy diệt ước muốn có, có của, có của riêng của một chế độ chính trị, bề ngoài chỉ mang tính chất xã hội, kinh tế, thực ra bắt nguồn từ một ý hướng mang tính chất tôn giáo. Tuy nhiên chế độ chính trị lại không phải một tôn giáo. Trong tôn giáo, người từ chối ước muốn có của, ở mức độ cao hơn cả là lựa chọn lối sống khổ tu và quyết định lựa chọn của mình là do tự giác tự nguyện, dựa trên niềm tin đời này là tạm bợ và hướng về một Thiên Đàng ở đời sau. Còn trong chế độ chính trị mang tính chất tôn giáo ước muốn có của bị coi là bất chính và mọi người miễn cưỡng buộc phải từ bỏ mọi ước muốn có của chỉ dựa

vào hy vọng xa vời về một Thiên Đàng được thực hiện ngay ở trần thế.

Ai dám phủ nhận lý tưởng là không chính đáng, cao đẹp. Vị thế trí thức sống trong một chế độ như vậy không có con đường nào khác là nhân danh lý tưởng cao đẹp đó để phê phán những lệch lạc, sa đọa một cách công khai. Đó là bản chất thái độ hay chũ nghĩa gọi là xét lại. Còn nếu không muốn bị gán cho là xét lại, chỉ còn cách sáng tác thứ văn chương dân gian một cách vô danh. Sau khi có chính sách gọi là đổi mới, mở cửa, ngay cả đảng viên từ nay cũng được tự do kinh doanh làm giàu, ước muốn có, có của và có của riêng được coi là chính đáng và hơn nữa được khuyến khích. Sự kiện gọi là "bung ra" này vẫn còn đang tiếp diễn cho đến nay.

Xem các băng video do Việt kiều thực hiện về đới sống hiện nay ở các đô thị VN, đặc biệt Sàigon, Hà Nội, Hải Phòng, Nha Trang... phải hiểu thế nào về cái nghèo hiện nay sau khi có chính sách kể trên! Đó là vấn đề thuộc thẩm quyền các nhà kinh tế, chính trị học.

Tuy nhiên cái nghèo cũng còn được nhìn theo một khía cạnh khác, không phải kinh tế, chính trị. Đó là lối nhìn, tìm hiểu thái độ của con người đối với cái nghèo, từ thời xa xưa, cho đến bây giờ. Xin nhắc lại, giới thiệu bài nhan đề: "Sắp tới ngày thủ đô, tâm sự người Hà Nội" ký tên Quang Lợi, đăng trong Nhân Dân số 10.328, ngày 3-10-1982. Người viết tự nhận là người Hà Nội đã sống qua nhiều chế độ, gợi lại cảnh sống của người Hà Nội vào đầu thế kỷ XIX, dưới ngòi bút của Cao Bá Quát, là khu Đình Ngang gần Cửa Nam, người Hà Nội thời đó đối xử với nhau thế nào? Còn người Hà Nội ngày nay đối xử với nhau ra sao, rồi người viết nêu những câu hỏi: "Văng tục, bất nhã, vô lễ với người khác ở ngoài đường, trong rạp chiếu bóng, đâu có phải vì không có tiền đong gạo? Tháo ghế của công viên, bóc gạch lát hè, ăn cắp cửa chớp của các nhà vắng chủ, đó là câu chuyện của người có tiền làm nhà, đâu phải của những người lương thấp? Để nói với những người Hà Nội cho rằng, vì đời sống người Hà Nội hiện nay khó khăn nên mới tác động đến tư cách đạo đức của con người và do đó phải tìm nguyên nhân ở chỗ khác, không phải tại cái nghèo. Người viết kết luận: "Xin hỏi người Hà Nội. Tại sao. Xin hỏi mỗi tấm lòng người Hà Nội?"

Chị Hoài thân mến, chị đặt vấn đề cái nghèo, thiết tưởng cũng nên trả lời những câu hỏi của ông Quang Lợi nêu lên trong thời bao cấp.

Sau cùng, đề nghị nhìn vấn đề chị đặt ra trong viễn tượng thu

hẹp. Một vài ghi nhận kể trên về nỗi bất an cho thấy, đó là một khái niệm chủ chốt của triết học hiện sinh, đặc biệt theo Heidegger và Sartre. Triết học này có một số khái niệm khác, chẳng hạn khái niệm dự phóng (projet). Con người là một dự phóng hiểu theo nghĩa khả năng vượt quá khứ, hiện tại vươn tới tương lai. Chắc chị vẫn nhớ nhiều câu ca dao, văn học dân gian mới so sánh Hà Nội, Sàigon, Vacsovie... diễn tả tậm trạng bế tắc sống trong một thời gian biến đổi mà ngày hôm nay thua ngày hôm qua, nhưng chắc chắn hơn ngày mai. Dự phóng về tương lai trong xã hội chủ nghiã thực tế của con người bị cột chặt chân vào hiện tại không thoát khỏi được. Sự bất lực này đã tạo ra những thái độ bám víu vào hiện tại, như thể sống chỉ biết ngày hôm nay.

Một người đã gợi ý cho tôi về nếp sống hiện sinh ở miền Bắc là Tuân Nguyễn, đã qua đời. Anh kể cho tôi nghe một số nét thật đặc biệt của nếp sống đó, không thể tìm thấy ở miền Nam trước 1975. Trong thời gian quen biết, trò chuyện thân tình với Tuân Nguyễn và một số bạn khác từ miền Bắc vào, một vị lãnh đạo tư tưởng nghệ thuật ở Hà Nội đã đề nghị tôi viết về hiện sinh và nhấn mạnh rõ ràng cần viết theo quan điểm của tôi. Nhưng lúc đó, quãng 1980, tôi chỉ mới thấy việc đó đặt ra trên sách báo miền Nam, miền Bắc, đặc biệt liên quan đến văn học và phê bình văn học. Tôi đã viết một tập trên 200 trang và lấy một phần đăng trên tạp chí "Văn Học" ở Cali Hoa Kỳ. Lúc viết tập này, tôi chưa nhận ra hiện sinh là một nếp sống như một thể chế (institution) trong xã hội chủ nghĩa thực tế, mang tính cưỡng bách, áp đặt cho tất cả mọi người, không phải chỉ là một tự do lựa chọn của mình của một vài cá nhân như ở miền Nam trước 1975 và ở Âu Châu.

Chỉ mấy năm sau, tôi mới hiểu nếu Tuân Nguyễn đã cảm nhận được hiện sinh như một thể chế, thì những người khác cũng như mấy vị lãnh đạo văn hoá văn nghệ ở trung ương cũng đã cảm nhận như Tuân Nguyễn và đề nghị tôi viết lý luận về nếp sống đó trong thực tế, không phải chỉ trong sách vở. Hiện sinh như một thể chế, đó là một khám phá mới lạ thật lý thú, mà theo chỗ tôi biết, chưa hề thấy ai đề cập đến ở Tây phương, nơi vẫn tiếp tục tìm hiểu về Hiện tượng luận hiện sinh, đặc biệt được nhắc tới sau 20 năm ngày Sartre qua đời. Nếu bản thân tôi không sống trong chế độ xã hội chủ nghĩa thực tế, chắc chắn tôi đã không thể cảm nhận được thế nào là "hiện sinh như một thể chế". Do đó tôi cần phải viết thêm về vấn đề này để đáp lại yêu cầu của giới văn hoá nghệ thuật ở Hà Nội đặt ra cách đây trên 20 năm, nhất là nếp sống hiện sinh như một thể chế vẫn tiếp tục tác động vào xã hội VN, sau thời kỳ gọi đổi mới, bung ra...

Tôi rất muốn đọc thơ Tuân Nguyễn xem anh có nói gì về vấn đề mà anh đã gợi ý cho tôi không. Tôi cũng xin hỏi chị hoặc có ai đã ám chỉ nếp sống kể trên trong các sáng tác của mình?

*

Một cách cụ thể, đi vào đề tài chị nêu lên: tìm hiểu người trí thức trong hai tư cách: chính thống và học trò, tôi nghĩ những ai muốn đóng góp ý kiến, thiết tưởng nên trình bày một công trình nghiên cứu của mình, hay ít ra một "monographie" về một khía cạnh của vấn đề dựa vào tài liệu và chỉ phát biểu từ tài liệu mình có mà thôi. Như vậy việc trao đổi mới thực sự hữu ích trong đó mọi người góp phần của mình để đạt tới một cái nhìn sát thực, bao quát, tránh những tranh luận chỉ dựa vào cảm nghĩ chủ quan.

Trong tinh thần đó, vấn đề nêu lên có thể đặt như sau:

1. Các chế độ chính trị từ xưa đến nay ở VN đã sử dụng trí thức thế nào và thái độ của người trí thức đối với các chính sách của những chế độ đó ra sao?

2. Những nền văn hoá lớn nào đã du nhập vào VN và trí thức VN đã phản ứng như thế nào?

Vào thời kỳ những năm 80, tôi được yêu cầu phát biểu về chính sách nên có thế nào đối với trí thức cũ của miền Nam trước 75, và năm 1993, tôi cũng được ban Dân Vận đề nghị cho biết ý kiến cùng với một số vị khác về đường lối đổi mới và chính sách đối với trí thức trong nước, ngoài nước. Trước 1975, tôi đã có nhiều dịp nói về vấn đề này. Bây giờ nhìn lại, tôi tự hỏi có nên nêu vấn đề trí thức như một vấn đề riêng biệt, tìm hiểu trí thức là gì, vai trò của họ? Tôi thấy chỉ ở VN, ở Pháp hay nêu vấn đề theo kiểu đó. Hiện nay ở Pháp người ta vẫn tranh luận, ra nhiều sách. Người thì cho trí thức hết vai trò rồi, người nghĩ ngược lại. Tôi không hiểu ở Đức, Nga có kiểu tranh luận như vậy không, chứ ở Bắc Mỹ thì không.

Về đề tài thức nhất: Tư cách chính thống của trí thức hay các chế độ chính trị đã quan niệm và sử dụng trí thức ra sao, tôi đã có một công trình nghiên cứu chuyên sâu. Tôi dựa vào sự phân biệt của Gramsci Tổng bí thư đảng CS Ý, một thời vào những năm 70, được coi như một thứ Lenin lý thuyết gia của CS châu Âu. Gramsci phân biệt trí thức hữu cơ, do chế độ đào tạo ra và trí thức truyền thống, do các chế độ trước tạo ra và chế độ hiện tại tìm cách sử dụng lại bằng đường lối cải tạo. Tôi đã tìm hiểu chế độ thực dân Pháp sử dụng trí thức thế nào qua trường hợp Tạp chí Nam Phong và nhân vật tiêu biểu là Phạm Quỳnh

và Trương Vĩnh Ký, mà chị đã nhắc qua.

Thời VNCH (1955-1975) tôi sống trong đó nên hiểu cách người Mỹ cải tạo trí thức do Pháp đào tạo và cách họ đào tạo trí thức theo lối Mỹ, nhưng chưa có công trình nghiên cứu khoa học. Những người đã từng sống ở miền Bắc theo chế độ từ 1945, sẽ đóng góp bằng những công trình nghiên cứu cách chế độ quan niệm và sử dụng trí thức. Chỉ sau khi có những công trình như vậy, mới tạm rút ra được một số ghi nhận về đề tài này.

Về đề tài thứ hai, tôi đang theo đuổi một công trình nghiên cứu về các nền văn hoá Trung Hoa, Âu châu du nhập VN, trí thức VN đã phản ứng ra sao, qua đề tài tìm hiểu lý luận về dịch thuật. Đây là vấn đề lớn nhất hiện nay ở các nước phương Tây, bao quát không chỉ lãnh vực dịch từ tiếng này, văn hoá này sang tiếng khác, văn hoá khác, mà ngay trong khuôn khổ một tiếng, một văn hoá vì hiểu là dịch. Vấn đề tôi đặt ra là: Tại sao ở Đức, Martin Luther qua việc dịch Kinh Thánh ra tiếng Đức đã giải thoát nước Đức ra khỏi sự khống chế của tiếng La Tinh và ông đã trở thành một người khai phóng, xây dựng tiếng Đức, văn hoá Đức. Tại sao ở VN nhà Nho, nhà sư không thực hiện một giải thoát tương tự đưa VN ra khỏi sự kiềm chế của chữ Nho, văn hoá Trung Quốc, mở đầu một nền văn học qua việc dùng tiếng Việt, chữ Việt là chữ Nôm, Quốc ngữ? Nhưng có những nhà Nho, nhà sư theo đạo Chúa làm được việc đó. Trong bài gợi ý, chị cũng đã nêu lên vấn đề chữ Nôm, quốc ngữ. Tôi đã viết xong một tập gần 100 trang viết tay, tạm đủ để nêu vấn đề mà chị đã đặt ra, làm cơ sở thực tế cho việc trao đổi ý kiến.

NGUYỄN VĂN TRUNG
Montreal, cuối tháng 5-2001

---

(1) "Vài ý nghĩ về cái có" ký tên Hoàng Thảo Linh, tôi đã đăng tạp chí "Đứng Dậy" số 97, tháng 9-1977.





NGUYỄN VY KHANH
vấn đề người trí thức việt nam

Tôi hân hạnh được ghi tham gia nhóm thảo luận về bài của bà Phạm Thị Hoài nhưng tôi lại là người chưa có dịp lên tiếng. Hôm nay định tham gia thì sau khi xem hết email tranh luận lại thấy quí anh chị đã nói về nhiều khía cạnh khác nhau của vấn đề và khá đầy đủ rồi. Tôi đành ghi lại vài ý nghĩ riêng tư vậy, nếu có trùng hợp xin anh chị bỏ qua.

Về định nghĩa, tôi vẫn nghĩ gọi là người trí thức khi người đó ngoài phần bằng cấp hay chuyên môn bất kể cao thấp mà có ưu tư chuyện chung. Còn những người có bằng cấp mà chỉ lo làm việc chuyên môn hoặc chỉ nhắm «vinh thân phì gia» thì chỉ nên gọi là khoa bảng hay chuyên viên. Nghĩa là người trí thức hôm nay tuy thời đại nếp sống thay đổi vẫn có tâm hồn và chức năng của một «kẻ sĩ» của thời xưa! Nhà văn, giáo sư hay bác sĩ, kỹ sư, v.v... đều như nhau, đều có cùng bổn phận và trách nhiệm đối với xã hội, dân tộc! Người trí thức

có hiểu biết và có lương tâm «kẻ sĩ», là những con người thức thời (chứ không phải lợi dụng thời cơ), biết đem cái Biết (tri) vào cái Hành và cái Hành là áp dụng cái Biết hữu dụng cho đời (ngay đến *thất phu* còn phải *hữu trách*, huống gì là trí thức!). Họ có vai trò phán xét lịch sử và tính độc lập mà từ thời Aristote đã nói đến! Là lương tâm, lúc nào cũng thức tỉnh và là ngọn đèn chỉ đường dù đôi khi leo lét. Trí phải đưa tới Hành, phải ra tay! Hành có suy nghĩ chứ không phải làm cho có, để ... lương tâm được yên ổn! Tức cái biết mà tiền bối Phan Bội Châu có lần nói đến sau khi đã trải qua kinh nghiệm thất bại: «Khôn chết, dại chết, biết sống!» Làm gì và thế nào thì lại là một đề tài khác!

Thất bại hoặc bi quan, người ta sẽ nói đến Định Mệnh. Chúng tôi nghĩ số phận đất nước hôm nay có những nguyên do trong quá khứ xa gần, nhưng tôi không tin có một số phận đã được định sẵn cho người dân Việt Nam như hôm nay vì định mệnh hiện tại là do tất cả mọi người Việt Nam làm nên dù lỗi phải vẫn là do các nhà gọi là lãnh đạo. Cái hành cần thiết cho hiện tại sẽ làm đảo lộn lịch sử và tự tạo một định mệnh khác cho đất nước tốt đẹp hơn sẽ là một trả lời thiết yếu cho lý trí và diễu cợt lại số phận. Vì thiển nghĩ không có số phận bất động hoặc tĩnh. Hành, hành và chỉ có hành mới làm nên số phận. Vả lại lịch sử có lý luận của nó mà con người không chắc biết được. Lịch sử là động, sẽ thay đổi khi có sự ứng hợp của Hành đến từ con người trong cuộc. Hành sẽ không đi đến đâu nếu không khởi từ lý trí và ý chí muốn đem sự thật cho lịch sử, muốn lịch sử đi trọn vòng vận chuyển. Lịch sử đã là lò thí nghiệm, chế độ ở Việt Nam chỉ là số thành của một bài toán hoặc hợp chất hóa học nhất thời.

Thành ra thiển nghĩ đề tài về vai trò người trí thức là bàn về nh»ng người có cùng bổn phận và trách nhiệm chung mà không chu toàn, có vai trò mà không đóng trọn vẹn, hoặc tiếm danh «trí thức» - những con người trí thức quen thói làm nô lệ, quen bị chia để trị đã đưa đến những thói chụp mũ, hai lòng, đi đêm và óc lãnh tụ, tự tôn vương phong tướng, phe đảng, gia đình trị, vv . Trí thức kiểu này có nh»ng căn bệnh quen đổ thừa, đổ cho những «thằng khách quan» nói như bà Phạm Thị Hoài; bệnh vọng ngoại mong ở sức người, không Pháp thì Mỹ, Trung-quốc thay vì tự sức đánh giặc hay phục quốc, v.v. Thêm cái bệnh ích kỷ, khi có biến không thấy đâu, cha con trốn ở ngước ngoài hết, nhưng khi có ăn thì ... hồi hương gọi là để «hy sinh», thời hòa bình thì ăn trên ngồi trước, bố mẹ «trí thức» thì nuôi con cũng khoa bảng để tiếp tục hưởng, theo chủ thuyết Cộng-sản hay chống Cộng thì cứ theo cứ chống, nếu tôi lầm thì thế hệ sau trả hoặc sẽ tính sau !

Người trí thức khác người khoa bảng ở chổ nhập cuộc, nhưng lại

phải đương đầu với song niệm (dilemme) khó khăn : nếu sự nhập cuộc của họ thành công, họ phải tự kiềm chế để khỏi trở nên tàn ác như bản chất của quyền bính. Nhưng nếu họ thất bại hoặc kẻ họ theo phò tỏ ra ác vương hoặc tàn bạo, toàn trị, họ sẽ bị lịch sử phê phán nặng nề. Tuy nhiên người trí thức làm chính trị có trách nhiệm là người biết đảm đương sự thay đổi của con người qua trung gian quyền hành. Một khi tới gần quyền bính, họ phải đối đầu với lẽ sống còn của con người trí thức trong họ!

Phải chăng đời sống kỹ thuật, văn minh dẫn đến những đổ vỡ, về văn hóa và những giá trị nhân bản? Từ khi con người tìm ra công thức bom nguyên tử, từ những chế độ phát xít, ... nhân danh con người để tàn diệt đồng loại. Nhưng rồi chiến tranh lạnh có lúc cũng hết lý do và những chế độ cộng sản nhân danh những mục tiêu mỹ từ như chống phong kiến, thực dân, tư bản... hóa trang che giấu tham vọng, nay càng lộ rõ chỉ là cái vỏ che giấu một loại chế độ bè đảng, mafia. Sau những kinh nghiệm bạo động và chua cay của lịch sử ở những thập niên cuối thế kỷ XX, con người đặt nghi vấn người trí thức có còn chức năng gì trong cuộc đời, cho con người hôm nay ? Cuộc chiến tâm linh, siêu hình cũng ác ôn không thua gì cuộc chiến với bom đạn, đưa đến ảo tưởng trí thức về văn hóa là trung lập, là ngoại cuộc, vì con người trí thức không thể đứng ngoài, hắn còn phải tỉnh thức cơ mà, còn phải tránh những cạm bẫy của thỏa hiệp, đầu hàng. Nhưng cũng vì thế mà trí thức trở thành một hiện tượng văn hóa, hay quá độ thành «trí thức khủng bố» của những Lukács, Sartre, Aragon, Mao,... những kẻ quen «nhân danh». Tư tưởng duy nhất, một chiều, khủng bố, ... từng sống mạnh ở thế kỷ qua, người ta lôi kéo quá khứ và lịch sử lại, cắt mảnh nào coi được, đánh lừa được, rồi chắp nối, hiện đại hóa, rồi công bố cho bá tánh hình ảnh một anh hùng, trí thức hay tư tưởng lớn, theo hình ảnh Jésus, Phật...

Mặt khác, tôi nghĩ hoàn cảnh, thời đại sống rất quan trọng trong việc phê phán người trí thức. Chúng ta sống ở ngoài nước vì chúng ta dù thế nào cũng đã được chấp nhận sinh sống ở xứ người, chúng ta dễ phê phán người trong nước không cùng điều kiện sinh sống và hoạt động, nhưng nếu thử đặt trong cùng hoàn cảnh, chúng ta làm được gì hơn? Chúng ta phê phán người trước, nhưng nếu chúng ta sinh sống vào thời Tự-Đức, chúng ta hành xử được như Phan Thanh Giản hay Nguyễn Trường Tộ ? Như những vị Văn Thân? Hoặc nếu chúng ta sống thời 1946-54 theo toàn dân kháng chiến hay về thành thuộc Pháp? Hoặc thời Nhân Văn Giai Phẩm? Phải chăng Nguyễn Du, Nguyễn Tuân cũng «phò chính thống» ?

Trong nước đã có những tiếng nói trí thức đòi hỏi dân chủ, tự do hoặc thay đổi chính trị, v.v... Nhiều trí thức Trung Quốc đang có khuynh hướng tìm hiểu tại sao Âu Mỹ tiến bộ giàu có, họ tìm hiểu cả đạo Ki-Tô mà họ nghĩ là nền tảng cho văn minh đó, nhưng vẫn chưa dám cởi mở chính trị, xã hội là những điều kiện thiết yếu, thì «thức tỉnh» đó đi đến đâu? Tôi nghĩ trí thức VN vẫn đang bị bế tắc vì nhiều trở ngại hãy còn đó: hãi sợ, có cái tinh thần mà bà Phạm Thị Hoài gọi là «quan văn, phò chính thống». Ngay cả vị tối cao như ngài họ Nông vừa được bầu làm tổng bí thư đảng duy nhất trong nước, có người đã nhận xét là: *«Ông ấy cởi mở, thẳng thắn nhưng không phải can trường»* (Dow Jones Newswires 23-4-2001). Tôi nhắc đến vì báo chí nói nhiều rằng bây giờ VN được cai trị bởi... trí thức trẻ! Không hiểu bên trên ngài còn ai khác mà ngài vẫn có tư cách «phò chính thống» đó? Tôi thấy đấy vẫn là những người sẵn sàng lợi dụng tên tuổi đàn anh, đòng chí, người hùng... để đòi hỏi quyền lợi và hưởng thụ... xứng đáng! Chuyện bản lĩnh, tư cách chắc còn phải đợi!

Bài nói chuyện của bà Phạm Thị Hoài phê phán nặng nề người trí thức VN nhất là giới văn hóa mà bà biết rõ vì từng đụng chạm tiếp xúc. Từ Man Nương đến Marie Sến bà đã linh hoạt vẽ lại bức tranh vân cẩu của xã hội VN ngày nay. Tay bút sỗ sàng, tàn nhẫn và khinh bạc nhắm giới lãnh đạo và «trí thức» độc tôn, tự cao tự đại, duy trì một chế độ bao che, những con người mất «nết», mất cả cái gọi là «đạo đức cách mạng» do chính họ bày ra! Dù biện luận của bà đôi chỗ sai hay quá đáng, như khi nói đến chuyện Chiêm Thành, có ảnh hưởng đến dân tộc VN chứ - ngoài âm nhạc, điêu khắc, yếu tố mẫu hệ đã làm dịu bớt cái khắt khe của Nho giáo đối với phụ nữ VN (nghĩa là rất khác phụ nữ Tàu), nhưng bà đã nói đến một vấn đề hệ trọng. Bà nói đến tư cách quan văn đã bành trướng từ nhiều thế kỷ, từ khi cái Nho học đã trở thành Tóng Nho với những khuôn mẫu, mô hình cần thiết có, mà bày đặt để một giai cấp tự bao che bảo vệ nhau cũng có. Những cái tưởng là tuyệt vời, nhưng tôn thờ quá không suy nghĩ và cập nhật đã biến thành tự mãn, lỗi thời. Do đó mà khi thương thuyền Tây phương đến cửa cảng, thay vì mở mắt tìm kiếm giải pháp thì lại tự cao vô lối xem họ là "bạch quỉ", như đàn anh Trung-Hoa, cứ tự nhủ... chiến thắng tinh thần - kiểu AQ của Lỗ Tấn, rồi tiếp tục thi văn xướng họa! Ai khác thức thời thì bè cánh làm nản lòng, như triều đình Tự Đức đối xử với những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ, như quần thần của vua Đồng Khánh đã ly gián làm nản lòng Trương Vĩnh Ký... Đạo Chúa, chữ quốc ngữ, chữ Pháp,.. phải chăng là hiểm họa cho nhà Nho chỉ biết chữ Hán,

chữ Nôm, lại có nhiều vợ nếu muốn,.. Cứ đổ lỗi cho mấy «thằng khách quan» là tiện việc. Bà PTH nói đến tư cách học trò dù nặng lời nhưng đã nói lên được một sự thực mấy ai dám nhìn nhận. Ta quen làm học trò hết người Trung-Hoa đến Tây, Liên Xô, Mỹ... học rất giỏi (Truyện Kiều của Nguyễn Du hay hơn bản Thanh Tâm Tài Nhân gốc) nhưng giỏi từ chương hơn là sáng tạo (những Trần Đức Thảo, Trịnh Xuân Thuấn... là những ngoại lệ)!

Chúng ta thắc mắc vì đất nước có nguy cơ, tài nguyên, nhân tài thất thoát. Khi mà trong nước muốn đi học hay vào nhà thương phải trả tiền trước mà nếu không có thì phải thất học và cứ mang bệnh chờ chết ! Thay vì cứ cố tật đổ lỗi cho những «thằng khách quan», người tự nghĩ là trí thức nên nhìn thẳng vấn đề, thực tại. Người trí thức dù ở trong nước hay ở ngoài vẫn còn vai trò và trách nhiệm đối với tương lai tổ quốc, vẫn còn ở cái thế phải Hành động. Người trí thức dù muốn dù không, dù già dù trẻ, luôn là chứng nhân của chính trị và lịch sử. Để thực sự là chứng nhân, người trí thức phải kiên nhẫn và bền chí. Văn Thiên Tường thời Thành Cát Tư Hãn xâm lăng Trung quốc đã dám đương đầu dầu chỉ với một đám tân binh vừa tập luyện. Có người can ngăn việc châu chấu đá voi đó, ông đã khẳng khái đáp: «Tôi biết mình tài hèn sức mọn không đủ sức chống chọi với quân Nguyên, nhưng tôi xả thân vì nước để các bậc trung thần nghĩa sĩ theo đà đó mà liều thân cứu nhà Tống»!

NGUYỄN VY-KHANH
14-5-01





PHÙ VÂN cái lỗ hổng cả đời không lấp nổi...

Hồi những năm 1970-75, Hà Nội khét lẹt những "án văn" *Cây Táo Ông Lành, Vòng Trắng...* Ông trùm văn nghệ Tố Hữu đã phải kêu lên: "*Tà khí đang bốc lên ...*", nhà thơ chính thống Chế Lan Viên đã phải đẻ ra một từ mới "*bọn bàng thống*" để chỉ những cây bút "*chân đất*" đang khởi màu phản kháng, và nhà thơ Dương Tường - người mười năm sau dìu dắt Phạm Thị Hoài vào giới cầm bút Hà Nội, người đã được PTH đề tặng trang trọng trang đầu cuốn "*Marie Sến*" - khi được hỏi về "*đặc điểm của thời đại chúng ta*", ông Dương Tường đã buông một tiếng thở dài: "*L'angoisse*" – sự lo âu. Vâng, những năm đó bầu trời Hà Nội lúc nào cũng ong ong một màu tai ương, mỗi sáng anh em cầm bút thường hỏi nhau, hôm nay, báo *Văn Nghệ* làm thịt thằng nào đây, danh sách '*cấm bút*' có thêm thằng nào. Tâm trạng bất an thường trực trong những cây bút "*bàng thống*" khiến chẳng còn lòng dạ đâu nghe một bản giao hưởng, coi một tranh tĩnh vật. Tháng Tư năm 1975, nếu không có sự kiện ngày 30, cái tâm trạng bất an đó còn

trĩu nặng biết chừng nào, bởi lẽ, mừng rỡ về 'đại thắng mùa Xuân", Đảng đã "tha" hết, bỏ qua những bắt bẻ, những suy diễn, giảm thiểu đi rất nhiều cái tâm lý bất an thường trực kia.

Khoảng gần mười năm sau, vào đêm trước của thời đổi mới, bà Phạm Thị Hoài được vào "trường văn, trận bút" bằng các truyện ngắn, bằng những quan niệm sáng tác "*bàng thống*" trong đó có cả cái quan niệm "*bất an*" kia nữa.

Và lại cũng hơn mười năm sau, đọc bài "*Tư cách chính thống của người cầm bút*" mà tờ *Cánh Én* đang mời gọi hội thảo đây, sau khi kiên nhẫn đi hết những vòng vo, hẻm hóc, ngóc ngách của ngôn từ tôi mới vỡ lẽ ra bà Phạm Thị Hoài dẫn tới một "phát hiện: "*Thế kỷ 21 này xã hội Việt Nam còn là chỗ hội tụ của những dịch bệnh nhường như vô phương cứu chữa khác mà bao trùm lên tất cả là một khái niệm. Đối với tôi, tôi đặt tên khái niệm đó là sự bất an.* "

Tôi chưa muốn nói tới "bản quyền" của ông Dương Tường về khái niệm mà bà PTH tự nhận đã đặt tên cho nó, tôi cũng chẳng muốn nhiễu sự trích ra bằng nghịch lý văn hào André Gide đã trình bày trong diễn văn "*Bàn Về Các Ảnh Hưởng*" đọc trong buổi lễ nhận giải Nobel: "*Kỳ lạ thay, chính trong những thời đại kiềm tỏa và câu thúc, đầu óc con người lại đạt tới hiệu năng cao nhất...*", tôi chỉ muốn nói rằng suốt thời 1983-93 khi PTH nhập cuộc làng văn Hà Nội, xã hội đã phần nào giải tỏa khá nhiều ứng suất để bà khó bề trải nghiệm cái kinh nghiệm bất an đó, và chính từ sự kiện này, tôi bổ sung bài viết của bà một đặc tính của trí thức miền Bắc là "sự học mót", sự thu nhận thông tin ở dạng "cấp 2" thường dẫn tới tiêu hóa một cách sống sít, mất căn bản các kiến thức thâu lượm được, khó bề tránh khỏi trạng huống "ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung".

Ta hãy bắt đầu từ các bậc cha chú thường vẫn được gọi bằng **thế hệ các nhà văn tiền chiến**, may mắn thay cho họ thoát được nguy cơ "*để trống nền giáo dục phổ thông sẽ tạo thành cái lỗ hổng cả đời chẳng bao giờ lấp nổi*" mà nhà giáo dục học Makarencô đã khẳng định rất chí lý. Vâng, thật may mắn thay cho những Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên... thời mài ghế nhà trường phổ thông còn được tiếp xúc với các nhà Ánh Sáng, với Hugo, Balzac, Appolinaire, Rimbaud... và cũng bất hạnh thay cho họ vào độ tuổi chín nhất của ngòi bút lại theo Đảng kéo nhau hết lên rừng chém tre, đẵn gỗ, học tập, kiểm thảo và đổi bầu sữa mẹ, từ nay trong cái nhà trẻ của thời đại công nông - Diên An, Lêninít, Xtalinnít... sẽ là nguồn sữa mới, cách ly với cả một thời "phục hưng" sau Thế chiến 2 bùng nổ những trào lưu hiện sinh,

hiện đại chủ nghĩa... Sau 9 năm kháng chiến, các nhà văn "con nuôi" của Đảng vốn nặng mặc cảm "ăn theo cách mạng" trở về Hà Nội choáng ngợp trước những sách vở, tạp chí mới chất đầy trong "Thư Viện Quốc Gia"; nhưng than ôi từ nay trong mắt họ đã được gắn tròng kính mới để thấy "*Picasso là nấm độc mọc trên cây gỗ mục của chủ nghĩa tư bản*", di truyền học và phân tâm học là sản phẩm của tư sản đế quốc.

Các nhà văn **thế hệ hai** lớn lên trong kháng chiến chống Pháp, cậy thế con đẻ cách mạng, giáo dục phổ thông chưa mất căn bản, dám "*nghĩ ra ngoài những điều Đảng nghĩ*", sục sạo vào tinh thần dân chủ mới sau thế chiến nhờ thế ta có được những Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm... Nhưng tiếc thay, chẳng tới được tầm cỡ như Andre Gide đã khẳng định, "trong thời kỳ bị câu thúc và kiềm tỏa nhất" hiệu năng đầu óc của họ cũng chẳng đạt tới mức độ cao nhất, bởi thế khi được "cởi trói", những gì mà các "thiên tài trong bóng tối" trình làng thượng số cũng chỉ tới mức "*Men Đá Vàng*" của Hoàng Cầm, "*Những Đường Phố Và Những Cột Đèn*" của Trần Dần, "*36 Bài Thơ Tình*" của Lê Đạt và Dương Tường, "*Ô Mai*" của Đặng Đình Hưng, "*Porcinovani*" của Nguyễn Xuân Khánh... không mấy gây được tiếng nổ nào.

Sự "mất căn bản" trong **thế hệ trí thức thứ ba** những người cầm bút mới kinh hoàng, lớn lên dưới mái trường XHCN, học kiến thức phổ thông thì ít, chính trị Mác-Lê thì nhiều, bởi thế những cây bút thời chống Mỹ như Lê Lựu, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy... một thời chỉ cần đọc hai tập "trói voi bỏ rọ" "*Phương Tây Văn Học Và Con Người*" của giáo sư Hoàng Tôn Trinh là họ đã yên chí nắm được "phần còn lại của thế giới" bên ngoài các nước XHCN, họ xúm vào chửi "*Chủ Nghĩa Hiện Thực Không Bờ Bến*" của Garaudy mà chưa đọc ông ta nổi lấy một trang mà chỉ "hóng chuyện " qua các bài tóm tắt.

Ấy thế nhưng đến cái **thế hệ thứ tư**, học hành loạng quạng đèn dầu nơi sơ tán, ngắt quãng vì tiếng còi báo động, đầu óc bị phân tán và chia cắt tới từng phân vuông vải, từng gam mỳ chính trong các ô tem phiếu và khi dứt chiến tranh ngay lập tức họ được đi Liên Xô, đi Đức... học hành với hành trang rỗng tuếch của một tuổi thơ thực sự là thất học. Từ vùng sơ tán nông thôn Việt Nam họ nhảy dù xuống những trung tâm văn minh Mạc Tư Khoa, Béclin... choáng ngợp trước tiện nghi và văn hóa trước đó họ mới chỉ thấy trên phim ảnh, họ nốc vội nốc vàng mọi thứ vào bao tử thành bội thực, "tẩu hỏa nhập ma". Và than ôi đại đa số các tiến sĩ, phó tiến sĩ, những nòng cốt làm nên trí thức hiện đại là phần lớn thuộc đám này.

Một cô tiến sĩ tin học ở Đức về hiện giảng dậy tại một trường

Đại học ở TP Hồ Chí Minh, từ khi về nước cứ luôn miệng ca cẩm chê bai Việt Nam và hết lời tâng bốc nước Đại Đức. Và thưa bà Phạm Thị Hòai, mặc dù có rất nhiều nỗ lực đào thoát khỏi cái "thành phần xuất thân" này bà vẫn thuộc về họ, những con người bị "chói lòa", "tẩu hỏa nhập ma" bởi sự hấp thụ sống sít các nền văn hóa phương Tây khi trong bài hai lần bà tâng bốc nước Đại Đức: nào là "*Tôi cũng xin nói thẳng là chúng ta đang sống ở một nước không nghèo và không lạc hậu tí nào là nước Đức...*"; nào là "*Tôi cứ nhìn cái cách tự tra vấn mình, tự hành hạ, tự truy tội, tự xỉ vả mình của một dân tộc như dân tộc Đức này mà phải nhận ra rằng: Đó là một dân tộc đã đạt được nhiều thành tựu đến mức nào mới làm cái việc cũng rất ư là* ***quý phái*** *là tự phê bình mình như vậy*", trong khi đó bà lại giống y chang cái cô Tiến sĩ ở Đức về kia, mạt sát, xỉ vả Việt Nam không tiếc lời: "*Xã hội Việt Nam là một tập hợp tạm bợ, rời rạc và hoàn toàn không hữu cơ. Có những cá nhân hoang mang và bất ổn. Về xuất phát điểm là như vậy, vấn đề đặt ra là trong cái số phận dường như là vĩnh viễn hẩm hiu...*", "*Chỉ có nước Việt là chưa bao giờ như thế mà thôi. Tôi thậm chí không dám nghĩ tiếp rằng là khi cháu tôi hoặc chắt tôi sinh ra thì chúng ta vẫn không thoát được cái kiếp đội sổ như vậy...*" Tôi không dám cãi với bà rằng ông tây bà đầm người Đức hơn dân Mít ta nhiều lắm, ta lại càng thua họ ở chỗ chưa bao giờ có gan nhét cả 6 triệu người Do Thái vào lò Auschwitz đốt cho chết lấy xương tro làm phân bón, lấy da người làm chụp đèn ngủ, ta cũng muôn đời cũng chẳng bén gót họ khi họ gây ra hai cuộc đại thế chiến giết chết một phần tư nhân loại. Ôi, cái căn bệnh "chói lòa", "tẩu hỏa nhập ma" khi mang một "lỗ thủng cả đời không lấp nổi" nhảy bổ vào nền văn hoá phương Tây khiến cho con người ta chua ngoa ngộ nhận đến như thế. Cái căn bệnh trầm kha đó đã để lại nhan nhản các dấu vết dọc dài trên khắp bài nói chuyện của bà Phạm Thị Hoài. Nào là "*văn chương Việt Nam cả một thế kỷ 15 chỉ được một ông Nguyễn Trãi, cả một thế kỷ 16 hầu như toàn là nhạt nhẽo và trung bình cả*" (thế còn Lê Thánh Tôn, Nguyễn Bỉnh Khiêm?), nào là "*Khổng Tử chả làm được điều gì khi còn đang tại chức, Khổng Tử chỉ có đánh xe đi bát phố, nghe nhạc và bình phẩm về đàn bà, về cái hoạ đàn bà là đúng hơn khi tại chức*". (sic). Bà lại còn ra giọng kẻ cả so sánh khập khiễng: "*Và một nhà văn tài hoa từng được coi là thần tượng của sự ngông nghênh, thách thức như Nguyễn Tuân; thực ra cũng có thể so với Nguyễn Du...*" Ôi thôi thôi, bà PTH làm sao biết được ông Nguyễn Tuân treo cổ bản thảo mình lên để phản tỉnh, và thường khoe mỗi lần đi thực tế đều vào các huyện ủy để được cơm bưng nước rót, thế rồi *Tùy Bút Sông Đà, Hà Nội Ta Đánh Mỹ*

Giỏi... Than ôi ông nhà văn giống như một người làm xiếc trên dây, chỉ tiếc cái dây chăng đã đặt xuống đất rồi mà ông tưởng nó vẫn còn treo cao nên cứ vẫn còn đu đưa ưỡn ẹo mãi; Vậy làm sao mà thành "*thần tượng của sự ngông nghênh*", làm sao so được với cốt cách cụ Nguyễn Du mà đời sau vua Tự Đức còn đòi nọc ra đánh đòn? Ấy, cái sự "tẩu hỏa nhập ma" làm bà cứ nói lấy được như thế. Câu trước bà viết: "*Chúng ta có thể lấy hẳn của người Chiêm Thành một giống lúa chiêm mà chả buồn học hỏi gì nhiều ở văn hoá và ngôn ngữ của họ*", và liền đó bà lại viết điều ngược lại: "*Chúng ta lấy biết bao điệu nhạc buồn của họ vào chính cái quan họ Bắc Ninh nổi tiếng. Chúng ta đã khiến cho cái làn điệu dân ca đó trở nên buồn nhất trong các làn điệu dân ca của miền Bắc...*" Ô hay, vậy chưa phải "*học hỏi ở nền văn hóa và ngôn ngữ của họ*" chăng? Liệu bà PTH có biết rằng ông cha ta đã bắt biết bao nhiêu thợ giỏi của họ ra ngoài Bắc lập thành các "Sở" thủ công mỹ nghệ (Yên Sở ngày nay phải chăng là một dấu vết) và chính từ đó kiến trúc, điêu khắc Việt Nam mới khởi sắc và như vậy chẳng phải là "học hỏi" thì là gì? Vậy sao bà còn nói liều: "*Chúng ta (...) chả buồn học hỏi điều gì ở họ, không buồn nghiên cứu chút gì về họ và thậm chí dường như chúng ta chôn phắt họ đi không tiếc nuối gì hết.*" Căn cứ vào đâu bà nói phứa phựa: "*Dĩ nhiên là người Việt vừa học vừa chửi, giống hệt như vừa học vừa chửi người Pháp, vừa học vừa chửi người Liên Xô, vừa học vừa chửi người Mỹ*". Rồi cứ hàm hồ như thế bà xây dựng nên cả một "lý thuyết" "lưỡng phân" trong người trí thức. Vậy nhưng tôi thật nghi ngờ nó khi cái sở học của bà lộ ra chẳng được là bao lúc bà "chửi" tiếng Nôm của ta. "*Muốn dùng chữ Nôm thì người ta phải biết dùng chữ Hán trước đã, rồi sau đó phải học nguyên tắc cấu trúc chữ Hán vốn rất là phức tạp như vậy vào làm sao cho nó thành ra cái gọi là chữ Nôm.*" Dạ vâng, thưa bà để ký âm tiếng nói của ta, ông cha ta đã phải mượn chữ Hán để tạo ra cái mà bà gọi một cách khinh miệt "*cái gọi là chữ Nôm*".

Ta hãy coi cái ví dụ của bà: "*Tôi lấy một ví dụ: chữ "Trời" chẳng hạn, muốn viết ra mặt giấy thì ta phải viết như thế nào? Thì người ta phải biết hai chữ Hán là chữ "Thiên" và chữ "Thượng", phải biết cách ghép hai chữ này lại với nhau để thành một chữ "Trời". Quả nhiên là một cái logic vô cùng kinh hoàng đối với hình dung của tôi, cứ làm như còn một cái "Thiên" nào khác ngoài cái "Thượng" đó. Mà đã thế sao không dùng luôn tiếng Hán chỉ có một chữ "Thiên" là xong, tại sao lại hai lần tiếng Hán như thế gộp vào nhau để ra thành chữ "Trời"? Trong cái công trình sáng tạo chữ Nôm ấy, rõ ràng "Sáng tạo là gì? - Là ghép hai cái dập khuôn vào với nhau!"*

Quả thực đây là một ví dụ tiêu biểu cho cái sự "*tưởng cái gì cũng biết*" của một cây lúa tự kéo mình lên. Thưa bà PTH, chẳng phải đại trí thức gì, người ta cũng có thể hiểu được ông cha ta tạo ra chữ Nôm theo những quy tắc hẳn hoi chứ chả phải là một thứ "lôgích kinh hoàng" điển hình cho cái "tinh thần làm khổ dân" như bà nói. Chẳng hạn khi tạo ra chữ "*gạo*", chữ Nôm viết chữ "*mễ*" liền với chữ "*cáo*", tạo chữ "*chó*" ta viết chữ "*cẩu*" liền với chữ "*chủ*". Vậy là đủ hiểu một chữ Nôm bao giờ cũng có hai thành phần "biểu âm" và "biểu nghĩa". Trong chữ 'trời" mà bà dẫn chứng, ta viết "thiên" "biểu nghĩa" và vì không tìm được "biểu âm" "ời", ta thay nó bằng chữ "biểu nghĩa" "thượng" cho đủ hai thành phần trong một chữ Nôm như đã quy ước. Vậy thì có gì mà bà phải trách ông cha ta "*sáng tạo là gì?' là ghép hai cái dập khuôn vào với nhau...*" Ở đây điều đáng trách chính là cái sở học xem ra chưa tới đâu mà đã có tính cách "chửi cha ông"!- Và phải chăng trong bài diễn thuyết bà cứ xách mé với giọng trống không "Khổng Tử, Nguyễn Trường Tộ, Tự Đức, Nguyễn Du, Trần Dần..." là bà tự kéo bà cao hơn lên được một chút? Chẳng lẽ sự mất căn bản trong học vấn của bà đã sâu sắc đến độ quên mất cả cung cách xưng hô trong "văn hóa thuyết trình"? Rồi thì bà lại nói bừa phứa: "*Thí dụ như nói đến ông Bụt chẳng hạn, nào ai còn rạch ròi rằng đấy là một ngoại kiều Ấn Độ mà tên phải gọi là Buddha cơ.*" Ô hô... Thưa bà PTH, tên cái "ông ngoại kiều Ấn độ" ấy tên là Tất Đạt Đa (Siddharta) cơ, hoặc *Cồ đàm* (Gautama), có họ là *Thích ca* (Cakya), chứ tên ông ấy đâu phải là Buddha! Còn Buddha với hai cách phiên âm là Bụt hay Phật chỉ là danh từ chung chỉ "người giác ngộ". Đó là lý do tại sao trong đạo Phật lại có... nhiều Phật, tức nhiều Buddha!!! Lầm lẫn đến như thế thì kiến thức về Phật giáo của bà tới đâu, đã thế bà còn cao giọng "*bởi lẽ giữa chữ Bụt và chữ Phật có một khoảng trống, và trong khoảng trống ấy là ông thầy Trung Hoa* " thì thử hỏi còn ai... tin được bà!

Cũng bởi lẽ đó tôi nghi ngờ cả cái lý thuyết "*tư cách chính thống của trí thức Việt Nam*" mà bà ban phát sự rao giảng một cách rối mù, trong đó nếu nôm na giản dị thì huỵch toẹt ra rằng bà chửi trí thức Việt Nam đều làm quan hết, nghiện quan, nịnh nọt quan, viết lách theo ý quan hết. Vậy thì cái Cục an ninh văn hóa-tư tưởng ở VN bây giờ, hà cớ gì vẫn phải tồn tại và phát triển mạnh mẽ như thế? Vậy thì đâu rồi cả một dòng văn thơ *samizdat* (tự xuất bản) của miền Bắc thời đó? Đâu rồi các nhà thơ "chân đất" như Phan Đan (người đã có một thời đỡ đầu tinh thần cho chính bà), Hữu Loan, Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Xuân Khánh, Vũ Thư Hiên, Nguyễn Chí Thiện... Và còn rất

nhiều người khác, người khác nữa, phải chăng họ đều không phải là trí thức? Vậy thì tư cách chính thống của họ nằm ở đâu?

Sau khi mạt sát chán chê trí thức miền Bắc, bà lại quay sang xoa đầu trí thức miền Nam: "*Công bằng mà nói thì ở một giai đoạn ngắn của lịch sử, tức là ở đầu thế kỷ 20, trong cả nước từ năm 1945, đến năm 1975 ở miền Nam có một cơ hội để cặp bài trùng tri thức và quyền lực có thể tách nhau ra được và quả thực cũng có tách nhau ra phần nào. Nhưng đấy là một khoá học tiếc thay là rất ngắn, quá ngắn để giới trí thức Việt Nam thoát ra khỏi cái vòng kiềm toả bằng quyền lực chính trị để trở thành một lực lượng độc lập như giới trí thức ở các xã hội dân chủ hiện đại*". Thì cứ cho là ở Sài Gòn từ năm 1945 đến 1975 quý vị trí thức có cơ hội chẳng thèm chơi với chính quyền đi, nhưng mà trước nữa, trước nữa cũng đã có Đảng cộng sản đâu mà trí thức không có cơ hội như thế? Vậy thì cái điều bà ví von là "khóa học" ấy đâu có quá ngắn ngủi để người trí thức "thoát ra khỏi vòng kiềm tỏa của quyền lực chính trị"? Mà sự thực họ có sợ và có hám quyền lực đến như thế chăng? Hay là bà PTH suy bụng ta ra bụng người?

Viết đến đây đã khá dài mà vẫn còn khối điều có thể nhặt nhạnh ra được để thưa chuyện với bà Phạm Thị Hoài. Nhưng thôi, trước và sau tôi, chắc còn nhiều vị lên tiếng góp ý. Bởi vậy tôi xin được phép ra giọng người trên, lặp lại câu nói của bà: "*Tôi xin dừng lại ở đây...*"

PHÙ VÂN
April 27, 2001

THƠ, TRUYỆN
và các mục thường xuyên:

Nguyễn Viện
Lê Hùng Vọng
Lê Thánh Thư
Lưu Hy Lạc
Mai Văn Phấn
Đinh Linh
Vi Thùy Linh
Thái Viễn Phương
Huỳnh Liễu Ngạn
Phan Huyền Thư
Phạm Hải Anh
Trịnh Thanh Thủy
Phan Nhiên Hạo
Trường Đinh
Hoài Mỹ
Lam Trùng Dương
Lê Thái Lâm
Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Hoài Phương
Trần Thị Ngh.
Trịnh Gia Mỹ
Lê Quỳnh Mai
Nguyễn Thị Giáng Châu
Kim Thi
Dương Thu Hương
Tưởng niệm Mai Chửng: Đinh Cường,
Nguyễn Trung, Nguyễn Phước...



LÊ THÁNH THƯ
bốn nhân vật + bốn cái chết

1.
Nam. Khoảng 45 - 50 tuổi
cao 1,68m. Mặt rỗ, mắt
lươn, không còn răng. Sử
dụng hai hàm răng giả
tóc hoa râm, dài ngang
vai cột túm bằng sợi
dây thun. Chân mang dép
râu. Râu tỉa tót kiểu
Chaplin. Ở trần, mặc quần
kaki nhà binh cắt ngắn
ống cao ống thấp. Trong
túi quần phía sau mông
có một cục xà bông
Lux và hai tờ giấy
kẻ sọc ngang, ghi những
dòng chữ như thế này :
Áo em sương khói mờ mờ
Anh nhìn sướng quá, tay quờ quạng lu
(thương về MT. Nhớ chiều buồn buồn 99)
và những dòng khác, ghi :

Em đến rồi đi
Em đi rồi đến
Sao không đi luôn đi
Mà cứ đến... đ.m.

và :

Anh ngồi chơi trên con thuyền không người lái
Nhìn con nước nổi
Ngó lên là con trăng
Ngó xuống là con cua
Ngó quanh ngó quất không có em
Ngó đi ngó lại chỉ mình anh
(gởi H. Con chồn nhỏ của anh)

Chết tại km 1860 - 500

đường sắt Việt Nam, thuộc
khu Sóng Thần.

2.
Nữ, khoảng 20 - 25 tuổi
cao 1,58m. Sống mũi lõm,
dái tai trung bình. Nếp
tai giô. tóc cắt ngắn,
nhuộm ba màu ve chai,
đất nung và đỏ cờ
mặc thun hiệu GAP, phía
trước có in hàng chữ :
Tình cho không biếu không,
bằng tiếng Anh. Quần jean,
mạc Guess, xé te tua
nhiều chỗ. Quần lót lụa
màu đỏ cờ made in
Hong Kong. Trong túi áo
nạn nhân có mảnh giấy :
Ác tình ơi,
Khi em chết hãy đưa em về núi
phần dưới bụng có xâm
một đàn chuột nhắt và
chữ : chít chít chít chít

Chết tức tưởi, tênh hênh
trên xe xích lô đạp,
không có bảng số.

3.
Nam. Khoảng 24 - 30 tuổi.
1,58m. Khuôn mặt trung bình.
Miệng vẩu, răng hô, gãy
hai răng cửa, bàn tay
trái cụt ngón 4 và 5
cánh tay phải xâm chữ :
Trả Thù Đời. Đ.M.
cánh tay trái xâm chữ :
Xả Láng Sáng Về Sớm
ở trần, mặc quần jean

đen hiệu CK. Trong túi
quần có 6.200 đồng và
gói thuốc Hero. Hai bao
condom hiệu OK. Hai vé
xem tuồng cải lương
Máu Nhuộm Sân Chùa
đoàn cải lương Hương Trầm 1.

Chết trong toalét nhà hàng
hải sản tươi sống Ka
rao ke máy lạnh Chiều
Tím.

4.
Nữ. 1,68m. Khoảng 19 - 22 tuổi
khuôn mặt đẹp, nốt ruồi
khóe miệng phải, tóc ngắn
kiểu Hàn Quốc. Áo thun
đen hiệu Hang Ten, in
hình nam tài tử Jang
Dong Kun. Trong túi áo
có một tép héroin và
một bao condom hiệu Trust
trên đùi phải xâm chữ :
Thà một phút huy hoàng
đùi trái, gần háng xâm
hình hai con bò cạp
quần lót lụa màu hồng
phấn made in Korea. Có
nhiều vết máu, mặc quần
short jean Tommy trong túi
quần có mảnh giấy ghi :
I love you, Cheng Kim

Chết trên thuyền vô chủ
tại khu vực giải tỏa
kênh Nhiêu Lộc, Thị Nghè.

LÊ THÁNH THƯ




NGUYỄN VIỆN
đâm sừng vào bóng tối

LTS: Ngày 20 tháng 12 năm 2000, qua nhà thơ Vi Thùy Linh, bản thảo hai truyện vừa: 1) Thời Của Những Tiên Tri Giả *và* 2) Đâm Sừng Vào Bóng Tối *của nhà văn Nguyễn Viện được chuyển đến Hợp Lưu, từ Việt Nam.*

*Trong thư kèm theo, Linh viết: "Nguyễn Viện năm nay 52 tuổi, là trưởng ban Văn hóa Nghệ thuật báo Thanh Niên. Trước 75, Nguyễn Viện thuộc thành phần ngụy - ngụy công chức... Hiện ông đang được xem là cây bút đa tài, mới. Ông làm thơ, vẽ tranh, làm báo... Một trong hai tiểu thuyết này (*Thời Của Những Tiên Tri Giả*) đưa ra quan điểm và cái nhìn khác về chiến tranh, do đó, nó gai góc. Các*

nhà xuất bản trong nước không dám in, dù rất thích. Vì sao, chắc các ông hiểu."

Tòa soạn đã đọc cả hai bản thảo, và rất muốn giới thiệu ngay đến độc giả Hợp Lưu, vì nhận thấy đây là hai tác phẩm văn học có giá trị, chứ không phải vì sự "gai góc" đã khiến các nhà xuất bản nội địa e ngại, dù, quả thực Thời Của Những Tiên Tri Giả *khá "gai góc" đối với chế độ. Chúng ta thường có thói quen đánh giá sáng tác của các nhà văn trong nước qua một thứ thước đo được tiêu chuẩn hóa bởi nhu cầu chính trị, như có tính phản kháng cao, hoặc tố cáo mạnh mẽ sự tiêu cực của cơ chế quyền lực hiện hữu. Người ta đã đồng hóa, đã gộp chung thành một vũ khí đấu tranh chính trị với thành quả văn học! Nghĩa nào đó, chúng ta đã hành sử thiếu công bằng với văn học, đã buộc văn học phải gánh vác những sứ mệnh lẽ ra là của những nhà làm chính trị. Hợp Lưu không muốn đi vào lối mòn ấy, Hợp Lưu mong trả lại cho văn học những gì thực sự là văn học. Thiết nghĩ như thế cũng là cách góp phần thúc đẩy văn học Việt Nam thoát khỏi vòng quẩn quanh bế tắc "ta, địch" .*

Sở dĩ Đâm Sừng Vào Bóng Tối *mãi đến hôm nay mới có dịp ra mắt bạn đọc, sau gần một năm nằm trong ngăn tủ tòa soạn (*Thời Của Những Tiên Tri Giả *sẽ được giới thiệu trong một dịp thuận tiện khác) chỉ vì lý do giản dị: tòa soạn vấp phải trở ngại trong khâu sắp xếp bài vở.* Đâm Sừng Vào Bóng Tối *tương đối dài (ngót 50 trang) so với những truyện ngắn khác. Chia làm vài kỳ hẳn nhiên không thể, nhưng nếu đăng trọn thì nhiều sáng tác phải bị gác lại. Nhân đây, Hợp Lưu xin được gửi đến nhà văn Nguyễn Viện và các tác giả khác trong, ngoài nước một lời xin lỗi (với Nhà văn Nguyễn Viện, vì sự chậm trễ; với những tác giả khác, vì sáng tác của quí vị đã phải gác lại.)*

Hợp Lưu hy vọng, với một bút pháp mới mẻ, lôi cuốn, Đâm sừng vào bóng tối *sẽ không làm độc giả thất vọng.*

HỢP LƯU

MỘT. Trong cánh rừng này, còn sót lại một con tê giác. Máy ảnh chụp tự động đã cho thấy nó luôn luôn đâm sừng về phía trước trong một tư thế tấn công. Nhưng người ta chưa bao giờ chụp được phía trước ấy là cái gì.

Ông Thi ngả người ra phía sau, ngửa mặt nhìn trần. Bốn chiếc đèn ống đâm xỉa vào mắt ông một chùm ánh sáng lóa. Ông nhắm mắt lại. Chùm ánh sáng vẫn ở trong mắt và xoáy xuyên qua gáy. Những tế bào não vừa được lau chùi trở nên minh mẫn và nhạy cảm. Chiếc ghế bành chịu sức nặng của một thân xác nặng nề thời gian đã phải rướn cong lên và kêu hậm hự. Ông nghĩ đến lúc phải đứng lên. Rồi ông đứng lên kéo ngay ngắn lại chiếc quần đã xệ quá rốn.

- Cho tôi xin điếu thuốc.

Vừa nói ông vừa đưa tay móc vào túi áo trên của người biên tập ngồi bên cạnh. Chưa kịp ra ngoài để hút thì cô trợ lý tổng biên tập đã xộc cửa bước vào với một gương mặt nghiêm trọng.

- Anh Quốc bảo anh cho tìm lại xem trong suốt hai tháng vừa rồi mình có trích đăng phát biểu của đồng chí Tổng bí thư không?

Ông thư ký tòa soạn trả lời ngay:

- Theo tôi biết, chắc chắn thế, trong tháng hai đồng chí Tổng bí thư chỉ có một bài diễn văn duy nhất vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng, mà ở thời điểm ấy chúng ta nghỉ tết nguyên đán.

Nói tới đây ông Thi lắc đầu trong khi hai bàn tay ông đưa ra lật qua lật lại. Điệu. Đôi mắt cười trong đôi mắt cô trợ lý:

- Thế thì kẹt đấy. Không biết có thằng cha rỗi hơi nào nó báo cáo với Ban tư tưởng văn hóa trung ương rằng, ngày thành lập Đảng báo mình không nói gì đến bài diễn văn của Tổng bí thư.

- Bây giờ là tháng tư rồi mà?

- Vâng, tháng tư rồi mà nó còn lôi việc tháng hai ra kiểm điểm. Vấn đề ở chỗ ấy.

Để tự cứu thì cách tốt nhất là giết ngay một thằng vớ vẩn nào đấy như một biểu thị của sự cảnh giác ở cấp độ những người thông minh nhất.

Ông Thi hỏi:

- Thằng nào muốn ngoi lên đây?

Cô trợ lý luôn luôn chứng tỏ mình là người kín đáo khôn ngoan:

- Anh Quốc đã gọi điện cho anh Phan điều tra rồi.

Ông Thi cảm thấy ngay mình cần phải ngưng lại. Thằng nào muốn ngoi lên không phải là việc của ông. Cái ông phải làm là chứng minh được sự tận tụy của mình với sếp và phô bày được sự

trung thành của sếp với các vị lãnh đạo khả kính.

Con tê giác lầm lũi phóng đi trong bóng tối. Những chiếc lá cọ quẹt vào người như một bàn tay mơn trớn. Cảm giác cần được âu yếm là một cơn khát trong sa mạc, bởi thế con tê giác vẫn phóng đi như điên cuồng trong bóng tối để cho mọi thứ cây lá cào vào lớp da dày...

Ông Thi quay trở lại bàn làm việc, nhấc máy điện thoại:

- Alô, chị làm ơn cho tôi nói chuyện với chú Năm... Dạ, cháu đây... Cháu nhờ chú viết một bài... Đặt một vấn đề nào đấy và dẫn lại tư tưởng chỉ đạo của Tổng bí thư qua bài diễn văn trong dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng vừa rồi... Dạ, cháu cám ơn chú.

Gác máy, ông Thi quay qua người biên tập ngồi bên cạnh:

- Ông qua phòng kỹ thuật rút lại bài "Vẻ đẹp mẫu" tuần này của ông Năm lại cho tôi.

Không nói gì, người biên tập đứng lên. Khi khép cánh cửa kính lại phía sau, anh cảm thấy như mình vừa thoát khỏi cái chai.

Người khổng lồ phun khói vào trời xanh rồi hiện nguyên hình.

Con tê giác bước vào cánh đồng cỏ.

Anh đứng lại bên hành lang châm điếu thuốc. Anh nhớ em, khói thuốc anh thả vào trong tóc khi em gối đầu trên ngực anh. Anh đã bảo anh muốn tận hưởng một cảm giác được chiều chuộng. Em ngẩng đầu lên nhìn vào mắt anh. Anh gật đầu. Rồi em cúi hôn từ ngực xuống... Chiếc hành lang dẫn lên một cái cầu thang gỗ. Sau những tiếng lịch kịch cô gái sửa morasse đưa bộ vú ra trước xuất hiện. Có lẽ thấy anh mơ màng cô đùa:

- Anh Vịnh làm thơ đấy à?
- Không, tôi đang làm tình.
- Hơi bị ám ảnh tình dục.
- Không đúng. Kiến thị tình dục.
- Lúc nào cũng thế à?
- Đấy là một khả năng không phải ai cũng có được.

Cô gái đi qua. Cặp mông khuất sau cùng. Anh búng điếu thuốc lên trời rồi đi ngược lại chỗ cô gái vừa mới đi ra. Tiếng chân anh trên cầu thang nghe nặng và chậm.

HAI. Cô gái trẻ, mảnh khảnh, trong cổ không có cơ cúi, chỉ có cơ ngẩng phát triển, bởi thế khuôn mặt nghiêng lúc nào cũng nghếch

lên khoảng mười lăm độ đang trầm ngâm một mình trong quán café. Em thèm anh quá, máu chạy cồn cào trong người. Đừng bắt em phải sống mãi trong tưởng tượng. Cô nhìn ra chiếc cửa kính như thể đang chờ một ai đó. Bạn của cô vẫn bảo: Phúc thay cho người mày yêu. Chẳng thấy ai nồng nàn mà lại trung trinh đến thế như mày. Nhưng người cô yêu vô hình vô ảnh. Ở tận chân mây, anh bảo: Một vầng mây trắng vút ngang trời như một mũi tên, anh bắn vào em bằng tất cả cái tồn sinh tình cờ máu lửa này, hãy mở rộng cửa mình ra mà hứng nhận. Cô vẫn luôn luôn hứng nhận cái tồn sinh lừng lững ngang trời ấy trong niềm hoan lạc tột độ. Đôi khi bạn bè thấy cô thẫn thờ, bảo: "Mày ngu." Chúng mày ngu thì có. Làm sao chúng mày có thể biết đến một định mệnh lớn lao đang chờ ở phía trước. Chẳng phải là tao muốn nói tới điều gì khác thường. Cho dẫu anh ấy đã có vợ con và rất lớn tuổi: Chấp tất cả lũ đàn ông chung quanh chúng mày đấy. Tuy nói thế, nhưng khi ngồi một mình cô vẫn thường hay khóc. Anh bỏ mặc em muốn làm gì thì làm, muốn đi đâu thì đi. Tại sao anh không ôm giữ em? Hôm nay, cô cũng khóc. Em khóc vì nhớ anh. Sao anh ở xa em thế. Nước mắt làm cho chiếc cửa kính bị nhòe. Cô tưởng như nhìn thấy anh trên khung cửa. Cô nhổm người lên rồi lại ngồi xuống. Em vẫn nghĩ đến một lúc nào đó anh sẽ bất ngờ xuất hiện trước em uy nghi như một vị thần rảnh việc, em sẽ chạy bổ nhào đến ôm lấy anh, hôn tràn trề trên khuôn mặt, rồi quì xuống... Những người được gọi là đàn ông nhìn cô bứt rứt cả linh hồn lẫn trí khôn, nhưng trong cơn chìm đắm nhớ nhung và buồn thảm, cô không nhìn thấy ai. Những đám mây vẫn bay về phương nam và ngọn gió nồng nàn thổi ngược. Bàn tay cô thon thả cầm chiếc thìa gõ nhẹ vào thành cốc. Cô bắt chước anh cách gọi trả tiền.

Cô đi ra đường. Ngồi thêm chút nữa em sẽ điên lên mất. Chúng ta như hai con người ở một hành tinh khác lạc vào trái đất và lạc mất nhau. Chỉ có sự hòa cảm mới giúp chúng ta tìm thấy nhau và giữ được nhau. Anh không thấy thế à? Chẳng còn cách nào khác. Thế thì hãy ôm lấy em đi. Anh hôn em vạn dặm. Tất cả mọi xe cộ và người đi bộ đều đi ngược về phía cô. Nhưng cô biết rằng, nếu cô cứ đi mãi như thế, đến một lúc nào đó cô sẽ gặp được anh. Ở phía chân mây, anh nói: Sự kết hợp của anh và em là yếu tố cuối cùng cho một nhân loại toàn hảo. Cô đi qua khỏi thành phố đến những cánh đồng hoang, bàn chân sưng lên, cô ngồi xuống bên cạnh một gốc cây cọ và tháo đôi giày quẳng ra xa. Em đã ngồi xuống rồi và em muốn được nằm xuống gối đầu lên ngực anh, nghe trái tim anh đập để biết anh yêu em đến đâu. Em muốn xung quanh đây mọi thứ nhân loại tầm phơ tầm phất

biến hết đi để em có thể được yêu anh hoang dã. Nhưng anh lại muốn hút thuốc phải không? Thiên nhiên đẹp quá khi nó điểm xuyết trên đám cỏ nhung xanh mượt hai thân thể quấn lấy nhau.

Cô vẫn thích sự liều lĩnh của anh ngay khi họ mới gặp nhau lần đầu. Cô bảo, bộ râu của anh làm em choáng ngợp. Anh thản nhiên như thể anh đã từng biết nỗi khát thèm của cô: Không chỉ có râu anh, còn có lưỡi. Cô cười và đấm vào lưng anh: Bạo lực đấy. Cô dẫn anh đi vòng quanh bờ hồ, nói: Em biết có một quán café rất hay. Hồi trước, nó còn có một cây dương cầm. Những đứa yêu nhau thường hay tới đấy và chúng hôn nhau trong những âm thanh của Beethoven, Lizt, Bach... Sau này không biết vì lý do gì, người nghệ sĩ đã bỏ đi mà không có người thay thế. Có thể ông ta cho rằng làm tình trong âm nhạc của Beethoven là một sự xúc phạm. Cũng có thể ông ta không chịu nổi sự đơn độc của mình trong cõi hoan lạc của những lứa đôi. Bây giờ cái quán ấy vẫn còn... Anh tiếp lời: Những lứa đôi ngồi hôn nhau cho dẫu người nghệ sĩ và cây đàn dương cầm không còn nữa. Cô thích chí cười: Anh thông minh thật. Và để chứng tỏ cho cô gái biết cô đã nhận xét đúng, anh lao tới: Anh muốn tới cái quán ấy.

Ở phía sau chiếc xe Honda cũ, cô im lặng. Một lúc sau, cô bảo người tài xế của mình: Anh rẽ phía trái... Rồi, cứ đi thẳng...

Con đường có những hàng cây cơm nguội vắng lặng. Bóng tối ẩn chứa một hương thơm kỳ lạ từ thân thể cô gái toát ra. Anh nói: Anh không phân biệt được mùi thơm từ em hay từ trong bóng đêm. Cô gái lúc nào cũng tự hào: Nếu không có em thì cả hương đêm cũng biến mất. Anh nói thêm: Và cả thế giới này cũng trở thành vô nghĩa.

Con tê giác ngửa đầu nhìn trăng đang tiến dần lên cao, chiếc sừng của nó đâm thẳng lên trời và không biết từ một thôi thúc nào mà hai chân trước của nó bỗng nhấc khỏi mặt đất rồi nhảy múa bằng hai chân còn lại. Nhưng ngoạn mục nhất vẫn là cái sừng nhọn, nó lúc lắc trong không gian như thể đang mài vào ánh trăng cái khao khát bí ẩn của tính giống. Tiếng gió rì rào trong đám cỏ tranh từng cơn hòa với tiếng thở phì phò của con tê giác như một khúc ca tài tử ai oán và dâm tình.

Quán café nằm tụt xuống dưới mặt đường. Cô gái đi trước dẫn anh đến một cái bàn nằm sát bên hồ. Họ có thể nghe được tiếng nước đập trong bóng tối. Gần như bàn nào cũng có người. Quả là nhân loại biết yêu thương nhau. Tiếng thở, tiếng rên, tiếng sột soạt của áo quần và tiếng gió thổi trên mặt hồ là những âm thanh

của xúc cảm đầy kích thích. Cô lắng nghe chính cô và bởi thế cô chẳng nhớ gì mấy những câu anh nói. Quả thực, cô đã không biết được làm thế nào để anh hôn cô mà không sỗ sàng. Và dù đã lắng nghe, cô cũng không biết trạng thái thực sự của mình lúc ấy như thế nào. Cô chỉ biết rằng sau đó cô đã hôn lên bộ râu của anh như xác định thêm một lần nữa, bộ râu ấy làm cô choáng ngợp. Cho dẫu bộ râu có lởm chởm như bàn chải đánh giày thì cũng còn đáng tôn vinh hơn bộ mặt nhẵn nhụi như một cái thớt. Đàn bà Pháp bảo rằng không có râu thì chưa phải là đàn ông. Tất cả những điều ấy được cô lập lại như một chân lý về thẩm mỹ và thị hiếu cảm giác. Anh cà râu của mình lên cổ cô gái. Chẳng phải chỉ là râu đấy mà là tôi đấy. Cô co người lại và ôm chặt lấy anh. Cô biết rằng, cô đã tìm thấy người đàn ông của mình.

BA. Cô trợ lý tổng biên tập đang mập mạp dần lên ở phần giữa. Cùng với sự nặng nề, cô cũng trở nên dịu dàng hơn. Dường như khi phụ nữ có thai, không phải họ chỉ đang mang trong mình một mầm sống, mà họ còn mang tất cả tình yêu của con người.

- Anh Thi ơi, anh Quốc bảo anh viết bài giải trình lý do tại sao hồi ấy báo mình không đăng bài diễn văn của Tổng bí thư. Bài "Vẻ đẹp mẫu" của chú Năm trên báo vừa rồi chưa đủ đâu.

- Được rồi. Khi nào cô lấy?

- Mai được không anh?

- Ô-kê.

Chờ cho cô trợ lý bước ra. Vịnh ngửa người trên thành ghế, cầm một tờ giấy đọc to cho cả phòng nghe: THỊ HIẾU CẢM GIÁC - Nguyễn Trí Thức (Họa sĩ, Giảng viên đại học). *Tư thế nằm:* Ở tư thế này, người ta dễ nhìn trời (hoặc nhìn trần), cảm giác hưởng thụ thường bị phân tán bởi những ý nghĩ bất chợt, đôi khi là một cơn lãng mạn khác... *Tư thế ngồi:* Cái nhìn được định hướng, ở tư thế này, người ta chỉ nhìn được về một phía và bởi thế người ta không thể biết cái nguy cơ từ phía sau. Nhưng nếu có một người khác ngồi đối diện và thông tin được nối kết, thì khả năng nhận thức sự kiện có thể hoàn thiện. Điều kiện hưởng thụ cảm giác này phải tuyệt đối có lòng tin... *Tư thế đứng:* Đây là một tư thế tác chiến, người ta có thể xông tới phóng vào mục tiêu bằng tất cả sức mạnh của mình, đồng thời cũng có khả năng tháo chạy một cách nhanh nhất khỏi vùng nguy hiểm.

Ông Thi hỏi:

- Cái quái gì vậy?

- Một thằng điên muốn chứng tỏ sự uyên bác và khả năng diễn đạt ngôn ngữ. Nó mang cả nghề nghiệp ra để hù dọa thiên hạ nữa đấy.

- Cho nó vào sọt rác đi. Không ai rảnh để đọc mấy thứ vớ vẩn ấy.

- Mấy thứ vớ vẩn thường khi vẫn có khả năng làm thư giãn. Mà chưa hết đâu, còn có *các phương tiện tạo cảm giác* nữa này.

- Ông mang về nhà mà thư giãn.

Vịnh cười kha kha:

- Ở nhà, tôi chỉ thư giãn bằng hình. Phương pháp trực quan. Phim 3X.

Nghe nói tới phim, ông Thi dịu giọng:

- Ờ, có gì mới không?

Vịnh nghĩ, phải cấm vận thằng cha này một tháng cho nó chết thèm.

- Không anh ạ. Vịnh nói bằng một giọng hết sức nhẹ nhàng.

Trong cơ quan, bọn đàn ông với nhau vẫn kháo nhau rằng, mỗi lần có phim mới, qua tay ông ta chỉ một đêm cũng thành cũ, như thể ông vọc cả tay vào trong phim.

"Cảm giác mặc dù chỉ là những xúc cảm rất riêng tư, nhưng thực sự nó luôn luôn nằm trong một dòng chảy chung của những thị hiếu thời đại bị chi phối bởi những ước muốn thỏa mãn cái mới và cường độ mỗi lúc một cao hơn." Vịnh cúi đọc tiếp bài viết của ông họa sĩ Nguyễn Thí Thức bằng sự tò mò của một gã thủ dâm bác học. Trong bóng tối của tâm hồn con người, hành vi động lực chủ yếu phải chăng là thực hiện cái bản năng phát triển nòi giống. Và cái chất lãng mạn ở hành vi bản năng này thay đổi theo trào lưu biểu thị tính thời đại của nó? Vịnh bỗng giật mình vì ý nghĩ dường như người ta đang giản lược, thậm chí vượt qua cái bản năng chủ yếu và phát triển nòi giống để tập trung mọi ý nghĩa và cảm xúc vào cái lãng mạn trong các kiểu cọ yêu đương hoặc làm tình thuần túy.

- Ông Vịnh viết cho tôi bài giải trình được chứ? Ông Thi lên tiếng cắt ngang cái dòng chảy lơ mơ của Vịnh.

Vịnh làm bộ như điếc:

- Bài giải trình gì ạ?

- Thôi.

Vịnh cười thầm. Thực ra, điếu văn tôi viết còn được. Nhưng, không rảnh. Sếp chịu khó ngồi một chút đi. Vất vả một tí nhưng uống bia rồi sẽ ngon hơn. Vịnh xếp bài viết của họa sĩ Nguyễn Trí

Thức vào hộp bìa cứng, nơi anh vẫn lưu giữ những bản thảo "có vấn đề," hẳn nhiên không phải để làm ăng-ten cho ai mà anh nghĩ nó có thể góp vốn cho việc viết lách của anh sau này.

Gỡ kính ra khỏi mắt, Vịnh nhìn thẳng vào ngọn đèn néon trước mặt. Ánh sáng lóa chụp lên đầu anh xóa bỏ mọi ý nghĩ hỗn tạp. Lúc nào Vịnh cũng nghĩ đến sự tẩy trắng mọi sự như một nỗi ám ảnh hủy diệt thời chiến tranh, cái thời mà chân lý chỉ thuộc về một phía. Nhu cầu của sự tồn tại là phủ nhận người khác.

Vịnh lại cắm cúi vào đống bản thảo gặm nhấm chính mình. Biên tập là một công việc "cầm cặc cho chó đái." Thằng Phi viết chữ như gà bới, lỗi chính tả sai lung tung, câu văn thì nhảy cóc như thể chữ nghĩa hụt hơi. Nó vẫn tưởng nó là nhà báo lớn. Biên tập cho thằng này, nếu không chửi thề chắc chắn sẽ bị ức chế đến liệt dương. Anh nhấc điện thoại gọi:

- Alô, nói Phi lên ban thư ký gặp tôi chút.

Đám phóng viên vẫn gọi ban thư ký là cái phòng vệ sinh. Nhưng chẳng có phóng viên nào bước vào ban thư ký mà không lấm lét. Bởi vì, nói cho ngay, chẳng mấy anh chữ nghĩa hoàn chỉnh, mà nếu có viết được tử tế thì cũng không phải không có lúc sơ sót.

- Này, cậu hình dung giùm tôi 15 triệu hộp thuốc kháng sinh chất đầy cái phòng này không?

Phi ú ớ đứng im.

- Nó có thể giấu trong góc bếp được à?

Hắn gãi đầu gãi tai, miệng cười cầu tài, khúm núm:

- Cho em đi xác minh lại.

Hơn một tiếng đồng hồ sau, hắn quay lại.

- Thế nào?

- Em lộn. Dạ chỉ có một trăn năm mươi ngàn.

- Tôi cũng chưa tin.

Hắn lại đi xác minh. Lần này thì Phi đã đến thẳng Đội cảnh sát Kinh tế. Con số chính xác của một vụ tàng trữ trái phép tân dược có thể làm chấn động giới buôn lậu thực ra chỉ có một ngàn năm trăm hũ kháng sinh được giấu trong một cái bao tải. Vịnh vo cái tin chó chết ấy vứt vào sọt rác.

Những việc vớ vẩn như thế vẫn buộc Vịnh phải căng đầu ra cảnh giác. Cặm cụi như một con chim bắt sâu, Vịnh nghĩ tới cái hóa thân đột ngột sau một giấc ngủ, tỉnh dậy thấy mình là một con gì ấy như trong truyện của Kafka mà bần thần cả người. Chẳng lẽ cuối tháng rồi con người cũng chỉ luẩn quẩn với chuyện cơm áo.

BỐN. Ngày hôm nay em đã ra phố với một tâm trạng u uất. Có lẽ em đã bị dồn nén quá. Chịu đựng một tình yêu chỉ có bóng mà không có hình thì quá lãng mạn và cổ điển. Hiện thực hư ảo này chỉ là sóng gió không bến bờ. Em không thể đứng vững nếu anh không ôm lấy em, giữ chặt em. Cô gái phóng xe về phía bờ hồ. Tóc em bay và váy em lồng lộng. Em đẹp và phơi mở thế mà anh bỏ bê em, để mặc em cho bọn phù thủy bao vây dụ dỗ. Anh không sợ bọn chúng bắt mất em sao. Đứng trước quán café, nơi người đàn ông đã hôn cô đến sưng cả môi hôm nọ gặp nhau lần đầu, cô rút điện thoại.

- Anh đây.

- Em nhớ anh quá. Càng có nhiều đàn ông bám theo em, em càng nhớ anh. Tất cả họ vừa ra một nghị quyết bảo vệ tài năng trẻ, rằng: hễ cứ gặp em ở đâu là có bổn phận lo cho em ăn uống đầy đủ và làm một cái gì đó cho em vui. Họ không biết em xanh xao vì anh. Dù vậy, họ vẫn bảo lúc này em đẹp ra. Nhưng bọn họ đã không biết tại sao em lại đẹp ra. Anh biết không?

- Biết.

- Tại sao?

- Vì em yêu anh.

- Kiêu hãnh quá đấy.

- Đã đành.

- Em cứ tưởng tượng đến lúc em có bầu (mà sinh tư cơ), em sẽ mặc một cái váy suông màu đen (ngắn thôi). Tóc vén lên để lộ ra một cần cổ cao (đúng ba ngấn) và đầy. Đôi chân thẳng chín mươi sáu phân kiêu hãnh nâng đỡ cái bụng tròn như quả đất, cưu mang một dòng dõi ưu tú.

- Tất cả mọi phụ nữ mang thai đều đáng yêu.

- Tại sao lại tất cả?

- Họ đều dịu dàng.

- Em không thích anh nói thế. Chỉ có một mình em đáng yêu thôi vì em mang thai những đứa bé là con của chúng ta. Em không muốn bị xếp hàng trong đám đông.

- Đấy là anh chỉ nói về một vẻ đẹp chung.

- Không, chỉ có một vẻ đẹp riêng là em. Em ghét anh rồi đấy.

- Đừng đi quá xa vấn đề.

- Nếu em nói tất cả những đàn ông có râu đều đáng yêu có được không?

Cô gái tức giận cúp máy. Cô cho rằng, anh không hòa cảm được với cô. Quay xe, cô không muốn nhìn thấy chỗ mà anh đã hôn cô nữa.

NĂM. Vịnh đẩy chiếc xe ra khỏi quán. Thế lè nhè bảo: Đàn bà là một giấc mộng. Tỉnh ra một giấc mộng dài, lại muốn vùi vào một giấc mộng khác. Nhưng đừng quên đấy chỉ là giấc mộng. Vịnh cười: Giấc mộng làm đầy thời gian và sớm đưa người ta đến bờ bên kia của thế giới, bởi vậy cần phải mộng liên tu bất tận nhất thiết như một ý nghĩa sinh tử của đời người. Thế nói: Ông bị dụ rồi. Vịnh thản nhiên như đã hốt ngộ chân lý: Đấy là một cơ duyên mà không phải ai đi tìm cũng gặp. Thôi lên xe đi.

Cơn gió ngoài đường làm Vịnh cảm thấy người nhẹ nhàng hơn. Trên con đường vô tận này, chúng ta luôn luôn làm khổ nhau vì những chuyện không đâu. Tiếng chuông điện thoại reo.

- Alô, em muốn nói chuyện với anh.

- Anh đang đi xe ngoài đường với một người bạn. Vịnh cúp máy. anh biết rằng không nên tiếp tục câu chuyện với cô khi cô đang quá bức xúc.

SÁU. Đứng trước cửa nhà một người bạn, cô gái rút máy điện thoại.

- Alô.

- Anh đây.

- Hồi nãy em rất cần nói chuyện với anh. Em muốn được nghe thấy giọng anh cho bớt buồn tủi, nhưng anh coi thường em. Anh yêu bạn anh hơn em.

- Lúc ấy đang anh đi ngoài xa lộ.

- Thôi anh cứ yêu bạn anh đi. Từ nay, đừng gọi điện thoại cho em. Đừng liên lạc gì với em nữa.

Cô tắt máy và gõ cửa. Cô bạn bước ra. Đấy là một cô gái rất đều đặn về hình thể, nhưng nhìn cô người ta có cảm giác cô đang nhão ra. Cô vẽ tranh lập thể hay trừu tượng gì đó. Trong cách cô ăn mặc, người ta nghĩ cô thích nghệ thuật sắp đặt. Phần trên, cô quấn một miếng vải thổ cẩm. Phần dưới, cô cũng quấn ngang một miếng vải màu xanh đậm. Có lẽ như cô chỉ vừa treo nó lên người để đón khách. Những phần còn lại của thân thể là một màu da trắng lợn cợn những lỗ chân lòng.

- Mày đấy à. Sao thất thần và xanh thế? Cô bạn hỏi.

- Thần đã lạc vào phương nam rồi.

- Thôi thì dẫn xác vào đây.

Cô bạn ôm cô dìu vào nhà. Trước khi đẩy cô xuống ghế, cô bạn xoay người ôm cô vào lòng:

- Mày xinh đẹp thế này, sao lại để phí cho một lão già mãi đâu đâu.

Cô đẩy bạn ra:

- Tao không muốn mày thương hại tao kiểu đó.

Nhưng cô bạn vẫn sấn tới ngồi sát bên cô, vuốt tóc cô, rồi bóp nhè nhẹ vai cô. Chở che và âu yếm.

Cô gục mặt xuống trong lòng hai bàn tay mình. Em muốn đi khỏi anh. Anh chưa bao giờ yêu em như em đã yêu anh. Em có cảm giác anh coi em như quả thị không dưng rơi vào bị anh. Và anh có em như thêm vào số đàn bà mà anh đã có. Em không phải là duy nhất và thiết yếu. Bởi vậy, em sẽ đi khỏi anh. Cô khóc.

Cô bạn hỏi:

- Để tao lấy rượu cho mày uống nhé?

Cô bạn đứng lên lấy tay hất ngược mái tóc ra phía sau. Miếng vải quấn quanh ngực rơi ra, cô cầm lấy vắt quàng qua cổ. Trông cô như một nhân vật ở một cõi nào khác, thơ mộng và bí ẩn.

- Nào, uống.

Em chỉ muốn say với anh ở một thế giới không còn bất cứ ai. Quá khứ là một gánh nặng mà con người phải mang theo như thập giá. Em muốn quên tất cả cho những cảm xúc mới mẻ được hình thành như thể anh và em là những con người đầu tiên trên mặt đất nếm trải vị ngọt của ái tình, không e ngại phía trước, không bận tâm phía sau. Chẳng có quá khứ nghĩa là không cần tương lai.

- Một cốc cho sự điên cuồng của mày.
- Một cốc cho sự hồn nhiên và thơ dại của tao.
- Một cốc cho người vắng mặt.
- Một cốc cho người có mặt đã chết.
- Một cốc cho nỗi thèm khát thánh thiện.
- Một cốc cho niềm cô đơn tội lỗi.

Hai thân xác ngả qua ngã lại. Sắc màu của trần gian lóng lánh. Ánh sáng và bóng tối của tình yêu ngút ngàn.

- Mày ở lại ngủ với tao. Cô bạn nài nỉ.
- Không, tao chỉ ngủ với chồng tao thôi.
- Mày bắt đầu nhận vơ rồi đấy.
- Không, anh ấy là chồng tao. Mỗi đêm áo anh ấy đều đắp trên người tao một ngôi mộ thanh xuân cháy bỏng.
- Áo nào thế?
- Mày không biết "yêu nhau cởi áo cho nhau" à?

Em thật sự bất ngờ và cảm động khi nhận được chiếc áo mà anh đã mặc hôm gặp em lần đầu. Và em cũng chỉ biết đáp lại cái nồng

nàn (đậm đà bản sắc dân tộc) tuyệt vời này bằng cách tặng lại anh chiếc áo em mặc ngày hôm ấy, cũng như anh. Đi đâu em cũng mang theo nó trong chiếc ba lô nhỏ của em, kể cả lúc đi học. Nó luôn luôn ở bên em. Em thèm khát cảm giác được anh ôm chặt, ấp ủ và tan biến.

- Cởi xong rồi phải mặc lại chứ. Cô bạn nói theo một kiểu khác. Tao vẫn cho rằng sở dĩ người ta khổ vì người ta thích tự ràng buộc. Xong việc, mặc quần áo, ai về nhà nấy. Còn khối chuyện phải làm.

- Nhưng chẳng có chuyện gì, việc nào linh thiêng và đầy đủ cho cuộc sống hơn là yêu nhau. Tất nhiên, giữa một người đàn ông và một người đàn bà.

BẢY. Vịnh ngồi im lặng trước bàn làm việc. Trong phòng không có ai. Anh để cái đầu của mình tựa trên hai bàn tay xòe thẳng, hay nói một cách khác, hai bàn tay xòe thẳng đang che giấu khuôn mặt anh trong một nỗi trầm tưởng. Thời gian gõ tích tắc trong cái đồng hồ trước mặt, tiễn đưa mọi số phận vào hư vô. Ừ, tất cả mọi thế đều sẽ được xóa nhòa một cách công bằng. Bởi vậy, anh nghĩ rằng, chỉ có tình yêu đôi lứa may ra làm cho đời sống bớt thiệt thòi. Vịnh bốc điện thoại gọi tổng đài 411.

- Làm ơn cho nhắn số máy 56789.

- Anh cho biết nội dung?

- Bắn một ngàn quả đại bác để tạ lỗi.

- Những một ngàn quả hở anh?

- Vâng, không ít hơn. Cảm ơn.

Gác điện thoại xong, anh bần thần đi lại trong phòng. Em đừng đi hỏi anh. Đừng cắt đời sống khỏi nguồn mạch của nó và đừng làm cho thể xác này mất linh hồn. Vịnh mở ngăn tủ lấy chiếc áo thun màu trắng vẫn thơm mùi nước hoa đã trở thành quen thuộc trải lên bàn. Rồi anh ngồi xuống ghế, cúi hôn chiếc áo. Anh hít thật sâu tất cả hương vị của cô gái. Em đã biết cách đẩy hòn đá tảng ù lì chồng chất thời gian khỏi mạch nguồn cảm hứng sáng tạo bằng những kịch bản yêu đương rất Pháp. Đưa anh đến những cảm trạng khác nhau của tình yêu, từ bản năng mê đắm tới những hình thái thần thánh của sự lãng mạn. Anh không ngừng tuôn trào tất cả sinh khí trên những nỗi nhớ nhung. Nhưng quả thật, anh không muốn có con nữa. Anh vẫn thấy cuộc sống của con người là một sự may rủi. Mà bản chất của cuộc tồn sinh đã là điều không may. Mỗi lần nói đến chuyện con cái, họ đều bất hòa. Cô gái thích mình có nhiều con. Điều ấy chứng tỏ khả năng

làm phụ nữ và biểu thị một đời sống vợ chồng trên đỉnh cao của yêu đương. Bất chấp mặt đất đang chật chội và ánh sáng mặt trời đang chết. Bất chấp dòng sông đang cạn nước và mọi kế hoạch sinh đẻ của Liên Hiệp Quốc. Nhưng anh sợ sự bất hạnh. Hơn thế, anh biết rằng mình không đủ khả năng và điều kiện chăm sóc con, mà đối với anh, đứa con không thể không có cha. Cô gái bảo, cô có thể tự lo cho con đầy đủ, chỉ cần anh yêu con và cho nó mang dòng họ anh. Đấy là điều em kiêu hãnh. Cô tin vào sức mình. Nhưng anh không tin điều gì ở tương lai. Không ai kiểm soát được số phận mình. Lại càng không thể kiểm soát được số phận người khác. Bất trắc là một thuộc tính của cuộc sống. Rất nhiều lần, cô đã muốn đi khỏi anh vì anh không cho cô niềm hi vọng được đẻ ra những đứa con của anh. Cô nói: "Một cô gái có nhiều đàn ông sẵn sàng quì xuống dưới chân như em mà đã yêu anh đến thế, chấp nhận thiệt thòi đến thế để có anh, bất chấp dư luận và sự đe dọa của bố mẹ để giữ anh mà không xứng đáng được có con với anh ít nhất như một phụ nữ bình thường sao? Huống chi em chẳng phải là thứ ruồi bu kiến đậu. Em đẹp đúng không? Học giỏi đúng không? Con nhà gia giáo đúng không?"

Anh vẫn lấy làm lạ, một cô gái trẻ như cô, hiện đại như cô mà lại thích có con đến vậy. Cô bảo, anh không thấy đấy là một tình yêu chín chắn và mong muốn sự bền vững ư? Em chỉ muốn em sẽ là vợ anh. Em không phải là người tình. Nếu anh chỉ coi em như một người tình, thì em sẽ tát vào mặt anh rồi bỏ đi. Em là một cô gái phương Đông, yêu truyền thống và biết quí trọng dòng dõi. Đừng nghĩ em hào hứng và sôi nổi.

Ông Thi đột ngột bước vào phòng, Vịnh bình thản xếp lại chiếc áo, hỏi:

- Có chuyện gì vậy anh?

Ông Thi không trả lời mà hỏi lại:

- Tối nay ông trực?

- Vâng.

- Ông mở máy xem bên thông tấn xã đã phát tin thông báo đồng chí cố vấn qua đời chưa?

- Vâng. Tội nghiệp ông cố vấn phải đợi hơi lâu. Các đài nước ngoài đã đưa tin ông ấy chết cách đây mấy ngày rồi mà.

- Có lẽ Bộ Chính Trị muốn cho dân chúng vui chơi hết mấy ngày lễ cái đã. Tuyên bố quốc tang lúc này thì chết mấy thằng cha bầu sô. Ông thấy không: dân vi quí, xã tắc thứ chi, quân vi khinh. Cái ông Mạnh Tử chắc gì đã tôn trọng nhân dân bằng mình.

Vịnh vừa mở máy vi tính, vừa đùa:

- Nếu ông ấy ăn phở trước khi chết thì chắc là khỏi phải chích phoóc môn.

- Ông có hay ăn phở không?

- Có lẽ nhờ phở mà lưng tôi không bị cong.

Ông Thi nói như thể không định cho Vịnh nghe:

- Chẳng còn thứ gì tinh khiết.

- Kể cả nước lã.

- Dường như ông quan tâm tới một cái gì khác không phải công việc. Chợt ông Thi đổi giọng.

- Tôi đang học chữ *nhẫn* của người xưa.

Ông Thi hạ một câu mà Vịnh không biết ông ta thâm độc hay chỉ đùa:

- Mai phục à?

- Tôi không có tham vọng về công danh. Chính trị lại càng không. Tôi chỉ muốn sống được với những người chung quanh, kể cả người không yêu.

- Hình như ông đang có bồ.

- Không, tôi đang có vợ và điều ấy không ảnh hưởng gì đến hòa bình thế giới.

Em thấy không, anh báo cáo sếp rồi đấy. Có bao giờ anh coi em là người tình đâu.

Dù nắng cháy đồng cỏ hay mưa dầm thối đất, con tê giác bao giờ cũng nằm ngủ gác đầu lên một gò đất và đâm sừng về phía trước. Tiếng thở của nó vang động cả một khoảnh rừng. Và bởi thế không có một con vật nào dám quấy nhiễu nó, kể cả những loại muỗi có vòi dài như một lưỡi dao găm.

TÁM. Khoảng cách giữa họ tính theo đường xe lửa là 1726km. Thư từ và điện thoại cho dẫu hằng ngày, hàng giờ cũng không khỏa lấp được khoảng trống về không gian. Và bởi thế, cô gái không chịu nổi nỗi cô đơn đã quyết định phải gặp anh ngay từ những ngày nghỉ đầu tiên của mùa hè. Cô chọn Nha Trang bởi cô chưa biết Nha Trang và rằng Nha Trang đẹp, nơi để người ta yêu nhau cùng với sự phấn khích của gió và sóng. Cô nói rằng: Em yêu anh nhiều hơn yêu chính em, nên em chấp nhận vượt một khoảng cách xa hơn anh để chúng ta gặp nhau. Khoảng cách ấy là 1315km, gấp hơn ba lần con đường anh đến với cô. Em sẽ đi trước tới đó và thăm tất cả thắng cảnh của nó. Khi gặp anh, tất cả thời gian còn lại em dành

cho anh.

Cái khó nhất của cô là thuyết phục bố mẹ cho phép cô làm một chuyến du hành dài. Cô thưa với bố:

- Bố biết đấy, công việc của con sau này đòi hỏi một sự hiểu biết hơn người. Thế mà con thực sự chưa biết gì hơn trong sách địa lý về đất nước mình.

- Bố nghĩ rằng khi con học xong, con có thể làm bất cứ điều gì con cho nó là cần thiết.

- Có rất nhiều việc phải làm bố ạ, mà con nghĩ điều gì mình có thể làm được thì hãy làm. Con cần nạp một số kiến thức sống, ngoài việc đọc sách báo.

- Nhưng con đi một mình, bố sợ.

- Con không giết ai thì thôi, chứ ai giết con được con gái bố.

Tuy nói thế, nhưng tận trong thâm tâm em biết em là một nạn nhân tự nguyện hiến tế. Cái sừng của con tê giác vằng vặc trên bầu trời. Nó đã giết em cả đêm lẫn ngày.

- Chương trình của con thế nào?

Theo cách hỏi của bố, cô cảm thấy sung sướng vì bố đã cho phép.

- Con định ghé Huế ba ngày. Sau đó vào ở Nha Trang với cô Ái một tuần lễ. Những ngày còn lại là Sài Gòn.

- Còn lại là bao lâu?

- Vừa đủ thời gian con trở lại trường nộp bản kết quả thực tập.

Em tính thế này: Năm nay mình gặp nhau ở Nha Trang, sang năm sẽ là Đà Nẵng, năm tới nữa là Huế. Và chỗ để cho những đứa con mình tượng hình sẽ là Sapa. Em muốn được thụ thai vào mùa đông trên những đỉnh cao của núi đồi. Ở trên ấy, chúng ta sẽ gần với các thần linh hơn khi chúng ta nối vào nhau.

Trước khi tới ngày ấy, cô thường nhận được những lời nhắn qua điện thoại như: AN TUOI NUOT SONG, hoặc: CAN NAT EM. Những lời nhắn đầy vẻ khủng bố ấy làm cô sung sướng hạnh phúc vì nó bộc lộ một nỗi thèm khát bạo tàn, một tình yêu chất chứa đầy bản năng muông thú và sơ nguyên. Cô ra lệnh cho anh mỗi ngày phải nhắn tin cho cô ít nhất hai lần, sáng và chiều. Đấy là em muốn tạo điều kiện thuận lợi cho anh thôi, chứ thực ra em thích nhận được lời nhắn của anh lúc giữa đêm vì lúc ấy em nhớ anh nhất, buồn tủi nhất. Có bốn tấm hình của anh thì một tấm em treo trước mặt trên bàn học, còn ba tấm kia em bỏ vào trong ba lô để đi đến đâu em cũng có thể nhìn ngắm anh. À, cái vòng đeo tay anh cho em nó bị đứt dây, ngày mai em phải mang đi cho thợ xỏ lại. Vì khi gặp anh, em muốn đeo cái

vòng ấy ở cổ tay, đeo cái dây chuyền anh tặng em ngày phụ nữ ở cổ, đeo cái nhẫn anh cho hôm sinh nhật trên ngón tay áp út bên trái để tuyên xưng với toàn thể nhân loại rằng em là vợ anh. Bọn trong lớp bảo sao em lại đeo nhẫn ở ngón tay người đã có chồng, không sợ ế à? Em bảo: Ừ, tao muốn thế. Bọn chúng chẳng thể nào hiểu được. Tuy thế, em đã cùng chúng nó thách đố với nhau, mười năm nữa sẽ mang đọ chồng và con. Em tin rằng, em sẽ là người chiến thắng vẻ vang, bởi vì xét về chồng thì chẳng có gã đàn ông nào bằng anh. Xét về con thì con chúng ta vừa đông, vừa đẹp, vừa thông minh. Đúng không, đông vì anh khỏe mà em lại thích con, càng nhiều càng thích. Đẹp và thông minh vì giống em. Ngữ chúng nó làm sao sánh được.

Quẳng chiếc ba lô lên bàn, cởi giày và tất cả mọi thứ trên người, cô quàng chiếc khăn lên vai và đi vào buồng tắm. Nước ấm làm cô cảm thấy dễ chịu. Không biết anh thích mùi xà phòng này không. Mùi quả em thích nhất là táo, nhưng để ăn em lại thích vị chua của xoài. Anh có cùng ý thích với em không? Ông nhạc sĩ xem bói cho em bảo rằng, anh với em cùng một nhịp sinh học, khi đối chiếu tên em với tên anh. Em cứ tưởng tượng những cái rướn người mà mụ cả đầu óc.

Tiếng chuông điện thoại di động reo.

- Em đang tắm.
- Cho anh vào.
- Ừ, vào đi. Anh có nghe thấy tiếng nước không?
- Có.
- Tắm cho em đi.
- Xà phòng táo nhé.
- Sao anh giỏi thế. em thích mùi táo.

Cô nhìn cô trong gương, thầm nghĩ cũng không đến nỗi nào.

- Em muốn vẽ tặng em một bức tranh mà màu trắng của da như thể ụp vào mặt người xem. Cái ấn tượng trắng và sự gợi cảm trong suốt làm choáng ngợp cả không gian và kéo dài trong thời gian. Anh vẽ được không?

- Được.
- Thế nào?
- Hai ngày nữa em sẽ nhận được.

Cô gái lau người và mặc một chiếc váy rộng. Với chiếc váy này, em nghĩ anh có thể chui vào được. Và an nghỉ. Cô cầm theo cái lược và leo trên sân thượng lên tầng bốn. Dựa vào lan can, cô nhìn mông lung về phương nam như cô vẫn nhìn theo hướng ấy mỗi khi cô đứng ở đâu đó, bởi vì không một lúc nào cô lại xao lãng niềm nhớ mong của

mình. Em vẫn thích hình ảnh hai người hôn nhau trên đỉnh cao để cho gió lộng vào trong váy. Vào Sài Gòn, anh dẫn em đến một chỗ nào cao được nhỉ? Ừ, anh đưa em xuống Biên Hòa. Có mấy đỉnh đồi gió lộng. Ngay ngày mai em phải đi mua vé thôi. Dù còn hai tuần lễ nữa mới có thể đi được, nhưng em muốn tự đặt mình vào tình huống không thể thay đổi.

Đúng hai ngày sau cô nhận được quà chuyển phát nhanh. Một bức tranh để trắng, dưới góc ký tên anh, kèm với lá thư anh viết: Không có màu trắng nào trong bằng da em, không có vẻ đẹp nào linh thánh bằng em và không có một xúc cảm nào lớn hơn khi anh chạm vào em. Một xúc cảm thuần khiết cứ để nó trôi trong không gian.

Cô trả lời anh: Em rất xúc động vì bức tranh ấy, bởi vì anh đã vẽ em không giới hạn. Em sẽ treo nó trong phòng ngủ. Nhìn nó, em có thể mường tượng được tất cả sự nồng nàn da thịt em dâng hiến cho anh. Em cũng có thể nghe được những âm thanh um tùm say đắm trên mỗi sợi bố mà cuộc đời chúng ta dàn trải.

CHÍN. Vịnh vừa bước vào phòng đã nghe ông Thi lên tiếng:

- Nhà thơ Bùi đang nằm cấp cứu trong bệnh viện Chợ Rẫy. Ông vào trong đó xem sao.

- Sao không để cho tụi phóng viên đi?

- Tôi nghĩ là ông viết về ông Bùi thì hay hơn bọn nhỏ.

- Cảm ơn. Để tôi đi.

Có cả ngàn những lý do chẳng liên quan gì đến văn học để người ta không công nhận ông một cách chính thức, nhưng với không ít người, ông vẫn là một nhà thơ lớn, một vóc dáng kỳ lạ và một nhân cách hiếm hoi. Thơ ông mặc dù cổ điển cả trong thi pháp lẫn tư tưởng vẫn toát ra một vẻ tài hoa phi thường. Với ông, ngôn ngữ là một trò chơi, ông tung hứng nó trong sự ngẫu nhĩ tồn sinh của mình. Và với ông, thơ là hơi thở nên cuộc sống đã là một bài thơ bất tuyệt. Người ta thấy ông nhảy múa ngoài đường như một người điên. Và ông rong chơi trong suốt những cõi miền của mộng và thực như một thực thể duy nhất hơn bất cứ một sinh vật tự do nào. Ông không giống ai trong cả thơ và cuộc đời. Ông là một thế giới riêng biệt do chính ông tạo ra. Có cả những kẻ trầm mặc và nông nổi bám theo ông như một lũ rối, ăn mặc kiểu cọ và nói năng như những đấng tiên tri. Họ sản xuất ra hàng nhái và kiêu bạc như một phẩm chất của thiên tài.

Khi Vịnh tới bệnh viện, các bác sĩ cho biết, trước anh đã có nghệ sĩ sầu muộn tới thăm ông. Chị đã khóc khi thấy ông trần

truồng nhỏ bé được che phủ bằng một tấm drap trắng với một ống thở trong hôn mê sâu, chờ giải phẫu. Người đàn ông ngang tàng đã yêu chị bất kể chị có yêu ông hay không, bất kể hoàn cảnh gia đình chị ra sao trong suốt cuộc đời hơn bảy mươi năm của ông. Dù dông bão hay nắng cháy, ngày nào ông cũng đến gõ cửa nhà chị, dù chị có nhà hay không, để viết tặng chị một vài câu thơ si tình điên dại. Cảm động vì tình yêu lớn lao ấy, chị mua sẵn mấy tập vở để ở nhà dành cho ông muốn viết gì thì viết. Nhiều lúc thấy ông rách rưới quá, chị sắm quần áo mới cho ông và gửi tiền để ông chăm chút sức khỏe. Nhưng cả quần áo và tiền chị cho ông, ông đều đem cho lại một ai đó trên đường ông gặp mà ông cảm thấy họ cần. Chị kể ngày xưa lúc ông còn trẻ, ngưỡng mộ tài năng diễn xuất bi ai của chị, ông đã nhờ người đến hỏi cưới chị. Lúc đó, chị chỉ được nghe giới thiệu ông là một giáo sư, mới ở nước ngoài về. Chị trả lời ông rằng, chị không thể nhận lời ông, bởi vì chị và ông thuộc về hai thế giới khác nhau, dẫu rằng cùng một nòi tình. Nhân tiện, có một đứa cháu gái chị mới lên hai đang ngồi chơi trong phòng, ông nhìn nó và nói: Nếu em không thể lấy tôi, thì cho phép tôi được hỏi cưới đứa bé gái kia, để cho tôi được gần gũi em cho dù nghịch cảnh trái ngang hai hàng mưa chiều phố thị. Chị sững sờ vì không biết ông đã điên từ lúc gặp chị, hay đã gàn từ thuở dê xuống núi. Trước vẻ hết sức nghiêm trang của ông, chị buộc phải thưa lại cũng cực kỳ nghiêm trang rằng: Ông vui lòng đợi cháu đến năm mười tám tuổi xem ý cháu thế nào, tôi không dám quyết định giùm người khác, cho dẫu đó là một niềm hoan lạc vô biên hay một số phần ấm êm trưởng giả.

Từ đấy ông làm thơ cho chị và gọi chị là thân mẫu sầu muộn kính mến. Trong tất cả mọi biến cố của đời ông đều có thân mẫu sầu muộn bên cạnh, cho đến khi ông chết. Để cho tình yêu được tôn vinh mãi mãi, không có một dịp nào tưởng nhớ ông như giỗ chạp, hội thảo mà người ta lại quên mời người nghệ sĩ được ông yêu mê cuồng.

Ngay sáng hôm sau, bản tin về sự ngộ nạn cùng tấm hình hài thoái hóa thơ dại của ông được đăng lên, các nghệ sĩ đủ mọi thứ hạng đã ngồi lại với nhau để bàn tán về ông. Một vài người trong số họ đã chuẩn bị viết bài tiễn đưa ông để kịp đăng báo sớm nhất. Đấy là một vinh dự lớn lao, nó mang lại cho người viết cái cảm giác đồng đẳng với người quá cố. Nhưng đã không có một ai vào thăm ông, ngoài một vài người trong họ tộc vốn dĩ vẫn âm thầm chăm sóc ông từ lúc ông quên mình là ai, đi đứng làm gì trong cõi đời phiền lụy này.

Vịnh trao đổi với các bác sĩ của phòng cấp cứu và phòng giải phẫu, được biết ông không có cơ may nào sống sót sau cú ngã đã để lại những cục máu bầm trong não. Anh nhìn ông chết. Cái chết thầm lặng một mình. Giữa những bức tường cao trắng, trút bỏ khỏi thân xác tất cả râu, tóc, áo quần và cuối cùng ông cũng trút bỏ cả thân xác đã trở nên hết sức nhỏ bé. Không ai hỏi ông đi đâu.

Xác ông được quàn tại một ngôi chùa thuận tiện cho việc phúng điếu. Ở đấy, các nghệ sĩ đủ mọi thứ hạng lại tụ tập để viết vào sổ tang những kỷ niệm giờ đây đã trở thành thiêng liêng, những ý nghĩ lớn lao của mình về nhân sinh bèo bọt. Họ sốt sắng đưa đón nhau và ai ai cũng muốn chứng tỏ mình là người đã từng đóng một vai trò quan trọng và có thâm tình sâu sắc với người nằm trong hòm. Họ sát cánh với thân nhân họ tộc như một ban lễ tang và kiến nghị với chính quyền thành phố một chỗ nằm xứng đáng với vị trí văn học của ông trong nghĩa trang thành phố. Nhưng họ tộc đã từ chối vinh dự ấy và giữ nguyên quyết định chôn cất ông trong vùng đất của gia đình. Trong lúc chờ đợi, họ nhậu nhẹt và ứng tác đọc thơ viết cho ông. Những người khôn ngoan nhất thì lặng lẽ vận động để cho mình có thể đọc được điếu văn trước huyệt mộ ông. Số này đông quá đông, bởi vì hiển nhiên những người biết làm thơ đều thông minh. Không thể làm mất lòng họ, vì nghĩa tử là nghĩa tận, nên họ tộc người quá cố đã phải họp với nhau tìm một giải pháp khả thi, cuối cùng thì họ quyết định đưa ma ông sớm hơn một ngày và dành thời gian cho các thân hữu đọc điếu văn. Điều sai lầm ấy đã dẫn đến một kết quả tai hại là quan tài ông phải nằm trên miệng huyệt đúng năm ngày bốn đêm. Sự thông minh của các nhà thơ không ai có thể lường được, bởi thế không biết đã phải là người thông minh nhất chưa, một nhà thơ nổi tiếng vì biết làm giàu bằng tài chửi bới đã thu thập ngay tất cả bản thảo viết xung quanh cái chết mang tính văn học sử này làm sách, kể cả điếu văn. Nghe đâu nhờ cuốn sách mà người thông minh nhất ấy sưu tập được thêm một người tình và mua được một cái xe mới.

Trước đó, ở tòa soạn, ông Thi hỏi Vịnh:

- Theo ông, mình có thể đặt hàng ai viết về nhà thơ Bùi là hay nhất?

- Tôi thấy nhạc sĩ Miên có năng khiếu và tin cậy được. Hơn nữa, tên tuổi của ông cũng đủ sang trọng cho tờ báo.

- Được. Ông liên hệ thử xem. Làm sao ngay chiều nay mình có bài. Ông lo giùm tấm hình luôn.

Con tê giác vẫn nằm ngủ, bốn chân quặp xuống đất như đóng

đinh. Nó cố thủ cuộc sống, bởi vì nó biết rằng, sau nó không còn một con tê giác nào trong cánh rừng này. Dẫu biết thế, trong suốt những ngày còn lại của cuộc đời, nó không ngừng đi tìm con cái với một niềm hi vọng cháy bỏng được đâm xuyên qua cái mềm mại của bóng tối bằng tất cả sức mạnh đã tồn lưu trong cơ thể sứ mạng của dòng dõi và khoái cảm trút bỏ mình trong rừng rậm.

MƯỜI. Đại hội của những người làm điện ảnh diễn ra vào mùa hè, khi mà những thước phim nhựa đã trở nên hiếm hoi vì khó khăn tài chính, nhưng tiếc thay trái với qui luật cái gì hiếm hoi thường quí, những thước phim hiếm hoi ấy đã được làm ra từ những tư duy phục tùng và được thúc đẩy bởi những toan tính phi nghệ thuật cùng những phương tiện làm phim ở vào thời kỳ của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, trong khi loài người đã thoát ra khỏi cuộc thế chiến thứ ba bằng một sự thức ngộ rằng không có kẻ thù nào là vĩnh viễn ngoài chính sự ngu dốt của mình. Cô gái đến nhà hát, nơi những đại biểu tham dự đại hội đang cãi nhau như mổ bò chung quanh việc làm thế nào để xây dựng một nền điện ảnh tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc, đúng lúc đạo diễn Huy Hoàng vừa từ trong toilette bước ra và ông ta muốn đứng ngoài tiền sảnh hút một điếu thuốc. Đối với ông, nghệ thuật chỉ là vấn đề tài năng, không thể đổ lỗi cho cơ chế hay hoàn cảnh xã hội. Hiện thực đời sống là một bản sắc. Cách biểu đạt nó thuộc về ngôn ngữ cá nhân. Điều cần phải làm là chấm dứt cái thói biến sự thật thành giả đã trở nên bệnh hoạn phổ quát trong cuộc sống.

- Chú Hoàng, cho cháu vào xem với.

Cô gái lên tiếng khi nhà đạo diễn vừa bật hộp quẹt. Tiếng nói thoát ra từ một khuôn mặt đang trở thành đàn bà đã khiến ông quăng bỏ que diêm.

- Vào đấy làm gì cho ô uế tình cảm với các bậc bề trên. Cứ ở nhà mà tưởng tượng cũng viết được. Đại hội nào mà không thành công tốt đẹp.

- Khổ quá, cháu cần phải có bài trước khi đi Sài Gòn.

- Thế thì lấy cái thẻ đại biểu của chú này mà vào. Nhưng coi chừng chết ngạt. Mà cháu chết bây giờ thì uổng phí quá.

- Cho ai cơ ạ?

- Thì cho tất cả những ai yêu mến cháu.

- Trong đó có chú phải không?

- Tất nhiên. Bởi thế, việc tốt đẹp nhất mà cháu có thể làm

bây giờ là đi với chú.

- Vào trong ấy?

- Không. Đi ăn trứng kiến.

- Trứng kiến thì cháu thích lắm, nhưng không phải lúc. Cháu muốn nghe các bậc bề trên đọc discour về vận mệnh điện ảnh nước nhà. Chú biết cháu mê điện ảnh thế nào.

- Nhưng cần phải xác định nền điện ảnh nào?

- Cháu cho rằng chỉ có hai thứ điện ảnh: giới tính và phi giới tính.

- Hay đấy.

- Các loại discour cũng thế: âm, tính, dương tính hoặc bán nam bán nữ.

Đạo diễn Huy Hoàng cười khoái trá. Cô gái nói tiếp:

- Thế giới được hình thành bởi đàn ông và đàn bà và các nhà chính trị. Đồng thời thế giới bị bôi xóa bởi bọn không phải đàn ông cũng không phải đàn bà và các nhà chính trị.

- Thế thì cháu lại càng không nên vào trong ấy.

- Sao thế ạ?

- Có thể bị đảo lộn giới tính đấy.

- Thế thì lại càng nên vào để xác lập lại các mối quan hệ.

- Cháu không định đùa đấy chứ?

- Nghiêm túc.

- Thì vào.

Đây là buổi họp kín của các đại biểu nên đại hội không cho bất cứ một phóng viên nào vào săn tin. Đạo diễn Huy Hoàng dẫn cô gái đi vào phía sau của hội trường và bảo:

- Cháu không thể xuất hiện ở bên dưới được. Cứ ngồi đây có thể nhìn thấy đại biểu nào đăng đàn phát biểu.

- Cháu cám ơn chú.

Đạo diễn Huy Hoàng về chỗ ngồi của mình. Dường như có nhiều người đến đây để bông phèng. Họ vỗ tay khi những người khác vỗ tay và chụm đầu tán gẫu. Cô không tìm thấy điều gì thuộc về giới tính nhưng cô thực sự ngạc nhiên về sự vô bổ long trọng này. Một số vấn đề đã được báo chí đề cập như cách đánh động vào sự ù lì, chai cứng được các đại biểu nói lại và tiếp tục được ghi nhận. Những nỗi ưu tư máu thịt được lóc ra khỏi thân thể và nó biến thành những miếng mồi. Nhiều kẻ thèm thuồng những miếng mồi ấy. Người ta vẫn ăn thịt nhau để sống và sự vinh quang của người này là mồ chôn của người khác. Tuy nhiên, điều cô nhận thấy là cả ánh sáng của sự vinh quang và bóng tối trong nấm mồ chỉ là sự tự kỷ của những con người bất tài mê danh vọng. Bởi thế, họ tranh nhau nói bất kể điều họ

nói có ai nghe hay không. Dẫu sao, mọi việc rồi cũng phải kết thúc. Một số người nào đấy đạt được quyền lực mà họ muốn, số còn lại thì tự an ủi mình bằng sự bôi bác cái quyền lực mà Thượng đế không dành cho mình và phỉ báng những kẻ được Chúa chọn.

Cô gái bỏ ra ngoài. Cô nhớ tới những câu thơ anh viết: *"Em đừng khóc, âm thanh của đám đông. Lòng tin làm nên ánh sáng. Em đừng sợ, sự tối tăm của đám đông."* Cô đi về phía đường Âu Cơ, qua Hồ Tây· gió lùa vào trong tóc. Cô thèm bàn tay anh vuốt ve. Mỗi khi cảm thấy hụt hẫng, cô vẫn đi về phía ấy, nơi khởi nguồn của tình yêu và nụ hôn đầu tiên đã đậu xuống trên đôi môi để cô hứng nhận một cảm giác được vỗ về, an ủi.

MƯỜI MỘT. Nhạc sĩ Miên ngồi dưới gốc cây bồ đề với một chai rượu và dăm ba người khác làm mồi. Họ uống rượu, chiêm nghiệm và xưng tụng. Cây bồ đề không say mặc dù rượu đổ xuống đất làm ướt sũng mấy cái chân ghế. Nhạc sĩ Miên đăm đam nhìn về phía trước, những người khác cũng đăm đăm nhìn về phía trước như thể không bao giờ họ nhìn về phía sau. Ở phía rất xa, mặt đất cong xuống, cái nhìn của họ vẫn nằm ngang trên một đường thẳng.

Nhạc sĩ Miên phều phào nói trong một âm lượng rất nhỏ. Tuy thế, những người thường ngồi với ông bao giờ cũng nghe được tiếng ông thoát ra từ khoảng hở của những chiếc răng đã rụng lời rao giảng của một ngôn sứ.

- Moa cho rằng cuộc sống là một cuộc ra đi không trở lại. Đó chính là ý nghĩa của thời gian. Sự hồi tưởng làm nên nghệ thuật của cái bi tráng về thân phận con người.

Những người khác đồng thanh lập lại:

- Thân phận con người.

- Khi moa uống rượu, moa biết mỗi giọt rượu là một đóa tinh anh của sự khổ nhọc nơi con người.

Những người khác đồng thanh ngắt quãng:

- Là một đóa tinh anh.

- Bởi thế, kẻ uống rượu chỉ biết rượu là rượu không thể ngồi chung với moa. Nhưng kẻ uống rượu không biết rượu chỉ là rượu cũng không thể ngồi với moa. Nghệ thuật là một ý thức đốn ngộ về cái bản thể và cái vô thể.

Những người khác lại đồng thanh lập lại:

- Ý thức đốn ngộ về cái bản thể và cái vô thể.

Từ xa, Vịnh đã nghe âm vọng của dàn đồng ca: *Ý thức đốn ngộ*

về cái bản thể và cái vô thể. Âm vọng ấy như những mũi kim đâm thẳng vào vực đan điền làm anh đau quặn bụng. Vịnh nghĩ rằng chất chua trong bao tử đã làm xáo trộn hệ thống tiêu hóa. Anh không thể kịp quay về cũng không thể đi tới. Anh cố nín. Và mồ hôi anh toát ra nồng nặc một mùi thối. Không nhìn ai, anh một mạch phóng xe về nhà. Tắm xong, anh gọi điện thoại cho nhạc sĩ Miên phân trần:

- Lẽ ra tôi phải gặp anh để xin bài, nhưng thú thật là tôi hốt nhiên quá buồn không thể nào điều khiển được mình. Tòa soạn nhờ anh viết cho một bài về ông Bùi, sáng mai tôi ghé lấy được chứ.

- Ô kê. Không gặp tôi cứ hỏi người nhà. Ông hơi nhạy cảm quá đấy.

- Vâng, cám ơn anh.

Cứ để ông ấy hiểu sao cũng được. Vịnh nghĩ.

Mất khả năng điều khiển chính mình là một tình trạng bi đát không chỉ ở lĩnh vực sinh lý, mà đối với một số người còn là một tình trạng sa đọa về tâm hồn. Nhưng đôi khi một hủy hoại này lại làm bùng nổ một thăng hoa khác. Thiên tài là một hiện tượng mất cân bằng mang tính đặc thù nơi một cá thể về nhân cách và thể chất dưới cái nhìn của đám đông. Nhưng Vịnh lại tìm thấy trong phẩm chất đặc biệt ấy một sự phối ngẫu ở đỉnh cao những tố chất khác biệt mà những kẻ tầm thường không thể nào chịu đựng nổi. Vịnh nhớ tới cô gái của mình. Anh mang một tâm trạng trống không sau cơn trút xả tới bến bờ của hệ thống tiêu hóa đến quán café của Thế.

Bà chủ quán xinh đẹp và không kém phần quí phái vốn là má mì được Thế mang về từ một quán bia ôm. Chị hát rất hay và những bài chị hát cho người ta biết nỗi niềm tú bà của chị là một cuộc ngộ nạn khi những giá trị xã hội bị đảo lộn. Vịnh vẫn thích Thế ở những chỗ không phải chỉ là nghĩa cử của Từ Hải mà còn vì anh luôn sống hết với những mối tình của mình. Những "hậu quả nghiêm trọng" đều được các bà cô hoan hỉ đón nhận như những gì quí giá nhất của cuộc đời và họ có thể an vui với những gì còn lại sau cuộc tình. Không trách móc, không đòi hỏi, họ tự sống như thể họ đã sống một cuộc đời đáng sống.

Nhu Mì, bà chủ quán, ra chào Vịnh:

- Anh ngồi chơi uống nước, hôm nay anh Thế đến trễ. Lúc này sao ít thấy anh đến chơi.

- À tôi cũng hơi bận.

- Anh uống gì để các em nó làm?

- Em cho một Lipton nóng.

- Bé Phụng nó vẫn nhắc anh đấy.

- Cô ấy bây giờ đâu rồi?

- Nó đi làm tiếp thị cho một hãng mỹ phẩm.

- Tôi vẫn thích cô ấy hát bài *Vai áo màu xanh.* Có một điều gì ấy hết sức nhạy cảm trong cách cô ấy diễn đạt bài hát. Tôi có cảm giác bản chất của cô ấy trái ngược hoàn toàn với công việc cô ấy làm.

- Có lẽ cái anh hiểu về nó khác với những người khác làm nó luôn nhớ tới anh.

- Tôi cũng không chắc thế.

- A anh Thế đến rồi kìa!

Thế lừ đừ bước vào quán kéo ghế ngồi cạnh Nhu Mì. Không cần hỏi, một chai bia được mang tới. Thế nói:

- Ông cần phải đến đây thường xuyên hơn để quăng bỏ những gánh nặng không cần thiết và nhận lấy hương mật của rừng rú.

Nhu Mì đứng lên, chị bước lên bục. Người nhạc công một thời oanh liệt rúc lên tiếng kèn muộn phiền của mình vì cơm áo và tuổi tác. Nhu Mì hát những bài không thuộc về thế hệ của chị. Nó là một hồi tưởng những thiên đàng đã mất. Một giọng hát rất đàn bà. Thế bảo Mì vẫn đòi có con. Cô ấy không có thời gian để chờ đợi. Nhưng Thế cảm thấy mình kiệt sức dưới sức ép của cuộc sống và sợ trách nhiệm. Anh đã có quá nhiều đứa bé của những cơn say.

Vịnh sờ vào nỗi ray rứt của mình. Em khát khao, khát khao bình yên trong vòng tay anh với những đứa bé được sinh ra từ cơn đắm đuối. Tiếng cô gái vọng đến từ hai ngàn dặm xa.

MƯỜI HAI. Cơn đắm đuối lần thứ nhất kéo dài mười lăm ngày trong dịp tết nguyên đán. Lẽ ra, cô chỉ có mười ngày sau tết trước khi phải trở lại trường, nhưng cơn đắm đuối tại Sài Gòn đã giữ cô lại thêm năm ngày nữa. Giải thích về sự vắng mặt của mình ở trường học cô đã phải bịa ra một lý do chẳng lấy gì làm thuyết phục lắm rằng cô đã bị bệnh bất ngờ kèm theo một toa thuốc của bác sĩ như một y chứng về sự xuất huyết bao tử. Ý tưởng về sự xuất huyết bắt nguồn từ những ngày thứ tám ở Sài Gòn khi chu kỳ kinh nguyệt của cô đến sớm hơn thường lệ. Đền bù lại sự cuồng nhiệt của anh, cô quyết định ở lại thêm với anh năm ngày cho dù bố mẹ cô hết sức lo lắng về việc lần đầu cô xa nhà một mình trong một thời gian lâu như thế. Và bởi cô tiếc những ngày ở bên anh, nên cả những ngày có kinh cô cũng cứ yêu anh và họ làm tình với nhau tràn trề máu và nước.

Trong quán café bar cấu trúc như một hang động, giữa tiếng

trống bambo, họ tận tụy hôn nhau dù trước đó suốt buổi chiều họ đã làm tình với nhau rã rời tay chân.

- Em thích cái không khí này. Có một chút Paris ở Sài Gòn.

Cô thổi tắt ngọn nến trên bàn và mang lại một bông hồng từ trên một bàn khác. Bông hoa trong bóng tối không tỏa hương chỉ mang dáng vẻ của đầu một con rắn đang ngóc lên. Cô mân mê cái đầu con rắn ấy.

- Em muốn được ở bất cứ đâu cũng có thể biểu lộ tình yêu của mình.

Cô gái làm tiếp viên giấu mình trong chiếc váy đỏ lén nhìn hai người. Nhưng không bận tâm, cô nói:

- Anh đừng nhìn cô ấy. Hãy nhìn em này.

Cô choàng tay qua cổ vào kéo đầu anh sát lại. Cô hôn lên khắp mặt anh.

- Em sợ phải xa anh. Đừng bỏ em một mình, mùa đông Hà Nội lạnh lắm.

Cô khóc. Những giọt nước mắt tủi thân lăn đầy trên má.

- Anh có biết em khổ thế nào khi thiếu anh không?

- Anh biết. Đấy là một nỗi lưu đày.

- Sao anh không làm gì đi?

Sự lãng mạn nghệ sĩ của anh đã có những rào chắn, anh không nghĩ có thể phá bỏ những rào chắn ấy. Cô bảo anh yêu cô không đủ. Anh sống trong một lý trí cắn xé. Cô còn quá trẻ để sợ những bất trắc của cuộc sống.

Anh uống những giọt nước mắt cô như nén lại những đau khổ của mình.

- Anh biết em khổ sở thế nào khi không có anh. Bởi thế anh càng yêu em hơn, thương em hơn. Anh muốn em hãy trưởng thành hơn để biết chấp nhận cái không thể chấp nhận và học hành cho xong cái đã. Anh muốn em đứng vững một mình. Anh không muốn người khác hiểu sai về tình yêu của chúng ta.

- Anh sẽ gặp bố em chứ?

- Nếu điều ấy tốt đẹp.

- Anh yêu bố không?

- Tất nhiên, người có công sinh ra em.

- Không thấy em thích ai, có lần bố bảo, bố có linh cảm em sẽ yêu một người lớn tuổi bằng bố. Bố biết em yêu bố lắm mà. Nhưng em vẫn sợ bố biết chuyện chúng mình, ông ấy sẽ đứt mạch máu mà chết. Dòng họ nhà em không có ai sống lâu.

- Mỗi một cuộc đời đều có số phận của nó.

- Thế thì số phận của em sao, anh nói đi.

- Anh không biết chắc được ngày mai thế nào.

- Không. Ngày mai nó thế nào là do sự định đoạt của chúng ta. Anh vẫn muốn có con với em chứ?

- Anh nghĩ thế.

- Em hỏi anh có muốn không? Nếu anh không thể trả lời được thì chúng ta chia tay. Em không muốn để tới lúc em tàn tạ rồi, anh bỏ em mà em không có một chút gì của anh.

Anh vỗ về cô và không muốn mình phải nói dối.

- Anh muốn.

Cô sung sướng ôm ghì anh.

- Em có thể chịu đựng được mà. Anh yên tâm. Em sẽ nuôi chúng nó. Em sẽ chiều chúng nó. Chúng nó muốn gì em cũng cho.

Anh cười:

- Con hư tại mẹ.

Cô nài nỉ anh;

- Ba đứa nhé.

Anh xuông theo cơn cuồng nhiệt của cô:

- Ừ, ba đứa.

- Chúng mang họ anh?

- Tất nhiên.

- Anh yêu chúng nó và dành thời giờ chăm sóc chúng nó?

- Đấy chính là điều khiến anh ngại. Anh không muốn con mình khổ vì thiếu sự chăm sóc và yêu thương của bố.

- Em nói rồi mà. Em đủ sức để làm cho chúng nó được sung sướng. Chỉ cần anh yêu chúng nó.

Nỗi đam mê con cái của cô gái như làn sóng lớn xô đẩy anh. Đã qua cái tuổi có thể bất chấp mọi thứ, nhưng anh cũng không thể nhẫn tâm từ chối, bởi điều ấy nó không biện minh được cho một tình yêu chân thật. Những đứa bé như một nỗi ám ảnh về sự tồn tại huy hoàng của cuộc sống. Anh úp mặt vào trong tóc cô thầm thì:

- Anh yêu em toàn tập.

Cô cười:

- Và anh không bỏ mất một thứ gì để giữ nó.

Quay mặt về phía tường và lấy chiếc áo khoác che lên đùi, dưới chiếc áo ấy cô kéo bàn tay anh vào giữa hai đùi cô. Tiếng trống bập bùng hoang dại làm cô thổn thức.

- Em không thể sống thiếu anh được.

MƯỜI BA. Vịnh đưa giấy chứng minh nhân dân cho cô tiếp tân khách sạn:

- Cho tôi thuê một phòng.

- Dạ, hai người phải hai giấy.

Vịnh quay sang cô gái.

- Em lấy chứng minh nhân dân.

Cô gái mở ba lô tìm cái ví nhỏ rồi móc ra cái chứng minh nhân dân, cô đưa cho Vịnh. Vịnh cầm đưa cô tiếp tân. Cô tiếp tân soi mói hai giấy chứng minh nhân dân, nghiêm giọng nói:

- Phải ở phòng riêng vì tuổi tác cách xa nhau quá.

- Có nghĩa là phải thuê hai phòng?

- Dạ.

- Bố khỉ. Vịnh nói.

Anh cầm lại hai tờ chứng minh nhân dân rồi nói với cô gái.

- Thôi đi chỗ khác em.

Cô gái lẳng lặng đi theo Vịnh bước ra. Họ lấy xe. Cô gái nói:

- Anh cho em ăn cháo "hành."

- Anh xin lỗi. Anh không nghĩ khách sạn lại có những qui định buồn cười thế.

Đấy là ngày thứ nhất cô đến thành phố của anh. Đi cùng với họ là một va-li quần áo của cô. Buổi trưa thành phố nắng và nóng. Cô nói:

- Em không tưởng tượng được là người ta có thể yêu nhau trong một không khí như thế này.

- Người ta vẫn cứ yêu nhau cho dù mồ hôi nhễ nhại.

- Ghê quá.

Tuy nói thế, cô vẫn ôm chặt anh từ phía sau. Họ tới một khách sạn khác trên con đường nhỏ trông ấm cúng như một mái nhà quen thuộc.

- Em thích nó. Cô hoan hỉ.

Người đàn ông vừa giữ xe vừa làm tiếp tân, anh ta nói:

- Cần ăn uống gì, anh chị cứ gọi.

- Cám ơn. Vịnh nói. Chúng tôi sẽ kêu sau.

Khép cửa lại. Vịnh ôm chầm cô gái vật xuống giường. Cô trườn ra khỏi tay anh.

- Để em tắm đã.

Cô đi nhanh vào phòng tắm. Vịnh ngồi dậy châm điếu thuốc. Cuộc sống đích thực là thế này chăng. Vịnh tự hỏi và anh cảm thấy mơ hồ một nỗi sợ chen lẫn niềm sung sướng.

Những gì Vịnh đã tưởng tượng về cô gái trong vẻ đẹp khỏa thân không khác gì lắm với một thực thể tươi tấn, trắng sáng đang

đứng trước mặt anh. Cô đứng yên cho anh ngắm. Trong dáng vẻ khép nép ngại ngùng ở cô vẫn toát lên cái rực rỡ của nỗi khát thèm đã ấp ủ từ bao nhớ nhung réo gào. Anh bật dậy và lao về phía cô. Cô cũng nhoài người tới. Họ ôm ghì siết nhau như báu vật tìm thấy. Và họ hôn nhau vội vã như thể một khám phá. Giữa lúc họ đang hôn nhau, chợt thân thể cô bừng sáng lên thứ ánh áng của lân tinh. Anh ngỡ ngàng buông cô ra, hỏi:

- Em vẫn thường phát sáng à?

Cô cũng ngơ ngác:

- Không, chưa bao giờ. Em cũng không hiểu sao lại thế này.

Anh cảm thấy có điều gì kỳ diệu đang xảy ra.

- Trong người em có gì khác thường không?

- Em cảm thấy như mình đang bừng nở.

Vịnh tò mò âu yếm vuốt ve cô. Một thân nhiệt bình thường. Ánh sáng trên làn da cô dịu dần xuống. Anh lại hôn cô. Khi sự cuồng nhiệt dâng cao, anh vừa hôn vừa cà râu trên những mảng da thơm tho của cô thì sự kỳ diệu lại xảy ra. Họ sung sướng phát hiện cơ chế phát sáng của cô. Cô nói:

- Chắc tại em tôn vinh râu anh.

- Không phải, nhờ anh ngợi ca thân xác em. Anh xác định lại.

Từ đấy, nó là niềm vui vô hạn trong nỗi niềm yêu đương của họ. Và không còn một ý thức nào trong các hành động của họ mà lại không hướng tới cái bản năng vô biên của sự sinh nở và mở toang nhau đến tận cùng cánh cửa bí ẩn của những khát vọng thầm kín. Cô gái nói:

- Anh có thể làm bất cứ điều gì anh thích, vì chúng ta không có nhiều thời gian.

- Anh đã biết về anh nhiều hơn như anh đã biết.

- Vì em đã biết khai mở anh, đúng không?

- Còn hơn thế, là đã khai sinh anh.

- Em nghĩ, anh còn có thể làm những điều lớn lao hơn khi yêu em.

- Ừ, vì em là suối nguồn của sáng tạo.

- Anh cần phải bộc lộ mình đi.

- Anh đã bộc lộ tất cả với em.

- Anh đừng cho rằng mọi thứ là phù phiếm cả.

- Sự nổi tiếng không quan trọng đối với anh.

- Nhưng vẫn cần phải làm một cái gì đấy như dấu ấn của sự tồn tại.

- Tồn tại ở đỉnh cao là tồn tại trong tình yêu.

Cả khu rừng chợt bừng dậy với tất cả sự huy hoàng của ánh sáng và sự náo nhiệt của những âm thanh hỗn độn. Con tê giác mở mắt nhìn thấy mặt trời chói lọi. Nó nghĩ rằng cần phải bước lên đỉnh núi. Ở đấy, nó có thể nhìn thấy tất cả và quên tất cả.

MƯỜI BỐN. Ngồi trên chiếc xe sau lưng Vịnh chạy đến những quán ăn, những quán café, nơi mà họ có thể hôn nhau cả trong lúc ăn, lúc uống, cô gái nói:

- Ở Sài Gòn không có chỗ nào ăn ngon bằng Hà Nội.

Anh cười:

- Em nói giống y như bố anh. Rau muống ở Hà Nội cũng ngon hơn ở Sài Gòn. Hồi trước, anh cũng tin thế. Một phần qua sách vở.

- Thì bây giờ vẫn thế.

- Ừ, em ngon.

- Coi chừng ăn nhiều nặng bụng.

- Không ăn cũng nặng.

- Em muốn ăn kem.

- Để hưởng cái thứ của sự mút mát à?

- Một nửa của mùa đông, một nửa của anh.

Quán kem. Trong góc khuất, những cặp tình nhân đang hôn nhau. Có lẽ, họ hôn nhau đã lâu và còn có thể hôn nhau rất lâu nữa. Vịnh tìm một chỗ ngồi có thể nhìn thấy ca sĩ hát.

- Những bài hát Hà Nội làm ướt em. Cô gái nói. Cũng như anh.

- Những chiều mưa Sài Gòn làm anh đông cứng.

- Cũng như em?

- Bàn tay hát.

- Môi nghe.

- Chúng mình như hai con ngựa.

- Trên biển.

Cô choàng tay qua lưng anh:

- Sao anh không trói chân em?

Vịnh hôn cô để khỏi phải trả lời. Ai có thể trói chân cô, nếu cô không tự trói. Ngoài một ít công việc mà cả Vịnh cũng như cô gái phải làm ở Sài Gòn, họ dành tất cả thì giờ còn lại cho nhau, từ sang sớm cho tới đêm khuya. Nhưng cô gái biết rằng, thời gian ấy chưa đủ kín để giam cô trong anh.

Vịnh bảo, anh thích được đi dạo trên phố với cô.

- Hình như anh đã mất thói quen đi bộ. Chưa hẳn vì lười biếng,

mà có thể chúng ta đang sống trong một thế giới của những tốc độ.

Họ ra khỏi quán và gửi chiếc xe lại.

Mặc dù trời không có gió, nhưng sự thoáng đãng của không gian làm Vịnh dễ chịu. Một cảm giác êm đềm dường như đã lâu lắm anh mới lại gặp. Anh đút hai tay vào trong túi quần để cho cô khoác tay qua. Cô thích cái cách đi theo anh níu giữ như một người vợ lệ thuộc và yếu đuối. Chợt cô phấn khích:

- Em nghĩ tới một lúc nào đó, khi có thai, em được ung dung đi bên anh và được anh che chở. Anh thích thế không?

- Thích. Với một người vợ trẻ như em.

Cô vui vẻ kể:

- Mấy ông văn nghệ sĩ ở Hà Nội bây giờ coi việc có vợ trẻ như bằng chứng của tài năng và sự thành công. Nhưng chẳng ai bì được với anh.

- Vì em trẻ nhất, đẹp nhất và giỏi nhất trong số các bà vợ ấy.

- Không phải. Vì em yêu anh nhất. Em tin rằng không có một phụ nữ nào đã yêu như em yêu anh. Ngay bây giờ em có thể bỏ tất cả để theo anh, sống với anh.

Vịnh cảm thấy sợ hãi trước những cuồng nhiệt của cô bởi sự hi sinh không xứng đáng của mình. Anh hiểu rằng với cô đỉnh cao và vực thẳm chỉ là một. Cô vẫn sống nghiêng nghiêng trong cảm thức về sự bấp bênh của mối tình và lao đao trong nỗi khổ ải về sự không tròn vẹn của anh. Cho nên đối với anh, cô vừa mong manh vừa khốc liệt như một mũi dao đâm.

Cô nói:

- Anh hài lòng về em chứ?

- Còn hơn cả thế.

Cô đột nhiên bày tỏ ý thích:

- Em muốn được đi xích lô đạp.

- Dễ thôi.

Anh đứng lại vẫy một chiếc xích lô. Xe chật, anh phải choàng tay qua lưng cô và không cảm thấy thoải mái. Có một điều gì đấy giống như sự không thích đáng trong mối quan hệ của họ mà đôi mắt người xích lô để lại. Cho đến khi không chịu nổi cái khó chịu ấy, anh kêu dừng xe mặc dù chưa tới một phần ba đoạn đường họ định đi. Cô bực dọc và giận hờn vì với cô chỉ có sự kiêu hãnh. Tình yêu không có chỗ cho sự xấu hổ, dẫu điều ấy là nghịch cảnh mà cô gọi là lệnh trục thời gian, nhưng cái bóng tối âm u của nó vẫn nằm ở đâu đó chờ buông xuống phủ lấp họ.

MƯỜI LĂM. Xúc cảm của cô như một dòng nước chảy vào chỗ trũng. Nó miên man chẳng có bến bờ nào. Bởi một khả năng liên tưởng đa hướng, niềm vui cũng như nỗi buồn luôn luôn gia bội và cũng luôn luôn tạo ra xung động, những xúc cảm của cô khi đổi chiều thường dội thành sóng. Nó làm cho anh mỏi mệt nhưng đồng thời nó cũng lột xác anh. Cô vẫn bảo: "Em rất nhạy cảm, anh đừng làm điều gì, nói điều gì cho em tổn thương. Em có thể bỏ đi đấy."

Có những xúc cảm của cô anh không thể mường tượng được. Nó là tình yêu bố.

Khi họ nằm ôm nhau, cô kể:

- Hồi trước, em vẫn ngủ với bố. Chỉ đến khi bắt đầu vào đại học, bố mới đuổi em ra không cho nằm chung. Có lẽ, đến lúc ấy em mới thực sự lớn, phần khác cũng đến lúc ấy nhà em xây lại mới có phòng riêng cho em. Em vẫn nhớ cái cách em lao lên giường và rúc vào nách bố, như em đang nằm với anh thế này.

Bỗng dưng cô đổi cách xưng hô:

- Bố ơi, con nhớ bố. Con chưa bao giờ xa bố lâu như thế này.

Rồi cô khóc nức nở:

- Con đã nói dối bố đi công việc. Bố tha tội cho con.

Cô khóc như bố chết. Vịnh ôm chặt cô như muốn chặn lại cơn xúc cảm khác thường này, nhưng cô càng khóc to hơn vào cào vào người anh.

- Bố nói đi, bố tha tội cho con đi.

Vịnh dịu dàng xoa lưng cô:

- Con chẳng có lỗi gì cả. Bố thương con. Bố hiểu con.

Cho đến khi cô thôi không khóc nữa, Vịnh vẫn còn ray rức như chính anh có tội với bố cô ấy, rồi anh buông cô ra, nằm úp mặt. Anh cảm thấy mình bị đóng đinh xuống đất.

Cô lay người anh:

- Em đã sống trong trạng thái nằm bên bố. Em xin lỗi. Những lúc như thế, anh cứ để em khóc.

Anh nói từ địa ngục của lòng mình:

- Bố có lỗi với con.

Cô chợt ráo hoảnh:

- Anh nói gì vậy?

- Anh muốn coi em như con.

- Không được. Không được lẫn lộn chuyện này.

Cô lôi anh trở về với thực tế của họ là một người đàn ông và một người đàn bà trong cơn mê đắm xác thịt như cách cứu vãn thời gian với cái tận kiệt của sức lực.

Anh nhìn khuôn mặt không quá khứ của cô, nói rất dịu dàng:
- Em như cô bé mười lăm tuổi từ trên núi xuống.
- Cô bé mười lăm tuổi ấy sẽ phải gánh nỗi đau chia lìa một mình. Trở về, em không biết có chịu nổi không.

Và Vịnh đã trốn nỗi đau chia lìa ấy bằng cách nhận một công tác xa, vài hôm sau. Ở sân bay, cô gọi điện thoại cho anh giữa tiếng khóc:
- Em hụt hẫng.

MƯỜI SÁU. Hai cha con cùng lấy một người đàn bà. Câu chuyện được đưa lên báo không phải là một loại sự kiện an ninh trật tự xã hội cấp phường, bởi họ không đâm chém nhau, cũng không kiện cáo nhau về quyền làm cha đứa bé do người đàn bà vừa là mẹ chồng vừa là con dâu vừa là vợ sinh ra cho hai người đàn ông. Đơn giản vì họ là những người nổi tiếng, dù đã có một cuộc tranh luận gay gắt trong tòa soạn về tính đạo đức của vấn đề thông tin cũng không thay đổi được quyết định của tổng biên tập. Loạt bài ấy đã tạo ra một cú sốc trong dư luận và là một bước nhảy ngoạn mục của số lượng phát hành. Đến lúc ấy thì không một ai trong tòa soạn còn có thể băn khoăn về lương tâm mình. Dẫu sao, giữa cái gọi là tôn trọng đời tư cá nhân với những qui ước về trật tự xã hội chẳng có một biên giới nào rõ rệt nhất là trong trường hợp đời tư cá nhân ấy có thể làm xô lệch tập quán xã hội. Vấn đề còn lại là quan điểm về sự kiện được thông tin.

Ông Thi nói:
- Để tránh bị phê bình là chạy theo khuynh hướng thương mại của các sếp tư tưởng, tôi nghĩ ra bài cuối cần phải lên án sự đồi trụy này bằng cách cho các luật gia lên tiếng về việc vi phạm luật hôn nhân gia đình.
- Chẳng cần thiết phải lên án làm gì. Tự sự việc được nêu cũng đã thành một thứ bia miệng khổ sai rồi.

Tuy nói thế, nhưng Vịnh nghĩ có ai đi sâu vào từng đối tượng để biết họ đã sống thực sự với chính mình và với nhau thế nào. Họ đã hạnh phúc hay đau khổ. Họ đã tuyên dương hay phỉ báng tình yêu. Một bi kịch cải lương hay một lối sống của tương lai. Điều không ai tranh luận là chắc chắn cả hai người đàn ông là cha con ấy đã cùng yêu một người đàn bà. Nhưng những kẻ giáo điều lại cho rằng người đàn bà không thể yêu hai cha con một lúc. Sự tồn tại của cuộc sống ấy chỉ có thể là do một nguyên nhân khác.

Sự thành công của báo chí chính là khả năng quấy động cái tĩnh lặng tẻ nhạt hằng ngày. Vì thế ông tổng biên tập yêu cầu các phóng viên tiếp tục đào bới các sự kiện đang bị vùi lấp dưới nhịp sống vô cảm của đám đông để moi ra những cái vấp ngã gây xúc động lòng người. Một nhà báo giỏi không chỉ là người tạo ra dư luận mà còn có khả năng tạo ra các sự kiện.

Cô gái gọi điện cho Vịnh bảo:

- Em đã đọc loạt bài "Cha và con và đàn bà" trên báo anh. Hơi câu khách.

- Tất nhiên thế.

- Anh nghĩ gì về hai người đàn ông?

- Chẳng nghĩ gì cả.

- Em cho rằng họ dám sống.

- Hẳn nhiên là đã sống.

- Nói chuyện nghiêm túc đi.

- Vẫn đang nghiêm túc đấy.

- Họ có quyền kiện cáo anh về việc bôi nhọ và xúc phạm đời tư cá nhân.

- Đúng. Nhưng họ đã không kiện mà còn *thành khẩn xin lỗi quí báo vì đã quấy rầy.*

- Như thế thì luật pháp của chúng ta có vấn đề hoặc họ có vấn đề.

- Tất cả chúng ta đều có vấn đề.

- Anh nghĩ gì về người đàn bà?

- Chẳng nghĩ gì cả.

- Không có gì để nghĩ à?

- Ừ. Cứ cho là bà ấy yêu thật cả hai người đàn ông. Chuyện ấy không hiếm. Nhưng ở đây, hai người đàn ông là cha con với nhau. Tuy nhiên, với người đàn bà thì đấy cũng chỉ là hai người đàn ông.

- Anh không khái niệm về sự vô luân?

- Có chứ.

- Sao không có thái độ?

- Thái độ với ai? Em ủng hộ họ mà?

- Em không ủng hộ họ. Em chỉ nói rằng họ dám sống. Với em, tình yêu là duy nhất. Không chung chạ. Không chia sẻ.

- Không sai.

- Anh nói chuyện chán quá.

Cô cúp máy. Vịnh không có ý định gọi lại cho cô, mặc dù anh đang rất nhớ cô. Anh sợ gây ra những xúc cảm nặng nề đau khổ cho

cô. Vịnh ra ngoài tòa soạn. Anh ngồi bên lề đường uống một ly café nhỏ. Những cô gái Nhật vai đeo ba lô đi vội vã băng qua trước mặt anh. Trông họ giản dị và bụi bặm, anh càng nhớ cô, một cô gái không giống bất cứ ai, ngang tàng và rực rỡ. Trong đầu anh hiện lên một hý họa là khuôn mặt cô không giới hạn với hai nét ngang của đôi mắt đang phát sáng. Anh vẽ lại trên tờ giấy bạc và bao thuốc lá và nghĩ sẽ gửi tặng cô. Cô gái bảo: "Em muốn anh pha màu em, vẽ em vô tận bằng sự vô tận anh."

Luôn luôn có một điều gì đấy giữa họ như sự hòa cảm của hai chiếc bình thông nhau. Đồng thời, cũng luôn luôn xuất hiện giữa họ hai cái vết nứt chia lìa của lòng tự ái bị tổn thương. Họ vừa muốn tan biến vào nhau vừa muốn xác lập mình như một chủ thể yêu. Chiếm hữu và tôn thờ.

Cần phải quay về trước khi không còn đủ sức để nhìn thấy cái đỉnh cao trong rừng sâu, con tê giác quay ngược lại hướng nó đang đi. Bởi nó biết rằng, nếu cứ đi mãi về phía trước thì sẽ ra khỏi môi trường sống của nó. Chỗ để cho sự tồn tại được duy trì là quay về với nơi bắt đầu của sự tồn tại.

MƯỜI BẢY Trước ngày đi Nha Trang, cô gái nhận lời mời dạy tiếng Việt cho một người đàn ông Pháp. Cô vốn thích người Pháp và cách cư xử của họ, nhưng cô buộc phải từ chối vì cô đã quyết định dành mùa hè của mình cho anh. Vả lại, cô e ngại phải đối diện với những lời tỏ tình của các ông học trò mà với cô điều ấy giống như sự xúc phạm với anh. Ông nhạc sĩ Việt kiều, người giới thiệu cô nói:

- Đây là một cơ hội không phải chỉ để em kiếm tiền thêm mà nó còn mở rộng ra những cơ hội khác, hấp dẫn hơn. Ông ấy là một nhân vật có thế giá.

- Tại sao không nói rằng chính tôi mới là cơ hội cho ông ấy? Nếu tôi nhận lời, thì đấy không phải là để bắt lấy các cơ hội. Và tôi từ chối vì không chấp nhận là cơ hội cho người khác. Tôi chỉ đặt các mối quan hệ của mình trên sự yêu thích và kính trọng.

- Tôi đã nghe nhiều người nói về em và đọc em. Tôi nghĩ rằng, họ còn chưa hiểu hết về em. Tôi đã gặp nhiều phụ nữ nhưng chưa gặp ai như em. Em bằng lòng là bạn tôi chứ?

- Sự khiêm tốn của ông làm tôi xấu hổ.

- Em có đôi mắt rất sáng và kỳ lạ. Tôi tin rằng em có một

định mệnh khác thường.

- Ông biết xem bói à?

- Tôi không bói mà tôi cảm nhận được từ em như linh thị về một con người có thể mang tới những niềm hy vọng lớn lao.

- Ông đang huyễn hoặc tôi hay muốn bày tỏ điều gì chăng?

- Bày tỏ thì có. Huyễn hoặc thì không. Tôi nghĩ rằng tôi có thể làm được điều gì đó cho em vui.

- Chân thành cảm ơn. Tôi đang hạnh phúc.

Ông nhạc sĩ nhìn thẳng vào sâu trong đôi mắt cô. Cô đương đầu với cái nhìn ấy bằng một sự kiêu hãnh và lễ độ, vì thực sự ông đánh giá được kính trọng bởi một tài năng hiếm hoi về khí nhạc.

Ông nói chậm rãi và trầm trọng như kéo lê một cái máy chém:

- Tôi nghĩ rằng tôi có thể chuyển những bài thơ em viết thành ngôn ngữ của âm nhạc. Điều ấy sẽ dễ dàng cho tôi hơn nếu em viết trường ca. Sự phong nhiêu trong suối nguồn sáng tạo của em làm tôi ngưỡng mộ, và cách thể hiện của em làm tôi ngạc nhiên.

Tuy đã không thiếu những lời khen cô thường nhận được, nhưng sự khen tặng và lời đề nghị của ông thực sự làm cô sung sướng và bối rối. Cô càng bối rối hơn khi ông nói tiếp:

- Người đàn ông trong thơ em, tôi thực sự nghĩ rằng không có thật bởi sự tôn vinh cùng tột của em, nhưng dẫu thế nào tôi vẫn mơ ước được là người đàn ông ấy. Tôi muốn những ngày còn lại của đời mình được sống cho em. Tôi sẽ đưa em đi Pháp.

Cô gái cảm thấy cần phải chấm dứt tình huống này, trước khi nó trở thành phiền toái.

- Người đàn ông ấy là chồng tôi.

- Em đã có "chồng" thật sao?

- Vâng. Anh ấy không ở đây.

- Cậu ấy may mắn.

- Không phải cậu mà là một ông.

- Tôi xin lỗi.

Anh có thấy may không hay anh vẫn chỉ coi em là quả thị? Khi có những người đàn ông bám theo em, em lại càng thấy anh cần thiết với em, lão phú nông được mùa ạ.

Cô bạn họa sĩ tiễn cô ở ga Hàng Cỏ. Cô chọn đi xe lửa không phải vì cô không đủ tiền mua vé máy bay mà cô muốn được nhìn thấy cảnh quan dọc theo chiều dài đất nước. Cô sẽ không ghé Huế như đã bàn với bố, bởi vì cô không chịu nổi sự xa cách với anh lâu hơn nữa. Cô đi thẳng vào Nha Trang. Cô bạn họa sĩ bảo:

- Liệu mà giữ lấy thân.

- Tao không bao giờ muốn giữ mình, với anh ấy.

Họ cười.

- Thôi vui nhé. Nếu có "chết" thì cũng cố lê cái xác về cho bố mẹ nhìn mặt.

Cô không giấu nỗi nhớ anh:

- Tao chỉ muốn "chết" ngay bây giờ.

Từ sau lúc nhắn tin cho anh: EM DANG DEN VOI ANH DAY, cô không thể nào ngủ được. Không phải vì lần đầu tiên cô đi xe lửa, cũng không phải cô lạ chỗ nằm, mà vì cô nôn nao sắp được gặp lại anh. Cũng gần nửa năm xa cách. Thời gian với em là đằng đẵng. Không gian với em là diệu vợi. Thư từ, lời nhắn và tiếng nói qua điện thoại không làm cho em hết cô đơn, không làm cho em ấm áp khi thiếu vòng tay ôm của anh.

Tiếng bánh sắt nghiến trên đường ray và tiếng con tàu lao đi cọ vào gió nghe khủng khiếp như bão. Cả linh hồn em xởn lên. Cả thân xác em oằn oại. Anh có biết anh có ý nghĩa như thế nào với em không. Ngày và đêm. Thực tế và ảo mộng. Tất cả những gì em theo đuổi, chắc phải là một hoàn thiện em, dâng hiến anh và chính anh là đỉnh cao cuối cùng, em vươn tới? Giấc mơ một đời người, thực ra chẳng phải là những phút giây huy hoàng của cảm giác cùng tột mất hút vào cơn say đắm? Em đi tìm anh, đi theo anh chẳng phải là sự khôn ngoan nhất, thức ngộ về nhân sinh phù phiếm? Em chẳng nghi ngờ gì về em.

- Em có khỏe không?

Cô nhận được điện thoại của anh ở ga Tam Quan.

- Hôm nay, em đã nhận được hơn mười lần lời hỏi thăm như thế. Anh cũng chỉ biết nói thế thôi ư?

- Anh rất vui vì sắp được gặp em.

- Cũng chỉ có thế thôi ư?

- Máu đã chạy rần rật trong huyết quản và cả người anh chuyển sang màu đỏ.

Cô cười hài lòng.

- Em đã chuyển sang màu đỏ từ lúc chưa bao giờ lên tàu.

Màu đỏ. Một từ qui ước của họ để họ diễn tả tình trạng sẵn sàng của cơ thể cho việc yêu đương. Trong một phim Pháp họ cùng xem ở Sài Gòn, trường đoạn nhân vật nam hôn nhân vật nữ trong một trạng huống thiếu chuẩn bị, nhân vật nữ vùng vằng như bị cưỡng hiếp, nhưng khi nhân vật nam lùa tay vào trong váy nhân vật nữ thì cô ta không thể từ chối nỗi ham muốn hối hả. Cô ta bảo: "Bật cho em cái đèn đỏ." Khi ánh sáng đỏ tràn ngập căn phòng, hai thân thể trần

truồng long lanh quấn vào nhau như hai khối sáng đỏ rực trong suốt và thần thánh. Mặc dù thích ánh sáng tím hơn, cô gái vẫn bị kích thích. Cô choàng tay ôm anh và nói: Em cũng đã đỏ lên. Vịnh chuyển tay vào người cô chiều chuộng và chịu đựng cho cô cấn.

MƯỜI TÁM. Ba ngày sau. Vịnh cũng bước lên tàu hỏa từ ga Hòa Hưng. Anh nhìn thấy màu đỏ ở tất cả phụ nữ. Ngày đỏ. Đêm đỏ. Cuộc sống rực cháy. Anh lao tới và lộn ngược cuộc sống, sống với sâu thẳm bản năng tồn lưu của số phận và nhận ra sự cao cả dưới đáy những khoái cảm bị che kín.

MƯỜI CHÍN. Càng yêu cô, Vịnh càng thấy cô dồi dào sinh lực tưởng tượng. Mỗi một lần làm tình là mỗi một kịch bản khác nhau. Diễn xuất và đối thoại theo phong cách điện ảnh Pháp, cô dựng lên những thế giới siêu tưởng của người đàn bà sống sót trên hoang đảo và lão ngư dân cô độc, có khi là một cô giáo đa tình với cậu học trò lém lỉnh, hoặc một con chiên cuồng tín trong ngọn lửa âm ỉ dục vọng của một tu sĩ mòn mỏi... Đôi lúc anh hụt hơi bối rối trước sự phong nhiêu và thông minh của cô, cô vẫn kiên nhẫn theo đuổi cuộc phiêu du vô tận của mình để tận hưởng những niềm vui bất ngờ. Cô ra lệnh như một đạo diễn:

- Đúp hai.

Anh nằm im.

- Đúp ba.

Anh vẫn nằm im.

- Đúp bốn.

Anh như người kiệt sức nằm úp mặt xuống.

Cô hốt hoảng hỏi:

- Anh sao vậy?

Vịnh vùng dậy ôm lấy cô, đè xuống. Phim của anh đơn giản, tiết tấu chậm và dường như không bao giờ kết thúc. Cô kính phục sự bền vững vĩ đại của anh. Phần anh, anh chỉ có thể lý giải cái sức mạnh vượt quá ấy bởi sự nhõng nhẽo ham muốn mê muội của cô bằng lời thì thầm: "Nhiều cơ." Cô dìu dắt anh đến những bến bờ lãng mạn hoang dã. Thích anh hung tợn và độc đoán, bởi cô muốn thấy cô bị cưỡng đoạt.

Đêm thứ bảy trong tám đêm ở thành phố biển là đêm đã chuyển hóa họ vào một trạng thái mới của tình yêu. Nó biến họ thành những

kẻ cộng sinh vĩnh viễn với nhau mà chỉ sau này họ mới cảm nghiệm được hết sự trầm trọng của nó.

Sau bữa ăn tối và cuộc dạo chơi bám chân sóng, cô gái bảo Vịnh dẫn tới một cửa hàng. Cô mua mấy ngọn nến và quần lót mới cho hai người. Trở về khách sạn, dưới ánh sáng nến, cô nói:

- Chúng mình làm lễ cưới.

- Chẳng phải là anh với em đã sống với nhau như vợ chồng rồi sao.

- Nhưng em vẫn muốn có một nghi lễ chính thức dù chỉ là anh với em. Không phải chỉ là những lời thề.

Vịnh vẫn tự cho mình là kẻ sống ngoài mọi khuôn mẫu. Giá trị và ý nghĩa của cuộc sống chính là chất lượng thụ hưởng. Một cái đẹp ở đỉnh cao. Dẫu sao, anh cũng muốn làm cho cô vui. Cầm tay cô, anh nói:

- Anh nhận em làm vợ vì chính em là người phụ nữ đã khai mở anh. Em đến như số phận đã dành cho anh. Bởi thế, anh trân trọng em và sẽ yêu em thương em đến suốt cuộc đời anh, chia sẻ với em mọi vui buồn, sướng khổ.

Anh mặc quần lót cho cô, nói tiếp:

- Em hãy mặc chiếc quần này như anh bảo bọc em.

Đến phiên cô, cô quì xuống trước mặt anh:

- Anh yêu của em, anh là chồng em, bởi thế em sẽ hầu hạ chăm sóc anh như một phụ nữ chính trực, phục tùng và chung thủy với anh như một phụ nữ phương Đông cổ điển. Không điều gì có thể chia lìa em khỏi anh. Rồi cô cũng mặc quần áo mới cho anh, nói:

- Đây là cách em đến với anh và sẽ mãi mãi như thế.

Vừa đi vừa hôn nhau trong trạng thái mộng du, đêm ấy họ yêu nhau đến mệt lả và thiếp ngủ đến muôn trùng. Khi tỉnh dậy, môi họ vẫn ngậm vào nhau.

HAI MƯƠI. Đen và trắng. Vẻ đẹp cực đoan và tính cách trong màu sắc của cô được thể hiện ở mũ, quần áo, giày dép và túi xách. Một phong cách có cá tính biểu hiện một phẩm chất nghệ sĩ ngoại hạng. Sống thật và sống đúng là mình. Cô biểu lộ trên dư luận như một người bạt mạng và chẳng hề có ý định đính chính lại điều ấy.

Trên chuyến tàu đi sâu vào phương nam, cô muốn lưu giữ hình ảnh anh lao vào cô trong lúc con tàu cũng đang lao đi như một ý nghĩa hàm thụ về việc cô và anh cùng lao tới phía trước, ước lệ vô tận của cái mới, sinh phồn sáng tạo và thiêng liêng đắm đuối. Bởi thế,

chuyến tàu đêm ấy, cô đã mặc váy rộng. Dẫu sao, trời cũng đang vào hè. Nóng. Tất cả mọi hành khách đều ngủ. Chỉ có con tàu, cô và anh thức, hối hả lao về phía trước. Sầm sập.

Không một điều gì có thể làm mà cô lại không làm để bày tỏ sự nồng nàn của mình. Ở bất cứ đâu. Đêm rất sâu và ngày vô cùng mênh mang. Tình yêu của họ như mưa mùa miên man đổ xuống những cánh đồng trĩu hạt. Mưa dội trên những đỉnh núi. Mưa luồn qua hang động. Mưa mơn trớn những cõi miền hoang vu. Mưa thâm thủng những thế kỷ lu mờ. Mưa tràn trề vực thẳm của tư duy tồn tại. Sài Gòn ướt em.

Họ tha lôi nhau. Nối nhau từ ngày này sang ngày nọ, cho cả những ngày chưa tới.

Ngày trở về, cô như chiếc lá bị bứt ra khỏi cành. Vừa hôn anh vừa khóc, bởi cô biết, rồi cô sẽ héo úa vì chờ đợi. Một niềm hy vọng hư ảo.

Phía trước. Chỗ đen, chỗ trắng. Gập ghềnh và trơn trượt. Em lại chỉ có một mình với mùa đông. Con ngựa buồn khập khễnh qua những khe núi hiu quạnh. Tại sao em tiếc từng phút bên anh. Em như con lạc đà trên sa mạc tích nước cho mình bằng cách yêu anh vội vã, ngày và đêm ngấu nghiến. Em sống bằng anh. Anh có đủ cho em suốt những ngày mòn mỏi khô cạn khi xa nhau thế?

Không nhìn lại phía sau, em đặt cược cuộc đời mình trong niềm tin vào sự kỳ diệu của tình yêu. Những người đàn ông của thế kỷ trước bảo rằng em đã biến đổi. Không phải em đã biến đổi, mà em đã thật là em, người đàn bà do anh sinh ra. Em lớn lên trước sự ngạc nhiên của những kẻ tị hiềm và em nói rằng: em thuộc về một người. Những người đàn ông của thế kỷ trước cúi đầu quay về với thế kỷ của họ, phỉ nhổ nhau và chết ở đấy trong sự quên lãng.

Sự cô độc của em chênh vênh lắm. Em đang yếu dần và sẽ rơi khỏi mặt đất này nếu anh yêu em không đủ.

HAI MƯƠI MỐT. Thói quen làm việc, dẫu sao cũng là cách giết thời gian và đổ đầy không gian, nó làm bình ổn cái không bình ổn. Bởi thế công việc không chỉ là phương tiện của đời sống mà còn là cách cứu vớt những kẻ ngộ nạn cuộc sống con người. Đối với Vịnh, công việc là cách cứu vớt, đồng thời nó cũng là một ngộ nạn khác song trùng cuộc ngộ nạn nhân sinh mờ mịt. Nhưng thoát ra khỏi công việc Vịnh sẽ rơi ngay vào cảm trạng ở một không gian hoang vu. Sáng chủ nhật, anh đến quán café của ông thượng nghị sĩ

thời trước, không phải vì café ngon, nhạc hay mà chỉ vì anh thích cái cảnh tượng hiu hắt ở quán. Ly café đen sánh đặc chất phụ gia làm anh lại nghĩ dường như chẳng còn gì tinh khiết, như anh đã từng nghĩ thế nhiều lần. Ông thượng nghị sĩ sau một cơn tai biến mạch máu não để lại di chứng khập khiễng đang dật dờ trong sân vườn giữa những giò lan. Không thể đoán được tâm trạng của một người đã đi qua những biến động lớn lao của lịch sử như ông. Ông cũng đã từng là một nhà báo. Những công việc tương tự như nhổ lông gà và chọc tiết lợn.

Những ông già, những đứa bé, những cô gái, những bà mẹ ôm con bán vé số lũ lượt đi qua như một dòng chảy lớn xô đổ cái siêu hình nặng trĩu trong hồn Vịnh. Ông thượng nghị sĩ bảo: "Có lúc tôi tưởng đã là người tạo ra vận hạn cho người khác, làm biến đổi xã hội. Quyền lực là nỗi đam mê của những kẻ sợ hãi. Không biết sợ hãi mới là thứ quyền lực tối thượng. Ông biết điều ấy không?" Vịnh nói: "Tôi không có đủ bi, trí, dũng nên biết sợ. Tôi đa thần giáo nguyên thủy. Nếu có điều gì không biết sợ thì chỉ vì điếc không sợ súng."

Những cậu bé ôm thùng đánh giày nhịp đi như một đội hùng binh. Vịnh tưởng như mình đã đứng dậy, xếp hàng theo đóm ăn tàn, một tay cầm bàn chải, một tay giơ cao hộp xi tuyên dương những đôi giày đã giẫm đạp quá khứ. Nhưng Vịnh như người bị chôn vùi giữa niềm hiu quạnh, bởi vì anh biết nếu mình còn đứng lên rồi cũng chỉ để lại ngồi xuống. Người ta vẫn bị lôi cuốn vào sự vô ích. Phía trước, chỗ đen chỗ trắng. Vịnh gập ghềnh một nỗi buồn bã vô định.

- Anh thèm, nhớ những ngày có em.
- Em cũng nhớ anh ngẩn ngơ. Bạn em bảo, nếu cứ sống thế này thì không còn phải là phụ nữ nữa.
- Yên tâm đi. Anh sẽ gìn giữ em mãi mãi như một người đàn bà.
- Bằng cách sấy khô em à?
- Không, bằng nước tinh khiết.
- La Vie hay nước anh?
- Từ nguồn anh. Em đang ở đâu vậy?
- Trong chăn.
- Bỏ chăn ra đi và tập trung tư tưởng vào.
- Em lại phải tưởng tượng mãi ư?
- Không, thật đấy. Anh đỏ lừ rồi.
- Vừng ơi, mở cửa.

Cách hai ngàn dặm, những cảm giác quen thuộc khi anh lao vào cô làm cô xao xuyến. Từ rất sâu dưới làn da, màu đỏ dâng lên

hừng hực. Anh nghe thấy tiếng cô thở.

- Anh đến với em đây. Cả quá khứ hiện tại và tương lai đầy cứng.

Lúc ấy, trong cánh rừng, con tê giác đã leo lên tới đỉnh núi và mất hút trong những đám mây.

Ở cõi người ta, tiếng cô ậm ự không rõ rệt như âm thanh của sự hòa tan. Vịnh có cảm giác một cái gì rất nhanh, trút ra khỏi thân thể. Nó làm anh rùng mình và cạn kiệt. Cùng lúc, cô cảm thấy một nguồn sinh lực nóng hổi xối tuôn vào trong cửa mình, rồi lan tràn xuống từng mạch máu. Nó làm cô căng ra, căng ra mãi đến lúc cô chẳng còn nghi ngờ gì mình đã thụ thai.

HAI MƯƠI HAI. Một niềm hân hoan cô chưa từng gặp, mỗi lúc một lớn lao. Đó là cảm giác một sinh linh đang tượng hình trong người cô. Một hạnh phúc cũng sâu lắng và sống động khó tưởng bởi cảm giác anh đang sống trong cô thực sự. Cô chưa bao giờ trở nên trọn vẹn đến thế.

Bên cạnh niềm vui chẳng có gì lấn át được ấy, cô cũng bắt đầu chịu những cuộc tra hỏi của những người chung quanh. Làm sao cô có thể giải thích được việc mình có thai mà không có một người đàn ông nào được nhìn thấy đã chiếm hữu cô. Cách suy đoán và nhìn nhận của những người chung quanh làm cho cô tổn thương. Trong thâm tâm, cô vẫn nghĩ mình là người đức hạnh, bởi từ sau lúc làm lễ kết hôn với anh ở Nha Trang, cô đã tự giới hạn mình trong khuôn khổ của người đàn bà đã có chồng. Ngoài giờ đi học, chỉ những lúc thật cần thiết cô mới ra đường. Tất cả cuộc sống cô dành cho anh.

Cô nhớ tới diễn viên điện ảnh Như Minh có lần nói chuyện với cô đã thủ thỉ rằng: "Lấy chồng đi. Thích lắm." Ừ, thích thật. Nhưng lấy chồng như cô thì quá khổ. Mẹ cô bảo:

- Liệu mà bỏ đi. Vác cái bầu mà không chồng thì còn khổ nhiều con ạ.

Bố hiểu con gái hơn vì bố cũng có những tình yêu không giải thích được, chỉ thở dài nhìn bụng con mỗi lúc một to ra. Cô đùa nói với bố:

- Bà nội cháu có thể ngờ vực dòng dõi nhà mình, nhưng lũ cháu ngoại ông thì chắc rồi. Con có cảm giác bọn nhỏ đánh nhau trong bụng.

Bố giật mình:

- Sao lại bọn nhỏ?

- Vâng, con có cảm giác rất đông bố ạ. Tụi nó xoay đạp lung tung.

Bố cười:

- Chỉ đoán mò. Một đứa thì nó cũng giẫy đạp thế thôi.

- Không. Con nói thật đấy.

Bố ngần ngừ:

- Nhờ mẹ dẫn đi siêu âm xem sao?

- Ừ nhỉ, con cũng không nghĩ ra việc ấy.

Kết quả siêu âm cho biết: Trong bụng cô có bốn thai nhi. Tất cả đều là trai. Cô vừa sợ vừa mừng, báo tin cho anh. Anh đùa:

- Tại em tham quá đấy. Được toại nguyện sớm phải không?

- Chắc là tại em tham thật. Cái lũ bạn em bây giờ thì tụi nó đã thua rồi, chẳng phải đợi đến mười năm sau. Những bốn thằng cơ mà. Quá sức hiển hách. Anh muốn đặt tên chúng là gì?

Anh nói không suy nghĩ:

- Đông, Tây, Nam, Bắc.

- Đông tà, Tây độc, Nam đế, Bắc cái à?

- Không phải kiếm hiệp Kim Dung đâu. Thế giới đại đồng đấy. Sức khỏe em vẫn tốt chứ?

- Em không biết thế nào. Có nhiều lúc rất mệt. Rất nặng anh ạ.

- Bốn đứa thì chí ít cũng nặng gấp bốn lần.

- Không phải bốn lần mà bảy tỉ lần. Em sợ sẽ không chịu đựng nổi.

- Em vẫn vui phải không?

- Vâng, em vô cùng hoan hỉ, dẫu anh không có bên để săn sóc mẹ con em.

- Anh xin lỗi.

Cô nhớ lại những lần nằm bên nhau với kịch bản cô đang có thai, anh đã ôm bụng cô thì thầm với những đứa bé: "Con đừng đạp nhiều, mẹ đau. Phải ngoan ngoãn, thương mẹ. Lớn biết vâng lời mẹ, không làm cho mẹ buồn." Anh nói như thể anh luôn luôn đi xa. Cô không khóc vì điều ấy, bởi cô tin vào sự lớn lao của một tình yêu khác thường.

HAI MƯƠI BA. Tin cô có thai làm anh kinh ngạc và sung sướng. Anh nói với cô:

- Anh nghĩ em là người đến từ một thế giới khác đúng như ông nhạc sĩ Việt kiều đã cảm nhận được.

- Em từ đâu đến có gì quan trọng. Chỉ cần biết rằng, em đang

cưu mang những đứa bé do anh thụ tạo. Và em muốn chúng giống anh.

Anh nghĩ về cô như một cơn mơ lạ lùng mà người ta có thể sống thật với nó. Trên đỉnh một ngọn núi mờ mịt hơi sương ở Sapa, họ đã hôn nhau mải miết cho đến khi gió lộng se sắt làm họ đóng băng vào nhau. Một cảnh tưởng của thơ chỉ có thể có trong kịch bản của cô. Ước mơ một tình yêu miên viễn và vượt qua mọi giới hạn là suối nguồn của những sáng tạo, nó làm cho cuộc sống họ lẫn chìm vào hư ảo của niềm mê đắm.

Cô vẫn bảo: "Chúng ta tìm được nhau quá khó. Đừng để lạc nhau, dẫu sao chúng ta đã lệch trục thời gian và em phải suốt đời sống nghiêng." Đôi khi Vịnh vẫn tự hỏi, phải chăng việc cô sống nghiêng đã giúp cô nhìn ra những góc cạnh bí ẩn và đón nhận được những ân huệ siêu thực. Một dòng suối tinh tuyền chảy cầu vồng vượt trên những núi đồi, ruộng đồng và biển cả từ Sài Gòn ra Hà Nội, từ một bộ phận sinh dục nam mang theo mọi nỗi ám ảnh của con người về những cảnh giới khác nhau đến một bộ phận sinh dục nữ như thể trong một trí tưởng tượng lãng mạn về sự xa cách, thực ra cũng chưa phải hết những điều kỳ diệu đã xảy đến với cô. "Trong em luôn đầy ắp các ý tưởng và xúc cảm," cô nói. Những ý tưởng và xúc cảm ấy không chỉ tuôn trào qua những biểu hiện âu yếm trong lúc họ làm tình mà còn làm biến đổi cuộc đời họ.

Khi những sợi ánh nắng đầu tiên trong ngày chiếu rọi vào thân thể đóng băng của họ trên Sapa, những giọt mồ hôi hóa lỏng chảy lóng lánh trên làn da thấm dần xuống đất và tưới tắm cho những hạt mầm ủ dột mở mắt. Và khi thân thể họ thức dậy, những hạt mầm đã biến thành cây. Những ngọn gió đi qua mang theo tiếng reo: Um-ba-la-sa-pa-nu-bay-éc-kha-li, có nghĩa là hãy đâm sừng vào bóng tối để tự nảy nở và viên mãn.

Những đứa bé sẽ được sinh ra từ cô cũng như anh đã được tái sinh từ trong sâu thẳm. Anh hân hoan vì sự sống động bất chợt cô gieo cấy vào đời anh. Thời gian tươi tắn, anh lao vào công việc một cách tỉnh táo và tự tin.

Ông thượng nghị sĩ nhận xét:

- Báo của các cậu dạo này hay đấy.

- Hay là thế nào ạ?

- Thì nó có cái để người ta đọc và buộc người ta phải đọc. Tuy nhiên, tôi có cảm giác các cậu thiếu kiên định về mặt phong cách.

Thực ra, cái mà ông thượng nghị sĩ cho là thiếu kiên định lại là một sức mạnh kỹ năng làm báo. Đó là khả năng đổi mới liên

tục nhằm khơi dậy những sức sống mới trong cuộc chạy đua không có đích đến của sự cạnh tranh. Một sự phấn khích lan tỏa trong tòa soạn bởi số lượng phát hành gia tăng đều đặn, tuy không lớn. Nó cho thấy sự vững chắc trên con đường chinh phục người đọc, không vì các sự kiện lôi cuốn nhất thời.

Những dấu hiệu phát triển của một tiến trình dân chủ cũng đang bộc lộ với những thông tin về việc người dân đứng ra kiện chính phủ, thoát ra khỏi những nỗi sợ hãi mơ hồ trong một cơ chế pháp luật khép kín và thiếu nghiêm minh. Vịnh hứng khởi viết một bài phê phán hội đồng duyệt các chương trình biểu diễn nghệ thuật của Sở văn hóa thông tin thành phố. Anh cho rằng, hội đồng ấy đã dựa vào quyền kiểm soát tư tưởng của đảng cầm quyền chỉ để kiếm tiền. Tính văn hóa và chất lượng nghệ thuật trong các chương trình biểu diễn cho công chúng đã không được chỉ đạo đúng mức như chức năng của hội đồng phải làm. Họ an tâm nhận tiền của các nhà tổ chức nếu không có vấn đề gì về chính trị (được hiểu như chống chế độ) và sex.

Bài báo không gây dư luận, nhưng tạo ra một cơn sốc mạnh cho những người cầm cương của xã hội. Vịnh buộc phải làm tờ kiểm điểm về sai phạm và thái độ chính trị của mình, mặc dù anh không tố giác sai cũng như hoàn toàn không có ý chống nhà nước. Vịnh không phải là đảng viên, bởi thế vấn đề đảng tịch không được đặt ra, nhưng anh cũng vẫn phải chịu kỷ luật là bị cấm viết không thời hạn.

Vịnh chẳng buồn gì việc mình không được viết nữa. Thực ra, anh vẫn có thể viết và cần viết hơn lúc nào hết. Anh nghĩ tới văn chương thay vì báo chí. Điều khủng khiếp nhất mà anh cảm thấy là con người luôn luôn sống theo kiểu ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Nó hủy hoại mọi phẩm cách. Anh nghĩ tới một cuốn tiểu thuyết về cuộc sống có điều kiện.

Anh tâm sự với cô:

- Anh sẽ viết truyện.

Cô reo lên:

- Được đấy. Em kính trọng anh vì điều này. Mà anh định viết gì?

- Một sinh vật sống trong bầu và một sinh vật sống trong ống.

- Hơi bị kinh khủng và dã man.

- Thì người ta vẫn thế mà.

- Em không nghĩ thế.

- Hẳn nhiên là vẫn có những người sống khác. Như em chẳng hạn.

Như cô. Đắm đuối với tình yêu của mình. Vượt qua mọi thứ luân

lý. Phát tiết tinh hoa. Nhưng cô bảo: "Nếu bố em biết em yêu anh và nói với anh rằng, nếu anh thật sự thương nó thì hãy tha cho nó, buông nó ra. Lúc ấy, anh sẽ trả lời sao?" "Anh sẽ trả lời rằng: Thưa bố, mặc dù bố không xem cọn là con, con vẫn gọi bố bằng bố và thưa rằng, đấy là điều con vẫn nghĩ tới và không phải con không áy náy vì sự thiếu bình an của cô ấy trong nghịch cảnh này. Nhưng con đã cảm nhận được ở cô ấy một số phận khác thường và tự thấy phải gìn giữ tình yêu của cô ấy để sự khác thường kia có thể bừng nở như nó sẽ phải bừng nở. Mọi quyết định thuộc về cô ấy."

Cô nói: "Chẳng điều gì có thể chia cắt em ra khỏi anh. Em là một sinh vật cộng sinh. Thiếu anh, em sẽ chết hoặc điên dại."

Đôi khi, anh cũng sợ hãi sự mãnh liệt của cô. Ghen với cả quá khứ và nghi kỵ mọi mối quan hệ khác phái của anh. Chỉ nghĩ tới việc anh đã từng ôm một ai khác, cô đã run lên, tức thở và trái tim hỗn loạn. Tình yêu của cô đòi hỏi sự tinh tuyền. Bởi thế, tình dục của cô cũng cuồng dại. Không ít lần, cô đã kiệt sức ngất đi trong hoan lạc.

Và việc cô thụ thai qua một khoảng cách hai ngàn dặm đối với anh tuyệt đối đúng đắn, bởi sự kỳ diệu vẫn xảy ra trong đời sống, mà sự kỳ diệu trong tính cách của cô lại là một phẩm chất tự sinh.

Trong những ngày đi chơi với nhau ở Sài Gòn, một lần cô đòi chở anh. Cô bảo: "Hãy ôm em đi." Thế rồi, cô phóng xe thật nhanh. Anh nói: "Anh có cảm giác mình như một ông già ở dưới quê lên, ôm chặt cô cháu gái vì sợ ngã." Cô cười vui vẻ: "Anh hãy cứ là ông già nhà quê đi." Chiếc xe chạy lướt qua thời trai trẻ, đến ngay trước cửa chợ Bến Thành, cô ngừng xe, bảo: "Anh hãy hôn em đi." Anh ngài ngại, tuy thế vẫn hôn vào gáy cô. Phóng xe đi tiếp, cô cười vang. Anh cũng cười theo và chợt hiểu. Họ đã hôn nhau ngay cả giữa đường, giữa chợ. Cô nói: "Anh chưa hiểu hết em đâu."

HAI MƯƠI BỐN. Bạn cô nhận xét:

- Xem mày hết sức đàn bà.

Cô thản nhiên:

- Thì đã là đàn bà rồi còn gì. Thậm chí sắp làm mẹ nữa kìa.
- Ô... liều mạng nhỉ.
- Sao lại gọi là liều mạng khi mình mang thai những đứa con của chồng?
- Đơn giản vì tao chưa ăn đám cưới mày.
- Cứ phải đám cưới mới có chồng à?
- Hơi ngạo mạn đấy.

- Đã đành.

Bạn cô im lặng ngắm cô, rồi nói:

- Này, nói thật nhé, mày chỉ được có mỗi cái mông thôi.

- "Lơ mông" là cả "thế giới" em ạ. Nếu chưa biết, chị dạy cho mà biết.

- Quả là tao chưa biết "thế giới" của mày. Thèm quá.

Vừa nói cô bạn vừa ôm kéo mông cô áp vào mặt. Cô giật mình lùi ra vì lỡ đùa vào cái khát khao thầm kín của bạn.

- Tao phải "thoát" thôi. Chào nhé.

Cô phóng ra đường mang theo một cảm giác ô uế dính trên da thịt.

Lang thang trên những con phố, cô nghĩ tới anh. Lúc nào cô cũng nghĩ tới anh. Lẽ ra, những ngày như thế này, em phải có anh bên cạnh, nhưng anh vẫn như một giấc mơ xa thẳm. Liệu lúc em đẻ, có anh không? Mỗi ngày sờ lên bụng, em lại thấy nó lớn hơn. Em yêu anh xiết bao, nhưng dường như anh chẳng yêu mẹ con em mấy. Em vẫn tin vào những giấc mơ, mà trong mơ em chẳng bao giờ tìm được anh, dù cho em réo gọi đến khản hơi cạn tiếng. Ở đâu đấy, sau những đống rơm làng quê anh, có tiếng nói của một ai khác bảo em rằng, không tìm được anh đâu. Em đã lo sợ lạc cả hồn vía và tỉnh dậy giữa một mùa đông lạnh giá. Em muốn cầu cứu anh, nhưng ban đêm anh tắt máy điện thoại. Em vẫn biết, tình yêu lớn lao của em, pháp luật coi là bất chính và miệng đời nguyền rủa, nhưng hẳn nhiên là thượng đế phải có lý khi sinh ra em và thu xếp cho em gặp anh, dẫu quá muộn. Em phải vác thánh giá và tự treo mình lên. Đâu là cái mũ gai của sự vinh quang hằng sống? Những bài thơ khổ lụy hay những đứa bé hạnh ngộ giữa trời?

HAI MƯƠI LĂM. Trong quán café của Thế, Vịnh châm điếu thuốc thứ mười. Trước mặt anh, hình ảnh cô đứng hát ngày nào vẫn còn đốt cháy anh bởi sự bi lụy. Nhu Mì bảo: "Anh Vịnh đã giết cô ấy rồi." Nhưng cô không chết mà sống hừng hực trong từng tế bào anh. Dưới làn da bắt đầu có chỗ mồi đang lung lạc, dòng máu tươi trẻ của cô đã chan hòa vào máu khô bầm của anh. Cô hân hoan xưng tụng: "Sự sáng tạo lớn nhất là sáng tạo những đứa bé." Bởi thế, cô không ngừng thúc giục: "Hãy đổ tinh chất của anh vào em." Giữa bình minh hay trong đêm tối, nỗi khát khao của cô lúc nào cũng đắm miết vào thân thể anh, làm bừng lên một màu đỏ chói lọi. Màu đỏ ấy soi chiếu và dẫn cô đến tận cùng cuộc hành trình số phận.

Sự sống là đỉnh điểm của sáng tạo vụ trụ và con người chính là mối giao hòa của mọi sự sống trong vũ trụ. Cô đã đến để chuẩn bị cho anh sự giao hòa vói những cảnh giới và sự sống mới, nhưng anh đã không đón nhận được mối hòa cảm siêu việt trên những tầng tâm linh thổn thức của cô. Những cách hành xử theo quán tính của anh là một trở ngại trên con đường thức ngộ.

Không chịu nổi cái cảm giác bị đè nén bởi nỗi nhớ, anh bước ra ngoài. Từ phía chân trời, cô réo gọi nhưng anh cảm thấy mình hoàn toàn bất lực trong bước nhảy đến với cô. Và hụt hẫng, anh đâm vào bóng tối lầm lũi.

HAI MƯƠI SÁU. Trên những ngọn cây cao, người ta nghe thấy tiếng chim. Những con chim không ai biết từ đâu bay tới. Chúng ríu rít như một ngày hội. Các cụ bô lão bảo chưa bao giờ chim lại nhiều như thế và tiếng hót lạ như thế. Rồi họ suy đoán như điềm mộng về mùa màng và cuộc sống của chính họ. Đấy là dấu hiệu phồn thịnh, động tình và an lạc. Không ai thông cảm thấy một sinh khí tươi tốt đang dấy lên từ dưới bụng.

Giữa lúc ấy, cô chuyển dạ. Mẹ cô vội vàng đưa cô vào nhà thương. Các bác sĩ thực sự bối rối vì bốn thai nhi quá lớn. E ngại cho sự an toàn của cô, họ chuẩn bị giải phẫu khẩn cấp, nhưng cô nói:

- Tôi cảm thấy khỏe khoắn và muốn được sinh nở bình thường như muôn loài.

Quả là có đau đớn, nhưng may mắn cho cô, bốn thằng cu lần lượt ra đời đều khỏe mạnh trong sự kinh ngạc tột độ của những người đỡ đẻ. Bốn đứa, bốn màu da khác nhau: vàng, trắng, nâu và đen. Nhìn chúng tinh quái và bí ẩn. Cô cũng không hiểu nổi điều gì đã xảy ra, nhưng từ trong thẳm sâu cô hân hoan vì sự kỳ diệu đã chọn cô trong số phụ nữ đến thời sinh nở. Tuy nhiên, cô đã rất bình tĩnh yêu cầu nhân viên bệnh viện tuyệt đối giữa bí mật sự kiện này, vì cô không muốn bị phiền phức bởi sự hiếu kỳ của đám đông. Ban giám đốc bệnh viện đồng ý và đưa ra các biện pháp phòng ngừa rò rỉ thông tin. Họ cũng đã có quá nhiều kinh nghiệm về các sự việc bất thường.

Ở bệnh viện được ba ngày, các bác sĩ cho cô về nhà vì sức khỏe của mấy mẹ con đều tốt.

Cô biết rằng, muốn sống yên ổn cần phải giấu những đứa bé khỏi mắt của tất cả nhân loại này trước khi những bí ẩn được khai mở. Bởi thế, cô nói với mẹ, hãy loan tin rằng những đứa con của cô đã chết ngay sau khi mới sinh ra ở bệnh viện. Rồi cô âm thầm nuôi chúng lớn. Được hai tuổi, cả bốn đứa đều nói năng sành sõi.

Những câu chuyện mà cô nghe được chúng nói với nhau thường rất lộn xộn, nó khác nhau về không gian và lệch nhau về thời gian. Chúng luôn cãi nhau như các nhà hiền triết về sự khả thi của các ý tưởng. Khi bọn chúng đi ngủ, cô cẩn thận ghi chép lại những điều cô cho là có ý nghĩ theo một sắp xếp mà cô nghĩ đến một lúc nào đó cần phải được công bố.

BÚT TÍCH CỦA CÔ GÁI. Tôi gọi bốn đứa con của mình theo tên chồng đã đặt: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Thằng Đông có màu da vàng bồn chồn nói rằng, tiền thân sau cùng của nó đã sống ở lưu vực sông Dương Tử cách đây hai ngàn năm trăm năm. Trong khi hai ngàn năm trăm năm phiêu diêu tìm cửa đầu thai, nó đã đi khắp thiên hạ chỉ nghe mà không được nói.

Thằng Tây với màu da trắng sáng, vốn sống ven Địa Trung Hải cũng cách đây hai ngàn năm trăm năm, sau một ly thuốc độc trong nhà tù đến nay mới tỉnh. Lúc nào nó cũng lẩm bẩm hãy tự biết mình, như thể tự biết mình thì có thể tránh được khỏi chết.

Trong một nước da nâu huyễn hoặc, thằng Nam bảo rằng nó đã từng lang thang mãi dưới chân Hy Mã Lạp Sơn. Lẽ ra, nó không đầu thai vào cõi này nữa, nhưng nhớ cái cảnh sắc thay đổi của ánh nắng chiếu trên núi tuyết, nên trở lại.

Thằng Bắc người đầy lông, đen và có mùi của những cánh rừng đang cháy. Dường như vẫn sống trong nỗi ám ảnh chết chóc, nó bảo tổ tiên xưa kia của nó vốn loài ma mút, khi loài này tuyệt chủng sau một cơn địa chấn, nó luân hồi biến dạng thành tê giác và nó chính là con tê giác một sừng cuối cùng trên dãy Trường Sơn đã hóa kiếp trong đám mây.

NGUYỄN VIỆN
31.10.2000



LƯU HY LẠC
đợi sáng thứ sáu, với prozac 50mg.

Tôi nằm trên giường ngay ngắn chăn trùm kín người, đèn/ đóm tắt hết như vậy, lại mất ngủ - Phải dỗ cho bằng được giấc ngủ, người tôi rối rắm, nhợn nhợn trong bụng lúc nào cũng 11giờ 45phút.

Mồm miệng tôi mở ra như miệng thằng tường trình cuộc đua cá/ngựa đương mở ra hết sức hối hả nuốt chửng tôi bao giờ cũng 3giờ 27phút sáng.

Ngầy ngật điệu này đích thị một/hai viên Prozac đêm qua mắc chứng gì (!) nó hành tôi phát muốn chết, nhợn nhợn trong bụng, mồm miệng tôi mở ra thở như miệng thằng chào món bảo hiểm nhân mạng tôi 100.000 đồng đương mở ra hết sức hối hả trong chiếc xe buýt lăn về phía biển Bắc nuốt chửng tôi.

Tôi lao xuống lề đường, lúc 9 giờ 5 phút sáng, người tôi rối rắm, phải nhìn cho bằng được hàng chữ - mental ill clinic, tôi ngầy ngật điệu này giữa đường, thằng ngồi trong xe, chắc nó đi làm(!) thò đầu ra mắng tôi: Thằng chó đẻ...

Tôi chửi lại: Đụ mẹ mày.

Một/hai viên Prozac đêm qua mắc chứng gì (!) nó hành tôi phát muốn chết, nhợn nhợn trong bụng, hai mặt cửa nhà mental ill clinic chực mở ra như mồm miệng tôi đương mở ra thở hết sức hối hả nuốt chửng tôi vào trong, lúc 9 giờ 20 phút, người tôi rối lắm.

Phải ngồi đợi trên độc nhất một chiếc ghế bỏ dọc hành lang,

phải gặp cho bằng được nhé!

Cái hẹn 10 giờ kém 5 phút, một/hai viên Proxac đêm qua mắc chứng gì (!) nó hành tôi phát muốn chết, phải đọc cho bằng được hàng chữ đề tên nhé, ở phía trước cánh cửa đóng kín mít/kín mít như mồm miệng cá sấu/ngậm chặt rất mất dạy - Young Son Nong & Ho, nhợn nhợn trong bụng.

10 phút nữa, phải gặp cho bằng được nhé! chỉ mỗi mình tôi trên tầng này/ngầy ngật điệu này, mắt trước mắt sau tôi đảo láo liên đầu & cuối hành lang.., người tôi rối lắm.

Tôi thả dài ra trên ghế, phải đợi cho bằng được cánh cửa phía trước mở ra như mồm miệng tôi đương mở ra thở hết sức hối hả nuốt chửng tôi.

Tôi dựng lên lúc 10 giờ 10 phút, một/hai viên Proxac đêm qua mắc chứng chi (!) hành tôi phát muốn chết, mồm miệng tôi mở ra thở cho bằng được đánh vần.. M.IY..U.. khá chính xác, gần như hết sức hối hả nuốt chửng tôi.

Phát muốn chết điệu này tôi tiu nghỉu gieo người đánh phịch trên mặt ghế da lõm xuống, những đường lằn co rúm, nhợn nhợn trong bụng.

Hiện thời khuôn mặt tôi nặng như chì, một/hai viên Prozac đêm qua mắc chứng chi (!) nó hành tôi phát muốn chết.
....

- Đây rồi! liều Prozac mày đang xài, tao phải tăng thêm 10mg cho bằng được/thằng cận vệ con Diana sống sót, nó xài Prozac cả đấy!

Mồm miệng tôi thở ra mếu máo hết sức ngoài đời sống đương mở ra hết sức hối hả nuốt chửng tôi, đêm/ ngày, bác.... sĩ mắc chứng gì (!) cứ phát muốn ăn thua đủ/nhợn nhợn trong bụng điệu này tôi chưng hửng phát giác ra trong đầu thằng bác sĩ, nó nghĩ - Ăn thua cặc...

LƯU HY LẠC.





LÊ HÙNG VỌNG
chuyện hổ thành người

Cuối cùng rồi cái sự việc xảy ra sáng ngày thứ hai mồng ba tháng tư - một chuyện lạ đời làm dư luận thành phố xôn xao - đã được đưa ra ánh sáng. Đúng hơn là sự việc ấy đã tự nó phơi bày giữa ánh sáng, bởi vì nó đã xảy ra vào một buổi sáng đẹp trời. Người ta cố tình che đậy nó cũng không xong, bởi vì tại một nơi công cộng như thế, vào một buổi sáng đẹp trời như thế, ắt phải có ít nhất hơn một cặp mắt con người ta nhìn và thấy.

May là nhờ có sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, sự sáng suốt của lãnh đạo Sở, sự kiên quyết và thành khẩn sửa chữa sai lầm của ban giám đốc vườn thú, nên mọi việc rồi cũng đã đâu và đấy.

Dân chúng bèn thở phào nhẹ nhõm.

Người ta lấy làm hài lòng vì rốt cục những người chịu trách nhiệm về sự kiện ngày thứ hai mồng ba tháng tư đã bị xử lý thích đáng. Giám đốc vườn thú bị kiểm điểm rút kinh nghiệm trước toàn thể cơ quan. Người phụ trách chuồng thú số 5 bị đưa ra cảnh cáo toàn ngành, hạ một bậc lương. Còn nhân vật chính gây hỗn loạn kinh hoàng tại vườn thú sáng hôm ấy, con hổ vằn mười năm tuổi, đã được êm thấm đưa trở lại chuồng của nó.

Bây giờ thì mọi chuyện êm cả rồi.

Người ta đã kịp thời dựng thêm một hàng rào với những thanh sắt chắn to bằng bắp tay để bảo vệ sự an toàn tuyệt đối cho khách, khi họ đến tham quan con thú vốn được mệnh danh chúa tể rừng xanh.

*

Hầu hết những vị khách trước kia đã từng đến viếng chuồng thú số 5 đều nhận định khác hẳn về tính khí của con hổ vằn ấy. Người ta nói rằng con thú ấy hiền. Nhờ thế nên lúc nào chuồng thú số 5 cũng đông đảo khách tham quan. Cũng bởi thế mà nó được đặt cho một cái tên nghe ra rất kỳ quặc: con-thú-dữ-hiền-lành.

Cái tên nghe trái khoáy vậy mà ngẫm lại thấy cũng đúng. Thứ nhất, hổ vằn nhà ta thì nhất định thuộc họ nhà thú rồi, bởi vì nó đi bốn chân, lại ăn thịt sống. Thứ hai nữa, đã là hổ thì tất yếu phải là thú dữ.

Thế mà nó lại chẳng hung dữ tý nào. Không tin, xin cứ tìm người phụ trách chuồng thú số 5 ấy mà hỏi. Đã bao nhiêu lần người gác chuồng thú này lấy mạng sống của mình ra mà thề bán sống bán chết rằng nếu mà con thú ấy chẳng hiền, thì làm sao anh ta có thể tồn tại sau cả chục năm phục vụ ông Mãnh.

Xem ra sự hoang dã chỉ còn để lại dấu vết trên bộ lông màu vàng xỉn với những vằn đen vắt ngang lưng, trên bộ mặt hung dữ với những sợi râu màu ngà cứng ngắt và đôi mắt xanh lè xuyên suốt.

Ngoài những thứ ấy ra, nó hoàn toàn là một con mèo. Có khi còn không được như mèo nữa, vì nó không biết ăn vụng, cũng chẳng cào cấu, dọa nạt ai.

Nó cũng chẳng phải bỏ sức rình mò một thứ quỷ quái gì cho nhọc xác. Nói của đáng tội, tất cả những thứ ấy đã có loài người lo cho nó cả rồi. Vâng, đúng như thế, Tất cả những thứ ấy loài người đã lo cho nó chu đáo, kể từ khi nó còn là một chú hổ con lần mò ra tới miệng hang.

Bây giờ thì nó đã quen với cuộc sống như thế. Hàng ngày sau bữa ăn từ sáng sớm, nó chỉ còn có một công việc, ấy là đi lại trong chuồng.

Nó cứ đi như thế suốt cả ngày. Mắt chẳng thèm nhìn ai, nó cất bước chân hùng dũng đi từ đầu này sang đến đầu kia hàng rào sắt. Rồi nó quay đầu đi lui. Cứ như thế. Hẳn là nó muốn khách tham quan, tức là loài người nói chung, thấy hết cái vẻ đẹp chúa tể núi rừng trên bộ lông vằn vện.

Chỉ cần trông thấy dáng đi, con người đã thán phục nó rồi. Nó không cần phải gầm lên dọa nạt. Không việc gì phải làm thế. Tuyệt đối chưa bao giờ người ta nghe tiếng nó gầm.

*

Con hổ vằn cũng không biết rằng hôm đó là ngày thứ hai mồng

ba tháng tư . Nó không biết gì cả. Nó không thèm biết gì cả. Nó chỉ tiếp tục cuộc hành trình của nó từ đầu này đến đầu kia chuồng thú.

Trong buổi sáng thứ hai như thế này, ngoài hàng rào sắt không hề có người ngắm nhìn nó. Nó biết điều ấy. Cái khứu giác tinh nhạy của nó đã quen ngửi mùi da thịt thơm tho của những đứa trẻ thường đứng nhìn nó từ ngoài song sắt. Nó biết điều đó nhưng nó không hề quan tâm. Chỉ có điều là vắng khách quá cũng buồn.

Một lúc nào đó nó bỗng có cảm giác là bầu trời trên đầu nó hôm ấy cao và xanh hơn. Nó muốn ngước mắt nhìn qua kẽ lá. Nhưng rồi không hiểu sao nó đứng yên. Nó dừng lại trước cửa cái hang cạn xoẹt mà con người đã xây dựng cho nó bằng đá và xi măng. Rồi nó buồn tình ngồi xuống ngay trước cửa hang.

Con hổ vằn cũng chẳng thèm để ý đến cái biển nhỏ gắn trên nóc hang, ngay trên chỗ nó đang ngồi . Đó là bản khai lý lịch của nó.

Biển ấy đề *"Hổ vằn châu phi. Xuất xứ rừng già nam phi . Bắt được ngày... Nước bạn Công Gô gửi tặng vườn thú ngày..."*.

Dưới cái bản " sơ yếu lý lịch" ấy, đương sự đang ngồi chồm hỗm. Mắt nó nhìn trời cao và những chòm lá long não đang nhảy múa. Rồi nó nhắm mắt như buồn ngủ.

*

Nhưng không phải nó ngủ, Sáng hôm ấy đẹp trời và nó thấy trong mình khoan khoái. Trong phút chốc, nó thả hồn phiêu du. Hình như rằng cái ký ức nhỏ nhoi trong bộ óc cấu tạo chưa hoàn chỉnh của nó bừng lóe từng đốm sáng. Ký ức hoang sơ ấy đưa nó lần trở lại từng quãng một của chín kiếp làm thú sau một kiếp nó có diễm phúc được làm người.

Đúng vào lúc con hổ vằn đang ngồi tư lự, chiêm nghiệm về cuộc đời làm con-thú-dữ-hiền-lành của nó thì một vệt sáng trước mắt kéo nó ra khỏi cái ký ức nguyên sơ. Khoảng sáng ấy là khoảng hở giữa hai thanh sắt ở cửa chuồng thú.

Lỗi lầm ấy không phải do tại người phụ trách chuồng thú số 5. Ấy là do cái tuổi tác của anh ta. Mà cũng không phải do tuổi tác nữa. Ấy là do tình yêu, tình yêu ở cái tuổi bốn mươi của con người muộn mằn đó.

Người giữ chuồng thú cần mẫn và giàu kinh nghiệm ấy vốn không hề chểnh mảng. Nhưng sáng hôm ấy là lần đầu tiên anh ta hẹn hò với cô bạn gái thân thiết. Anh ta mời cô bạn đến thăm chỗ anh ta làm việc. Thế là sai lầm khi anh ta vội vàng ra khỏi chuồng sau khi cho

thú ăn bữa sáng.

Con hổ vẫn lại lim dim đôi mắt. Nhưng lần này cái ký ức nhỏ nhoi không trở lại với nó nữa. Nó đứng dậy, vươn vai rồi rảo bước đi. Một vòng, hai vòng. Nó lại bước đi theo lộ trình quen thuộc.

Nhưng vắng người quá, nó buồn sự tình nên thay đổi lộ trình. Nó mon men đi quanh cái hàng rào sắt.

Đúng vào buổi sáng sớm thứ hai vắng khách ấy, phút định mệnh đã đến. Nó đã trông thấy cái khoảng hở giữa hai thanh sắt ở cửa chuồng thú. Quả là trong cả cuộc đời của nó, tình huống ấy chưa bao giờ xảy ra.

Con thú ngần ngừ trong chốc lát rồi đưa bàn chân to lớn đầy móng vuốt đẩy nhẹ chiếc cửa sắt. Nó nhẹ nhàng lách ra khỏi cửa chuồng.

Con thú ngỡ ngàng như vừa đến một khu rừng lạ. Nó ngước mắt nhìn quanh, và nhìn trời. Ra khỏi cái bóng râm của cây long não bên cạnh hang, khoảng trời phía trên cũng lạ. Nó nhìn lại cái giang sơn một trăm mét vuông với cái hang cạn hoan hoẻn bằng đá và xi măng mà nó đã ở ngót chục năm. Trời xanh quá.

Nó thong thả vừa đi vừa nhìn. Nhưng ở chung quanh, nó đã nghe những tiếng kêu thất thanh của loài người: "Hổ sổng chuồng."

Nó ngạc nhiên khi thấy ở đàng xa có bóng người hốt hoảng chạy. Lạ thật! nó chưa từng thấy thế bao giờ. Trước đây nó chỉ nhìn thấy những khuôn mặt người đẹp đẽ, mỉm cười nhìn ngắm nó.

Rồi nó tiếp tục bước đi. Nó thong thả bước, bước. Mũi nó hếch lên, động đậy. Mấy cái râu màu ngà hai bên mép cũng vểnh lên, nó đánh hơi sau mỗi bước chân thong thả. Không có gì nguy biến. Nó cứ đi, chẳng thèm để ý chi đến những con người từ đằng xa, vừa la, vừa chạy tán loạn.

Nơi đầu tiên nó ghé lại chơi là cái chuồng khỉ. Trong tiềm thức xa xôi, nó cảm nhận những con vật bé nhỏ có khuôn mặt láu lỉnh và cái mông đỏ chót đang nhảy múa kia là những động vật láng giềng quen thuộc.

Nó mon men lại gần. Nhưng rồi nó khựng lại. Sau một tiếng kêu chí chóe, cả bọn khỉ bỏ cả trò đùa, đồng loạt nhảy tót lên ngọn cây. Phút chốc, cả đàn khỉ đã ngồi trên những cành cao chót vót. Sau giây phút náo loạn, bầy khỉ ngồi im trên những cành cây, trông như những pho tượng nhỏ, chỉ còn những đôi mắt động vật nhìn nó thảng thốt.

Con hổ vẫn muốn bày tỏ sự thân thiện. Nó mỉm cười với bọn khỉ, nhưng cái nhe răng của nó chỉ làm bọn khỉ thêm kinh hãi. Chúng rên

chi chít và giấu mặt vào những cành cây.

Không đánh bạn được với những lũ khỉ, con hổ vằn sinh chán. Nó lại bỏ đi.

Có tiếng kim loại gõ vào nhau dồn dập. Loài người - ở đây giới hạn trong vườn thú - đang lên tiếng báo động về việc con hổ vằn ra khỏi chuồng. Nhưng chúa sơn lâm vẫn chẳng hề hay biết gì. Nó chỉ buồn bã vì lũ khỉ không chịu nhảy múa, tuyệt đối không một con nào chịu làm trò cho nó xem.

Nó quay gót, đặt những bước chân thật êm trên đám lá cây rơi rụng ở con đường dọc bờ thành phía đông. Đây là khu vực vắng vẻ nhất của vườn thú. Ở đây chẳng có chuồng thú, chỉ có những cây gụ, cây sến cao vút, thẳng tắp, che bóng rợp con đường. Cũng chẳng còn nghe tiếng người la thất thanh, chỉ có gió và tiếng chim.

Con hổ vằn cảm thấy như được hít thở cái không khí của một thời nào xa xưa trong ký ức nhỏ nhoi của nó.

Nhưng lúc ấy cái khứu giác tinh nhạy lại báo tin cho nó hay là ở chỗ vắng vẻ này cũng vẫn có người.

Người! Con Người! Chỗ nào cũng có người! Lúc nào cũng có người! Sao loài người lại đông đảo thế nhỉ ???

Con hổ vằn ấy không biết đếm. Nó không có khái niệm về hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm. Nhưng nó biết so sánh giữa một mình nó, bầy khỉ có số lượng nhiều hơn, và về người thì vô số.

Rồi một mùi hương lạ suýt làm nó hắt hơi.

Nó vểnh râu đánh để nhận ra rằng mùi hương đó nó cũng đã nhiều lần ngửi thấy. Nó biết đó không phải mùi người, mặc dù nó vẫn ngửi thấy mỗi lần trước cửa chuồng thú xuất hiện một con người nữ đẹp đẽ có khuôn mặt trắng và cái miệng đỏ chót như cái đít của những con khỉ. Nó vốn không ưa cái mùi ấy, cái mùi mà nó không hề ngửi thấy trên mặt đất, ở nơi hoa lá, cây cối, và cũng không thể tìm thấy ở những đứa bé bụ bẫm toàn thân lan tỏa một mùi Con Người.

Đúng như khứu giác của nó báo trước, con hổ đã trông thấy một người nữ - một con cái - ở ngay nơi chốn vắng vẻ này. Nhưng không phải chỉ một người nữ. Bên cạnh con cái ấy, con cái với cái miệng đỏ chót và cái mùi nồng nặc không phải mùi người ấy, còn có một con đực. Bao giờ nó cũng vẫn thấy như thế. Trước cửa chuồng thú số 5 bao giờ nó cũng nhìn thấy như thế, con cái và con đực đi bên cạnh nhau, cầm tay nhau.

Giờ đây trong sự im lặng tương đối của cái không gian nhỏ bé ở phía đông vườn thú và sự yên lặng của chính con hổ, nó thấy rõ ràng,

con cái và con đực đang dính chặt vào nhau.

Hình ảnh lạ mắt ấy làm cho con hổ buồn cười. Và nó biểu lộ sự đồng tình rất tự nhiên của loài động vật, nó cười - tức là nó nhe răng.

Hai động vật cao cấp đang dính chất vào nhau kia không hề tiếp nhận sự đồng tình của nó, bởi lúc đó cả bốn con mắt của chúng đang nhắm nghiền. Cả trời đất chúng cũng chẳng thèm trông thấy nữa là.

Chúng càng dính chặt hơn, cả hai bây giờ đã hóa thành một, chỉ còn các bàn tay của chúng là ngọ nguậy, lần mò.

Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, cái ký ức nhỏ nhoi của con hổ lại lóe sáng. Ký ức ấy đưa nó về những cánh rừng hoang, cái dòng suối cạn đầy trăng. Và cái trí khôn chật hẹp của nó cũng sáng ra, nó chợt hiểu hai động vật cao cấp kia đang làm ái tình.

Con thú rừng đã suýt nhảy cẫng lên vì điều đó. Nó vui thích vì điều đó. Ít ra là hành động của hai động vật trước mắt đã khơi gợi cho nó một phần ký ức tưởng đã xóa nhòa. Nó ngồi chống hai chân trước một cách nhẹ nhàng, gục gặc cái đầu với cặp mắt sáng và những sợi râu cứng.

Nhưng hành động của hai động vật kia không hề gợi cho nó cái thú vị ái tình. Nó không hề cảm thấy bức bách vì đòi hỏi ấy. Không! Đúng là các loài thú chúng nó không thể như những con người kia, không có thể yêu nhau và làm ái tình từ chạng vạng đến rạng đông, yêu nhau bất kể sáng trưa chiều tối, suốt cả bốn mùa xuân hạ thu đông như thế.Thú tính trong cơ thể động vật của chúng chỉ có bừng cháy trong một khoảng thời gian ngắn ngủi - mùa ái ân - khi mà những con cái và những con đực nhảy cẫng chồm lên nhau và gầm vang những tiếng thét gào man dại.

Nó lại gục gặc đầu ra chiều suy tưởng. Rồi nó biểu lộ sự vừa ý bằng một tiếng ồm oàm trong cái mồm hung tợn.

Con đực đang phiêu du kia chợt tỉnh men tình. Đúng hơn hắn ta nghĩ rằng có một tên ma cô nào đó đang rình mò để phá đám hắn. Hắn mở mắt to hơn, cố tìm cho ra cái tên khốn nạn.

Hắn quay người lại. Kia rồi, tên khốn nạn đang ngồi chồm hỗm cách hắn chừng năm mét, chênh chếch phía bên trái đàng sau.

Cái nhìn sáng như sao của con hổ vằn khốn nạn dập tắt ngay cơn sóng tình đang dạt dào trong lòng gã đàn ông. Hắn chỉ kịp kêu lên một tiếng "Á!..." rồi bủn rủn cả tay chân. Hắn đã trở thành một cái hình nộm cứng đờ trước khi người nữ kịp lai tỉnh, mở đôi mắt nhắm nghiền ra.

Con hổ vằn vẫn ngồi yên ở phía trái, đằng sau lưng gã đàn ông đang run rẩy. Tức là nó nằm ngay trước cặp mắt vừa mới lai tỉnh của người phụ nữ sau tiếng kêu thét của gã đàn ông. Lập tức, đôi mắt phụ

nữ ấy lại phải nhắm nghiền.

Người nữ ấy cũng chỉ kịp kêu thét lên một tiếng thất thanh rồi buông lỏng vòng tay đang ghì chặt lấy cổ gã đàn ông. Người nữ ấy đã không còn cảm giác, cái sợ đã làm tê liệt hệ thần kinh cao cấp.

Nhưng bản lĩnh đàn ông không làm cho gã kia lịm đi, mặc dầu gã run bần bật. Cái chất đàn ông trong người vẫn báo cho gã biết rằng gã đang đứng giữa lằn ranh của sự sống và cái chết.

Sau nửa phút ngắn ngủi bị nỗi lo sợ chế ngự hoàn toàn, bản năng sống còn trỗi dậy trong lòng gã.

Giây phút ấy gã bỗng quên hết, quên cả lời thề "thiếu em đời anh coi như tắt thở" mà gã vừa mới thì thào bên tai người bạn tình đến lần thứ một trăm trước khi đè cô ta lên gốc cây sến. Gã cũng chẳng kịp suy nghĩ rằng có thêm cô em, đời gã càng chết. Trong gã chỉ còn lại duy nhất cái bản năng sống còn và một ý nghĩ giản đơn: chạy !

Gã lẩy bẩy gỡ hai cánh tay phụ nữ đang treo hững hờ trên cổ. Rồi đột ngột, gã đẩy mạnh cái cơ thể không còn cảm giác của người nữ vào cái gốc cây một phút trước đã làm điểm tựa ái ân. Không kịp nhìn lại cái xác bất tỉnh của bạn tình, gã đàn ông vùng chạy.

Nhưng gã không chạy được. Vừa phóng mình ra khỏi gốc cây sến, gã đã thấy hai chân cuống quýt, đập vào nhau. Và cái quần của gã, chưa kịp sửa lại cho chỉnh tề, nó vướng víu, lúng túng. Gã đưa tay túm lấy lưng quần, vừa quay lại nhìn.

Con hổ vằn ngồi yên tư thế cũ, hai chân trước chống xuống đất. Nó chăm chú nhìn người nữ đang nằm sóng sượt dưới gốc cây rồi nhìn người đàn ông đang cuống quýt bỏ chạy. Sự việc làm nó buồn cười, có nghĩa là nó đang nhe răng.

Nhưng cái cười của nó đưa nỗi kinh hoàng của người đàn ông lên tột cùng. Chân phải của gã đá vào chân trái làm gã ngã chúi xuống đất. Gã không hề thấy đau, mặc dầu khuôn mặt gã đã úp xuống đất, tèm lem đất cát.

Sự ám ảnh của cái chết đàng sau lưng xốc gã dậy. Gã lại túm lấy lưng quần cho khỏi vướng, và chạy. Gã chạy, ngã, rồi lại chạy.

Con hổ vằn không thấy thích thú nữa. Nó đứng lên bằng cả hai chân, vươn mình cho đỡ mỏi rồi lững thững bước đi.

Nó chậm chạp đến gần bên gốc cây sến, nơi người nữ đang mê man bất tỉnh, nằm sóng sượt, gối đầu lên cái rễ cây to sụ. Nó hếch mũi lên ngửi mùi con người quen thuộc. Nhưng rồi cái mùi không phải mùi người, không phải mùi cỏ cây hoa lá ở ngực, ở áo quần con người nữ nằm chết ấy bốc ra làm nó khó chịu. Nó quay mặt đi hướng khá.

Nó đâm buồn vì thấy người nữ đã chết và người đàn ông bỏ đi

trong một bộ dạng trông buồn cười.

Con hổ vẫn ngao ngán bỏ đi. Chắc là cuộc dạo chơi không làm nó thích thú nữa. Nó đã thấy chán ghét cái cảnh chết ngất của người nữ và sự bỏ đi của người nam mới mấy phút trước còn đang ôm ấp, làm ái tình dưới gốc cây sến. Trong cả ký ức chín kiếp làm thú, nó chưa hề thấy có hình ảnh nào buồn như thế.

Con hổ vẫn ngán ngẩm tìm đường quay về hang. Nó chậm chạp bước đi, vừa đi vừa hểnh mũi ngửi.

Chung quanh, bốn phía đàng xa, nó lại đã nghe có tiếng la ó. Sự ấy chẳng làm nó để ý. Mười năm sống trong những cái chuồng đã làm cho con thú ấy mất đi sự cảnh giác trước những điều như thế. Nó cứ thong thả bước.

Nhưng phía trước nó vẫn là hình ảnh con người đang trốn chạy kia. Đúng là gã đã chạy, té, và tiếp tục chạy. Sự kinh hãi đã hạn chế vận tốc của gã. Nó làm cho gã cuống quýt, làm cho chân nọ đá vào chân kia, liên tục như thế. Gã đã chạy với vận tốc của một con gà mắc tóc.

Thế mà gã vẫn cứ nhìn lui. Thôi rồi! Nó. Con hổ ấy lại đã lù lù đàng sau lưng gã. Được ba bước nữa thì chân gã đã hoàn toàn bủn rủn. Gã lại đá chân phải vào chân trái. Lại té.

Lần này thì gã run đến nỗi không gượng dậy được nữa. Gã nghĩ thầm: “thế là hết !”

Nhưng cái bản năng sống còn lại giục gã tiến lên. Bây giờ thì gã không còn đủ sức để đứng thẳng dậy. Nhưng cũng phải tiến lên. “Tiến lên hay là chết”, gã lại tự nhủ.

Vậy là gã chống bàn tay trái xuống đất, kéo lê đầu gối phải lên. Rồi lại vươn cánh tay phải ra trước, đồng thời kéo chân trái lên. Động tác đi bằng bốn chân này giúp gã bớt té. Cứ thế, gã bò lê tới trước.

Hình như con thú cảm thấy lạ lùng trước động tác đi bằng cả tứ chi của con người phía trước. Nó lại ngồi xuống lặng lẽ nhìn một lúc, rồi lại thong thả bước.

Không biết được bao nhiêu bước chạy, bao nhiêu lần ngã, và bao nhiêu động tác bò lê thì con người hoàn toàn kiệt sức. Gã đàn ông nằm xoài ra, mặt úp xuống đất.

Hình như gã có ngất đi trong một giây ngắn ngủi. Rồi gã lại mở mắt ra. Cố hết sức, gã ngẩng đầu lên. Ngay trước mặt, cách gã khoảng vài mét là những chấn song sắt lớn như những cái bắp tay.

Thôi tận số rồi! Gã đàn ông suy nghĩ. Ai lại chui đầu vô hang cọp!

Nhưng cũng ngay lúc ấy, gã đã trông thấy cái cửa chuồng thú

đang mở toang.

Cái bản năng muôn thuở và bộ não phát triển cao của con người nơi gã lóe lên. Như có thêm sức mạnh, gã vùng dậy. Gã đứng lên. Rồi gã lao nhanh qua cái cửa chuồng thú đang mở toang ấy.

Tất nhiên trước khi chạy vào trong, con người đã đủ khôn ngoan để chốt chặt cánh cửa chuồng ấy lại. Hành động ấy được thực hiện vừa vặn kịp lúc con hổ vằn xuất hiện ngoài chấn song sắt cửa chuồng số 5.

*

Đến đây thì xin phép bạn đọc thân mến cho tôi tạm dừng bút, vì xét ra kết thúc của câu chuyện hổ sổng chuồng ở thành phố này ai cũng biết cả rồi. Tôi tự xét rằng mình không đủ sức để hư cấu những tình tiết lâm ly, bi đát, éo le, rùng rợn.

Vấn đề là ở chỗ nhờ sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, mọi việc đã đâu vào đấy, ổn thỏa cả. Thiệt hại về mọi mặt coi như không đáng kể. Không có ai bị sây sứt gì ráo. Có nghĩa là nạn-nhân-con-người đi lạc vào chuồng thú số 5 đã được cứu thoát một cách cực kỳ khéo léo, cách ấy chỉ có con người chúng ta mới nghĩ ra được. Còn con thú bị chiếm mất chuồng lồng lộn, điên cuồng phía bên ngoài các chấn song sắt sau đó cũng đã được sự khôn ngoan của con người đưa vào đúng chỗ của con thú.

Duy có một điều khiến nhiều bạn đọc lấy làm thắc mắc, muốn biên thư sang nước bạn, nhờ các đồ đệ của ông Páp-lốp giải thích giùm. Ấy là không hiểu tại sao kể từ hôm tình cờ sổng chuồng đi dạo, chính xác là kể từ giây phút nhân-vật-con-thú bị nhân-vật-con-người chiếm mất cái nhà-chuồng, thì tính nết của con thú đã hoàn toàn thay đổi. Nó không còn hiền lành như xưa nữa. Mặc dầu vườn thú đã lo xa, dựng thêm một hàng rào sắt nữa, con hổ vằn ấy vẫn cứ lồng lên, nhe răng gầm gừ mỗi lần thấy có con người trước cửa chuồng.

Cũng từ lúc đó vào những đêm thanh vắng, người ta còn nghe tiếng con hổ vằn ấy gầm vang cả khu vườn thú.

LÊ HÙNG VỌNG

(Báo Văn nghệ số 12/1998 - Đăng lại trong tập truyện ngắn Hổ Thành Người của Lê Hùng Vọng, Nhà Xuất Bản Thuận Hóa 5/2001).



MAI VĂN PHẤN
được quyền nghĩ những điều đã ước

Những quả chuông bay lên
hóa thân và hiện hữu
cánh đồng ôm con đường co duỗi
không nhận ra em hôm qua

ngựa thở dốc
bời ngợp cảm giác cỏ
chùm lưỡi dìu nhau đứt cuống
xuyên qua tim lăn vào đất tơi
nở những bàn tay sau lưng tươi tốt

anh dũng mãnh lún sâu
chờ sinh lại trong tóc mềm
phủ nồng mắt dại
đi ra lững thững
ngạo nghễ tượng đài
chợt bôi xoá những điều đã biết

đã biết
vùi trong mặt trời mù, dưa chua, nước chấm
bôi xoá thân căng mọng
ngón ngón mài xiết
rên rỉ mây bay
kéo căng tiếng dế
nước bỗng reo qua miệng cống đen
cây lay giật thúc vòm lá rối

men lao đao dốc ngược đáy bình

chảy qua miệng anh
mềm mại em
sữa thơm hay cỏ non vừa mọc

được quyền nghĩ những điều đã ước

sen

Những vạt bùn lặng im không lóe sáng
Nén không gian rạn căng đồng tử
Hình dung người đứng trên đài sen truyền ngôn

Nước vẫn ríu vào nhau
Chờ vươn dậy từng ngó sen trái vụ
Lấy đích một đám mây bay
bí hiểm tựa văn bản mập mờ ký tự

Lòng hồ không còn lửa
Lũ cỏ hoang lạnh ngắt lâu rồi
Cánh bướm đen chập chờn tơi tả
bắn ra từ tiếng nổ rễ cây

Nước ríu vào nhau hoài niệm
mùi hương hôm qua
bóng dáng hôm qua
rồi minh mẫn trong lá rơi giọng nói

Giọng nói mơ hồ càng thảng thốt...

Chưa khiếp sợ bằng ngón tay tỉa sen
đang teo lại trong áo khăn trong suốt.

MAI VĂN PHẤN





ĐINH LINH
14 truyện ngắn một câu

Trước khi hắn trút hơi thở cuối cùng, họ dẫn hắn ra ngoài để nhìn mặt trời lần cuối, và lần đầu tiên.

*

Những sách du lịch làm hắn say mê đến nỗi hắn bỏ cả cuộc đời tự trói mình vào bàn làm việc, với cửa sổ đóng chặt, để đọc chúng.

*

Hai người trở thành kẻ thù muôn kiếp vì một lời nói trước đó mấy thập niên, một câu nghe lộn, hiểu lầm, và thậm chí quá vớ vẩn nếu được nhận xét một cách vô tư, một nhấn giọng hay một hơi thở thoát ra giữa hai hàm răng khép kín, hay một chớp mắt vô tình, nhưng hậu quả là một cái chết thê thảm của một người, và sự tàn phế của người còn lại.

*

Hắn gạt qua sự mê hoặc của quần chúng đối với minh tinh, cầu thủ, chính khách, nhà cách mạng, kẻ sát nhân, và thi sĩ, để viết những tiểu sử được nghiên cứu kỹ càng, có chú thích và minh họa, về những lơ xe đò, thợ làm móng tay, thợ hồ, và người bán vé số.

*

Ở biên giới giữa đó và đó, một chàng trai bị bắt quả tang với một bí mật thông thường đã được nhét vào một lỗ trên mình bị buộc phải uống một liều thuốc nhuận tràng, rồi tống đi nhà thương điên, nơi hắn sống phần còn lại của một cuộc đời hữu ích.

*

Những chữ lóng đang chiếm chỗ những chữ thiệt, hắn nghĩ một cách ngu xuẩn, và quên rằng mọi chữ đều nằm trong từ vựng mờ ám của một bọn khả nghi, được tạo ra để tâng bốc và làm yên tâm người trong cuộc, và gây bối rối cho người ngoài cuộc.

*

Một bé gái được sinh ra trên một thuyền nhỏ, sống trên đó cả đời, và không bao giờ thấy đất liền, tuy từ xa.

*

Một phụ nữ đẹp nói với bạn, "Nhắm mắt là tao lại thấy cái đầu lướt sóng, cái bờm đen, cái chiều nghiêng, rồi bất thình lình điện thoại lại reo, làm tao mất mẹ cái mộng ảo."

*

Sau xị rượu thứ hai, tên gầy còm, hen bệnh, được mọi người quen gọi là "Chú Tám," tiết lộ cho gạt tàn thuốc lá vơi, "Đúng thế, tao đã biết cả ngàn chúng nó, nhưng tao không biết một đứa nào hơn hai lần."

*

Trong một đêm cực lạnh ở góc Hàng Trống và Hàng Que, một tên mới phất nói với một tên mới phất khác, "Vâng, vâng, đời người quá ngắn, và chúng ta là những kẻ thừa hưởng."

*

Vững tin rằng chiến tranh là trò chơi thuần túy nhất, trò chơi duy nhất đáng chơi, hắn lao mình vào sự nghiệp đánh thuê, và tham gia vào Chiến Tranh Pakistani-Ấn Độ năm 1971 (khi hắn mất một ngón tay), Chiến Tranh Yom Kippur (khi hắn mất bàn chân phải), Chiến Tranh Việt Nam (khi hắn mất một nửa mặt), Chiến Tranh Falklands (khi hắn mất một nửa mặt), và Nội Chiến 1995 ở Sierra Leone (khi hắn mất thêm một ngón tay).

*

Cuộc sống giả sẽ không được chuộc bởi cái chết thật, hắn rốt cuộc hiểu, khi những ngọn lửa vàng đang liếm cặp lông mày phẫn nộ của hắn.

*

Một thần tượng quốc gia, khi trẻ, khuyết đèn và tình yêu, hắn lăn lóc mấy thập niên ở những nước lạnh, không mến khách, làm toàn những công việc chó má xúc phạm đến tự giác vĩ nhân, cái mệnh mà hắn suy là việc phải đày đọa quê hương, khi hắn sẽ trở về.

*

Cả đời hắn là một kẻ bội ơn, sẵn sàng phản bội, theo nguyên tắc, bất cứ ai đã giúp đỡ hắn, người tình, bạn bè, họ hàng, nhưng hắn lại trung thành một cách lạ lùng đối với một người hắn chưa từng gặp, chưa bao giờ giúp đỡ hắn, và thậm chí cũng không biết hắn là ai.

ĐINH LINH

Nguyên tác Anh ngữ, tác giả tự chuyển ngữ sang tiếng Việt.



VI THÙY LINH
cột trụ trời

1.
thốn mạnh và sâu tận cùng bóng tối
cột trụ trời xuyên vỡ những giọt nước mắt
(anh và em đã khóc lặng lẽ
rất lâu
trong những căn phòng)
thốn qua mọi khoảng cách
cột trụ trời xuyên qua em
động lấm tấm mướt mát
những giọt mật mặn

2.
những gã đàn ông mượn rượu để rêu rao tuyên ngôn,
vẫn đi lại như những con cua
với bộ mặt như quả táo khô, thậm thụt cơn trác táng
trong không gian hình và màu.
các họa sĩ đầy phòng râu nghễu nghện
(em không nhìn râu họ,
vì lúc nào bộ râu của anh cũng cọ vào em)
những mảng màu va nhòe em
những mảng màu rên lên hân hoan
biết anh Duy nhất
Vĩ đại!
vết bầm ở đầu gối trái (va cầu thang) làm em nhớ
môi mình bầm sau lần đầu anh hôn
và ngay sau đó cây bút anh vung lên dồi dào
vung lên tất cả
em mê những cái "húc" hung hãn cơn Đói
rối rít cuống cuồng ngốn ngấu nghiến

em thường tụ vào đám đông ồn ã
để nỗi nhớ bớt dày vò
xung quanh, đầy tượng gỗ cổ sơn son thiếp vàng,
có tượng cụt tay; chẳng dễ tin vào sự ứng linh,
dẫu có trong nhà Phật trăm tay nghìn mắt
la liệt, những bình gốm cổ, có bình mẻ miệng;
không biết được bí mật trong bình,
dẫu đổ nước đầy tràn và thả vào nắm sỏi
đầu nhà sàn, nơi em nghe điện của anh,
cây hoa găng chạm ngực em bàn tay gió
khi anh mút em hai nghìn dặm
hoa găng rơi lóng ngóng tím lên trời
rơi mê man dọc cột trụ trời
em đã hút chặt anh anh đã cuốn vào em như dây leo vĩnh viễn

3.
cái máy điện thoại phòng em mầu vàng, dây của nó cũng vàng
những hòm thư quen thuộc dọc đường, mầu vàng
những lồng chim nhốt con đường xuộm nắng,
con dường chúng mình đã đi bên nhau đắm say
chỉ nghe tiếng thở

4.
suốt đêm khóc
lả đi trong vòng tay chiếc áo
sao cứ xa em mãi thế, anh ơi?
áo mầu đêm, đêm mầu hoang
em
trắng
trắng
bịn rịn mướt mát dọc cột trụ trời
tiếng thở tiếng thở tiếng thở tiếng thở...

VI THÙY LINH
1h sáng 1,6.2000



THÁI VIỄN PHƯƠNG
thuyền sông đêm



a tía dặn rằng đừng mềm yếu mơ mộng nhiều quá rồi đời chẳng ra gì khổ tâm mà thôi ngày xưa chú mầy ngào lầu chệt cũng vì yêu đương trầm trọng mà bỏ một đời cái người đàn bà chú mầy gặp và thương yêu ở Đăng Hải không thể nào tìm lại được trên cõi đời này mà một người đàn bà như vậy chưa chắc gì có thực những ôn nhu thể thiệp tinh tú khiết trinh ấy tìm đâu cho ra huống hồ người ấy đã ngồi kiệu hoa đi qua cây cổ thụ đầu làng theo chồng lên tận Tùng Dương tỉnh Triết Giang

người chú ngào lầu chệt ấy đã đóng cửa phòng ngồi một mình bên án sách không ăn uống người gầy như bộ xương rồi đổ xuống một đêm a tía bảo chỉ mới hai mươi ba tuổi

tuy không muốn mơ mộng nữa nhưng vẫn còn những giấc mơ có

một lần một đứa con gái bận quần sa teng trắng áo tay phồng màu hoa đào đang đi xe đạp và thật là một đứa con gái tươi đẹp hiền dịu lắm nắm lấy bàn tay ấm mịn nó mà cùng đạp xe đi ngang hàng trên con đường ven sông gió mát hỏi em là ai vậy đứa con gái bảo là Kim Tân nhìn rõ hơn thấy đứa con gái không phải là con Kim Tân vậy mà nó cứ tiếp tục vừa nói vừa cười em là Kim Tân em là Kim Tân tỉnh giấc vui vui tiếc nó không phải là con Kim Tân vậy mà sao nó lại bảo là Kim Tân đứa con gái nhỏ nơi mái trường gò cao đầy sạn đá ong miền quê mẹ Thanh Phổ

Kim Tân thật là Kim Tân bằng xương bằng thịt Kim Tân trong niềm đau khổ mến yêu như trong mộng như làn bụi đỏ thứ tình si vi vu tiếng ve sầu thơm ngọt mùi hoa mủ dẻ đỏ thắm màu vỏ trái ư

nhiều giấc mơ theo về tận bên Tàu

a tía bảo đánh trận thua rồi phải bỏ chạy thì chạy đi đâu cũng là chạy tao chạy về quê Đăng Hải Triều Châu dẫn vợ chạy qua Việt Nam sướng hơn chèo qua biển chạy theo Tưởng Giới Thạch mà chỉ có một thân một mình

1

thua Mao Trạch Đông xơ xác mạnh tướng nào dẫn quân nấy chạy

có một đêm sư đoàn dừng lại qua đêm tại Hội Xương tỉnh Giang Tây đang ngủ chợt nghe quân Mao chạy rần rần lại như động đất

tướng tá quân lính chỉ kịp ùa nhau từng đoàn bỏ chạy bỏ lại hơn hai chục khẩu đại bác mầy biết không cũng may quân Mao vì ham súng đại bác è nhau lôi kéo nên bọn tao mới chạy thoát qua Phước Kiến súng đại bác mà ăn thua gì so với trà thiết quan âm Phước Kiến

bà má Tàu của mầy tốt lắm bà Việt Nam là má mầy cũng tốt mà ghen quá trời bà má Tàu mầy chịu không nổi nên phải chạy trở về Tàu bước chân xuống thuyền má Tàu mầy thề không bao giờ đặt lại bàn chân lên đất Việt tao thương bà má Việt Nam mầy số nhứt bà má Tàu mầy số nhì sau này ghe tàu qua lại không được nữa bị đứt liên lạc đã thề không đặt lại bàn chân lên đất Việt nữa mà mà má mầy lại chết sớm

a tía lại bảo bây giờ má mầy chết rồi tao ở lại đây làm gì nữa bây

giờ Mao Trạch Đông làm cách mạng văn hóa kệ tía nó tao đổi ra họ Dương dẫn mầy về lại Đăng Hải Triều Châu cha con Tưởng Giới Thạch nhờ Mỹ Nhật giúp làm ăn nên rồi đâu có nghĩ gì tới đám tàn quân ngày trước chạy trốn khổ cực khắp nơi tao có mò qua Đài Loan thì cha con nó cũng coi thượng tá trung đoàn trưởng như con chó mà thôi về Đăng Hải may còn gặp má Tàu mầy hay cô Dung Dung của mầy cũng không chừng chỉ có ba anh em mà ngào lầu chệt mầy đã si tình chết rồi Mao Trạch Đông làm cách mạng văn hóa chắc đã đốt tan hoang cái từ đường của gia gia rồi

để rồi mãi mãi hoài niệm miền Hà Nguyên
như một bịnh kinh niên giữa hai mùa thu hạ

từ Đăng Hải qua Hà Nguyên mất hết hai ngày một đêm vừa bộ vừa thuyền về miền sơn dã mất thêm hơn nửa ngày khởi bộ hành từ tờ mờ sáng thôi thế từ đây nơi đây là nơi ta sinh sống Hoa Sinh Cốc giữa hai dãy đồi xanh biếc có một nhánh nhỏ lượn khúc chảy vào sông Đông Giang nhà dân cư thưa thớt núp đó đây dưới lùm cây những con dê màu trắng và màu vàng điểm trang cho đồng cỏ buổi ban mai đứng trên đỉnh đồi cả một miền thảo nguyên hiển hiện dương quang cỏ và núi đồi và những khu ruộng nhỏ cùng những lùm cây đều phập phồng thở

2

nhà cô Dung Dung chỉ có bốn mẫu ruộng thay mùa trồng lúa đậu và hoa sinh tuy vậy cô dượng và biểu ca làm lụng siêng năng đủ nuôi cả nhà lớn nhỏ sáu miệng ăn về đây bao nhiêu sách vở bút mực cất vào rương ra đồng tham gia làm ruộng đêm có trăng ra đồng cỏ rộng ngắm trăng đồng cỏ đêm thơm mùa linh lan tử không quen rồi cũng mau quen duyên phận hay gì gì không rõ

về Đăng Hải tám năm nằm mơ chuyện Thanh Phổ hàng trăm lần nhớ nhung chim ổ già con đường đất mịn và cả dòng sông a tía tìm má Tàu không ra tìm suốt bao nhiêu năm không thấy nghe đồn bà đã qua Đài Loan đổi tên sửa họ không ai biết tung tích a tía buồn lắm hàng ngày lại phải đi bộ bảy tám cây số dạy học

a tía mất rồi không học hành gì được nữa và những giấc mơ lòa

nhòa đổi hẳn màu sắc a tía khi gần chết dặn về Hà Nguyên dung thân vài năm rồi liệu thời mà tính

một buổi ban mai trên đồng cỏ lại xui khiến thêm một con đò xuôi trở về nam

sao bên đó tên là Đông Hoa mà còn kêu là Hạ Nhi
Hạ Nhi là tên từ hồi ba tuổi về đây người ta đặt cho đó
về đây làm gì vậy
về đây làm nàng dâu đó
sao sớm vậy
chỉ phúc đính hôn đó
sao lại phải về làm dâu hồi ba tuổi sớm vậy
nhà nghèo em đông lắm
còn tên Đông Hoa là nghĩa làm sao
là hoa bên hàng rào mặt trời đông mới mọc cũng là mặt trời trên dòng Đông Giang a tía nói vậy đó mùa hè tắm sông cũng thấy nhiều hoa lắm làm hoa khổ lắm
trượng phu biết điều tử tế không
chết rồi chết sáu năm rồi chết hồi mười một tuổi
sao không trở về ở với a tía a má
nhà chồng đòi giữ lại gả người khác lấy lại công lao tiền bạc hay bán đi cũng không chừng a tía mất rồi a má dẫn em theo bà ngoại về Ngủ Hoa Thôn

3

lần thứ nhứt Đông Hoa hiện lên trên đồi đồng cỏ như thiên tiên ngày xa xưa u nùng nhìn nhau không nói một lời nào mà đã hoàn toàn sa ngã em như đóa hoa đào còn e ấp chưa muốn nở trọn vẹn gốc đào lặng lẽ ven rìa núi buổi chớm xuân những gì mộng mơ trong sách vở trang như ngọc em đã mang về a tía dặn đừng mộng mơ quá nhiều mà đây em hiển hiện bằng xương thịt cho biết bao nhiêu lời thơ

buổi ban mai sương còn long lanh trên ngọn cỏ Đông Hoa quay gót trên đường đi chợ sớm cả miền đồng nguyên lại phập phồng thở mạnh lên gấp đôi lần

lần thứ hai gặp em trong động đá nhỏ trốn chiều mưa dông vận

mệnh muốn đùa dai hay sơn hà diễm lệ đưa đẩy những bước chân em nghiêng thân vuốt những giọt mưa trên tóc ngước nhìn với biết bao kinh ngạc đôi mày màu núi xanh sau cơn mưa da mặt ửng hồng thêm thẹn thùng đôi ngực lên xuống mau với làn áo lụa màu tím nhạt mắt ánh lên niềm vui mừng cũng thoáng nét ngại ngùng trốn chạy

rồi mới biết thân phận nhau trên hai giang sơn xứ sở

biểu ca bảo rằng trong vòng tam thập lý chung quanh người ta biết Đông Hoa giai nhân miền cỏ nội nhưng giai nhân vô tâm lắm thanh niên suốt xứ nầy như không hề có ai mà thân thế nghĩ cũng thật đáng thương nhà chồng nhiều ruộng lại căm co lắm khó ai ăn được đồng nào bị bắt về làm dâu từ ấu thơ chưa thành thân chồng đã chết non rồi

lần thứ ba gặp em bên máy xay bột bờ suối nước rì rào

sớm đã đoán đúng rồi là người lạ ở thành thị về đây không giống người hương hạ đồng quê xa lắm về đây tận phía nam có biết một nơi là Việt Nam không Việt Nam ngồi ghe buồm qua phải mất cả tháng về thành Đăng Hải ở hơn tám năm rồi a tía mất rồi về Hà Nguyên đây ở với cô Dung biểu ca biểu muội và cô trượng đều tốt lắm về đây bình tĩnh yên vui cỏ xanh trăng sáng lắm

thành thị không vui sao ở đây ngày nào cũng như ngày nào

4

thành thị cũng vui đồng quê cũng vui bên đó muốn về Đăng Hải Triều Châu không khó đâu miễn là chấp nhận một điều

không chấp nhận được đâu cá trong chậu chim trong lồng mà giờ đây phải về nhà rồi đó không thì la rầy phiền não lắm

thân ảnh Hạ Nhi mất hút bên chân đồi mờ mờ không có thật hình ảnh con Kim Tân trong những giấc mơ cũng mờ mờ không biết rõ con Kim Tân con chim ổ già của một thằng khờ Đông Hoa Hạ Nhi chập chờn một xác thân tươi đẹp cho thằng Tàu lai mới lớn máu thịt rì rào nhưng đau khổ trái ngang lại cũng ập đến rồi nhiều đêm không ngủ được cứ dòm ánh trăng di động

thường gặp nhau trên đồng cỏ những nơi ít dấu chân người nhiều lần ôm nhau như dính hẳn vào nhau không muốn rời mùi thân con gái đang tràn đầy môi mọng hồng da thịt mịn chắc mỗi lần đưa tay muốn thò vào bên trong lớp áo trong là bàn tay bị chặn lại

thôi đi nguy hiểm lắm có còn trở về Việt Nam hay ở đây luôn nếu về thì đem người ta đi chớ ở đây khó lòng lắm họ bắt về lấy giây cột rồi bỏ vào rọ heo thả trôi sông chết khổ lắm

đợi một hồi âm một người bạn là mình xuôi thuyền đi ngay nước chảy xuống ai mà đuổi kịp ráng đợi cho qua mùa đông nầy

không kịp đâu nghe là có một địa chủ ở xa xuôi lắm muốn trả tới một ngàn đồng đó ngã giá là bắt đi ngay lên tận biên cai Giang Tây và An Huy đó lên đó rồi là kể như đã chết rồi đó

bao nhiêu nước mắt đã chảy ra bao nhiêu cái ôm siết âu yếm như muốn làm gảy đổ tan nát cả thịt xương gân cốt nầy bao nhiêu trăng đã sáng bao nhiêu thương nhớ những ngày không thể gặp nhau ái tình cũng xót xa điểm trang cho đồng cỏ và điểm trang cho cả đời nầy

đợi lâu mà người bạn tiểu học năm nào ở gò đá ong không có hồi âm nghĩ ngợi trằn trọc suy tính bao nhiêu đêm biểu ca nói muốn đem Hạ Nhi đi phải không phải liều thôi đây có hai chục đồng để dành lâu nay không xài cầm lấy mà đi

một đêm khuya lạnh giữa trọng đông khung cửa sổ lại mông lung vầng trăng

5

Hạ Nhi là em sao

chỉ kịp thốt lên và lôi em trọn vào lòng đôi bàn tay lạnh nhưng thân em ấm lạ lùng em lặn lội trong đêm khuya từ nhà em tận bên kia mấy dãy đồi hẳn tình hình đã nguy cấp lắm rồi

em biết anh sẽ thức tỉnh trong đêm và linh cảm được em sẽ tới em không chờ đợi được nữa đâu em phải đi thôi người ta đã phái người đến rồi ngày mốt rước em đi em sẽ chạy trốn về Ngũ Hoa Thôn em đến đây để nói một lời cuối là anh ở lại ráng mà bảo trọng tự thân

nghẹn không nói ngay được lời nào chỉ ôm chặt em hơn vào lòng

thôi em ơi em chạy về Ngũ Hoa Thôn rồi họ cũng sẽ tìm đến chạy không thoát mà còn nhọc lòng mẫu thân thôi không còn chờ đợi gì nữa chiều mai em đi ra bờ sông giặt áo thì đừng về nhà nữa trốn ngoài đồng đến trời vừa sập tối thì ra gần bến đò đợi anh

gật đầu mắt mờ lệ loáng ánh trăng bờ môi khép lại quyết lòng

ôm nhau ôm nhau như ôm nhau lần nầy lần cuối nước mắt lại ràng rụa như để khóc bên nhau một lần nầy nữa rồi thôi khi vầng trăng xế đưa em trở về nhà hẹn chắc đêm mai

sáng sớm hôm sau nhận của biểu ca mười đồng đi thuê một con thuyền nhỏ bảo rằng xuôi xuống Dương Thôn Tam Khẩu là lên bờ hẹn trời vừa sập tối lên thuyền tại bến sông

sông ơi sông thuyền ơi thuyền đã nối biết bao cuộc đời đã chia lìa bao số kiếp

trời chưa tối hẳn đã lảng vảng quanh bến đò cũng may thuyền gia tới sớm ông lão coi còn gân guốc khỏe mạnh lắm lên thuyền ngồi đợi mắt không rời con đường mòn từ đỉnh đồi dẫn xuống mé sông trên tay chỉ là một gói quần áo nhẹ để lại tất cả sách vở bút mực ở đây gần hai năm rồi lần nầy đi không biết bao giờ trở lại đời làm bằng những chuyến ra đi

6

trời mập mờ rồi tám giờ thật sự vào đêm thật quá phập phồng tim đập Hạ Nhi Hạ Nhi chỉ đợi một thân ảnh quen thân xuất hiện ra trên nền trời

trời tối hẳn đã tám giờ mười lăm phút rồi tay mâm mê chiếc đồng hồ nặng nề cũ kĩ di vật của a tía mới mấy hôm trước trời sáng tối mau lạ thường quay một vòng là mặt trời đã quẹt vòng ngang đầu bây giờ mỗi phút là cả năm Hạ Nhi Hạ Nhi Hạ Nhi em

tám giờ rưỡi rồi chín giờ tim muốn rớt xuống mạn thuyền muốn

nhảy ùm xuống sông cho đở quay quắt sao em chưa đến hay đã có điều bất trắc chín giờ rưỡi rồi còn gì trời ơi sao vậy cả đời đây mà nỡ lòng nào

mười giờ đêm không chờ được nữa quay sang bảo người lái thuyền bác ở đây chờ có người con gái đến hỏi thì bảo lên thuyền đợi đừng đi đâu cả

vọt xuống thuyền chạy bay qua đồi xanh cỏ dại bay bay như con thiên cẩu qua bờ ruộng qua lùm cây qua hốc đá qua những con đường mòn bay đến cổng nhà em tiếng chó sủa dồn đêm lạnh

gọi cổng quay quít đợi một ông lão lom khom tay cầm đèn dầu bước ra hỏi khề khà ai giờ nầy gọi cổng có việc gì cần kíp chăng cổ họng cứng rồi cũng thoát ra được hai tiếng Hạ Nhi ông lão nhìn sững sờ dưới ánh đèn vầng tráng nhăn nheo đôi mắt già lộ chút cảm thương

Hạ Nhi đi rồi từ sáng sớm nay có phải là người ở thành về ở nhà lão Vương gần máy xay bột bên bờ suối đó không

sờ sững điên dại há miệng gật đầu

à đúng rồi nó thương lắm nó có nói thật mà ở nhà nầy già rồi vô dụng có thương người nói được mấy câu cũng không ai nghe nó đi rồi từ sáng sớm đã bị bế thốc lên yên ngựa ba bốn người hộ tống đi rồi khóc than vật vã như chết đi sống lại nó muốn trốn đi đêm nay đó gói quần áo dấu bên đống rơm khô vẫn còn đây ôi thân nó rồi không biết sẽ ra sao

7

đứng như trời trồng nhắm mắt lại sẽ ngã quỵ ngay quay đầu bỏ chạy chạy về phía bến đò biết đâu em không trốn thoát được giữa đường mà chạy ra bến đò chờ đợi chạy bương chạy tất tim và chân thình thịch trên cỏ đêm lạnh toát mồ hôi

Hạ Nhi Hạ Nhi Hạ Nhi em tội tình nào nỡ lòng nào em

ông lão thuyền gia vẫn chờ đó bến sông lặng lẽ không thêm



HUỲNH LIỄU NGẠN
sân chùa

(nhớ Nguyễn Tất Nhiên)

Đêm nghiêng xuống nét tình cờ
anh nằm mộng giữa hai bờ tử sinh
rồi đêm trôi mãi vô hình
ngàn sao có tỏ chút tình với anh
anh nằm thở với trăng xanh
mà hư ảnh cũng tan tành khói sương
anh nằm nghe vọng hồi chuông
trăm năm cũng một đoạn trường thế thôi
sân chùa từ ấy đơn côi
nắng rơi về một cõi đời sắc không.

HUỲNH LIỄU NGẠN

một người

bước lên phủ phục xuống sàn thuyền

hai giờ sáng lão chèo thuyền hỏi nhỏ bên tai có còn muốn xuôi về nam không

im lặng nhè nhẹ gật đầu

sông đêm tan nát

thuyền khua mái

THÁI VIỄN PHƯƠNG
Jun/2001/Canada



PHAN HUYỀN THƯ
nỗi buồn của tôi

Viết
cho nỗi buồn thành mưa
trút vào giếng đầy lên lắng xuống

Đôi khi, giữa lòng giếng cạn
xác con ếch khô còn vẳng lại
ngây ngô tiếng đứt đuôi
nòng nọc dậy thì.

Giếng hình giọt lệ
nước chẳng là mâm đồng
để vãi chữ lanh tanh như vãi ngọc
huyền cầm nào ấm hơn tiếng mưa đông.

Viết
cho nỗi buồn thành gió
lang thang cánh đồng
con trâu già ức chế luống cuối cùng
đường cày trách nhiệm lên mặt đời nhăn nhở

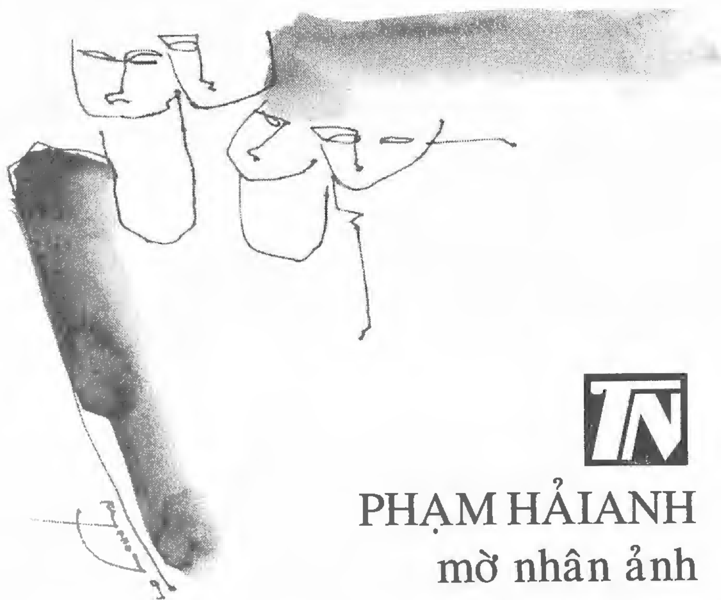
Cũng có lúc buông thả
dìu dặt sáo diều
cô đơn nào hơn gió chiều hoang vắng.

Viết
cho nỗi buồn của tôi thành tình yêu của anh
tình yêu vô sinh
nỗi buồn thụ tinh trong ý nghĩ.

Viết
viết
viết đi, chữ không còn là chữ
viết chỉ như ý nghĩ
lách qua khe cửa hẹp trong đầu
rồi vội vã ùa về với biển sâu
âm u lòng mẹ
khao khát được ngủ yên như thế
không phải ra đời.

Viết
cho nỗi sống buồn của tôi.

PHAN HUYEN THU
29/6/01



PHẠM HẢI ANH
mờ nhân ảnh

Một
Hai
Ba
Bốn

Đúng sáu giờ, ông già đứng dạng háng cạnh máy nước, hô dõng dạc. Đấy là cách ông luyện khí công. Bao giờ cũng chỉ đếm đến bốn. Mấy chục năm rồi không mất giá, trượt giá thêm bớt số nào, nhưng nội lực hùng hậu đến mức cách cả dãy phố cũng nghe rõ mồn một. Chọc vào tai đúng sáu giờ sáng, như một đồng hồ báo thức mẫn cán. Miên nghiệm thấy nếu tỉnh giấc ở con số ba thì ngày hôm đó lắm chuyện rắc rối. Chẳng hạn đi xuống nhà sẽ gặp Cháo Vịt. Cháo Vịt luôn chào Miên một cách độc đáo, nói như hét :"Lấy chồng đi!", khi nào có thời gian thì nói dài hơn :"Học mãi. Lấy chồng đi ế bỏ mẹ!". Miên đáp lễ bằng nụ cười hệt của bố, cũng là một gien di truyền bất đắc dĩ. Bố Miên cận thị nặng, lần đầu đến nhà này lúng túng làm đổ xe đạp lên lưng Cháo Vịt. Cháo Vịt nhảy dựng lên hét: "Mù à. Xin lỗi đéo gì gẫy lưng người ta rồi." Sau thành hàng xóm, mỗi lần gặp bố Miên,Cháo Vịt chào rất to, vui tươi xởi lởi. Chỉ có ông già bị choáng bởi cú đụng độ đầu tiên nên lúc nào cũng giữ nụ cười ngơ ngác biết lỗi. Cháo Vịt xí xóa chuyện cũ, nhưng lo xa dặn con cái:

-Thằng Lò thằng Bủm, cô giáo gọi đi học thêm thì cứ bảo là em phải ở nhà giúp mẹ vặt lông vịt. Học lắm vào lồi mắt ra đấy.

Thằng Lò thằng Bủm nghe lời mẹ, thủng thẳng mấy năm một lớp, bù lại mắt mũi tinh ranh láu lỉnh, khỏe béo chùn chụt ai trông thấy cũng thích.

Cháo Vịt cao ráo, thắt đáy lưng ong, môi bóng như thoa mỡ trên gương mặt đẹp gợi cảm. Một gánh cháo vịt nuôi ông chồng nghiện và đàn con. Mà lúc nào cũng cười khơ khớ, lại tươm tất cả rượu và đồ nhắm mỗi đêm ông chồng thức xem đá bóng. Hai vợ chồng cùng xem, một đêm như vậy là hai con vịt tử nạn. Cháo Vịt một mình xơi gọn con vịt luộc, tuốt cả cổ cánh lẫn phao câu. "Làm nghề gì ăn nghề ấy mà lị", Cháo Vịt giải thích, môi bóng nhẫy, có vẻ hết sức yêu nghề.

Cháo Vịt là con dâu ông Khí Công. Bà Khí Công buôn vịt, riêng tiền lời chỗ bánh đúc nhồi vào cổ vịt cho tăng cân cũng đủ để ông bồi dưỡng đều đặn mỗi sáng một phở tái đập hai lòng đỏ trứng và cút rượu bổ thận tráng dương. Nhưng vì khí công ông tốt quá nên bà đâm rầy rà. Là bởi chiều chiều giời nóng, tầm năm giờ, đàn bà con gái túa ra máy nước giặt giũ, làm cơm thì ông cũng ra theo. Quần đùi mỏng dính, dây chun rão, ông vừa dội nước vừa thọc hai tay vào chà xát, nâng niu cục khí công. Cảnh tượng sếch xi quá thể, một lúc sau vòi nước vắng hẳn cánh đàn bà.

Hai địa điểm ưa thích của ông Khí Công là máy nước và nhà xí. Đàn ông đàn bà trong xóm chung nhau trút buồn vào một nhà giải và hai cầu tiêu không chốt không móc, mỗi lần có người thì tế nhị khép hờ cánh lại. Nhưng ông Khí Công bao giờ cũng ngang nhiên đứng chính giữa phòng, cửa mở toang. Người ở trong hết đường ra, người ngoài tắc lối vào. Thực ra ông không cấm vận ai. Nhưng cái cách ông khó nhọc "vận công" làm đàn bà con gái phải tự cấm mình, nhu cầu càng cấp bách thì ông càng dềnh dàng vì bí tiểu. Miên đã hơn một lần bị ông Khí Công chắn mất đường ra. Ngồi chồm hỗm trên cầu tiêu hẹp, đếm từng giọt nước ông Khí Công ậm è rót xuống bên ngoài, nghe nhạc Khánh Ly ảo não vọng vào: *"Cho trăm năm vào chết một ngày... Nhìn lại mình đời đã xanh rêu..."*

Không sợ ông Khí Công chỉ có ông La Rút. Ông này gầy nhom, chưa bao giờ thấy đặt chân tới hàng phở. Ông La Rút mặc quần pyjama cháo lòng, sơ mi dài tay kín cổ, đội mũ phớt. Ông hay ngồi trầm

tư ở quán nước trước cổng ngõ, than thở cả cái xóm này vô học. Khi có Tây đi qua, bất kể già trẻ lớn bé, ông La Rút đều trịnh trọng tiến lại bắt tay bông giua xà va dõng dạc. Ông thực sự mừng rỡ khi gia đình Miên dọn đến ở. Hân hạnh giới thiệu là cán bộ xã hội về hưu, chuyên viên nghiên cứu tài liệu tiếng Tây, xài từ điển La rút xờ hàng ngày. "Cái xóm này chúng nó có biết La rút xờ là cái gì đâu !", ông than thở bi phẫn. Miên tò mò muốn xem cuốn từ điển quý của ông nhưng chưa bao giờ có dịp. Mẹ Miên thì chán ông La Rút ngay sau tuần lễ thứ nhất. Vì cứ nhè lúc buổi trưa cả nhà đang khép cửa nghỉ ngơi, ông La Rút lại trịnh trọng gõ còng cọc vào cánh cửa:

- Xin phép ông giáo, xin phép bà giáo, cho tôi phơi nhờ cái quần đùi.

Quần đùi ông La Rút trông còn thảm hại hơn quần đùi ông Khí Công. Ông cặp chặt vào dây phơi bằng ba cái kẹp nhựa xanh đỏ, quý báu như treo quốc kỳ. Buổi chiều, ông lại lịch sự gõ cửa:

- Xin phép ông giáo, xin phép bà giáo, tôi xin rút cái quần đùi.

Nếu có hứng, ông còn bước vào nhà, uống nước chè, đàm đạo thời sự quốc tế và viện dẫn từ điển La rút xờ. Cháo Vịt coi thường ông La Rút ra mặt, bảo :"Cán bộ cán biếc gì lão ấy. Thổi kèn đám ma mà cứ lên mặt dậy đời". Miên để ý chỗ ông La Rút hay ngồi có cái biển vôi xộc xệch "Ban nhạc hiếu. Hỏi ông X." Từ đấy ngầm quan sát ông La Rút thấy nhất cử nhất động đều đúng là anh thợ kèn. Mặt ông người yêu đời nhìn cũng muốn rơi lệ, chưa cần thổi kèn đã hợp với nhà đám lắm.

Sáng nay ông Khí Công mới hô đến ba thì ngừng lại. Cú ngắt đột ngột chưa từng thấy làm cả phố tỉnh ngủ. Là do ông La Rút khai mào. Mũ phớt ngay ngắn trên đầu, ông La Rút dõng dạc vỗ vai ông Khí Công:

- Chỗ hàng xóm, tôi góp ý với ông từ giờ đừng làm náo động vào buổi sáng. Nếu ông thích đếm thì vào nhà mà đếm.

Ông Khí Công há hốc mồm vì sự cả gan quá mức. Ông La Rút đĩnh đạc góp ý thêm:

- Cũng đề nghị ông buổi chiều đừng tắm ở chỗ công cộng. Già rồi càng phải có đạo đức. Tụt quần tụt áo như thế là thiếu văn minh. Tôi lấy tình...

Suýt nữa ông La Rút hỏng mất chỗ thổi kèn vì cú đấm của ông Khí Công. Máy nước nhốn nháo chia làm hai phe giữ hai ông già. Sau cùng, ông La Rút chỉnh lại mũ phớt, hầm hầm lên phường báo cáo. Ông Khí Công khinh bỉ tuyên bố:

- Tao đã sống qua hai chế độ. Đế quốc Mỹ tao còn đéo sợ. Thách nó đem văn minh ra làm gì tao!

Buổi chiều, để minh họa cho lời thách đố, ông Khí Công diện chiếc quần đùi mỏng nhất, ra máy nước từ bốn rưỡi, sớm hơn bình thường nửa tiếng. Không thấy ông La Rút ngồi ở chỗ mọi khi nhìn sang. Ông Khí Công kỳ cọ kỹ càng quá, ngay cả Cháo Vịt cũng không dám điềm nhiên ngồi vặt lông vịt như mọi khi. Bà Khí Công hầm hầm gọi chồng vào.

Sáng hôm sau, không nghe tiếng hô của ông Khí Công. Ông mất tích. Cả nhà Cháo Vịt xôn xao bổ đi tìm. Bà Khí Công bỏ buổi chợ, nằm nhà rên hừ hừ. Đêm qua, ông Khí Công thừa lúc cả nhà ngủ say, lấy bình axít đổ vào mồm bà. Hành sự xong, ông âm thầm bỏ trốn. Tối trời, run tay ông đổ trượt, bà bị bỏng nhẹ, chỉ có cái chiếu cháy thâm đen lại. Chồng Cháo Vịt sục sạo khắp nơi, cuối cùng tìm ra ông đang ngồi đầu thú ở công an phường. Ông khóc hu hu xin đền tội đã giết mụ vợ lắm điều. Phải dỗ mãi ông mới chịu về nhà. Ông La Rút không góp ý gì. Ông bị cảm từ hôm đụng độ ở vòi nước, ngay cả lên nhà Miên phơi quần đùi cũng không thấy. Mất đến một tuần sau, cả xóm mới bị đánh thức bởi tiếng hô "Một. Hai. Ba. Bốn" của ông Khí Công. Âm lượng vẫn hùng hậu như xưa vì ông lại được bà bồi dưỡng bằng phở tái hai trứng và rượu bổ mỗi sáng. Bẵng đi không nghe, Miên ngạc nhiên thấy hóa ra mình đâm nhơ nhớ tiếng hô của ông.

PHẠM HẢI ANH



TRỊNH THANH THỦY
tiên tri cho một tình yêu mới

như anh đã thấy
khi em dùng hai tay gõ nhịp
nghe bằng mắt
và nói bằng máy
thuật dị dung đổi hẳn trái tim
khi quá khứ và hình hài
xa nhau một nhánh tóc

như anh đã thấy
em giống kẻ mù
tỏ tình bằng hai tay thoăn thoắt
trên từng ô chữ lạnh
như người câm
hát những lời yêu đương thầm
khi con cừu được chuyển hoá từ vô tính
cloning

rồi anh sẽ thấy
vầng trăng trồi lên từ màn hình monitor
loài phiêu sinh
thành những đấng thiên thần
trổ cánh

trong buổi ăn thịt xương của nhau
không ai hát
mà cầm âm biệt

cuối cùng anh sẽ thấy
em -
con sóc ngộ độc chữ nghĩa nhân gian
cố thu mình nhỏ lại
mùa xuân ánh lá bạc
trái tim em khô hạn trên triền xanh
làm sao hát ca
cùng loài sơn dương
vô tính

ôi anh,
con sơn dương cuối cùng của em
con sơn dương cuối cùng trên cheo leo vách đá
vầng trăng kia lạnh
cũng đã xa...

TRỊNH THANH THỦY



PHAN NHIÊN HẠO
ba bức thư
của một người không hạnh phúc

THƯ 1.

Tôi viết cho bạn không phải để phá vỡ sự êm đềm của đời sống bạn, sự đều đặn mà có thể đôi khi bạn cũng thoáng cảm thấy tẻ nhạt nhưng không muốn đánh đổi cho một cái gì kích động hơn. Tôi viết cho bạn không phải để mong bạn chia xẻ gì với tôi. Vì đối với một kẻ cô đơn thì không ai chia xẻ gì được. Tôi viết cho bạn không phải để nói với bạn một lời khuyên bảo gì khi bản thân tôi không khuyên bảo được tôi. Đời sống của tôi co giãn giữa những chuyến đi xa trong tâm tưởng rồi về lại điểm bắt đầu như một sợi dây cao su. Tôi đi ra khỏi tôi chỉ như một người đi bộ ra khỏi những con đường tối trong một thành phố hiểm nguy vì sự an toàn trong phút chốc. Nhưng rồi tôi bao giờ cũng trở về lại chỗ cũ, một căn phòng có những vật dụng luôn thay đổi sau mỗi lần chuyển dời. Nhưng mọi sự luôn không thật sự thay đổi

gì. Khi mới lớn, tôi tin rằng người ta thay đổi với thời gian. Nhưng sự trưởng thành đã giúp tôi nhận ra rằng phần lớn người ta không thay đổi gì. Người ta chỉ sống theo một cung cách nhất định nào đó và ngày càng vây rào chung quanh đời sống đó. Đời sống có thể trở nên phong phú hơn, phức tạp hơn, hiểu biết hơn, nhưng hiếm khi vượt ra khỏi cung cách mà người ta đã bắt đầu. Có người dao động như một quả lắc đồng hồ, có người như một bông vụ, và có người như một cành phi lao trong gió. Nhưng tựu chung thì người ta không đi ra khỏi một con đường quen thuộc. Con đường của bạn là con đường của một kẻ hạnh phúc và bạn lướt đi trên đời sống như một con thuyền nhắm về một bến bờ trong tầm mắt. Tôi không có thuyền. Tôi bơi vật vã trên sóng và khi biển bình yên tôi lặn xuống chạm tay vào đáy tối. Tôi thấy vẩy của các loại cá sống không cần mặt trời sáng lên trong bóng tối. Tôi nhận ra các con ốc đang di chuyển một cách thong thả, tự tin, và không bao giờ va vào các vật thể khác. Đôi khi tôi nghĩ tôi sẽ xây một ngôi nhà trên mặt nước và sống với những cọng rong bể. Nhưng tôi nhận ra đó chỉ là một ý nghĩ ngây thơ và màu mè. Tôi là một người của đô thị. Tôi sống trong những căn phòng thấp điện và tôi trải qua những giờ khắc cô đơn, không hạnh phúc, nhưng cũng không muốn thay đổi. Đáy biển của tôi là sự một mình và các con sóng là những dao động trong cung cách tôi đã chọn lựa, hay bị chọn lựa bởi đời sống. Tôi chỉ mất sự liên lạc với các nguồn cảm hứng đôi khi. Những con bạch tuộc, những con ốc tối, những nhành san hô hình dáng lạ kỳ, những người bạn có thể nhìn xuyên qua đời sống một cách thông minh và bình thản. Những người hiếm hoi mà tôi không còn gặp lại. Và đó thật sự là một mất mát lớn của một người nhập cư.

Tôi viết cho bạn chỉ để nói với bạn rằng có một đời sống khác ngoài đời sống hạnh phúc của bạn, và tôi không mời mọc bạn nhập vào gì cả. Sẽ chẳng có thể thay đổi gì khi mọi người đã bắt đầu đời sống theo một cách riêng. Có một đêm tôi trở về sau một cuộc vui tầm phào với mấy người bạn học. Lúc ấy đã ba giờ sáng và tôi lái xe vào một khu tối tăm chỉ để tìm một người đàn bà. Đó là một cái thú phiêu lưu chứa đựng nhiều cạm bẫy hiểm nguy. Nhưng vào giờ đấy chẳng còn ma nào đứng đấy nữa. Chỉ có những người đàn ông bán ma túy đứng trong bóng tối có vẻ đe dọa. Nhưng khi tôi lái xe chậm lại và quan sát họ kỹ hơn, tôi nhận ra chính họ cũng đang nhìn tôi một cách lo âu và e dè. Tôi nghĩ rằng họ là những kẻ ở trong bóng tối theo một cách khác. Cái cách của những đứa trẻ bị bỏ rơi trong căn phòng tắt điện từ giờ này sang giờ khác và cuối cùng chấp nhận bóng tối một cách miễn cưỡng, hận thù. Họ không tìm thấy tự do trong bóng tối,

nhưng thay vào đó là sự nghe ngóng đầy nghi kỵ và sợ hãi.

Lúc trời bắt đầu sáng, trên đường về nhà tôi ghé lại một sạp báo và mua một tờ tạp chí khỏa thân. Bạn có bao giờ thật sự đọc một tạp chí khiêu dâm. Tôi nói là thật sự đọc chứ không phải chỉ xem hình. Lời lẽ thật ra làm bạn mất hứng vì chúng tục tĩu một cách quá trắng trợn. Người đứng bán báo là một người nhập cư Ấn Độ và tôi tự hỏi ông ta làm gì suốt đêm giữa các chồng báo đủ loại nếu không đọc các tạp chí khiêu dâm. Có thể ông ta luyện Yoga. Nhưng chín mươi chín phần trăm tôi nghĩ ông ta chỉ xem các tấm hình khiêu dâm mà thôi. Và tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ thích một cái nghề như vậy. Cũng không tệ. Làm việc trong một sạp báo với đủ các loại tạp chí vào ban đêm, ngủ vào ban ngày trong một căn phòng cũng dán đầy các tấm hình phụ nữ trần truồng. Có thể ông ta là một người hạnh phúc theo cách khác. Và có thể ông ta là một người hạnh phúc vì không hạnh phúc gì cả. Dù sao ông ta cũng là một người khá can đảm vì ở Los Angeles, một sạp báo ban đêm như vậy có thể bị cướp bóc bất cứ lúc nào.

Tôi viết cho bạn, một người hạnh phúc vì thực ra tôi không hạnh phúc, bởi vì tôi không tin vào hạnh phúc, và tôi sẽ chán hạnh phúc rất mau nếu tôi có hạnh phúc, mặc dù tôi cứ luôn đi tìm những người đàn bà. Bạn có hạnh phúc mà làm sao bạn không chán hạnh phúc cũng thật đáng khâm phục. Chào.

Jan 23, 1998.

THƯ 2

Tôi đã không làm được việc gì suốt mấy ngày nghỉ cuối tuần. Thường đó là thời gian mà tôi phải hoàn thành việc đọc sách cho các lớp học của tôi. Tôi phải thú nhận với bạn rằng tôi không còn đọc sách một cách nhanh chóng và hào hứng như mười năm về trước khi tôi hai mươi tuổi. Ngày đó tôi có thể ngốn ngấu một quyển sách vài trăm trang chỉ trong một buổi chiều, đọc mê mải cho đến khi không còn đủ ánh sáng từ một mặt trời đang lặn. Bây giờ tôi đọc một cách khó khăn hơn và tôi không còn thích các tác phẩm nặng tính chất thể nghiệm văn chương. Tôi đang đọc "Catch-22" của Joseph Heller cho một lớp học về văn chương hiện đại Hoa Kỳ. Đây không phải là một tác phẩm khó đọc so với những gì tôi đã đọc trước kia, nhưng sự lòng vòng của ngôn từ làm tôi bực mình. "Catch-22" được xem là tác phẩm gần nhất với chủ nghĩa hiện sinh trong văn chương hiện đại Mỹ, một tác phẩm nói về sự phi lý của đời sống con người trong chiến tranh thế

giới thứ hai, qua những đối thoại ngớ ngẩn kiểu "Wating for Godot" của Beckett. Nhưng kịch của Beckett ngắn và súc tích, trong khi để hoàn thành năm trăm trang chữ nhỏ của Heller với một giọng văn ngớ ngẩn như vậy đòi hỏi rất nhiều kiên nhẫn. Tôi cũng đã nghe Joseph Heller nói chuyện ở UCLA. Đó là một ông già cao lớn, nói nhanh và hơi lắp bắp. Giọng New York rất nặng. Tôi có một cuộc hẹn với cô giáo sư dạy lớp học này vào ngày mai để thảo luận thêm về cuốn sách trước khi viết luận văn. Và tôi chưa đọc xong hết một nửa. Tôi muốn gặp giáo sư của tôi chỉ bởi vì tôi nghĩ là tôi yêu cô ta, nếu bạn muốn biết sự thật. Giáo sư B. là một người chỉ khoảng ba mươi và tôi đoán cô ta vừa mới hoàn thành luận văn tiến sĩ không quá hai năm trước đây. Cô B. cao, mảnh dẻ như một người mẫu, tóc và mắt nâu, luôn ăn mặc một cách tinh tế và hiện đại đúng kiểu một phụ nữ học thức của các thành phố lớn. Tôi nghĩ giáo sư B. gốc Do Thái và là một người đồng tính luyến ái nữ, bởi vì khi cô ta đề cập đến các vấn đề đồng tính, cô ta luôn nói bằng giọng của một người trong cuộc. Nhưng cô B. có cái cách đỏ mặt lên rất đáng yêu mỗi khi cô ta hơi bối rối. Trên làn da hơi nhợt nhạt của cô, hai vết hồng bất chợt hiện lên, lan ra rồi biến đi nhanh chóng như một vạt nước xao động trên mặt hồ. Nhưng thường thì cô B. là một người rất tự tin và dịu dàng. Cô ta có một cách lắng nghe bạn rất chăm chú và chia xẻ. Tôi nghĩ cô B. là một người trẻ tuổi nhưng đã kinh qua những dằn xé nội tâm dữ dội ẩn dấu sau cái vẻ bề ngoài bình thản và hơi lạnh lùng của cô. Chỉ khi cô ta nhìn thẳng vào bạn với cặp mắt dịu dàng, bạn biết rằng đó không phải là một người đơn giản và yếu đuối. Tôi yêu cô B. vì sự dịu dàng của cô, sự thông minh của cô, vẻ đẹp quý phái của cô. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ không có vấn đề gì để yêu và kết hôn với một phụ nữ như vậy, cho dù thỉnh thoảng cô ta có đi ngủ với những người đàn bà khác. Cô ta sẽ là người bạn đường tốt nhất của tôi bởi vì cô ta không õng ẹo yếu đuối như những người đàn bà khác, cô cũng sẽ không kiêu ngạo một cánh đáng ghét như những cô gái đẹp khác. Và vì cô ta là một người trí thức, cô ta sẽ biết giữ cho quan hệ của chúng tôi luôn luôn thú vị. Nhưng dĩ nhiên cô B. chẳng bao giờ biết ý nghĩ của tôi về cô. Tôi luôn đến văn phòng của cô như một sinh viên giỏi và lễ độ.

Bạn thấy không, một người hạnh phúc như bạn sẽ nghĩ rằng đây là một ý nghĩ kỳ quặc về tình yêu. Thật sự thì tôi không muốn nói rằng tôi thích kết hôn với một cô gái đồng tính luyến ái. Nhưng thường thì bạn cũng biết rằng những người đàn bà đẹp không được thông minh cho lắm, và ngược lại những người đàn bà thông minh thường làm bạn mất cảm hứng vì vẻ ngoài khô khan của họ. Thỉnh

thoảnh có những người đàn bà đẹp và thông minh, nhưng họ là những bông hoa quá đắt đỏ mà tôi không bao giờ kham nổi. Tôi không có ý ám chỉ vấn đề tiền bạc. Nhưng những người đàn bà như vậy đòi hỏi bạn phải dâng hết hồn xác cho họ. Họ làm cho bạn điên đầu từ ngày này sang ngày khác với cái tính kiêu kỳ và õng ẹo của họ. Họ muốn bạn phải luôn luôn làm cho họ hạnh phúc và sống trong hạnh phúc miên viễn với họ. Nhưng tôi là một kẻ không sống được lâu dài với hạnh phúc, và tôi là một nghệ sĩ, có nghĩa là đời sống buộc tôi phải trải qua phần lớn thời gian và sức lực chỉ để đương đầu với những vấn đề của nội tâm tôi. Đời sống sẽ rất căng thẳng nếu cùng một lúc tôi phải đương đầu với chính tôi và với những bông hồng đầy gai như vậy. Nên tôi chỉ là một người tìm kiếm vẻ đẹp trong những bông hoa đơn giản, những người đàn bà dịu dàng biết cách tự chăm sóc mình một cách cảm động. Bạn thấy rằng tôi đang lý luận cái lý luận của một kẻ không hạnh phúc, tức là một kẻ đã từ bỏ tìm kiếm cái toàn vẹn. Giờ đây tôi sẽ rất bằng lòng với một sự chọn lựa tương đối.

Sau cùng thì tất cả những ý nghĩ này chỉ là hoang tưởng, vì tôi biết rằng cô B. sẽ không bao giờ yêu một người như tôi, trước tiên đơn giản chỉ vì tôi sẽ chẳng bao giờ có đủ can đảm để tỏ tình với cô. Tôi chỉ muốn nhìn sâu vào đôi mắt nâu thẫm và thấy cô B. đỏ mặt lên đôi khi. Cô là một người đàn bà hiếm hoi mà bạn chỉ gặp được thi thoảng trong đời từ đám đông những người đàn bà tầm thường. Và đôi khi bạn sợ phá vỡ những hình ảnh hiếm hoi như vậy ở ngay trong tâm trí bạn.

Tôi đã định nói với bạn về việc đọc sách và văn chương, rằng tôi ngày càng không chịu được sự màu mè dưới bất kỳ hình thức nào, ngay cả những thể nghiệm nhân danh trí thức, mặc dù những cuốn sách như vậy đã là niềm thích thú của tôi mười năm về trước. Giờ đây tôi luôn muốn nhìn thấy ngay lập tức cái cốt lõi của đời sống trong những sáng tạo nghệ thuật. Những hội hóa trang làm tôi chán ngấy. Nhưng tôi sẽ nói thêm với bạn về vấn đề này trong một dịp khác, vì bây giờ cô B. đã choán hết tâm trí tôi rồi. Tôi sẽ viếng thăm cô vào ngày mai. Chào.

Jan 25, 1998.

THƯ 3

Mấy hôm nay trời mưa, thứ hai vừa qua là ngày lễ, vì thế tôi đã có một cuối tuần dài. Tôi đã không ra khỏi nhà suốt mấy hôm đó

ngoại trừ hơn một tiếng đồng hồ đi hớt tóc. Tay hớt tóc ở SuperCut mặc đồ đen, mang ủng da cao tới gối, tóc hai bên tai cắt trọc hai mảng lên gần tới đỉnh đầu, phía sau để dài đến vai, kiểu dân chơi heavy metal trông rất rẻ tiền. Tôi đã thầm cầu mong cho tôi không phải bị kêu vào ghế của hắn, vì ở SuperCut, bạn đi vào, người tiếp viên ghi tên rồi giao bạn cho tay thợ hớt tóc nào vừa xong trước nhất, trừ khi bạn yêu cầu được hớt bởi một người quen. Tôi đã bị giao vào tay hắn, nhưng rất ngạc nhiên là hắn đã cắt cho tôi một cái tóc thật cẩn thận và vừa ý mà tôi chưa từng có. Trực giác của tôi rất nhiều khi sai lạc cho dù cũng như nhiều kẻ khác, tôi vẫn thường rất tin vào trực giác của mình. Tôi đã trải qua phần lớn thời gian của những ngày cuối tuần chỉ để đọc và ngủ. Tôi chiều chuộng các cơn buồn ngủ khi chúng đến không một chút cưỡng lại. Tôi đi chợ Lucky ở ngay phía sau nhà, mua tất cả những thức ăn mà tôi thích, ăn bất cứ lúc nào mà tôi thích, cố gắng không nghĩ đến những khủng hoảng tiền bạc đang đến gần. Tôi có một căn phòng rộng và sạch sẽ, người bạn học ở chung nhà với tôi là một người rất trầm lặng, hiếm khi ra khỏi phòng riêng của hắn, và tôi có thời gian, và một sự tự do gần như là tuyệt đối, và tôi biết đấy là đời sống mà tôi không muốn đánh đổi cho một cái gì khác. Có thể bạn nghĩ rằng tôi đã trải qua những ngày cuối tuần một cách rất cô đơn và đáng chán, vì bạn là một người hạnh phúc.

Trong những ngày cuối tuần nằm dài, đọc, ăn và ngủ đó, hơn lúc nào hết, tôi nhận ra rằng thật rất khó khăn cho tôi để sống với một người khác bên cạnh. Nếu tôi lấy vợ thì tôi mong vợ tôi sẽ đồng ý sống trong một căn phòng riêng như người bạn học đang ở chung nhà với tôi vậy, lặng lẽ, độc lập, tôn trọng nhau.

Ngày hôm nay không còn mưa nữa mặc dù buổi sáng hơi có gió, và lạnh. Lần đầu tiên tôi đi xe bus ở Los Angeles. Vì một vài lý do ngớ ngẩn mà tôi thậm chí không muốn kể lại, tôi mất giấy phép đậu xe ở trong trường. Một phần lớn diện tích trong khuôn viên trường đại học của tôi bị chiếm chỗ bởi các tòa nhà cao tầng dùng làm chỗ đậu xe, vậy mà vẫn không đủ chỗ cho hàng ngàn chiếc xe hơi. Phải rất chật vật mới mua được giấy phép đậu xe, gần 500 dollars cho ba mùa học. Tôi thật sự không muốn nói nhiều về cái trường UCLA mà tôi đang học. Tôi ghét nó, nếu bạn muốn biết sự thật. Trường này nổi tiếng, đã có bảy giáo sư đoạt giải Nobel, và là một trường giàu có, nhưng chính vì vậy mà mọi hoạt động trong trường được quản lý như một tổ hợp kinh doanh khổng lồ. Và khách hàng là các sinh viên. Có cả một khu mua sắm đồ sộ ngay trong campus, trong khi những tòa nhà cao tầng cứ tiếp tục được xây dựng từ năm này sang năm khác. Đây là

một ngôi trường mà bạn có thể thấy rất rõ ràng những khía cạnh đáng chán bên cạnh những mặt tốt đẹp của văn hóa Mỹ: sự thực tế quá độ, tính phô trương, một tinh thần khỏe mạnh kiểu thể thao, cái không khí hạnh phúc đề huề của những kẻ trưởng giả. UCLA làm cho bạn không nghĩ gì hơn là trở thành một nha sĩ nhổ răng, một chuyên viên điện toán, hoặc khá lắm là một tay viết kịch bản Hollywood. Nói tóm lại là những tay làm rất nhiều tiền. Tôi nghĩ rằng các trường đại học Mỹ với đường lối giáo dục thực tiễn của họ quá chú trọng đến việc đào tạo những con người của giấc mơ Mỹ, những kẻ thành công trong xã hội. Nhưng chính đường lối giáo dục như vậy cũng làm trương phình thêm sự trống rỗng của đời sống trong một xã hội tiêu thụ. Dĩ nhiên là ở đâu cũng có những kẻ biết suy nghĩ, nhưng những người này vì quá ít ỏi, luôn bị cô lập và lạc lõng. Tôi đi học bằng xe bus hôm nay. Tôi đi xe bus số 6 về nhà vào khoảng 6 giờ chiều, đường phố mùa đông đã bắt đầu tối, xe cộ gần như tắc nghẽn vào giờ tan sở. Ngồi trên xe bus, tôi có cảm giác là lạ của một khách du lịch, như thể đây là lần đầu tiên tôi đến Los Angeles. Tôi phải nhìn các bảng tên đường để khỏi xuống sai chỗ, và cái cách như vậy làm cho tôi có cảm tưởng tôi vừa rời sân bay và đang trên đường đến một khách sạn trong một thành phố lạ. Có những thành phố mà bạn mến yêu ngay lần gặp đầu tiên. New York chẳng hạn, bởi cái năng lượng kinh hồn của đời sống ở đó. Seattle chẳng hạn, bởi vẻ đẹp ảm đạm và dịu dàng của biển, của sương mù, của mưa tầm tã. Nhưng Los Angeles là một thành phố mà tôi nghĩ rằng khó chiếm được cảm tình của ai, ngoại trừ những tay cải lương Hollywood, nhưng tên bán hàng rong triệu phú. Thành phố này trải ra trên một diện tích quá rộng và vì vậy không có cái vẻ tập trung của một trung tâm đô thị. Khu dowtown với những tòa nhà chọc trời thường vắng hoe sau sáu giờ chiều và ngày cuối tuần. Thời tiết ấm nắng mà người ta luôn miệng ca ngợi thực ra luôn bị vẩn đục bởi khói xe. Vì sống xa trung tâm nên dân chúng phần đông đều tự lái xe đi làm, và ở Los Angles, nếu bạn không có xe riêng, thường là vì bạn không có việc làm hoặc không có đủ tiền để mua xe. Bởi vì nếu không có xe, bạn thật sự là một kẻ tàn phế ở Los Angeles. Diện tích rộng lớn của thành phố sẽ lấy mất của bạn hàng giờ mà bạn chẳng đi đến đâu nếu dùng phương tiện giao thông công cộng. Ở Los Angeles, nhân cách của bạn được đánh giá qua chiếc xe bạn lái, một nền văn hóa xe cộ. Ở Los Angeles, mọi sự rất rởm và người ta có xu hướng đi đến cùng của sự rởm đó. Không ở nơi đâu mà bạn thấy nhiều trung tâm thể dục thẩm mỹ như Los Angeles, và điều buồn cười là người ta tập thể dục trong những căn nhà kính khổng lồ sát ngay mặt đường để được chiêm

ngưỡng. Mỗi buổi chiều lái xe ngang qua LA Fitness ở khu Westwood, tôi không nhịn cười được khi thấy hàng dãy phụ nữ, đàn ông hì hục chạy bộ trên những cỗ máy tập, mặt hướng ra đường phố giống như một bầy khỉ đang làm trò cho khách qua đường. Vào những lúc kẹt xe, tôi thường có dịp ngồi trong xe quan sát những con người buồn cười đó. Dĩ nhiên không có gì sai trái với việc tập luyện thân thể, đó là một việc làm rất tốt, thật ra. Nhưng cái cách mà người ta trưng bày tất cả mọi sự ra như vậy thì có lẽ chỉ thấy ở Los Angeles. Người ta tìm mọi cơ hội để khoe khoang sự khỏe mạnh và hạnh phúc một cách hết sức lố bịch. Đây là một thành phố mà tôi biết rằng tôi sẽ không bao giờ yêu mến cho dù khó có một thành phố nào khác so được với Los Angeles về sự phồn thịnh. Tôi dám chắc không ở nơi nào khác bạn thấy nhiều xe mắc tiền trên đường phố như Los Angeles, nhất là khu quanh Westwood và Beverley Hills gần trường tôi học. Đây là nơi mà nếu bạn là một tâm hồn chán ghét khía cạnh thực dụng của đời sống Mỹ, bạn sẽ thường xuyên muốn tự tử. Và vì vậy đây là nơi mà một kẻ không hạnh phúc có thể sống được, vì hắn luôn ở tận cùng sự cô đơn của hắn. Nhưng chiều nay, lúc ngồi trên xe bus, tôi chợt nhận ra rằng thành phố này, đất nước này, trong một cách nào đó đã trở nên một phần của đời sống tôi, rằng có lẽ nếu đi ra khỏi đất nước này trong một thời gian ngắn, tôi sẽ có cảm giác của một kẻ nhớ nhà. Lúc ngồi trên xe bus, tôi có đúng cái cảm giác nôn nao gần gũi như mỗi lần trở lại Saigon sau mấy ngày về thăm nhà ở Phan Thiết, trong những năm học đại học ở Việt Nam. Tôi ở Saigon khoảng sáu năm, bốn năm đại học và hai năm lang bang sau ngày ra trường cho đến lúc rời Vietnam. Suốt thời gian đó thường tôi chỉ về thăm nhà ở Phan thiết vào mấy ngày Tết, mà nếu không vì nhớ mẹ và các em thì có lẽ tôi đã ăn Tết luôn ở Saigon. Tôi còn nhớ tôi đã cảm thấy xa lạ như thế nào mỗi lần về thăm Phan Thiết, cái thành phố nóng bụi mà gia đình tôi đã sống một thời gian dài sau khi bỏ hết nhà cửa, gia sản, tháo chạy từ Kontum về năm 1975. Phan thiết cũng là một thành phố mà bạn có thể sống hàng năm nhưng không bao giờ yêu mến nó. Có một cái vẻ gân guốc gần như là thô lỗ trong những buổi trưa nóng bức ở thành phố đó. Kontum, đối với tôi, dĩ nhiên là đối với tôi thôi, là nơi hoàn hảo nhất cho một người làm thơ ra đời. Hình ảnh những người Thượng rời nhà thờ vào buổi chiều vàng óng, lặng lẽ đi hàng một xuống con dốc vắng. Quá vắng và sâu đến làm người ta khóc được. Dòng sông Dakla chậm rãi với những cuộn dây thép gai rỉ sét quấn quanh chân cầu. Và tiếng súng mỗi đêm.

Nhưng chiều nay, lúc ngồi trên xe bus từ trường về nhà, nhìn

dòng xe cộ di chuyển nặng nề bên ngoài cửa kính, tôi biết rằng nếu trở về Việt Nam vào lúc này, tôi sẽ có cái cảm giác xa lạ như đối với Phan thiết năm xưa. Không phải vì Saigon đô thị hơn Phan thiết và Los Angles đô thị hơn Saigon, nhưng bởi vì ở những nơi mà tôi đã rời bỏ, tôi thường không sao tìm lại được chính mình khi trở lại. Có lẽ vì tôi chưa già, tôi không có được sự quyến luyến của một người hay nhìn lại phía sau. Một cách tự nhiên, tôi nghĩ rằng khi người ta đã thật sự học được cách hòa nhập vào một nơi chốn mới, nơi chốn cũ sẽ chỉ còn đẹp trong ký ức, nhưng thường là thất vọng khi người ta trở lại . Ngồi trong chiếc xe bus đông người nhưng sạch sẽ và yên lặng chiều nay ở Los Angeles, tôi biết rằng tôi không còn thật sự thuộc về Saigon, hay Phan thiết, hay Đà nẵng, hay ngay cả Kontum. Nhưng tôi cũng biết rằng tôi không hoàn toàn thuộc về đất nước rộng lớn này, cho dù tôi đang sống hết mình đời sống của tôi ở nơi đây, chứ không phải ở một đất nước hình chữ S nào cách đây mấy vạn dặm.

Tôi xuống xe ở góc đường Palm và Sepulveda, trời đã thật sự tối, gió lạnh. Tôi đi nhanh về nhà, nấu bữa ăn tối cho chính tôi, và tôi biết rằng tôi là một người không hạnh phúc. Nhưng tôi sẽ không đánh đổi cuộc sống này cho một cuộc sống nào khác. Ít nhất là trong lúc này. Chào.

Feb.18, 1998.

PHAN NHIÊN HẠO



TRƯỜNG ĐINH
những dặm trường thi: chân dung du tử lê

3/31
thời gian vút thoáng ngoài sức tưởng
bình minh như phép lạ còn gắn bó
nấc thang chuyển lưu
hoàng hôn khơi sắc
họa hình như gió nhảy
động biến như mây bay
đôi con ngươi đối chọi vô hình
bằng sức đuối mình kềm chế
có hề chi vai trò nắn bóp ngữ tự
khi không đủ tự chủ bẻ mình theo dư điệu
văn chương một đời
nhịp sống cuối cùng như giấc mơ di chúc.

12/31
bước chân tới
trước hư vô
toàn tri hụt hẫng
nơi trống vắng
điểm tựa là vùng trống
mưa như xối não
ướt đất
đồi sương xanh nhỏ lệ
từ tâm linh dựng đứng
từ quá khứ mờ sương
từ muôn chiều gọi nhớ
sàigòn như mưa mắt
ta yêu em trong đêm
đường thẳng vô hình trong từng bóng nước

mây ngàn năm vẫn là mây
đợi chờ như xa vời
những ngậm ngùi trong vòng tay biển nhớ.

23/31
gọi chính mình
từ vết thương cảm tính
trên quê hương mất lỡ
từ thơ ấu vẫy chào
trước đám lửa lòng man di chưa lịm tắt
tro tàn vẫn lạnh
trong đáy giếng tâm linh
bài thơ biển đẹp là hạt bụi nhỏ đại dương trên khoé mắt
người đau người ngỡ ngàng
cơn đau như mưa lũ
một triều dâng viễn xứ
trong những buổi chiều buồn, ai cũng có trái tim và đất nước gọi về.

27/31
ánh mắt vô ngôn có thể nói lời vạn mỹ
hạnh phúc và đau khổ có thật
rất thật như cát bụi đã một lần
hoa rơi là ngỏ ý
sự ly biệt đã chết khi tái tạo thành hình
tân thế kỷ
vạn cổ niên
vũ trụ đắm nhìn vuông tròn độ góc
biến dịch là bổn sinh của muôn thú
trong đó loài người làm một
mây tâm hồn không là định đề xác quyết
còn hình hài là để giã từ
cho những ai chờ đợi
hủy diệt thêm một lần uốn khúc tái sinh
ta thương ta, thương biếc một quê nhà.

TRƯỜNG ĐINH
(Aug. 01)





HOÀI MỸ
người coi nghĩa địa

Vừa nghe hắn trình bày ước muốn theo đạo Tin Lành, mặt vị mục sư Na Uy trở nên rạng rỡ dù ánh mắt của ông vẫn không giấu hết nét nghi ngờ lúc ban đầu. Ông mời hắn cà phê. Hắn gật đầu, cám ơn.

- Thế trước đây anh theo tôn giáo nào?

Hắn đặt ly cà phê xuống bàn:

- Thưa mục sư, con thờ đạo ông bà.

Vị mục sư sửa lại cặp kính trắng đang xệ trên sống mũi:

- Hầu hết người Việt tin theo tín ngưỡng này, phải vậy không? Nhưng nguyên nhân nào khiến anh thay đổi ý hướng?

Hắn liếm môi, hơi cúi đầu khi trả lời:

- Tại con thấy đạo Tin Lành hay! À, ý con muốn nói đạo Tin Lành giải thích cho con được nhiều thắc mắc mà từ lâu con hằng tìm hiểu.

- Thí dụ?

- Chẳng hạn vấn đề ơn Cứu rỗi, vai trò của đấng Krist, của bà

Maria, sự phạm tội và sự sống sau cái chết.

- Anh đọc nhiều sách về Tin Lành chưa?

- Dạ thưa mục sư, con mê nhất cuốn Kinh Thánh, cả cựu ước lẫn tân ước.

- Vậy thì tốt. Kinh Thánh là tài liệu sống động và căn bản của Tin Lành giáo.

Vị mục đưa cho hắn một tờ giấy với những hàng chữ in mầu xanh dương và bên trên có quốc hiệu Na Uy đặt trên hình vẽ thánh giá:

- Anh điền mẫu đơn này xin gia nhập giáo hội.

Hắn uống thêm ngụm cà phê trước khi cầm bút viết. Hắn kê khai đầy đủ kể cả những sinh hoạt xưa ở Việt Nam, tuy nhiên hắn khựng lại khi tới mục "nghề nghiệp hiện tại". Thấy vậy vị mục sư hỏi:

- Có câu hỏi nào khó hả?

Hắn thành thật:

- Dạ, con đang thất nghiệp.

- Không quan trọng. Bỏ trống chỗ đó cũng được.

Hắn thở ra nhè nhẹ, tiếp tục ghi những phần còn lại. Vị mục sư đón nhận tờ đơn từ hai bàn tay trịnh trọng của hắn. Tim hắn đập hơi mạnh khi cặp mắt của vị mục sư đảo lên lộn xuống trên các dòng chữ mà hắn vừa nắn nót viết. Vị mục sư gật gù đầu. Hắn yên tâm. Bỗng:

- Thế còn gia đình của anh thì sao?

Hắn lại liếm môi, do dự giây lát:

- Thưa mục sư, các cháu lớn lên ở đây, chịu ảnh hưởng văn hóa Na Uy, đòi tự quyết định lấy đời mình, nhất là về phương diện tinh thần. Còn vợ của con, thú thật với mục sư, nặng tình cảm lắm, không dễ dàng một sớm một chiều thoát ly được những gì đã ăn sâu trong tâm hồn mình cả mấy chục năm nay.

Vị mục sư già mỉm cười:

- Tôi hiểu.

Hắn phấn khởi nói tiếp nhưng ánh mắt lại không chiếu thẳng vào người đối diện:

- Riêng phần con, ngoài việc đọc sách nhiều, con phải nói nhờ ơn đặc biệt của Thiên Chúa mà con đã tìm ra chân lý.

Vị mục sư muốn rót thêm cà phê nhưng hắn ra dấu đủ rồi. Thật sự hắn muốn chóng kết thúc cuộc đối thoại này. Ngược lại, vị mục sư tỏ ra khoan thai, dựa hẳn người vào lưng chiếc ghế bọc vải đỏ, hỏi thêm chuyện:

- Anh ở đây bao lâu rồi mà nói tiếng Na Uy khá thế?

Hắn nhếch mép cười, lắc đầu như không dám nhận lời khen:

- Gần bốn năm rồi ạ.

Rồi tự động hắn kể tiếp:

- Hai đứa con lớn của con vượt biên được tàu Na Uy vớt, tới đây trước. Hai cháu bảo lãnh vợ chồng con với đứa út qua đoàn tụ, nhưng ba năm sau chúng con mới đi được vì chính quyền địa phương ở Việt Nam làm khó dễ.

Vị mục sư nhịp mấy đầu ngón tay trên mặt bàn:

- Tôi hiểu.

Thấy hắn đã có vẻ bắt đầu lơ đễnh, vị mục sư cất tờ đơn của hắn vào một tập hồ sơ:

-Được rồi, anh cứ an tâm về. Tôi sẽ sắp xếp thời khóa biểu để chỉ dẫn cho anh thêm về giáo lý. Sẽ có thư thông báo cho anh sau.

Hắn nhướng cặp mắt đã có nhiều nếp da dư thừa bao quanh:

- Phải học giáo lý nữa hả mục sư? Thế chừng nào con mới được rửa tội?

Vị mục sư rời bàn viết, tiến đến vỗ nhẹ vai hắn:

- Nếu không có gì trở ngại, nghi thức Thanh tẩy có thể diễn ra sau khi hoàn tất việc anh học hỏi các phần căn bản này.

Hắn tươi tỉnh rõ rệt:

- Vâng, con mong tới ngày trọng đại này lắm.

Vị mục sư nở nụ cười hiền từ:

- Đó là dấu chỉ tốt của ơn thánh.

- Vậy con có thể tới đây mỗi ngày để học giáo lý được không, mục sư?

- Anh sốt sắng quá, tuy nhiên tôi nghĩ ba lần trong tuần cũng đã nhiều rồi.

Hai người bắt tay nhau. Vị mục sư tiễn hắn ra tận hành lang của nhà xứ.

Trên đường ra bến xe buýt, hắn ôn lại trong trí những sự việc đã tuần tự xẩy đến với hắn từ sáng đến giờ. Hàng tuần, mỗi sáng thứ hai hắn vẫn tới văn phòng môi giới tìm việc. Hoàn toàn không mang một chút hy vọng. Hắn lên đây chỉ để lấy lệ. Tại người hướng dẫn đòi hỏi vậy. Và cũng tại hắn không muốn nằm ở nhà. Hắn cũng lại đóng kịch vờ đọc những tờ thông báo trên tấm bảng hướng dẫn. Hắn làm ra vẻ chăm chú lắm. Nhưng rồi sáng nay mắt hắn chợt dừng lại ở mục cần người chăm sóc nghĩa địa. Hắn xin vào gặp người hướng dẫn ngay. Hai người chắc chắn đã quá quen mặt nhau nên các câu chào hỏi nghe như không nồng nhiệt lắm. Hắn vào đề liền:

- Bà Inger ơi, đây là công việc mà tôi hằng mơ ước. Bất cứ giá nào bà hãy giúp tôi được tuyển dụng.

Người đàn bà Na Uy to béo này ngược lại không hồ hởi như thân

chủ. Giọng bà uể oải như đêm qua thiếu ngủ:

- Anh chọn được việc rồi cơ à? Giỏi thế! Việc gì vậy?

- Chăm sóc nghĩa địa!

Lập tức cặp lông mày to bản của bà Inger nhướng lên trên khuôn mặt đã bắt đầu chẩy xệ. Bà ta nói chậm lại như sợ người ngoại kiều này không hiểu hết ý nghĩa của một vấn đề quan trọng:

- Anh biết luật pháp Na Uy ấn định ra sao về công việc này không? Nghe đây, chỉ những thành viên của giáo hội Tin Lành Luther Na Uy mới được tuyển vào chức vụ trông coi các nghĩa trang.

Hắn chưng hửng:

- Luật lệ gì mà kỳ cục quá vậy trong một quốc gia văn minh như Na Uy?

Bà Inger nhún vai:

- Đừng quên Tin Lành là thứ quốc giáo của xứ sở đây. Chừng nào quốc hội chưa sửa đổi đạo luật hoặc nhà vua không ban đặc ân cho cá nhân nào thì người dân cứ phải tuân hành thôi.

Hắn quay ra, quên cả chào người vẫn lo cho hắn về công ăn việc làm.

Hắn lang thang ở phố. Như mọi ngày. Đầu óc hắn vẫn không thể quên được thông cáo tuyển người chăm sóc nghĩa địa. Hắn cũng không hiểu rõ rệt tại sao mình bị ám ảnh, chỉ cảm giác mơ hồ rằng sẽ được yên thân giữa những người chết. Cuối cùng hắn đã nẩy ra mưu định theo đạo Tin Lành. Vốn từ xưa hắn không là tín đồ của tôn giáo nào cả. Vậy hóa ra lại dễ giải quyết. Hắn lý luận, ở Na Uy việc gia nhập giáo hội Tin Lành chẳng khác gì chuyện đăng ký vào một đoàn thể. Nếu có khác chỉ ở điểm nghi thức gia nhập được tổ chức ở một nơi trang nghiêm. Điều lệ đòi hỏi các thành viên đóng nguyệt liễm bằng cách khấu trừ thẳng vào lương bổng hàng tháng. Thế thôi. Chẳng ai kiểm soát tín đồ có tới nhà thờ hoặc có hành đạo nghiêm chỉnh hay không. Ngoài ra vì đạo Tin Lành Luther được coi là quốc giáo nên các giấy tờ như rửa tội, hôn thú, khai tử do giáo xứ cấp có giá trị pháp lý như những chứng thư của tòa án hay văn phòng hộ tịch hoặc sở cảnh sát. Nay hắn có theo đạo Tin Lành chẳng qua cũng chỉ là làm một thủ tục hành chánh. Lương tâm hắn vì vậy yên ổn hay nói đúng hơn hoan hỉ sau khi hắn gặp vị mục sư.

Trời giữa thu, nhưng thời tiết đã lạnh lắm rồi. Chiếc áo măng-tô dầy không cung cấp đủ cho hắn hơi ấm. Chân bước mà đầu óc hắn không ngừng quẩn quanh với bao ý nghĩ về một thứ tương lai cận kề. Hắn hy vọng không ai cướp mất việc làm này của hắn. Thời tiết gay gắt hiện tại và càng khắc nghiệt hơn trong những ngày tháng sắp tới

giúp hắn vững tin thêm. Công việc ngoài trời giữa tuyết băng chắc không hấp dẫn nổi những người Na Uy thất nghiệp. Còn ngoại kiều, theo hắn suy đoán, mấy ai theo Tin Lành giáo. Tuy vậy thâm tâm hắn vẫn xao xuyến.

Gần về tới nhà chân hắn tự nhiên bước chậm lại. Hắn thở dài. Giơ tay mở cửa, bao giờ hắn cũng lâm vào tâm trạng sắp rơi xuống địa ngục. Hắn đang treo áo khoác vào móc, tiếng vợ hắn từ dưới bếp vọng to lên:

- Đi đâu giờ này mới mò về? Tôi đầu tắt mặt tối từ sáng, về đến nhà không có hột cơm nào vào bụng!

Hắn lẳng lặng vào phòng. Vợ hắn hiện ra trước cửa, khuỳnh hai tay trên hông:

- Tại sao ngày nào anh cũng như chó dái ngoài đường, để vợ đi làm một mình? Không biết nhục!

Như mọi lần, hắn cũng chỉ lặng thinh. Vợ hắn sấn sổ, xỉa xói:

- Từ nay phần ai người đó nấu lấy mà ăn. Sống ở ngoại quốc, không ai làm tôi mọi cho ai hết! Tôi đã hầu hạ anh hơn hai chục năm nay rồi!

Hắn ngồi xuống mép giường, cúi nhìn đôi giầy của mình đã sờn da, vài chỗ như muốn bật tung đường chỉ. Vợ hắn gào lên:

- Tôi nói anh có nghe không? Mặt lúc nào cũng trơ trơ ra thôi!

Trước thái độ lạnh lùng của hắn, cơn giận của vợ hắn bùng lên. Miệng tiếp tục gào thét, tay vợ hắn cầm chiếc ghế đẩu nằm gần đó giơ lên, nhắm đầu hắn định bổ xuống. Hắn đứng dậy, đẩy mạnh vợ ra khỏi phòng. Mất đà, vợ hắn ngã ngồi xuống sàn. Vợ hắn tru tréo:

- Đây, mày có giỏi đánh tao thử coi! Đồ vũ phu! Thứ ăn đồ dơ đàn bà! Tao sẽ gọi cảnh sát cho mày vào tù!

Vợ hắn chạy lại chỗ đặt máy điện thoại, bấm số. Hắn lấy áo khoác, mở cửa lững thững ra khỏi nhà.

Đây không phải lần thứ nhất, thứ hai xẩy ra như vậy. Mà đã rất nhiều lần. Nhưng hắn cũng không biết chính xác từ bao giờ. Nó như một thứ thẩm thấu vào tình cảm, vào cuộc sống của hai người. Chỉ chờ dịp, rất nhỏ, có khi vô cớ là vỡ ra, nổ tung. Hắn thấy mình sống thừa thãi.

Các con của hắn đã trưởng thành, đứa đi học xa, đứa dọn ra ở riêng. Hắn nghĩ đây là điều may mắn cho hắn và cho chính chúng nó. Hắn cắn răng chịu đựng, câm nín nhẫn nhục. Hắn không muốn thảm trạng của bố mẹ làm vẩn đục cuộc sống thanh xuân của chúng vốn cũng không thiếu những vấn đề của tuổi trẻ. Chúng nó tin tưởng bố mẹ vẫn hạnh phúc. Nhưng hắn đã nhiều lần tự hỏi, mình đánh lừa

được các con cho tới bao giờ?

Gió lạnh giúp hắn tỉnh người đôi chút. Cảm giác buồn nôn dịu đi. Các dẫy nhà nhạt nhòa trong ánh đèn đường yếu ớt. Thỉnh thoảng mới có người qua lại. Ai cũng co ro trong những chiếc áo khoác, khăn quàng. Và nhanh chân như muốn trốn chạy sự lạnh lẽo. Chỉ mình hắn chậm bước. Hắn tiến đến một khu đất trống. Mới hơn bẩy giờ tối mà như đang giữa đêm. Thấy một tảng đá khá bằng phẳng, hắn ngồi xuống. Hai tay vẫn ủ sâu trong túi áo khoác và miệng phà hơi khói. Chung quanh hắn bao phủ sương mù trắng đục. Đầu óc hắn tự nhiên trống rỗng. Hắn cố tình suy nghĩ một điều gì đó, nhưng không đạt. Nếu triết lý được một chút về cuộc đời hoặc oán hận vợ hay than trách thân phận hoặc giá có một niềm tin để cầu nguyện, chắc hắn sẽ cảm nhận được sự hiện hữu của mình giữa không gian cô tịch này. Nhưng không, tâm trí hắn đã chai lì.

Chợt có tiếng động. Hắn quay nhìn phía sau. Một người đàn bà dẫn chó đi dạo. Con chó có bộ lông trắng, điểm đốm đen trên lưng. Thấy hắn, bà ta kéo vội dây xích lại mặc dầu con chó đang gác chân sau bên một bụi cây. Người và vật biến nhanh trong sương mù. Tiếng ăng ẳng vọng lại.

Hai bàn chân của hắn bắt đầu tê. Hắn đứng dậy, giậm mạnh chân xuống đất. Khi bước đi, hắn có cảm giác trong đôi giày có nhiều hòn sỏi. Lúc lâu sau hắn ra tới gần bờ biển. Trước mặt hắn, cây cầu treo nối sang một hòn đảo. Nền trời đen thẳm. Những hàng dây cáp bắt võng nhịp giữa những cột trụ khổng lồ. Hàng trăm ngọn đèn treo lơ lửng trên cao chót vót. Gió đưa đẩy những bóng điện,. Lấp lánh. Như sao sa. Ánh sáng vàng đậm tỏa xuống mặt đường nhựa. Hắn quên thực trạng nội tâm để chỉ thấy cảnh tượng trước mắt đẹp quá. Hắn đi lên cầu. Không một chiếc xe chạy qua. Hắn thấy mình như được làm chủ công trình vĩ đại này. Khi đến giữa cầu, hắn ngừng lại và nhìn xuống biển. Thăm thẳm. Ở đây gió mạnh hơn, thổi tóc hắn dựng ngược và làm rát mặt. Hai tay hắn ghì lấy áo khoác.

Bỗng một chiếc xe hơi chạy tới, nhưng giảm tốc lực khi chỉ còn cách hắn khoảng hơn chục thước. Hắn đọc được chữ Politi nổi bật trên nền trắng của cánh cửa xe. Hắn hiểu liền. Những người cảnh sát tuần tiễu này nghi ngờ hắn muốn tự tử. Hắn rảo bước về phía đầu cầu bên kia. Chiếc xe lại vụt đi.

Nhà cửa ở bên đảo này thưa thớt. Hắn thơ thẩn tới khu trung tâm. Không một bóng sinh vật. Ngang qua các cửa tiệm hắn dừng chân, dán mắt vào khung kính. Hàng hóa nghèo nàn chứ không sung túc như bên thành phố hắn cư ngụ. Hắn ra khu bến tàu. Thấy tấm bảng quảng cáo

nào hắn cũng đứng lại đọc. Gặp mấy chiếc loong nằm rải rác trên mặt đường, hắn đá mạnh. Tiếng động chát chúa khiến hắn thích thú.

Hắn không ý thức về thời gian, nhưng thỉnh thoảng nhận ra có con đường hắn đã đi lại hai ba lần. Hắn quay về phía cầu treo. Lần này hắn đi nhanh chân. Đã có một vài chiếc xe chạy xuôi ngược.

Vô tình những bước chân lại đưa hắn trở về bãi đất trống. Vẫn sương mù dầy đặc. Vẫn gió mạnh. Lạnh buốt. Đi ngang tảng đá cũ, tự nhiên hắn cảm thấy đôi chân mỏi nhừ. Và hắn ngồi xuống. Đầu óc lại trống rỗng. Bỗng có tiếng động. Hắn ngẩng đầu nhìn. Thấp thoáng có bóng người dẫn chó đi dạo. Hắn chợt nhận ra con chó trắng có khoang đen trên lưng. Người chủ con chó cũng vừa nhận ra gã đàn ông tối hôm qua ngồi trên tảng đá này. Chắc gã ấy đã ngồi ở đây suốt đêm. Người chủ vội lôi con chó đi. Tiếng kêu ăng ẳng xa dần. Hắn bất động như một pho tượng.

Thời gian nặng nề trôi trong tâm thức của hắn.

Thế rồi không đầy ba tuần lễ sau, hắn được lãnh phép Thanh tẩy. Hắn trở thành tín hữu của giáo hội Tin Lành Luther Na Uy. Ban đại diện giáo xứ tặng hắn một số kỷ vật mà hắn đoán là sách thánh kinh và ảnh tượng. Khi đi qua một công-ten rác, hắn nhìn trước nhìn sau rồi quăng các gói quà này vào. Vật duy nhất hắn cần là tờ giấy chứng rửa tội mà vị mục sư vừa bắt tay chia mừng vừa ân cần trao cho hắn.

Đúng như hắn dự đoán (và cầu mong) công việc trông coi nghĩa địa không ai xin cả (hoặc có, nhưng chẳng người nào hội đủ điều kiện chăng?). Hắn được tuyển dụng. Hắn vừa nhận việc được chừng bốn năm tiếng đồng hồ thì một phóng viên của tờ báo địa phương đến xin chụp hình hắn và muốn phỏng vấn. Hắn từ chối cũng không xong. Đành chịu. Đối với xã hội Na Uy đây là một hiện tượng lạ. Hắn là người ngoại quốc đầu tiên được tuyển làm công việc trông coi nghĩa trang dù chức vụ chỉ là một công nhân với bậc lương còn thấp hơn của một phu lục lộ hay người đổ rác. Người dân Na Uy hiểu ngay đương sự ngoài điều kiện quốc tịch, phải là thành viên của giáo hội Tin Lành Luther Na Uy nên mới được đãi ngộ như vậy. Và người ta hãnh diện đó là một điểm son trong nền dân chủ của xứ sở. Hôm sau tấm hình chụp hắn mặc bộ đồng phục lao động màu xanh nước biển, tay cầm kéo tỉa lá cây, đứng giữa hai hàng mộ chí, được đăng nơi trang nhất của tờ nhật báo. Gần như cả nước biết mặt hắn. Duy nhất một người giật mình đồng thời giận sôi máu và xấu hổ giữa những bạn đồng nghiệp trong hãng dán nhãn hiệu dược phẩm: Vợ hắn!

Chiều đi làm về, hắn đang ở trong bếp luộc mì sợi, định ăn với nước xốt cà chua hôm qua còn dư lại thì vợ hắn từ trong phòng đi

xuống. Tiếng chân nặng và hơi thở dốc của vợ đã cho phép hắn thầm hiểu giông bão sắp sửa nổi lên. Quả thật:

- Tại sao anh giấu tôi?

Hắn đổ mì ra rổ, tráng một lần nước lạnh:

- Giấu gì?

- Anh nhập đạo Na Uy từ bao giờ? Bao nhiêu lần nói anh cúng bái tổ tiên, ông bà, anh viện lẽ giữ hiếu trong lòng; bảo anh thờ Phật, anh trả lời Phật cũng là người, không ban được gì cho anh. Nay anh theo Tin Lành, anh chẳng thèm nói cho tôi biết một câu! Anh khinh thường tôi đến thế hả?

Hắn cố giữ giọng bình tĩnh:

- Đó chẳng qua chỉ là thủ tục để có việc làm mà thôi.

Vợ hắn bĩu môi:

- Rõ đẹp mặt! Tưởng làm vương làm tướng gì cho cam, đàng này đi làm thằng coi mồ coi mả mà cũng bày trò.

Hắn quay nhìn vợ:

- Nghề nào cũng cao quí, cũng giá trị như nhau!

Nhưng vợ hắn dường như không nghe, tiếp tục nói theo những ý nghĩ có sẵn trong đầu:

- Anh phải bỏ việc đó đi, chẳng quí báu gì!

Hắn cau mày:

- Tại sao? Thời buổi này không dễ gì tìm được việc làm thích hợp.

Giọng vợ hắn rít qua kẽ răng:

- Thích hợp! Thích hợp! Tôi xúi anh đi học lại, lấy cái bằng chuyên môn, không lên cao được tới kỹ sư thì ít ra cũng cán sự, anh nhất định không nghe, nào là lấy cớ ở Việt Nam chưa học hết lớp tám thì làm sao theo được cấp cao đẳng Na Uy, nào viện ly do lớn tuổi không còn hứng thú cắp sách đến trường. Tôi cũng thúc anh theo vài khóa kế toán điện tử để ra làm việc văn phòng, anh cũng cứ tỉnh bơ.

- Phải tự xét khả năng, không thể nhắm mắt liều.

Vợ hắn hét lên:

- Gàn vừa vừa chứ! Bộ tháng tháng ngửa tay xin tiền xã hội là hợp khả năng chắc? Ngồi mát ăn bát vàng không muốn, lại muốn ăn cứt cho thiên hạ! Chỉ được cái tài nói thánh nói tướng! Bây giờ đi nhận cái việc thổ tả ấy là vinh hạnh đấy hả? Ngu vừa vừa chứ, làm xấu hổ vợ con mà còn bày đặt lên mặt dạy đời!

Đến đây thì hắn thấy phải trở lại cách thức cố hữu của hắn. Làm thinh. Bởi hắn biết, những lời nói của hắn - dù ngay lành thế nào đi nữa - cũng không thể tạo nên sự cảm thông giữa vợ chồng, trái lại chỉ

có tác dụng như những kích thích tố để vợ hắn bừng bừng giận dữ. Vợ hắn một khi đã mở miệng, phải được tuôn hết nộ khí rồi may ra mới dịu. Như núi lửa, chỉ tắt khi nhiệt độ và áp suất đã cạn lực trong lòng hỏa quyển. Hắn bỏ bữa ăn đang sửa soạn giở giang, đi lên phòng. Vợ hắn cầm cái bát nước xốt ném theo. Choảng. Cà chua tung toé trên tường. Như máu.

Nghĩa địa không rộng lắm, diện tích chiếm khoảng hai sườn đồi và một thung lũng. Ngày hắn nhận việc, lão John nói ở đây hiện mới có 516 ngôi mộ. Nghĩa địa này là một trong sáu nơi chôn cất dành riêng cho mỗi khu vực thành phố. John coi như sếp dù chỉ có ba người làm việc thường trực. Ngoài hắn và lão John còn có anh chàng sinh viên Eivind. Hắn quen miệng gọi John là lão. Thật ra John còn rất khỏe, to béo mà đã có lần hắn nói đùa rằng nếu hắn bị John đè, chắc chắn xương của hắn sẽ không còn chiếc nào chồng lên cái nào. Ngược lại, John cũng thích danh hiệu này, bởi nghe như một thứ Bố Già. Năm nay John vừa đúng sáu mươi mốt nhưng đã nhất quyết chỉ làm việc thêm một năm nữa, sẽ xin về hưu non. Lão nói chờ tuổi hưu chính thức sáu mươi bẩy thì lúc đó cạn sinh lực rồi còn đi đâu được nữa mà hưởng thụ. Hắn trả lời, nhận định như vậy là khôn ngoan. Lão John và hắn hợp nhau từ giờ phút đầu. Eivind thì cũng hiền, ít nói, mà đã nói thì chỉ thích giảng giải những tư tưởng triết học. Lão John gọi Eivind là thằng mát dây, còn hắn tự nhận không đủ ngôn ngữ để nghe các vấn đề siêu hình. Bởi vậy Eivind thu mình trong thế giới riêng của mình. Hắn được biết, đúng lý Eivind phải vào quân đội một năm, nhưng anh chàng từ chối vì lý do không chấp nhận các phương tiện hỗ trợ chiến tranh. Để bù lại, Eivind phải nhận một phần việc dân sự trong 16 tháng. Tính ra Eivind đã thi hành nghĩa vụ được hai phần ba rồi, sau mùa đông này thì được trở lại trường học. Lão John chỉ tay vào ngực hắn, cười nói:

- Thằng Eivind dông trước rồi tới tao. Phần mày, ráng ăn ở tử tế để những người dưới mộ chấp nhận mày làm công dân vĩnh viễn, nghe chưa!

Cũng vì tạm bợ, cả lão John lẫn Eivind đều làm việc cầm chừng, tùy hứng. Hắn trở nên nhân vật chính. Càng thoải mái. Bởi hắn được nhiều điều kiện hơn để sinh hoạt theo ý riêng. Thật ra công việc của ba người cũng không nặng nhọc gì. Lão John chịu trách nhiệm về sơ đồ của nghĩa trang, ấn định thứ tự nơi chôn cất, lái xe đào và lấp mộ mới. Eivind và hắn giữ sao cho nghĩa trang sạch sẽ. Như hiện tại đang mùa thu, hai đứa cùng quét dọn lá rụng, mùa đông sắp tới, sẽ hàng ngày rải muối cho tuyết tan trên các con đường nhựa trong nghĩa trang;

sang mùa hè, mùa cắt cỏ. Cả ba người chỉ bận bịu hơn mỗi khi có đám táng. Phụ tay với các nhân viên của văn phòng chôn cất trong việc đón nhận quan tài khi xe tang chở tới nghĩa trang và trong lúc hạ huyệt. Nhiều khi hắn bao thầu hết công việc để Eivind tha hồ có giờ đọc sách triết. Lão John khởi sự chỉ dẫn hắn cách thức sử dụng xe đào huyệt. Lão lo cho tương lai, sửa soạn có người kế vị khi lão về hưu. Hắn đã chiếm được thiện cảm và lòng tin của đồng nghiệp. Hắn có cảm tưởng chính hắn mới là người quản trị nghĩa trang này. Và hắn hài lòng.

Nằm giữa nghĩa địa là một ngôi nhà nhỏ, xây gần giống hình bán nguyệt. Ngoài tầng hầm, chỗ cất cuốc xẻng, máy cắt cỏ và các thùng săng dầu - bên trên, gian giữa rộng nhất là nơi đặt quan tài trước khi đem hạ huyệt. Hai phòng phía sau hẹp hơn nhưng cũng trang bị đầy đủ dụng cụ cần thiết và máy sưởi. Một phòng dùng để lưu trữ hồ sơ của nghĩa địa và dành cho mục sư nào đến chủ tế một đám tang, có chỗ thay lễ phục và ký giấy tờ. Phòng nữa để nhân viên nghỉ ngơi, uống cà phê trong các giờ giải lao và ăn trưa. Nơi đây đã trở thành nhà riêng của hắn. Nói đúng hơn, nơi hắn trú ẩn. Từ ngày đó hắn chỉ ghé về nhà (thường vào giờ vợ hắn đi làm) để lấy những thứ thật cần thiết. Hắn tránh tối đa những lần gặp mặt vợ. Và cũng để cho vợ bớt phải thấy hắn. Càng về sau này sự hiện diện của hắn trong nhà càng khiến vợ hắn điên lên. *Anh xéo đi đâu thì xéo. Đừng vác mặt về đây nữaà Bằng không, có ngày tôi sẽ vác dao chém cho mà xem!* Hắn có cảm tưởng vợ hắn đã thù ghét hắn tận cùng. Mà cũng phải thôi. Hắn kết luận vậy. Tất cả những hào quang của thời xa xưa nơi hắn đã tàn lụi. Ra ngoại quốc, hắn đã làm cho vợ thất vọng. Vụng về. Chậm chạp. Lỗi thời. Gàn dở. Chẳng thế mà vợ hắn vẫn thường phê bình hắn là thứ bất tài vô tướng. Nặng hơn nữa, đôi lần vợ hắn đã thẳng thừng nói rằng kết hôn với hắn quả thật là một sự lầm lẫn lớn lao. Vợ hắn quả quyết đã tới lúc phải sống cho bản thân mình, cho cuộc đời của riêng mình. Vợ hắn nuôi nhiều tham vọng. Tuy nhiên một khi tham vọng không bắt rễ từ thực tế, đều dễ biến thành ảo tưởng. Hắn trở nên đối tượng của bất mãn, khinh miệt. Nhìn lại bản thân, tự xét, hắn tiếc đã không đáp ứng được những ý nguyện cao xa của vợ. Hắn tự nhận đã thua cuộc.

Những đêm nằm ở căn-phòng-nghĩa-địa này hắn cảm thấy được yên bình thật sự. Chung quanh hoàn toàn thinh lặng. Họa hiếm lắm hắn mới nghe thấy tiếng cây cỏ bên những nấm mộ lách vào khe cửa sổ. Hắn chỉ để một ngọn đèn thật nhỏ, thật mờ hầu tránh bất cứ một sự chú ý vô tình nào của người bên ngoài. Hắn khéo ngụy trang đồ đạc

của hắn trong một chiếc tủ riêng để lão John và Eivind không nghi ngờ gì. Ký ức của hắn đã nhiều lần quay về thời thơ ấu. Nghĩa địa của làng hắn nằm ở bên ngoài lũy tre xanh. Hiu quạnh. Đầy đe dọa và huyền bí. Đêm đêm những cụm lửa bốc lên từ các ngôi mộ mới lấp. Ban ngày cũng chẳng ai đặt chân tới, trừ khi có người trong làng qua đời. Những lần đưa đám táng thường vào lúc còn mờ tối. Trên một con đê dài. Hắn là một trong những đứa trẻ vẫn được chọn cầm cờ tang đi trước. Vui lắm. Với hắn và lũ bạn đồng lứa đó là những giờ phút thần tiên. Gió thổi ngả nghiêng cả người lẫn cờ. Thế mà vẫn cười nói với nhau. Phía sau vọng lên tiếng khóc, tiếng cầu kinh và trống phách. Lần ông nội hắn chết, hắn vẫn tranh cầm cờ. Đầu đội khăn trắng nhưng miệng hắn vẫn đùa cợt với bạn. Sau đó về nhà, hắn bị bố đánh trận đòn sưng mông.

Hắn cũng còn nhớ rất rõ cỗ đòn đám ma của làng. Giống như một chiếc kiệu có sơn son thếp vàng. Bốn đầu khiêng được chạm trổ hình rồng. Vật dụng này là của chung. Người trong làng, bất kể sang giầu, nghèo hèn đều được quyền sử dụng trong việc mai táng thân nhân quá cố. Xong việc, đòn đám ma này lại được để ở gian sau ngôi đình của làng. Biết bao truyện ma quái nẩy sinh từ đó. Hằng đêm các ông già bà lão mất ngủ, kể rằng vẫn nghe rõ mồn một những tiếng khóc tỉ tê. Người phải ra ruộng sớm, quả quyết khi đi ngang qua đây, thường bắt gặp những bóng trắng xõa tóc xuống tận đất, thè lưỡi dài cả thước, bay lơ lửng hoặc treo cổ trên xà đình. Ai cũng bảo nơi này linh lắm. Ấy thế mà vào những buổi tối, hắn đã liều mình chạy ẩn trong đó khi chơi đuổi bắt với lũ bạn. Mỗi lần bị động, đom đóm bay tứ tung như những tia lửa. Chẳng đứa nào dám vào theo. Hắn trốn lâu khiến chúng nó chịu thua nhưng lại đồn hắn bị ma giữ lại. Mẹ hắn biết truyện, cốc lên đầu hắn hai ba cái liền, rủa thứ chết tiệt, cho quỉ bắt mày đi! Nhưng hắn vẫn lớn lên, mạnh khoẻ và nổi tiếng học giỏi. Những trò chơi của lũ trẻ vẫn tiếp tục cho tới ngày hắn theo gia đình rời khỏi làng vì chiến cuộc. Chính những kỷ niệm dấu ái của thời niên thiếu đó đã đem lại chút màu hồng cho chuỗi thời gian trôi nổi của hắn sau này.

Nhưng đâu ngờ vào đoạn cuối cuộc đời hắn lại trở về với nghĩa địa. Và nơi hắn nằm cũng lại là chỗ để đòn đám ma. Nhưng nơi đây tuyệt diệu, chở che và an toàn. Hắn gần gũi, thân quen với từng ngôi mộ. Thẳng hàng, thẳng lối và ngôi mộ nào cũng một hình thức, một diện tích và được chăm sóc như nhau. Nếu có khác chút đỉnh chỉ ở các tấm bia. Ở kích thước cao thấp. Ở màu sắc đen, trắng hay nâu. Ở hình khắc trên mặt là thánh giá, nhánh cây vạn tuế, cành hoa hồng, vầng thái dương hoặc đôi chim. Nhưng tuyệt nhiên không có

nét phân biệt sang hèn. Cũng tuyệt nhiên không có hàng chữ nào ghi chức vụ sau cùng của người nằm dưới lòng đất. Mà chỉ có lời thương tiếc của thân nhân còn sống. *Cảm tạ trọn vẹn. Yêu và nhớ thâm sâu. Hãy an nghỉ trong sự bình yên vĩnh cửu.* Bao quanh nghĩa trang có những hàng cây thông chen lẫn cây phong xanh tươi quanh năm. Bên trong có những chiếc ghế đá để khách ngồi chiêm ngắm phong cảnh hiền hòa của cõi âm. Đường trải nhựa được viền bằng nhiều thứ hoa và các trụ đèn, dẫn đến các phía chính của nghĩa trang. Không phải chỉ dành cho xe tang chở quan tài tới huyệt mà còn là chỗ cho bất cứ ai muốn tản bộ hoặc muốn tìm ít giây phút thanh thản cho tâm hồn. Ban đêm nếu có phải băng ngang nghĩa trang, chẳng mấy ai cảm thấy rợn người. Sự sống và chết không phải là hai mặt tương phản, nhưng sát cạnh nhau, quện vào nhau. Nghĩa địa ở Na Uy vì thế thường nằm trong thành phố, giữa những khu vực đông người.

Và chính hắn cũng đã cảm nhận một sự linh thiêng hiện hữu. Đã mập mờ nẩy mầm một niềm tin trong tâm hồn hắn. Đặc biệt cái ngày đầu tháng mười một. Ngày tảo mộ. Ngày tưởng niệm người quá cố. Không còn thuần tuý mang ý nghĩa tôn giáo mà ngày này đã trở thành phong tục. Ngày giỗ của cả dân tộc. Các ngôi mộ được sang sửa đẹp hơn. Bằng hoa. Bằng đèn. Từ ba giờ chiều hôm trước cho tới suốt đêm. Trời mùa thu tối sớm. Bầu trời mịt mù. Dưới mặt đất, ánh đèn lung linh. Cả nghĩa trang đã trở thành một biển tinh tú. Hắn ngồi say sưa chiêm niệm cảnh tượng huyền ảo này cho tới khuya. Và lần đầu tiên trong đời môi hắn đã mấp máy tên của Thượng đế. Khi hắn đứng lên, quần áo hắn ướt đẫm sương.

Những khi không có việc gì làm hắn cũng vẫn lang thang giữa các ngôi mộ. Thấy tấm bia nào bị đất cát bám đầy hay rêu đóng kín hắn lại kỳ cọ, chùi rửa. Lão John đã có lần phát cáu:

- Một thằng Eivind khùng đủ rồi, nghe chưa!

Hắn chỉ nhe răng - như cười - để đáp lại, nhưng sau lại chứng nào tật nấy. Hắn lẩn thẩn đi ngắm từng mộ bia, đọc tên người qua đời, so sánh tuổi thọ. Có nhiều ngôi mộ là nơi an nghỉ của một cặp vợ chồng. Có khu vực gồm nhiều ngôi mộ của một gia đình. Hắn chạnh lòng nghĩ đến một thứ hạnh phúc không bao giờ đến với hắn. Lão John để ý thấy hắn đặc biệt chăm sóc ba ngôi mộ của người Việt Nam. Ừ thì cũng chẳng lạ vì đó là những người đồng hương của hắn, nhưng thật kỳ cục khi hắn đứng lẩm bẩm nói chuyện với những ngôi mộ đó. John hỏi, hắn trả lời với bộ mặt thành khẩn:

- Đây là mộ mẹ tao, kia là mộ thằng em tao và đó là mộ cháu ruột tao. Ba thế hệ gửi thân ở xứ lạ quê người!

Lão John hất hàm:

- Rồi sao?

Hắn nhún vai, lặng thinh. Lão John nhìn Eivind cũng đang đứng gần đó, chỉ tay vào đầu mình. Nó điên rồi. Nhưng Eivind nghiêm giọng:

- Nó có lý. Ông không thấy à, bà cụ mất năm bẩy mươi bốn tuổi; cậu thanh niên mới ngoài ba mươi, còn em bé vừa lọt lòng mẹ. Thì đúng là gia đình của nó chứ còn gì nữa. Tôi có đọc sách viết về văn hóa Việt Nam. Dân chúng gọi nhau là đồng bào, tức là cùng cha mẹ sinh ra. Theo lịch sử, bà Tổ của người Việt đẻ một trăm trứng.

Lão John trợn mắt:

- Hả? Mày nói gì? Người đẻ trứng? Chúa ôi!

Eivind bỏ đi.

Mùa đông năm nay tới sớm. Trận tuyết đầu tiên rơi vào giữa tháng mười một, sau đó thỉnh thoảng có ngày hoe nắng. Thời tiết bất thường. Hôm ấy, sau giờ ăn trưa hắn khuân về một chậu cây cao khoảng nửa thước, nói với John:

-Lão cho phép tôi trồng cây này ở một chỗ tôi sẽ chọn trong nghĩa địa nhá?

Hết nhìn hắn lại nhìn cây, lão John thong thả trả lời:

- Mày phải xét hai điều tối cần thiết, một là xem cây này có phải thứ trồng ngoài trời không hay là loại cây cảnh; hai, muốn trồng cây, người ta thường chọn thời điểm ấm áp, cuối mùa xuân chẳng hạn. Đàng này đã sang đông. Đem lột trần mày rồi quẳng ra ngoài trời chừng hơn tiếng đồng hồ, mày cũng đủ chết cóng, huống hồ cây.

Không hiểu hắn có nghe kịp lời giảng giải của John hay không; giọng hắn bình tĩnh lạ thường:

- Tôi không biết! Tôi chỉ thấy cây này giống một loại cây mà làng xã nào ở Việt Nam cũng trồng. Cũng lá dày, to bản. Cũng thân sần sùi. Đúng là cây đa rồi. Nói đến cây đa, ai cũng hiểu ngay là nơi nhau cắt rốn của mình. Đi đâu về, từ đàng xa nhìn thấy cây đa, người ta có cảm tưởng đã đặỵt chân tới làng. Tôi muốn trồng cây này để tưởng nhớ nơi tôi đã sinh trưởng.

Có lẽ đã quá quen tính tình của người đồng nghiệp ngoại quốc da vàng này, lão John hất tay:

- Thôi được, mày muốn làm gì thì làm! Nói chuyện với mày như nhai đá trong miệng!

Hắn cười. Lão John phải thầm công nhận thằng này có nụ cười đẹp thật. Bằng tuổi ấy mà răng nó vẫn trắng đều. Nụ cười hiền lành,

gây thiện cảm. John chợt hiểu lý do không mấy ai có thể giận được thằng này. Bộ mặt của nó dạo này đã bớt rầu rĩ. Hắn vác cây đi được vài bước thì quay trở lại:

- John ơi, lão phải đánh dấu vào sơ đồ nghĩa trang chỗ tôi trồng cây này mai kia sẽ là mộ của tôi. Và nếu tôi chết trước, John phải thề sẽ chôn tôi ở đấy.

Lão John bực mình, trả lời cho xong chuyện:

- Okà okà!

Nhưng hắn lắc đầu:

- Lão phải nói thề, chứ không được ô-kê suông như vậy.

John hét lên:

- Tao thề! Được chưa?

Hắn đi rồi nhưng nụ cười của hắn vẫn in lại giữa khung cửa. Bất giác, lão John cũng cười thầm. Nụ cười méo mó.

Khoảng gần cuối tháng mười hai thì tuyết rơi triền miên. Dân chúng reo mừng vì biết sẽ được một lễ Giáng Sinh trắng. Nhưng hắn lo. Cầu sao cây đa qua đuợc mùa đông này, ắt sẽ sống mạnh. Hắn đã chọn một nơi ở phía Nam của nghĩa địa để trồng cây. Chung quanh cây hắn quây khung sắt mắt cáo rồi bên ngoài bao bằng tấm ny-lông trắng. Tuyết không thể chạm đến cây. Lão John đã nói với hắn rằng trong mùa đông, hắn có thể đến làm trễ và về sớm hơn giờ ấn định. Nhưng sáng nào John và Eivind đến, đã thấy hắn ngồi trong phòng và đã pha sẵn cà-phê. Chiều, hắn ở lại sau mọi người. Hàng ngày hắn ra thăm cái cây đa đầu làng của hắn. John chỉ biết lắc đầu.

Cả buổi sáng hôm qua tuyết lại rơi nhiều lắm. Đến chiều trời lất phất mưa. Chập tối gió chuyển mình, thổi mạnh. Nhiệt độ xuống thật thấp. Kiểu này đường xá trơn phải biết! Hắn ngồi trong căn phòng-nghĩa-địa suy đoán rồi chợt giật mình khi nghĩ đến cây đa của hắn. Cảm giác không yên. Hắn sợ cây không chịu nổi độ lạnh cắn tận xương tủy này. Sau khi mặc thêm lớp áo dày cộm, hắn lấy trong tủ hai chân nến. Loại đèn được chế tạo để thắp trên mộ chí. Ngọn nến lớn bằng một cườm tay. Bóng bằng thủy tinh chịu đựng nổi gió, tuyết hay bất cứ thời tiết nào. Hắn bỏ đèn, diêm vào một túi nhựa. Vừa bước ra khỏi phòng hắn cảm thấy ngộp thở ngay. Gió lạnh thốc vào mũi, cắt vào da mặt. Buốt. Một tay hắn cầm đèn bấm, tay kia xách bị đồng thời chân bước loạng choạng trên băng tuyết. Mấy lần hắn gần ngã. Tới nơi, hắn thắp hai ngọn đèn rồi đặt vào cạnh hai bên thân cây. Bóng lá cây lay động, in hình trên tấm ny-lông trắng. Như một chiếc đèn kéo

quân mà hồi nhỏ hắn đã từng say mê ngắm nghía và thầm phục những hình ngựa, xe và lính thú di động. Sức ấm của hai ngọn đèn đã tỏa ra. Hắn đứng nhìn cây một lúc, an tâm, rồi lại loạng choạng trở vào phòng. Hắn phà hơi vào hai bàn tay lạnh cóng, bẻ các ngón tay cho đỡ tê.

Hắn cố dỗ giấc ngủ mà không tài nào thiếp đi được. Mắt mở thao láo nhìn trần nhà. Hắn cảm thấy nhớ vợ con da diết. Vợ hắn giờ này chắc đã ngủ say. Các con có đứa nào còn lang thang ngoài đường không nhỉ. Hắn nhớ từng nét mặt, từng giọng nói và những thói quen của mỗi đứa. Cầu mong các con hạnh phúc. Vợ hắn chắc đã có thể thanh thoải. Hết đối tượng để giận ghét. Phần hắn, hắn ngạc nhiên khi cảm thấy còn yêu vợ quá. Mối tình đầu của hắn. Người đã chia vui xẻ buồn với hắn trong hơn hai chục năm qua. Người đã sinh cho hắn ba đứa con xinh đẹp. Hắn thở dài. Ngoài trời tuyết bắt đầu rơi nhẹ.

Nằm mãi, đầu óc vẫn chỉ quay cuồng với bao ý nghĩ đau buồn, hắn ngồi dậy. Sực nhớ chai rượu Akevitt mà Eivind đã cho hắn trong dịp sinh nhật hắn vừa qua, hắn thắp một ngọn nến. Màu rượu trắng nhưng qua ánh lửa trở thành vàng óng. Hắn nâng ly rượu, đưa qua đưa lại trước mũi. Mùi rượu thơm, nhưng khi nhấp vào hắn phải nhăn mặt. Rượu đốt cháy cổ họng. Hắn uống những hụm nhỏ, dần dần cảm thấy chất vị ngọt dịu. Cơ thể hắn bắt đầu nóng bừng. Hắn uống dồn dập. Ngọn nến cháy gần tới chân. Chai rượu vơi đi hai phần ba. Lúc đó đã quá nửa khuya. Hắn uống tiếp những hơi dài, định rót thêm ly mới thì đầu óc hắn đảo lộn. Hắn ngã vật xuống. Cánh tay hắn đập trúng cây nến đang cháy dở. Ngọn lửa bắt ngay vào vũng rượu đổ lênh láng trên tấm nhựa lót sàn. Lửa bén nhanh đến đống chăn nệm, bốc lên tấm màn treo cửa sổ. Gặp những lớp sốp cách nhiệt bên trong giữa hai lớp tường, ngọn lửa cháy bừng bừng. Phút chốc trần nhà sập xuống. Lửa lan xuống gian hầm, ập vào những thùng dầu mỡ, gây những tiếng nổ kinh hồn. Chẳng bao lâu căn nhà giữa nghĩa địa đã nằm trọn trong biển lửa. Mãi lúc sau người ta mới nghe tiếng còi bí bo của đoàn xe cứu hỏa.

Đám tang hắn vào đúng ngày tuyết rơi trắng xóa đất trời. Gió lớn. Lạnh buốt xương, cắt tủy. Thời tiết vậy vẫn không ngăn cản số người kỷ lục đến tận nghĩa trang để tiễn đưa linh cửu. Cái chết của hắn gây kinh ngạc, thương tâm cho cả những ai đã biết hay chưa quen hắn. Ba đứa con của hắn đều có mặt. Vợ hắn đang ở Việt Nam, với người tình mới cũng là ngoại kiều, từ Mỹ về. Ông mục sư trong bài điếu văn ngắn ngủi, ca ngợi hắn là một chiến sĩ tiền phong. Không mấy ai hiểu rõ ý ông ta muốn diễn tả gì., nhưng tất cả những người

hiện diện đều cùng nhịp tim cảm thương, xót xa cho một số phận đắng cay, tức tưởi. Quan tài vừa hạ xuống huyệt, người ta ném những nắm đất trộn tuyết xuống mồ. Vĩnh biệt. Ra về mà phần nhiều khuôn mặt vẫn đầm đìa nước mắt.

Như mọi lần, phần việc kết thúc cuộc mai táng vẫn là của lão John và Eivind. Từ nãy hai người vẫn đứng bên cạnh cây đa đầu làng của hắn. Eivind chống tay trên cán xẻng, nói nhỏ bên tai lão John:

- Trong một cuốn sách viết về lòng tín ngưỡng của dân tộc Việt, tôi đọc thấy kể rằng trường hợp những người chết oan ức, linh hồn họ không siêu thoát được, nghĩa là vẫn luẩn quẩn nơi họ qua đời.

Lão John mở tròn mắt, mấp máy cặp môi dày:

- Hả? Vẫn ở đây?

Einvind thầm thì tiếp:

- Lắng tai nghe mà xem.

Chỉ có tiếng gió xào xạc trên các nấm mồ, rít qua những ngọn cây trụi lá.

HOÀI MỸ

TN

LAM TRÙNG DƯƠNG
chuyến tàu của tôi.

Cuối cùng thì người đi với tôi suốt quãng đường còn lại là một người đàn bà hết sức nhạt nhẽo. Càng về sau chúng tôi càng không có gì để nói . Chỉ có những khoang tàu trống trải nối dài trước mắt tạo nên một cảm giác sâu hút đến ngộp thở. Người đàn bà gối lên vai tôi ngủ ngon lành, một tay giữ chặt bịch giấy lỉnh kỉnh đồ đạc với hai con gấu bông thò đầu ra, tay kia níu hờ ve áo tôi. Bà ta là ai?

Con tàu chạy loanh quoanh thành phố suốt ngày suốt đêm không có trạm nào là trạm cuối. Những người khách lên xuống thờ ơ nhìn nhau nơi bậc cửa rồi lặng lẽ tìm một chỗ, ngồi xuống. Sau đó ngó mông lung qua thành cửa kính, hoặc rút một ổ bánh mì ra gặm, hoặc vừa đeo earphones vừa đọc sách dưới ánh sáng đèn lờ nhờ chao đảo.

*

Tôi tự hỏi những cô gái nhí nhảnh, dễ thương, vui cười hồn

nhiên vừa ở xung quanh đây bây giờ đã bỏ đi đâu hết. Có thể họ đã xuống ở một trạm trước. Nhưng còn người thiếu phụ trẻ, xinh đẹp và hiểu biết ngồi cạnh tôi rất lâu cũng biến mất. Chúng tôi đã trò chuyện rất tâm đắc. Trong chiếc áo pull trắng, cổ cao, hai ống tay áo phủ dài xuống tận từng lóng tay, cô đã làm lung linh một khoảng không gian rất nhỏ. Ước chừng chỉ bằng đôi mắt tôi thôi. Chiếc váy ngắn màu xanh đậm chấn ngang đùi tôn trắng thêm đôi chân dài thon thả đang cố khép chặt vì lạnh. Và gió, gió thổi trên vành tai ửng đỏ làm vài cọng tóc mai vén khéo rớt xòa xuống. Những sợi tóc màu nắng tiết lộ thói quen không đội mũ và lúc nào cũng được xõa tung quanh bờ vai tròn trịa. Thật lạ, lúc này cô ta đang ở đâu? Tôi ngờ có một sự đánh tráo trong lúc tôi thiếp đi. Có thể đó là một cách trả thù cho sự thiếu tế nhị của tôi ban nãy. Tôi đã khen cô nhiều lắm, gần như mọi thứ trừ chuyện cái nốt ruồi nhỏ nơi khóe mắt. Tôi đã nói ra ý nghĩ kỳ quặc của mình. Cái nốt ruồi ấy, ngay chỗ ấy đấy thường là cái nốt ruồi của những người quá lãng mạng. Người ta không nên đặt tình yêu một cách đầy tin tưởng vào những người như vậy. Họ bay nhảy lắm. Cô đáp lại lời tôi bằng một cái bĩu môi dè dặt. Tôi ngỡ mình đang nói đùa nhưng hình như cô đã không nghĩ như vậy. Có lẽ cũng vì thế cô đã bỏ đi không chào tạm biệt, ở một khoảnh khắc tôi không thể ý thức được sự ra đi đó. Phải, tôi đã đang ngủ lúc đó.

Người đàn bà cựa mình:

_ Đến chưa anh?

Tôi im lặng. Đây là một sự nhầm lẫn không mấy dễ chịu. Và tôi đã chẳng tài nào lần ra được nguồn gốc của sự dây dưa lạ lùng này. Chỉ thấy giữa tôi và bà ta chắc có liên hệ nào đó, dầu không rõ ràng nhưng vẫn thể cảm nhận được. Ngay cả mấy con gấu bông cũng gây cho tôi cảm tưởng thân thuộc. Người đàn bà lại thở đều trên vai.

Lẽ nào phép lạ đã xảy ra, biến một người phụ nữ trẻ đẹp, dịu dàng, hoạt bát và tươi tắn ngồi cùng tôi sau vài chặng dừng tàu thành một người đàn bà già nua, ủ rũ và mệt mỏi. Không, không thể nào. Có chăng là ác mộng. Vẻ an tâm và cách thức biểu lộ một sự gần gụi vô hạn mỗi khi bà ta xoay mình, tựa vào ngực tôi, vòng tay qua cổ tôi, vẫn trong giấc ngủ, đã làm cho tôi muốn phát hoảng. Không hiểu sức mạnh nào đã níu tôi ngồi im chịu đựng những nhùng nhằng như vậy mà không đứng dậy, gạt phắt bà ta ra và bỏ xuống ở trạm kế tiếp. Tôi nghĩ nếu làm thế thì thật bất nhã. Con tàu rầm rì chạy.

*

Cái cô gái ấy, cô gái trong chiếc áo cổ lọ cao với đôi mắt đen và

hàng mi rậm. Tự dưng tôi nhớ nàng quá đỗi... Nàng duyên dáng cả trong cách thức mân mê cái xắc trên tay, thỉnh thoảng lại cười lên khe khẽ. Cái xắc đó sao mà nhỏ quá. Tôi đoán nó không thể đựng được gì nhiều ngoài giấy tờ tùy thân, một mảnh gương soi, một thỏi son và ít tiền lẻ. Nàng giản dị, đơn sơ và gọn gàng. Nàng không ngổn ngang đồ đạc như người đàn bà này. Không khăn choàng cổ, không áo len. Không giỏ to, giỏ nhỏ. Mộc mạc và tự nhiên, nàng nép sát vào tôi mỗi khi tàu chạy qua những căn hầm tối đen. Để sau đó lại thẹn thùng khẽ nhích ra xa. Tôi thở dài. Vẫn biết người đàn bà này không có lỗi; bà ta chỉ hiện diện không đúng chỗ và vào một thời điểm không thích hợp. Nhưng tại sao là với tôi? Mà lại ngay lúc này nữa, sau khi tôi vừa gặp nàng. Không thể ngược lại được ư? Và bà ta đã chiếm chỗ nàng từ bao giờ?

Tôi không thể không nói rằng mình đang hối hận. Rất nhiều là đằng khác. Tôi đã ngủ quên, thật tai hại. Dĩ nhiên với tôi đó chỉ là lần chợp mắt ngắn ngủi như bao lần khác. Nhưng như vậy cũng đủ thời gian để nàng bỏ đi. Rồi khi tỉnh giấc, tôi bất ngờ thấy có một người đàn bà điềm nhiên ở cạnh, hỏi han và tựa vào như đã thân thiết từ rất lâu. Phép xã giao và sự tế nhị đã khiến tôi ngậm tăm, không nói thẳng vào mặt bà ta:

_ Thưa bà, chúng ta có quen nhau không nhỉ?

Sự thể càng lúc càng không chịu nổi. Tôi đã suýt hét toáng lên như vậy khi bà ta, một lần kia thức giấc, đưa tay sờ cằm tôi, cằn nhằn:

_ Sáng nay lại quên cạo râu rồi.

Trời ơi, sao bà ta không nghĩ tới chuyện giữ cho mình một chút lòng tự trọng. Những người mới quen nên bày tỏ thiện cảm với nhau lắm, nhưng phải có chừng mức chứ. Chả phải nàng và tôi đã thật thân thiện đó sao. Mọi chi tiết cá nhân từ gia cảnh, nghề nghiệp đến sở thích và thói xấu đều đã đem ra kể cho nhau nghe hết. Nhưng chừng như nàng luôn giữ một khoảng cách nhất định. Tôi cũng vậy. Trong suốt cuộc hành trình, ít ra là cho đến lúc bắt đầu ngủ, tôi chưa từng nghe nàng thốt lên một câu nào tương tự như những câu người đàn bà này vừa nói. Phải chăng tôi đã lọt vào một thế giới khác?

*

Tàu chạy chậm lại khi vào một khúc quanh. Ánh sáng từ ngoài hắt vào loang loáng chạy trên sàn tàu, leo lên từng hàng ghế trống, băng qua tôi và người đàn bà, vụt biến mất nơi cuối toa. Người đàn bà

mắt nhắm mắt mở, thò tay xoa xoa đầu con gấu bông, mỉm cười đầy vẻ hạnh phúc, rồi không ngần ngại dụi vào trong nách tôi ngủ tiếp. Bà ta đang mơ gì nhỉ? Tôi cảm thấy hết sức tò mò!

Tàu dừng. Ở đầu kia, một người đàn ông trung niên mặt áo bành tô bước lên. Như để dành sự riêng tư cho chúng tôi, ông ta lựa chỗ xa nhất ngồi. Từ quãng ông yên vị đến hàng ghế của tôi là một khoảng đủ cho tiếng tàu chạy át đi mọi cuộc đối thoại. Khốn nỗi, cái cử chỉ lịch thiệp của ông ta thật là thừa thải và mỉa mai nữa. Chúng tôi đã không nói gì với nhau hết. Tàu vẫn đều đều lăn tới.

Lẽ ra phải nói rằng tàu chạy bỏ lại sau lưng những hè phố, những cột đèn đường, những lùm cây cao thấp, những bóng người im lìm đi... Mọi hôm, tôi đã vẫn thấy thế. Riêng đêm nay, trong tôi chợt nghĩ rằng mọi vật đang hối hả chạy ngược chiều với mình. Chúng lao vùn vụt qua mặt tôi, mỗi lúc một nhanh. Tôi muốn nhắm mắt lại.

Người đàn ông xuống rồi. Tất cả lại như cũ. Tôi để ý rằng ngay từ lúc ông ta mới bước chân lên cho đến khi chuyển trạm, ông đã không hề lướt qua, dù một lần nhìn xem khuôn mặt người đàn bà đang ngủ trên tay tôi ra sao. Ngay ở điều này, với nàng cũng rất khác. Ban nãy, tàu hãy còn đông đúc, chật ních người đứng chen nhau. Vậy mà ai vượt qua chúng tôi đều ngoái lại, chắc chắn là để ngắm nàng và đôi khi còn ném ánh mắt ganh tị về phía tôi.

*

Hết phố rồi lại phố. Ngày nào cũng bao nhiêu đó đoạn đường, bao nhiêu đó phút giây. Thuộc lắm. Tôi tự an ủi mình hôm nay là một ngày lạ. Nhiều khi tí chút bức bối cũng cần có để xóa tan sự nhàm chán thường trực. Nhưng tôi vẫn cứ bực: nếu vậy sao không là một chút vui vẻ thú vị với nàng. Tôi có thể sẽ theo nàng xuống ở bất cứ trạm nào. Biết đâu nàng còn đổi ý không về nhà mà nhận lời mời của tôi đến một quán café Pháp nào đó (lạ là tôi linh cảm chuyện này xảy ra rồi). Cố nhiên như vậy thì sẽ có lý hơn nhiều so với ngồi im như phỗng cho một bà cô không quen biết tựa đầu vào ngủ.

Một trạm nữa. Tôi len lén gỡ tay người đàn bà ra, đặt nhẹ lên thành ghế. Có lẽ bà ta hoàn toàn không hay. Tôi đã đứng như vậy rất lâu để ngắm người đàn bà cùng chung chuyến tàu với mình. Người thiếu phụ ngủ, chỉ là một người thiếu phụ đang ngủ dịu dàng và rất đỗi bình yên, không hoài nghi gì việc tôi vẫn sẽ còn ở cạnh. Bỗng nhiên tôi muốn nói một câu gì đó với bà ta quá. Trong khoảnh khắc



LÊ THÁI LÂM

tiêu dao

Mười năm tạc tượng trên non
Loay hoay
tác phẩm vẫn còn dở dang
Hỏi người
giấc mộng chưa tan
Hỏi thăm đá
cũng mơ màng
tiêu dao

nôi biển

Biển lặng gầy
theo ta lạnh gầy
Biển chao chao cánh
cánh nghiêng bay
Kiếp ta đời biển chia nôi mộng
Nửa giọt thời gian đủ sóng đầy

LÊ THÁI LÂM

toan đánh thức người đàn bà dậy, tôi biết mình không thể chờ được lâu nữa. "Bao giờ đến lượt bà ta xuống nhỉ?". Chắc rằng, ở một nơi nào sắp tới, khi thức dậy bà ta cũng sẽ ngơ ngác tự hỏi: "Anh ta đâu?". Viễn ảnh đó khiến tôi hơi áy náy. Nhưng đành vậy. Đã đến rồi."Thôi, chào bà. Tôi đi trước nhé."

LAM TRÙNG DƯƠNG
Orange, tháng 12 năm 2000.



NGUYỄN ĐỨC TÙNG
mười đoản khúc

Mùa Thu
Khi em cho sữa vào ly càphê
Và khuấy đều ly càphê sữa
Trời lúc nào cũng vào thu

Trong Bụi Gai
Chỉ Trang Tử mới biết
Những con bướm tìm gì
Trong bụi rậm đầy gai

Chiếc Kim Cánh Bướm
Người y tá bước ra khỏi phòng hồi sinh
Trên tay cầm chiếc kim cánh bướm
Mà đứa bé không cần tới nữa

Tình yêu
Cơn mưa rào bay đi
Để lại trên cỏ
Một bông cúc trắng

Mục Đồng
Đứa trẻ mục đồng năm xưa trở về nhà
Ngập ngừng mắc áo khoác
Lên chiếc sừng trâu.

Bóng
Một cô bé bảy tuổi
Cúi mình trên cầu
Cười với gương mặt của mẹ tôi.

Việt Nam
Trên rào thép gai
Gió Lào thổi đứt
Những sợi tóc dọc vĩ tuyến 17.

Gương
Chiều thu
Hai người phụ nữ dìu nhau
Đi sâu vào gương

Mong
Em hãy tới đây xem
Một con chim về làm tổ
Trong hộp thư đầu nhà anh.

Quê Nhà
Mùa mưa sớm
Trên phong thư
Người bạn cũ.

NGUYỄN ĐỨC TÙNG



NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG
Chuyến đi

Đi một ngày đàng học một sàng khôn

Không biết có phải thần giao cách cảm hay không nhưng đúng vào một ngày tự nhiên hắn cảm thấy nhớ thằng em họ nhất thì gã cũng lại rất nhớ đến hắn. Còn chuyện cuốn sổ ghi địa chỉ số điện thoại và địa chỉ bạn bè của nhà hắn nữa chứ. Hắn đã tưởng vất đi ở đâu đó rồi thì tự nhiên ông hàng xóm lại mang sang cho. Thì ra cách đây hơn một tháng, hắn đến nhà một thằng bạn cùng ở Trại cũ chơi rồi để quên ở đấy, nay nhân dịp có ông hàng xóm ghé qua, đúng lúc đang dọn dẹp đống sách báo cũ, nhìn thấy, thằng bạn này mới nhờ ông cầm mang về cho hắn. Của đáng tội, không có cuốn cẩm nang nhầu nát xộc xệch này thì có nhớ ai đến mấy hắn cũng không làm gì được.

Đợi đến hơn sáu giờ tối, khi giá cước điện thoại giảm xuống chỉ còn hai phần ba, hắn mới lần xuống chỗ đặt máy công cộng trong Trại. Hắn nhét mấy đồng cạch cạch vào rồi bấm số gọi cho thằng em nhưng máy bận. Linh tính chắc là gã cũng đang gọi cho mình, hắn bèn treo ống nghe lên, chờ, thì y như rằng chỉ một giây sau đã nghe tiếng chuông reo.

Mới chỉ kịp nói hai chữ Hallo... thì hắn đã bị thằng em cướp lời:

- Anh Phương đấy ạ? Thiêng thế, vừa gọi đã thấy ngay. Em Đoành đây.

Ông chú họ hắn là bộ đội, sau hơn hai chục năm quân ngũ mới về hưu với cấp bậc thượng úy, chức vụ đại đội trưởng một đại đội tăng gia của tỉnh đội Lai Châu. Tuy đơn vị đóng quân tít trên thượng nguồn sông Đà và suốt cuộc đời binh nghiệp chỉ gắn bó với mấy luống rau cải, mấy nương thuốc phiện và đàn bò hơn hai chục con nhưng ông chú lại thích đặt cho con những cái tên mà mỗi khi gọi lên nghe rất sôi sục khí thế chiến trường. Thằng Đoành này là anh em sinh đôi với thằng Đoàng hiện đang buôn bán bên Tiệp. Anh cả của chúng nó là Ùng, hiện đang làm hiệu trưởng trường phổ thông cơ sở ở xã. Anh thứ hai là Oàng, đương kim phó chủ tịch, kiêm trưởng ban công an, tất nhiên cũng của xã. Anh thứ ba là Đùng, nguyên là nghiên cứu sinh ngành triết tại một trường đại học ở Praha nhưng đã "uột xích", giờ cũng ở lại Tiệp làm ăn. Ùng Oàng Đùng Đoành Đoàng... Nghe cứ như những tiếng nổ trong một trận giao tranh sôi nổi ở biên giới.

Lâu ngày mới nghe thấy tiếng nói của nhau, hai anh em đang huyên thuyên một hồi hàng lô xích xông hết chuyện nọ sọ chuyện kia thì như chợt nhớ ra điều gì, Đoành đột ngột ngột hỏi hắn:

- Anh Phương ơi! Anh có muốn chuyển nhà không?

Hiện bọn hắn đang sống tại một vùng có thể nói là "hoàn cảnh nhất" đối với người tỵ nạn. Trại của hắn ở nguyên là một cái nhà dành cho quân đội Liên Xô ngày trước. Tất nhiên là được xây dựng bằng bê tông cốt thép rất kiên cố. Để giảm bớt chi phí, người ta vẫn tận dụng những cái giường sắt, tủ sắt và thậm chí là cả bàn sắt, ghế sắt... cho bọn hắn dùng. Về ăn, mỗi ngày ba bữa bọn hắn xuống xếp hàng trước cửa nhà ăn để lãnh khẩu phần y như... lính. Về ở, ngoài bọn độc thân đủ các sắc tộc, quây quần, sống chung nhau trong mấy cái phòng lớn rộng như câu lạc bộ, còn gia đình thì tùy số người, có thể được chia một hoặc hai gian. Thí dụ như nhà gã hàng xóm của hắn vì có hai vợ chồng và một đứa con nên chỉ được một gian, còn nhà vợ chồng hắn, vì có hai đứa thì được chia thêm một gian nữa. Nhưng dù rộng hẹp thế nào thì cửa sổ của các căn hộ này cũng vẫn được gia cố thêm bằng những thanh sắt to và cứng như chấn song nhà tù. Mười giờ đêm, cửa Trại đóng, trước khi đến giờ ngủ người ta sẽ điểm danh xem bọn hắn có đủ mặt không. Ban ngày thì ai muốn đi chơi đâu ngoài phạm vi quy định phải xin phép.

Thằng em họ đã mấy lần ghé qua chỗ hắn chơi. Chắc là vì quá

ngán cảnh sống như bị giam lỏng thế này của hắn nên cứ có dịp là gã giục mau mau tìm cách mà chuyển nhà. Nhưng làm sao lại có chuyện dễ dàng như thế được. Chẳng hiểu tại sao người ta nghĩ ra cả 1001 cách, 1001 lý do để cố giữ bọn hắn ở lại đây. Có lúc hắn nghĩ: Rất có thể là một thế lực nào đó cố tình làm như thế để hành hạ, để đánh vào cân não bọn hắn. Cả chục năm bị nhốt, bị nuôi như súc vật thế này, chỉ thằng nào có hệ thần kinh bằng thép may ra mới không bị điên. Rất có thể là người ta dám coi bọn hắn như những con vật trong một cuộc thí nghiệm lắm. Những con vật dại dột tự chui đầu vào tròng để rồi đến lúc có giẫy giụa mãnh liệt đến thế nào cũng không thể nào mà chui ra nổi.

Hắn trả lời thằng em họ:

- Tất nhiên là muốn lắm nhưng làm sao mà chuyển được hả Đoành?

Để rồi nghe gã nghẹn ngào:

- Tội nghiệp! Người ta vẫn chưa cho các anh đi hả?

- Chưa...

- Vậy mà em thấy ở một số nơi người ta đã bắt đầu thả rồi.

- Anh cũng nghe thấy thế.

- Bao giờ mới đến lần các anh?

- Không biết.

Vừa nói chuyện với thằng em, hắn vừa thấy ngậm ngùi. Đợi đến khi được giải thoát thì có lẽ bọn hắn đã bị điên hết cả. Hiện tại, một số người trong Trại đã có những biểu hiện tâm thần khá rõ rệt. Thí dụ như bà vợ ông láng giềng mới mang hộ cuốn sổ điện thoại của hắn về đây. Trong một cơn giận giữ, điên điên khùng khùng rất vô cớ, bà ta đã ném con bé ba tuổi lăn suốt mấy đợt cầu thang để nó bị trẹo một bên chân đến giờ vẫn chưa thẳng ra được. Từ đấy trở đi, hàng ngày, sau ba bữa cơm bà ta chỉ lang thang ở sân trại. Bất kể mưa nắng thế nào bà ta cũng cứ ngửa mặt lên trời mà cười và gặp bất kỳ ai cũng nhe răng ra vừa cười vừa xùy xùy như đuổi gà. Hoặc thí dụ như một gã Srilanca. Ở tầng hầm của trại, có một gian trước đây quân đội Liên Xô dùng để nuôi chó dò mìn. Từ lâu lắm rồi, cái chuồng chó này đã trở thành chỗ ăn, chỗ ngủ của gã độc thân gần bốn chục tuổi. Giường của gã là một tấm đệm nát và mấy tấm thảm rách hôi rình mùi chó, còn bánh mỳ và súp lấy ở nhà ăn về thì gã đổ chung cả vào một cái xô ở góc phòng. Suốt ngày, gã nằm trên tấm đệm ấy, ngửa mặt lên trần và nghêu ngao những bài hát của xứ sở. Khi nào ngót bụng, gã bò xuống chỗ cái xô, bốc mấy bốc nhét vào mồm rồi lại bò về leo lên đệm. Từ lâu, hệ thống lò sưởi trong chuồng chó bị hỏng, vậy mà, lạ một điều, mùa đông

tháng giá, lạnh lẽo như thế mà không ai thấy gã cảm lạnh hay ho hắng lấy một cái bao giờ.

- Thế mà em cứ tưởng là các anh được thả rồi. - Thằng em họ vẫn tiếp tục - Ở chỗ em đang có mấy căn hộ còn trống... Tưởng nhà anh mà được thả rồi thì rủ đến ở cùng chúng em cho vui.

Hắn thở ra một hơi dài không nói gì. Còn thằng em, có lẽ không muốn khơi lại nỗi đau lòng của anh nên rủ:

- Thôi, không chuyển nhà được thì bố trí thời gian, hôm nào xin phép đến chỗ em chơi mấy hôm đi. Năm nay anh còn phép không?

- Còn.

Hình như mỗi năm tiêu chuẩn của bọn hắn là được ra khỏi trại nửa tháng. Cả năm nay hắn chưa đi đâu nên mười lăm ngày phép đó còn nguyên. Hắn tự nhủ thôi thì nhân dịp này đến chơi với thằng em họ. Một giọt máu đào hơn ao nước lã. Người cùng làng hắn, người trong cơ quan hắn, bạn bè, đồng nghiệp với hắn sang đây khá nhiều nhưng anh em gần gũi thì chỉ có mỗi gã.

- Thế thì còn ngại gì mà không đi nữa? Thế này nhé, ngày mai anh lên sở ngoại kiều xin phép ra khỏi vùng, thứ bảy này đi vé cuối tuần sang chỗ em. Không dám giữ anh nhiều. Ở đây một tuần, đến thứ bảy tuần sau lại về. - Thằng em nói.

- OK... - Hắn đáp sau khi không kìm nổi một tiếng thở dài.

Hắn không hiểu tại sao tự nhiên lại thở ra cái giọng nghe như có vẻ miễn cưỡng ấy. Như những con gà công nghiệp, nếu người ta cứ phải ở lỳ một chỗ hết ngày này qua ngày khác, hết năm này qua năm khác thì đến lúc có cơ hội để vận động cũng không vận động nổi. Hình như thằng em họ cũng nhận thấy vẻ ngại ngùng ấy của hắn, gã tỏ vẻ dứt khoát:

- Em sẽ cắt phép để ở nhà chơi với anh. Một năm em cũng chỉ có mấy ngày phép, anh mà không sang là em mất toi đấy.

Gã đã nói đến thế thì hắn phải đi.

Dẫu khó tính đến mấy thì ai cũng phải công nhận một điều rằng ngành hỏa xa ở nước Đức này có một cách tiếp thị hết sức độc đáo. Vào những ngày cuối tuần, chỉ với bốn chục Mark, một nhóm từ một đến năm người có thể ngồi trên tầu hỏa rong ruổi khắp nơi. Người ta có thể nghèo hàng trăm hàng nghìn chứ ít ai nghèo mấy chục Mark, vậy nên cứ đến thứ bảy, chủ nhật là chuyến tầu nào cũng đông rầm rập. Dù sao thì đây cũng là cơ hội cho những ai ít tiền có thể đổi gió.

Với hạng người lúc nào cũng là tỷ phú thời gian nhưng lại nghèo kiết xác là dân tỵ nạn thì những chuyến tầu cuối tuần như thế quả là lý tưởng. Từ hôm thứ năm, nhân dịp lên sở ngoại kiều xin giấy

phép ra khỏi vùng hắn đã vào văn phòng du lịch mua vé và tra giờ tầu sẵn để đến sáng thứ bảy lúc trời đất còn mờ sương đã có mặt ở sân ga, đợi đi chuyến sớm nhất trong ngày. Người ta thường bố trí cho dân tỵ nạn ở những nơi heo hút. Khoảng cách từ nơi heo hút của hắn đến nơi heo hút của thằng em họ tính toán một cách khiêm tốn nhất cũng phải hơn nửa nghìn kilomet, hắn phải chuyển tầu tám lần và đến nơi vào lúc gần nửa đêm.

Hành khách duy nhất bước xuống cái sân ga trống huếch trống hoác không một ánh đèn ấy là hắn. Trời tối đen như mực. Hai con mắt vốn chẳng lấy gì làm tinh tường lắm của hắn chưa quen ngay được với bóng tối nên phải một lúc sau hắn mới nhìn thấy thằng em họ đang từ dưới chân một cái cột có treo chiếc bóng đèn hỏng và chiếc loa bằng sắt to tướng rảo bước đi lại.

- Anh Phương... - Với một vẻ rất mừng rỡ, gã cất tiếng gọi.

- Đoành đấy à? - Hắn hỏi thay cho lời chào. - Tối quá nhỉ?

- Vâng! Hôm nay cuối tháng, không có trăng anh ạ.

Hắn thấy buồn cười, thì ra khi nhân loại đã bước vào kỷ nguyên của tin học, trên cái đất nước thuộc loại giàu có nhất trái đất này vẫn có một nơi nào đó người ta cần ánh trăng để soi đường.

- Vợ con khỏe cả chứ? - Hắn hỏi thằng em khi con đường mờ gập ghềnh đầy sỏi đá đã hiện lên mờ mờ.

- Cũng tạm tạm bác ạ.

- Cô ấy và mấy đứa ở nhà à?

- Không ạ.

- Hay là cô ấy cho mấy đứa đi chơi ở đâu?

Hắn hỏi thế vì khi ấy đang là lễ Phục Sinh, bọn trẻ con được nghỉ hẳn hai tuần và nhân dịp này nhiều đứa vẫn vòi vĩnh bắt bố mẹ cho đi chơi xa. Nhưng thằng em lại trả lời:

- Không ạ.

Giọng nói của gã ngập ngừng, thái độ lúng túng. Hắn nhận thấy rõ như thế nên không tiện hỏi thêm. Nhưng trong bụng hắn thì lạ lắm. Không ở nhà cũng không đi chơi ở đâu xa, vậy thì vợ con của thằng em ở đâu?

*

... Mấy đoạn trên đây là phần đầu cái truyện ngắn mà thằng anh họ viết còn lưu lại được trong cái máy tính của gã. Suốt một tuần chơi ở đây, ngày nào hắn cũng phải mất đến vài ba giờ ngồi trân trân nhìn cái màn hình, thỉnh thoảng lại cọc cạch gõ mấy nhát để rồi trước

khi về để lại mấy trang của một tác phẩm dở dang.

Gã nghĩ có thể là vì còn phân vân ngại chường chuyện riêng tư của nhà gã cho thiên hạ biết nên thằng anh họ phải dừng lại ở đoạn này chăng. Nếu thế thì hắn đúng. So với thiên hạ, chuyện riêng tư của nhà gã có cái quái gì là đặc biệt lắm đâu. Chuyện vợ chồng bồ bịch rồi chia tay mỗi đứa một phương bây giờ đã trở thành chuyện thường ngày ở mỗi gia đình. Tất nhiên là khổ mấy đứa con. Hai thằng con trai của gã yêu gã lắm. Nhớ ngày trước, nhân chuyện hai vợ chồng gia đình láng giềng lục đục đến mức vác đơn ra tòa xin bỏ nhau, chia con chia của, đã có lần gã hỏi thử chúng rằng: Nếu bây giờ bố mẹ bỏ nhau giống như chú Thuận với cô Hòa, các con muốn ở với ai? Với bố hay với mẹ? Thì cả hai đứa đều nói: Chúng con muốn sống cùng cả với bố và với mẹ. Tốt hơn hết là bố mẹ đừng bao giờ bỏ nhau. Thế nhưng lại cũng phải biết chấp nhận. Một khi con vợ không tìm thấy tình yêu trong gã nữa, một khi nó cứ khăng khăng rằng cuộc hôn nhân giữa hai đứa là một sự nhầm lẫn tệ hại, một khi suốt ngày nó than vãn gán cho gã hết tội này đến tật khác, hết dở hơi lại đến cù lần, một khi nó coi thường đến mức đi với trai ngay trước mũi gã thì gã còn gì đâu mà phải thương với tiếc.

Còn chuyện những bi kịch, hài kịch khác trong gia đình gã cũng vậy. Thời buổi này thiếu gì cảnh con cái phải chia ngày chia tháng, luân phiên nhau mà nuôi nấng, chăm sóc bố mẹ thì việc bà già nhà gã mỗi tháng lại đến ở với một đứa con có cái gì là lạ.

Hay chuyện thằng anh hiệu trưởng tiểu học xã của gã. Đã qua rồi cái thời nghề giáo vẫn được thiên hạ coi như nghề bán cháo phổi. Bây giờ làm gì còn cái cảnh đang giờ lên lớp, các thầy giáo cô giáo gục xuống bục giảng vì đói lả nữa. Từ ngày toàn quốc nổi lên phong trào học thêm, dậy thêm, nghề giáo viên tự nhiên thăng hoa. Thăng hoa một cách kỳ lạ làm nhiều kẻ thèm muốn. Ngoài nhiệm vụ chính là làm hiệu trưởng, thằng anh cả của gã còn kiêm luôn chủ nhiệm một lớp và dạy môn chính cho hai khối nữa. Tất nhiên là hắn ăn ba lương, nhưng cái khoản thu nhập chính là dạy thêm. Trong số hơn năm trăm học sinh từ lớp Một đến lớp Tám của trường thì có đến gần trăm rưởi đứa phải học môn văn của hắn. Trừ đầu trừ đuôi, trong một trăm rưởi đứa ấy phải có ít nhất là một trăm đứa đi học thêm. Học phí một tháng của mỗi đứa cho riêng môn của hắn là năm chục nghìn đồng. Dạy thêm một trăm đứa, mỗi tháng hắn đút túi cả năm triệu đồng thì làm gì mà chẳng giầu. Thế nhưng đây là chuyện của cả ngành giáo Việt Nam chứ đâu phải là chuyện riêng của thằng anh gã.

Hay như chuyện thằng anh trưởng công an xã của gã. Đã muối

mặt làm cái thằng công an thì thằng nào mà chẳng giống thằng nào. Và như một lẽ dĩ nhiên, thằng anh của gã cũng không thể thoát khỏi quy luật. Tất nhiên, như tất cả những thằng công an khác, thằng công an anh của gã cũng là thằng bị người trong họ ngoài làng khinh ghét nhiều nhất. Nhưng khinh ghét mà chẳng làm gì được hắn. Người ta không dám lộ cái khinh cái ghét ra mặt đã đành mà lại còn phải làm ra vẻ xum xoe, quý mến... nói chung là nịnh bợ, quy lụy hắn. Bởi, ghét hắn mà để hắn biết, hắn ghét lại thì nguy. Có thể là hắn chẳng làm gì đâu nhưng đến mức để hắn ghét lại thì đến cùn đời cũng không thể thoát khỏi vòng vây của lũy tre làng, cùn đời cũng chỉ biết chúi đàu vào đít con trâu.

Danh nghĩa duy trì trật tự an ninh trong khu vực, nhưng cái ăn bẫm của thằng anh trưởng công an xã của gã vẫn là việc quản lý hộ khẩu. Cả xã, ai muốn đi đâu về đâu là do một tay hắn định đoạt. Ghét ai, hắn không cất hộ khẩu cho đi, thế thôi. Mà, vào thời buổi nhố nhăng, làm ăn khó khăn này, thì ai lại là người không muốn đi. Kể cả là khi giá một suất lao động ở Hàn Quốc hay một suất đi du học tự túc ở Úc ở Áo... lên đến bốn năm chục vé thì người ta cũng vẫn cứ cố chạy chọt mà biến đi cho bằng được. Vậy nên, cái chức trưởng công an xã của hắn phải nói là hái ra tiền. Chuyện hắn cho xây một cái trụ sở ba tầng bề thế như Dinh Độc Lập ở ngay trung tâm của xã trong đó có cả hầm để nhốt người, hay chuyện hắn cho bọn đàn em nuôi một đàn Bécgiê Đức chính hiệu để ngày ngày dẫn đi tuần tra và chủ yếu là để uy hiếp dân chúng cũng chẳng có gì là lạ. Và đấy cũng là chuyện chung của bọn công an. Thời buổi này, thằng công an nào mà chẳng vậy.

Chuyện của nhà gã, dù là ở Đức, ở Việt Nam hay ở Tiệp thì cũng vẫn chỉ là những chuyện thường ngày ở huyện. (Thằng anh nghiên cứu sinh ngành triết của gã đã bỏ dở sự nghiệp, ở lại Tiệp cùng cô vợ con một ông thứ trưởng mở một cửa hàng lớn vào loại nhất nhì ở Praha, tuần nào hắn cũng có hàng conteine hàng sang, tiền thì đựng trong va ly, di chuyển bằng xe bọc thép có kính chống đạn và lúc nào cũng cặp kè hai ba thằng lực lưỡng như những con gấu hộ vệ. Thằng em út, nhờ hơi anh giai và chị dâu cũng làm chủ một cửa hàng buôn bán quần áo to ngật ngưỡng ở Cheb). Gã nghĩ thằng anh họ chẳng dở hơi đến mức bê nguyên si mà đưa vào cái truyện ngắn của hắn. Bằng cớ là sau cả một tuần vật lộn với chữ nghĩa hắn đã tắc tị ở đoạn trên kia.

Căn hộ mà gã định nhắm cho thằng anh họ ở ngay trong làng. Đó là một căn nhà nhỏ hai tầng rưỡi mà nửa tầng trên sát mái đã có

người thuê. Nghe gã nói đấy là một ông nhà văn, thằng anh họ thích lắm. Ở chơi được một hai hôm, hắn bắt gã phải đưa đến chơi bằng được. Lúc ấy gã chưa biết là thằng anh họ cũng đang tập tọng viết văn. Ngày còn học cùng trường cùng lớp với nhau, cả gã và hắn đều bị liệt vào hạng nghịch như quỷ. Cả hai đều liên tục bị phạt lên phạt xuống vì có mấy khi thuộc bài. Gã chẳng biết là hắn có cái đam mê chữ nghĩa từ bao giờ. Bản thân gã từ xưa đã cứ nghĩ đến mấy chữ sách báo là ngại. Đọc một vài dòng gã đã thấy buồn ngủ díp mắt. Còn viết, thì dù chỉ một bức thư thì thà bảo gã khuân đất đá từ núi này mà đắp sang núi khác cho xong chuyện. Từ lâu lắm rồi, cần liên hệ với ai gã chỉ điện thoại.

Nhưng gã vẫn phải dắt thằng anh họ đến chơi với ông nhà văn. Không dắt có mà được với hắn. Đời có những thằng rất cơ hội, chuyên lợi dụng tính hiếu danh của các nhà văn để được tặng sách. Lúc hai anh em đến cửa, chào hỏi ông nhà văn xong, tuy chẳng mấy khi đụng chạm đến sách vở song chẳng hiểu sao gã vẫn nói được một câu rất bóng bẩy:

- Thưa nhà văn, em đưa đến cho nhà văn một người hâm mộ đây.

Và chỉ có thế mà bao nhiêu cách trở phút chốc đã tan biến. Như tự nhiên, vẻ mặt đang khó đăm đăm của nhà văn bỗng tươi tỉnh hẳn lên. Ông vồn vã mời hai anh em vào phòng khách rồi như tất cả những nhà văn nổi tiếng không biết uống nước khác ông mở một chai rượu rót cho mỗi người một cốc.

- Anh là... - Ông nhà văn tự giới thiệu rồi hỏi hắn: - Em tên là gì?

- Em là Phương anh ạ... Đoành đây gọi em là anh họ. - Hắn lịch sự trả lời và chợt nhận thấy rượu của ông nhà văn rất ngon. Rồi, tuy biết rằng nói dối là không tốt nhưng gã vẫn bịa tiếp:

- Em nghe tiếng anh lâu rồi nhưng đến nay mới có dịp. Không ngờ anh lại ở cái làng này.

- Và càng không ngờ Nghênh Hương Các lại là cái gác nhỏ đơn sơ đến xuềnh xoàng này có đúng không nào? - Tự nhiên, ông nhà văn nở một nụ cười ngây thơ nhất trần đời.

- Dạ... Anh sống thật là giản dị. Đúng là một nhà văn. - Hắn phụ họa.

Ba người uống suông hết chai rượu, lúc bọn gã chào ra về, không cần hắn phải ngỏ ý ông nhà văn cũng rút từ trên giá sách xuống mấy cuốn nắn nót đề tặng và lại mời:

- Nếu còn ở đây lâu thì hôm nào lại đến chơi... Anh em mình

đàm đạo.

- Dạ... Vâng ạ.

Hắn ôm tập sách vừa vồn vã nhận lời một cách hết sức nhiệt tình vừa kéo tay thằng em đi nhanh xuống cầu thang. Tính hắn vậy, có sách trong tay mà chưa được đọc ngay lập tức là cứ sồn sồn như có lửa đốt trong lòng.

Trong thời gian ở chơi với thằng em họ, trừ những lúc chúi mũi vào máy tính để rồi cuối cùng đẻ ra được một cái truyện ngắn dở dang, thời gian còn lại hắn đọc ngấu đọc nghiến cho đến hết mấy cuốn sách mà ông nhà văn ngụ ở Nghênh Hương Các thân tặng. Buổi tối trước hôm về, hắn định ghé nhà ông chơi lần nữa, để tạ ơn mà cũng là để nói đôi lời cảm nhận riêng tư về những vấn đề mà ông nhà văn đã đặt ra trong tác phẩm của mình.

Tiếc thay cho hắn là ông không có nhà. Cũng tiếc thay cho ông nhà văn là hắn không thể lưu lại lâu hơn nữa. Giấy của sở ngoại kiều chỉ cho phép hắn ra khỏi vùng đến hết ngày chủ nhật là phải có mặt ở trại. Vả lại, ngoài tấm vé khuyến mãi rẻ mạt cuối tuần, hắn cũng không thể ở lại thêm dù chỉ một ngày nữa để đi tầu bình thường vì không đủ tiền.

Vì vậy mới có câu chuyện như sau đây xảy ra vào ngày thứ Ba. Chiều hôm đó, nhân có việc đi ngang qua thằng em mới leo lên Nghênh Hương Các của ông nhà văn chơi. Sau một tuần rượu, khi biết tin là thằng anh họ đã về trại từ sáng sớm hôm chủ nhật rồi, ông mới hỏi gã:

- Thế cậu ấy có nhận xét gì về mấy tập sách của tớ không?

- Dạ có ạ...

- Cậu ấy bảo sao?

- Anh ấy bảo truyện của bác cái nào cũng na ná như cái nào và na ná như truyện của chị Hoà với của anh Huy.

Thằng em không biết hai nhà văn nổi tiếng tên là Hoà và Huy này là ai. Thì đã bảo cả đời gã có bao giờ đụng đến cuốn sách hay tờ báo. Vậy nên gã phải phân vân, thắc mắc hoài vì không biết tại sao tự nhiên quan hệ giữa gã và ông nhà văn lại xấu đi một cách trầm trọng. Sau chuyến đến thăm đột ngột vào chiều hôm thứ ba ấy, bây giờ ra ngoài đường, gặp nhau, gã có chào to đến mấy ông cũng làm ra vẻ điếc không nghe tiếng.

Tháng 5 - 2001

NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG



TRẦN THỊ NGH
tế em

Thắp em một nén nhang trầm
bùi ngùi ta dâng em
chút ân tình xưa
nát như mạt cưa
bụi hồng ma chay em

Cháy cho kiệt nén ngang cùn
gửi hồn em lao lung
máu bung cườm tay
mắt tuông lệ cay
dập đầu ta lâm râm
lạy này

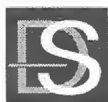
Lạy em miệng cười tất cuối chân nhang
lạy em đầu trần chít trắng vòng gai khăn tang
niệm câu Yết Đế
đã đi, xin đến

Lạy em hạt vàng vỗ cánh bay lên
lạy em về trời nhớ cấp tình theo nghe em
dù đi không đến
đừng rơi về trần

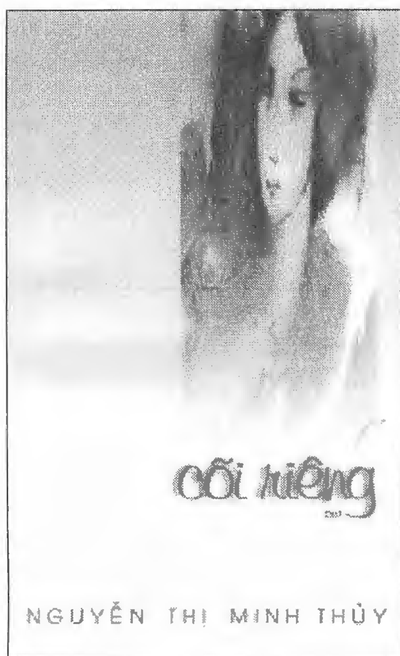
Cúng em một nhúm tro tàn
bệ thờ nghiêng hai vai
áo quan còng lưng
vác em mỏi chân
hành trình ôi gian truân

Hỏa thiêu rụi trái tim khần
huyệt phần ta chôn đi
trước bia mộ em
mím môi từ em
chùachiền xin em thôi
trụ trì.

TRẦN THỊ NGH
Sartrouville 8.2001



TRỊNH GIA MỸ đọc "cõi riêng" của nguyễn thị minh thủy



Nguyễn Thị Minh Thủy làm thơ đã lâu; bây giờ mới có can đảm gom lại, gạn lọc lại để in cho riêng mình một tập. Tập thơ có tên "*Cõi Riêng*".

"*Cõi Riêng*" có cái bìa màu tím dễ thương. Tập thơ rất "con gái" gồm 62 bài thơ nhưng không có bài nào mang cái tựa "*Cõi Riêng*" của chung toàn tập.

"*Cõi Riêng*", hiểu theo nghĩa thông thường là nơi chốn riêng tư của một người, của một cặp tình nhân, của một gia đình. *Cõi Riêng* của Minh Thủy thì khác. Rải rác trong suốt toàn tập người đọc sẽ bất chợt bắt gặp đâu đó bóng dáng hay tâm tư của mình. Một buổi chiều mưa lang thang trên biển. Một khoảnh khắc nào đó nhớ về bóng dáng Mẹ hiền. Một cuộc tình đã qua. Những niềm hạnh phúc hay tuyệt vọng của đời sống lưu vong hay cuộc tình ngắn ngủi. *Cõi Riêng* của Minh Thủy không còn "riêng" nữa mà nó "chung" cho rất nhiều người, cho mọi người.

Xưa nay, người ta đã viết không biết bao nhiêu bài xưng tụng tình yêu và ta thán sự đau khổ. Minh Thủy thì khác, cô "anh hùng" hơn. Người thơ nữ làm thơ ca tụng tình yêu nhưng không ta thán. Với Minh Thủy, tình yêu là sự dâng hiến, là đôi mắt thiếu nữ mở tròn trước mọi nghịch cảnh của cuộc đời, là tấm lòng dung dị, hân hoan bước vào tình yêu không tính toán. Trong hơn sáu mươi bài thơ của tập "*Cõi Riêng*", người đọc thấy rõ điều đó. Hãy nghe người thơ bày tỏ:

Giây phút tưởng ngàn năm
Thiên thu chừng khoảnh khắc
Hồn tôi mở muôn ngăn
Đón chân người dẫm bước
(Trầm luân – trang 71)

Và
Anh có một trời thơ trong mắt
Em có con tim dễ vở dòn
Thơ trời nên cuốn hồn quay quắt
Tim tan ngàn mảnh thủy tinh son!
(Thơ trời – trang 126)

Tim vỡ tan ngàn mảnh nên tim rướm máu. Hồn quay quắt nhớ nên hồn bật lên những điệp khúc ai oán, nỉ non:

Thơ tôi, dăm đoạn thơ rời
Bật lên giữa góc hồn bời bời bung
Lòng tôi, những sợi đàn chùng
U hoài ngân điệp khúc trùng dương đêm
(Mở tập – trang 15)

Lòng đã tan nát, đàn đã chùng dây nhưng vẫn còn ráng ngân những điệp khúc u hoài trong đêm. Thử nghĩ, còn nỗi buồn nào hơn? Nhưng Minh Thủy xem chừng vẫn thản nhiên và coi nỗi buồn như một người bạn để mà trò chuyện:

Sầu như đã trăm năm
Ngày vui là dĩ vãng
Thôi còn đây – ngày tháng
Trò chuyện với nỗi buồn.
(Tàn tro – trang 52)

Thơ, hiển nhiên, đa số là buồn. Hiếm những người thơ có cảm hứng làm những bài thơ vui. Vui, người ta ca hát, người ta nhẩy múa, người ta bày tỏ tức thì chứ ít ai làm thơ bởi vì thơ vốn cô đọng và thường bật ra khi nó đã chín muồi; khi người ta không còn giữ được nó ở trong lòng. Thơ tuôn ra, ầm ầm những con nước lũ đập vỡ bờ đê. Thơ tuôn ra, ào ào những trận hồng thủy tràn bờ. Nhưng thơ âm thầm, thơ lặng lẽ. Thơ, vì thế hay lóng lánh những giọt nước mắt, và bồi hồi những tiếng đập loạn nhịp của con tim.

Em còn chờ gì, khi chim đã bay?
Ngày tháng như mưa – em phố bùn lầy
Mười năm, người bảo mau như gió
Mười năm, em sống, biết từng ngày
(Khép lại từ đây – trang 18)

Cho nên, đôi lúc nhìn lại cũng cảm thấy thương mình quá đỗi

Chạnh thương thân, cánh chim chiều
Khuất sau hẻm núi xiêu xiêu mịt mùng
(Ngang qua phố biển, mưa – trang 137)

Cánh chim chiều cô đơn, lẻ bạn ở một nơi bên ngoài quê Mẹ vẫn sống để gặm nhấm nỗi buồn từng ngày với những bóng hình xưa cũ:

Nhớ ai, sáng biển dạt dào
Chiều vàng nắng núi, đêm sao lưng đèo
(Giao mùa – trang 100)

Và lẫn lộn giữa hư và thực:

Đêm nằm mộng gặp người năm ấy
Tiếc thầm lâu nay chẳng tìm nhau
Người quẩn quanh đây sao ta không thấy
Sắp được cầm tay, tỉnh chiêm bao
(Đêm trăng mộng – trang 29)

Minh Thủy làm thơ, âm thầm như một tiếng thở dài nhẹ trong đêm. Tiếng thở một mình như sự chịu đựng đã trở thành thói quen của người đàn bà Việt Nam

Vàng son thôi đã ngả màu
Tóc thề đã rụng, sao sầu chưa vơi!
(Bụi tình – trang 128)

Hoặc chịu đựng hơn :

Đây hồn em mềm
Đây vai em xuôi
Người qua, cứ bước
Em buồn đã quen
(Như bóng – trang 72)

"Em buồn đã quen", nghe sao mà nhẫn nhục, nghe sao mà... buồn. Tuy nhiên, không phải vì những bài thơ buồn mà *"Cõi Riêng"* có cái nhìn bi quan. Ta cũng bắt gặp ở đó những hoài niệm về tình yêu đầu đời của thuở bím tóc. Cái thời "*bỗng nhiên mà họ lớn*" của Huy Cận được Minh Thủy nhìn lại bằng đôi mắt học trò tròn xoe, trong suốt của thuở mười lăm :

Đi giữa đường phượng tím
Tưởng sống thuở mười lăm
Tóc buông đôi dòng bím
Thắt nghìn sợi tình, thầm
Có nàng cười trong nắng
Có chàng đợi cuối sân
Áo nàng lung linh trắng
Tim chàng rộn bao lần
(Phục sinh – trang 83)

Tình yêu của lớp học, của bảng đen phấn trắng như cơn gió thoảng đôi khi cũng làm cô học trò tỉnh nhỏ e dè. Con đường dẫn vào tình yêu nhiều cỏ hoa hấp dẫn nhưng vẫn ngại ngùng khi thử đặt bước chân vào

Em muốn xem anh như gió thoảng
Xô lệch đôi giây tà áo tơ
Rồi thôi, áo vẫn nguyên trinh trắng
Rồi thôi, áo vẫn màu ngây thơ
(Bụi tình – trang 128)

Tình yêu đầu đời bao giờ cũng đẹp. Bao giờ cũng là tình yêu

trong trắng nhất, cao cả nhất làm cho người ta có thể nhớ suốt cả cuộc đời. Tình yêu đó có thể bắt gặp trong khoảnh khắc, rồi tan như khói, rồi bay như mây nhưng nó để lại một dư âm chất ngất mỗi khi nhớ lại

Có phải em vừa say rượu thánh?
Vì anh, đôi mắt tỏ nghìn câu
Có phải tiên thiên đang chắp cánh?
Tháng chạp huy hoàng rợp ánh sao
(Mùa vui – trang 91)

Nhưng những cuộc tình học trò sôi nổi nhưng cũng mau tàn. Cô học trò hay để hồn qua khung cửa lớp học có lúc cũng bâng khuâng vì nhớ, vì buồn

Tình buông tình rơi sâu
Buồn khơi buồn đồng vọng
Tóc sầu ai tóc rụng
Áo nhớ ai áo nhầu
(Tiếng buồn đồng vọng – trang 124)

Nhưng nỗi buồn cũng không ở lại lâu bởi vì cô tự nhủ

Chẳng do mưa, chẳng vì thu
Mỗi ngày lại một mối sầu vô duyên
(Nhánh lá xôn xao – trang 99)

Trong suốt chiều dài của tập *"Cõi Riêng"* là một sự đuổi bắt. Người thơ luôn quẩn quanh giữa những dằn co của tình yêu, nỗi nhớ và sự buồn thương đôi lúc tưởng như tuyệt vọng. Niềm tin về tôn giáo và hướng thiện cũng được nhìn thấy thấp thoáng trong vài bài thơ. Mẹ là nơi chốn mà tác giả đã nhớ tới và tìm về để mong được cứu rỗi mỗi khi chán nản.

Tôi đọc hết tập thơ, rồi đọc lại. Lần nào cũng có một tâm trạng bâng khuâng.

Người về như bụi
Gió thốc từng cơn
Bụi vương tròng mắt
Buồn xót xa tuôn
(Người về – trang 54)

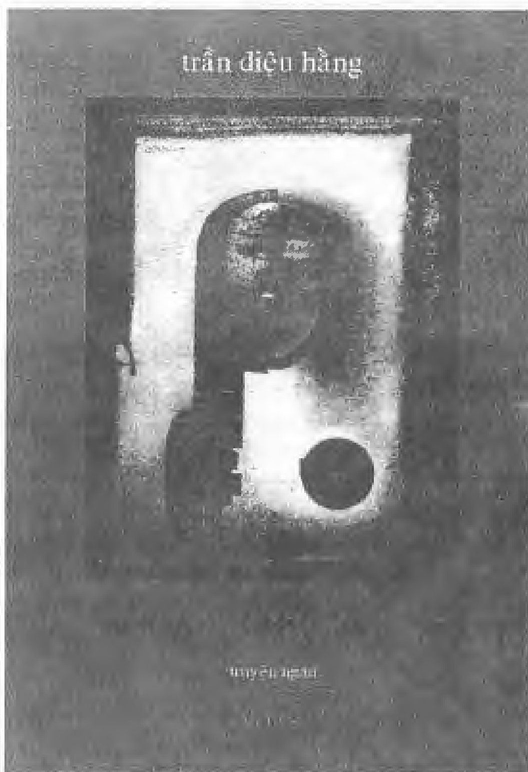
Nhưng không, tập thơ không buồn đâu mà có những bài thơ vui, những bài thơ của kỷ niệm, những bài thơ hồng. Minh Thủy đã viết như chưa viết gì cả, tôi đồng ý với Cô như thế.

Thơ chưa viết là bài thơ hay nhất
Môi chưa hôn là môi mãi ngọt ngào
Lời chưa nói là lời ru tẩm mật
Tình chưa trao – tình lấp lánh muôn sao!
(Chừng ấy đủ – trang 64)

Tôi nghĩ, chúng ta nên đọc *"Cõi Riêng"* để tìm thấy mình trong đó.

Tại sao không?

TRỊNH GIA MỸ





LÊ QUỲNH MAI phỏng vấn nhà văn ngô thế vinh



Ngô Thế Vinh sinh năm 1941, Thanh Hóa. Làm báo sinh viên Tình Thương *trường Y Khoa Sài Gòn. Y sĩ Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Bác sĩ thường trú bệnh viện Đại Học Nữu Ước. Hiện làm việc tại một bệnh viện Nam California.*

Sách xuất bản: Mây Bão *(Sông Mã 1963, Văn Nghệ 1993),* Bóng Đêm *(Khai Trí 1964),* Gió Mùa *(Sông Mã 1965),* Vòng Đai Xanh *(Thái Độ 1971, Văn Nghệ 1987),* Mặt Trận Ở Sài Gòn *(Văn Nghệ 1996),* Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng *(Văn Nghệ 2000).*

LQM: - *Ngoài những tác phẩm đã xuất bản, có phải ông còn là tác giả một cuốn sách chuyên ngành y khoa ?*

NTV: - Năm 1971, tôi tu nghiệp ở Mỹ về ngành Y Khoa Phục Hồi [Letterman Medical Center, Presidio, San Francisco]. Sau 1975, có một thời gian làm việc tại Trung Tâm Phục Hồi và Trường Vật Lý Trị Liệu Sài Gòn. Cuốn *Khái Luận Y Học Phục Hồi* xuất bản 1983 như đúc kết từ các tài liệu giảng dạy. *Y Khoa Phục Hồi*, vào thời điểm ấy là một khái niệm tương đối mới như Bước Thứ Ba của Y Khoa [sau hai bước Y Khoa Phòng Ngừa và Y Khoa Điều Trị].

- Vì lý do nào đang học y khoa năm thứ tư, ông có ý định bỏ học để trở thành phóng viên với mối quan tâm đặc biệt về những sắc dân thiểu số sống tại cao nguyên Trung Phần Việt Nam?

- Những năm y khoa ấy tôi không phải là một sinh viên gương mẫu, tôi đã dành nhiều thì giờ cho các hoạt động sinh viên làm báo và cả viết văn nữa [tôi viết xong cuốn tiểu thuyết *Mây Bão* ở 2 năm đầu y khoa] thay vì phải có mặt trong các giảng đường, phòng thí nghiệm hay bệnh viện. Đến năm thứ tư tôi còn có ý định bỏ học y để đi làm báo, sinh hoạt mà tôi rất đam mê lúc đó. Bây giờ đã ngót 40 năm qua đi, mỗi lần có dịp trở lại nhà in chăm sóc cho một cuốn sách hay tới thăm một tòa báo, với mùi mực mùi giấy [tuy sinh hoạt đã khác xa với các con đường báo chí Nguyễn An Ninh hay Phạm Ngũ Lão ở Sài Gòn trước 75] như một flashback, tôi vẫn còn nguyên xúc động của cái *"thuở ban đầu ấy"*. Như một khủng hoảng căn cước – *identity crisis,* thỉnh thoảng tôi vẫn tự hỏi không biết quyết định nào là đúng.

- Thập niên 60 có hai cuốn sách nổi tiếng dùng dạng "dữ kiện tiểu thuyết – faction" viết về Việt Nam: Người Mỹ Trầm lặng *(Graham Greene) và* Ông Đại Sứ *(Morris West). Tại sao ông cũng thích sử dụng dạng faction khi viết* Vòng Đai Xanh, Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng?

-Tôi có đọc hai cuốn sách ấy thời sinh viên nhưng không vì thế mà ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn sử dụng dạng *faction* khi tôi viết *Vòng Đai Xanh* vào thập niên 60 và mới đây là cuốn *Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng*. Như lần nói chuyện với anh Nguyễn Mạnh Trinh (1996) về cuốn *Vòng Đai Xanh* thì *"thay vì là một cuốn sách khảo cứu khô khan, tiểu thuyết dữ kiện sẽ có tác dụng rộng rãi và lâu dài hơn nơi người đọc qua các hình tượng văn học"*. Chắc chị cũng đã biết là đạo diễn Phillip Noyce đang có mặt ở Sài Gòn để thực hiện một cuốn phim mới thứ hai cũng theo nội dung cuốn sách của Graham Greene.

- Ông có nghĩ rằng tình trạng chia rẽ và nghèo khó của Việt Nam ngày nay là hậu quả của chính sách độc ác và kỳ thị đàn áp người Thượng (1) cùng sự xâm lấn và tiêu diệt dân tộc Chăm (2) của tiền nhân ?

- Trong chiến tranh triền miên và cùng cực của sự đau khổ, và cả tuyệt vọng nữa: kêu trời chẳng thấy Trời Phật đâu, kêu Chúa thì *"Chúa Cũng Khước Từ"* [tên cuốn tiểu thuyết về chiến tranh Cao Ly] thì người ta chỉ còn biết tin vào sự quả báo như một tự thân đi tìm

nguồn an ủi, một cách giải thích mà tâm lý học gọi đó là sự biện minh – *rationalization.*

- Xuyên suốt quá trình lịch sử với bốn ngàn năm văn hiến, có phải là một ảo tưởng khi ông ước mơ "Một mai khi có một chính quyền dân chủ vững mạnh biết tôn trọng những giá trị nhân bản, đã đến lúc vị nguyên thủ quốc gia phải đứng ra công khai tạ lỗi người Chăm và những sắc dân thiểu số khác về những đau thương mất mát mà tổ tiên chúng ta đã gây ra cho họ trên bước đường Nam Tiến" ? (3)

- Trang sử Nam Tiến đã khép lại, bảo rằng đó như một sự đã rồi – *fait accompli,* cũng không sai. Nhưng sự mất mát , khổ đau thì vẫn còn đó nơi những người sống sót. Do đó không phải chỉ có lời công khai tạ lỗi mà đủ, còn cần có cả một kế hoạch với nội dung tích cực, đó là mối quan tâm tới an sinh và hạnh phúc tồn tại của cộng đồng người Chăm người Thượng cũng như của các sắc dân thiểu số khác. Bốn mươi năm sau *Vòng Đai Xanh*, vụ nổi dậy của Người Thượng vừa qua, rõ ràng đời sống của các sắc dân Tây Nguyên không tiến chút nào mà còn bị suy thoái trầm trọng hơn.

-Xin ông cho biết tên nàng công chúa người Việt theo lịch sử và truyền kỳ đã làm say mê và sau cùng đã hãm hại nhà vua cuối cùng của người Thượng? (4)

- Thời gian mấy trăm năm đâu có xa nhưng chỉ còn lại là những trang dã sử. Công chúa Huyền Trân ... thì ai cũng đã biết. Nhưng nàng công chúa người Việt được nhắc tới theo lịch sử và truyền kỳ của người Thượng là công Chúa Ngọc Khoa, con của chúa sãi Nguyễn Phúc Nguyên được gả cho vua Pô Rômê vào năm 1631. Theo Dohamide [chuyên khảo về lịch sử văn minh Chàm, tr 147-152] thì Pô Rômê gốc người Thượng sắc tộc Churu là một trong những vị vua cuối cùng của Champa [tiểu vương quốc Panduranga] có ba vợ: Bia Thanh Chih (người Chăm), Bia Thanh Chanh (người Rhadé) và Bia Ut hay công chúa Ngọc Khoa (người Việt). Nay tại Phan Rang vẫn còn ngôi tháp thờ Pô Rômê được cúng tế hàng năm trong dịp lễ Katé truyền thống, có sự tham gia của người Thượng gốc Raglai mang theo lễ vật và cả tham gia lễ múa. Bên trong tháp, ngoài tượng Pô Rômê còn có tượng thờ Bia Thanh Chanh mặc dầu là người Rhadé nhưng có con và rất thủy chung với Pô Rômê đã nhảy vào giàn hỏa tự thiêu cùng nhà vua. Còn Bia Thanh Chih thì được thờ tại một ngôi miếu bên ngoài, riêng tượng Bia Ut hay công chúa Ngọc Khoa được khai quật [năm 1956 với Nghiêm Thẩm / Dohamide] trên cánh đồng hoang cách tháp Pô Romê 3 km mà

người Chăm gọi là Hamu Bruk vẫn được dân làng chung quanh hàng năm cúng bái.

Rõ ràng một số sắc dân Thượng có mối liên hệ lịch sử và huyết thống với dân tộc Chăm nên đã có sự giống nhau hay trùng hợp trong một số truyện cổ tích và truyền kỳ.

- "How sad to be a montagnard" (5). "How sad to be a Cambodian"(6). Chúng ta có cần phải thêm " How sad to be a Vietnamese" khi đọc trong tác phẩm mới nhất của nhà văn Ngô Thế Vinh: "Chợ, khách sạn, ngân hàng, bưu điện là những công trình kiến trúc mới và khang trang, duy chỉ có trường học là vẫn cũ kỹ tiêu điều chậm bước vào thời kỳ đổi mới" ? (7)

- Đời sống của các sắc dân thiểu số vốn đã bi đát nhưng chính đời sống của người Kinh ở nông thôn cũng không hơn gì. Không xúc động sao được khi thấy trẻ em nơi Đồng bằng Sông Cửu Long sau một phần tư thế kỷ đất nước thống nhất, vẫn còn đi chân đất tới những ngôi trường nghèo nàn cũ kỹ ở thời điểm sắp bước sang thế kỷ 21 toàn cầu hóa.

- Người ta vẫn đang tiếp tục xây dựng các con đập mới trên sông Mekong chảy qua bảy nước mặc dù biết rằng "hậu quả kinh tế không bù đắp được cho những tác hại rộng lớn và lâu dài trên môi sinh"(8). Theo ông, nên sử dụng loại năng lượng nào với đà gia tăng dân số theo cấp số nhân như hiện nay ?

- Ở một chừng mực nào đó, với từng bước phát triển hài hòa, cùng lúc quan tâm tới bảo vệ sinh cảnh môi trường, thì không thể phủ nhận được thủy điện là một dạng năng lượng sạch như một tặng dữ của thiên nhiên nếu biết tự chế và khôn khéo vận dụng. Như con đập Nam Ngum – đập thủy điện đầu tiên của Lào trên phụ lưu sông Mekong hoạt động từ 1971 đã thực sự cải thiện đem lại ánh sáng cuộc sống văn minh cho người dân Lào. Nhưng vấn đề đặt ra là người ta đã vội vã chạy theo lợi nhuận với những bước *"phát triển tự hủy – destructive development"*, dẫn tới tàn phá hệ sinh thái bất kể hậu quả ra sao bằng cách đổ xô vào các phụ lưu và dòng chính con sông Mekong để *"xây thêm – xây thêm"* những con đập trong đó phải kể tới hàng chuỗi những con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam mà trước đó người ta đã không hề có những cuộc nghiên cứu sâu rộng để trả lời tất cả những câu hỏi cơ bản về "cái giá phải trả" có thể chấp nhận được hay không trên sinh cảnh và dân cư trong vùng.

- Với ý kiến của nhà văn Ngô Thế Vinh, người Việt hải ngoại

phải làm gì trước "những đám mây bão báo hiệu thiên tai đang đổ đến từ phương bắc"? (9)

- Làm sao tạo được mối quan tâm rộng rãi của người Việt bên trong và bên ngoài về những mối đe dọa có thật từ Phương Bắc: Biển Đông với Hoàng Sa đã mất vào tay Trung Quốc từ 1974, số phận Trường Sa cũng đang treo trên sợi chỉ mành rồi thảm họa môi sinh đổ xuống từ các khúc thượng nguồn con sông Mekong mà đáng quan ngại nhất là chuỗi 8 con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam với hậu quả sẽ là thiếu nước, mất nguồn phù sa và ô nhiễm kỹ nghệ cho các quốc gia dưới nguồn... Không có tự do báo chí ở trong nước đã đành; nhưng ngay ở hải ngoại tuy có tự do, có nhiều báo, đài phát thanh và các trang nhà – Websites tiếng Việt nhưng nội dung lại không đặt trọng tâm cho những tin tức thiết thân tới tương lai của Việt Nam [tôi muốn nói tới tương lai của dân tộc chứ không phải của một chế độ chánh trị nhất thời]. Một ví dụ, mới đây có một tin nóng bỏng về Hoàng Sa và Trường Sa liên quan tới tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Quốc có thể gây xúc động sâu xa cho mọi con tim Việt Nam, nhưng tin ấy đã chỉ chiếm một vị trí rất khiêm tốn chìm khuất trên các trang báo Việt – trong khi những *slogans 8 cột* ở trang nhất lại dành cho những điều có thể gọi là vô thưởng vô phạt có thể tìm thấy trên bất cứ tờ báo Mỹ nào. Những bài báo tiếng Việt ấy không phải là không có ích cho lớp độc giả thế hệ thứ nhất chưa rành tiếng Anh nhưng quan trọng hơn thế là *"thời điểm và liều lượng nội dung của các tin tức"* đăng tải! Khi có được thông tin đầy đủ, người Việt nói chung sẽ không còn giữ mãi thái độ thụ động mà người Mỹ gọi là *Chờ Xem – Wait and See*. Tôi cũng muốn nhắc lại một chi tiết nổi bật cần ghi nhận là cho dù quốc hay cộng, Đài Loan luôn luôn tỏ ra mau lẹ thống nhất với lập trường của Hoa Lục nhân danh "dân tộc Trung Hoa" về vấn đề Biển Đông cho dù hai bên còn rất khác biệt về thể chế chánh trị và đang có cả những tranh chấp. [*Cửu Long Cạn Dòng*, tr 377]

- Để đối phó với mưu đồ "Tây tạng Hóa Biển Đông" của Trung Quốc, ông đưa ra hai giải pháp: "thứ nhất là tiết kiệm để xây dựng một lực lượng quốc phòng nhất là hải quân hùng mạnh đủ sức bảo vệ vùng biển vùng trời; thứ hai là vũ khí trí tuệ có tầm xa thời gian để khẳng định chủ quyền của Việt Nam tại hai khu vực Hoàng Sa và Trường Sa"? Việt Nam làm sao thực hiện được trong tình trạng phân hóa về kinh tế xã hội như hiện nay ?

- *"Tây Tạng Hóa Biển Đông – Tibetization"* một từ mới rất gợi hình của B.A. Hamzak, giám đốc Viện Nghiên Cứu Hàng hải Mã Lai và

hiện đang được báo chí và giới ngoại giao sử dụng nói tới tình huống các nước Đông Nam Á một hôm thức dậy thấy Biển Đông đã nằm trong tay Hoa Lục giống như cảnh ngộ của quốc gia Tây Tạng. Phải sống trên một dải đất định mệnh trong suốt dòng lịch sử, hai yếu tố vừa phá hủy vừa tạo dựng xã hội Việt Nam đó là vừa phải chống chỏi với sự khắc nghiệt của thiên nhiên vừa phải đối đầu với cường địch Phương Bắc [hình như Sar Desai khi nghiên cứu về Việt Nam cũng đã đưa ra ý kiến như vậy]. Hòa bình luôn luôn rất ngắn ngủi, chiến tranh thì triền miên. Như một nghịch lý, đã là một đất nước nghèo lại phải cắt ra một phần lớn tài nguyên quốc gia để xây dựng một lực lượng quốc phòng vững mạnh đủ sức bảo vệ vùng đất vùng biển và cả vùng trời của tổ quốc vẫn là điều không thể không làm. Bước vào thế kỷ toàn cầu hóa, ngoài sức mạnh của sự đoàn kết trong một thể chế dân chủ để mọi người dân Việt có cơ hội tham gia và đóng góp, còn phải kể đến tiềm năng "chất xám" của giới trẻ ở hải ngoại và cả trong nước, điều mà tôi gọi là "vũ khí trí tuệ có tầm xa thời gian" của cả "tam bách dư niên hậu".

- *Chủ quyền Việt nam trong quần đảo Hoàng Sa đã được ghi trong tài liệu* An Nam Đại Quốc Họa Đồ *in năm 1838 tại Calcutta Ấn Độ (10). Nhưng thế giới và người bạn đồng minh Hoa Kỳ đã để Trung Cộng chiếm Hoàng Sa năm 1974. Theo ông chúng ta có nên lập tượng đài để vinh danh các chiến sĩ như hạm trưởng Ngụy Văn Thà và thủy thủ đoàn Nhật Tảo HQ10 đã "vị quốc vong thân" trong trận chiến Hoàng Sa hay không?(11)*

- Đó là một ý kiến hay đáng để Tổng Hội Hải Quân quan tâm nghiên cứu. Một tượng đài Ngụy Văn Thà hạm trưởng con tàu Nhật Tảo và đồng đội đã anh dũng hy sinh ở Hoàng Sa sẽ có tác dụng cảnh thức nhắc nhở quần đảo ấy đang còn mất trong tay Trung Quốc. Tưởng cũng nên nhắc lại một đoạn viết của giáo sư Hoàng Xuân Hãn trên tập san Sử Địa (1975) số đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa: *"Một gương sáng lịch sử là mỗi khi thế nước suy hèn vì chia rẽ và nội loạn thì mỗi khi lân bang lấn cõi. Ngày nay vụ Hoàng Sa bị chiếm là triệu chứng cụ thể gây nên bởi sự bất hòa của dân ta... tuy rằng nhiều chứng xưa nay, trong ngoài bảo rằng đó là đất Việt."* Một tượng đài như vậy với câu trích dẫn trên sẽ có tác dụng nối kết Người Việt Đôi Bờ.

- *Thập niên 60 với* Vòng Đai Xanh, *ông đã đề cập tới cuộc chiến tranh bị lãng quên với hạnh phúc tồn tại của hơn ba mươi sắc dân Thượng và chủ quyền nơi miền cao nguyên bát ngát. Thập niên 90 với*

cuốn Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng, *ông đề cập tới tương lai bất trắc của con sông Mekong và sự suy thoái của toàn hệ sinh thái trong vùng đồng bằng châu thổ. Qua Thiên Niên Kỷ thứ Ba, ông lưu tâm đến vấn đề gì ?*

- Người Thượng trên Tây Nguyên _ môi sinh và phát triển Sông Mekong _ Biển Đông và cả kho dầu khí: tất cả vẫn là những nan đề của Việt Nam trong Thế Kỷ đầu của Thiên Niên Kỷ thứ Ba.

- Ông đã bỏ ra bao nhiêu thời gian, kể cả lúc khởi đầu thu thập tài liệu, tham dự các hội nghị, thăm viếng các địa danh để viết nên tác phẩm Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng ?

- Khoảng hơn 5 năm.

- Giữa một thời đại không thiếu gì người theo chủ nghĩa Dương Chu "dù nhổ một sợi lông mà làm lợi cho thiên hạ cũng không chịu", hoặc như Marquise De Pompadour : Après nous le Déluge", theo ông Nhóm Mekong Forum có thấy cô đơn trong mục đích "cứu lấy dòng sông" hay không ?

- Bảo rằng cô đơn trong mục đích thì không nhưng trong thực hiện và phát triển thì chưa đạt được những bước như mong đợi. Webpage www.mekongforum.org có từ hơn 5 năm tổng số lần khách vào thăm mới chỉ có hơn 10 000 lượt [trong đó rất nhiều lần là khách nhà]. Phải nói là ít. Theo bác sĩ Trần Tấn Phát, webmaster của Mekong Forum thì đã có những dấu hiệu tích cực trong thời gian gần đây: có thêm nhiều khách mới của các tổ chức môi sinh quốc tế và các đại học không chỉ vào thăm mà cả xin được nối kết [LINKS] với trang nhà của Mekong Forum, kể cả khởi đầu cho những cuộc trao đổi đối thoại.

Tưởng cũng nên nhắc tới ở đây người đã có bài viết rất sớm về *"Khai Thác Sông Mekong"* [được phổ biến rộng rãi ở hải ngoại và cả trên báo Tuổi Trẻ trong nước] đó là kỹ sư Phạm Phan Long; anh ấy vẫn cùng các bạn khác hoạt động bền bỉ [ngoài tổ chức các cuộc Hội Thảo Sông Mekong 1999 & 2000] tiến tới xây dựng một tổ chức phi chánh phủ quy tụ các trí thức và chuyên viên trong lẫn ngoài nước nhằm thu thập kiến thức, theo dõi các kế hoạch phát triển sông Mekong – *vốn là mạch sống của hàng trăm triệu cư dân lưu vực thuộc 7 quốc gia trong đó có Việt Nam* – để chính người Việt có tiếng nói trên các diễn đàn quốc tế, khiến cho Ủy Hội Sông Mekong [Mekong River Commission], Ngân Hàng Thế Giới, Ngân hàng Phát Triển Á Châu và các đại công ty tư bản đầu tư khai thác ... khi biết bị theo dõi, họ sẽ phải làm việc với những phương thức minh bạch đứng đắn và hành xử một cách

có trách nhiệm. Một tổ chức độc lập như thế lại có sự hậu thuẫn của dân chúng sẽ giúp cho chánh phủ Việt Nam dân chủ có thêm khả năng thương thảo.

- "Hồi ký như một bức màn khói bao phủ lên những sự thật, nếu không để huyền thoại hóa về mình thì thường cũng là để tự bào chữa, chẳng ai viết hồi ký để tự hạ giá mình. Phải có hùng tâm và can đảm lắm mới dám tự phê phán và cả nhận trách nhiệm về những lỗi lầm"(12). Ông nghĩ gì về học giả Nguyễn Hiến Lê nói "Tôi ngây thơ quá" trong cuốn Hồi Ký III, trang 23 do Văn Nghệ xuất bản 1988?(13)

- Tôi muốn nói tới những cuốn hồi ký chánh trị và tâm đắc với câu nói của David Halberstam, tác giả nhiều cuốn sách liên quan tới cuộc Chiến Tranh Việt Nam, đó là *"Ký ức thường giữ ít sự thật hơn so với những điều mà chúng ta mong có – Memory is often less about the truth than about what we want it to be _ David Halberstam / New York Times"*. Riêng cụ Nguyễn Hiến Lê thì chưa bao giờ làm chánh trị mà thuần túy chỉ là một học giả trước tác hơn 100 tác phẩm tận tụy làm việc trong suốt hơn 35 năm và nhân cách tỏa sáng của cụ trước sau được mọi người kính trọng. Tập hồi ký của cụ viết sau 1975 nói lên sự vỡ mộng của một người trí thức sống ở miền nam Việt Nam trước đó vốn có cảm tình với kháng chiến, cả lòng nể phục nữa đối với những người cộng sản nhưng chỉ sau 5 năm thực sự sống dưới chế độ ấy qua kinh nghiệm bản thân với những điều tai nghe mắt thấy đã khiến cụ phải thức tỉnh đau đớn ra sao. Không có màn khói nào bao phủ, đây là tập hồi ký của sự thật.

- Qua các phẩm, ông là nhà văn của mơ ước, của lương tâm và của xã hội. Theo ông, con người phải sống ra sao giữa xã hội quay cuồng hiện nay "ở đâu thì nỗi khổ cũng mênh mông, nhìn lại chẳng thấy đâu là bờ?(14)

- Chị hỏi về "con người phải sống ra sao giữa xã hội quay cuồng hiện nay", theo tôi mỗi người trong từng hoàn cảnh sẽ tự thân đi tìm câu trả lời. Nếu nghĩ rằng sống là sống với tha nhân, thì để xem nhân loại thế kỷ này sẽ hành động ra sao trước thảm họa *"một lục địa Phi Châu không còn bóng người"* : sẽ chọn cứu những bà mẹ và trẻ em đang chết dần hay chọn bảo vệ lợi nhuận cho các đại công ty chế tạo thuốc chống bệnh AIDS thêm hai thập niên nữa cho tới hết thời gian bản quyền.

Câu hỏi của chị cũng gợi nhớ cho tôi những ngày trong tù, ngoài những giờ "cuốc đất trồng rau" hay "đốn tre trảy gỗ trên ngàn", cũng

phải tìm cách làm cho đầu óc mình bận rộn, tôi chọn học chữ Hán từ người bạn cải tạo nằm kế bên nguyên là giáo sư dạy toán trường Võ Bị. Anh ấy rất thông minh chỉ dẫn có phương pháp cho học những bộ chữ căn bản rồi từ đó phân tích ý nghĩa của những chữ mới. Bằng cách ấy số ngữ vựng của tôi rất khá khi ra trại. Bây giờ thì bao nhiêu chữ nghĩa trả lại thầy, chỉ còn đôi ba từ không bao giờ quên vì mang dấu ấn sâu đậm của một tâm trạng nào đó. [Khổ hải vượng dương hồi đầu thị ngạn]...

- Ông viết "Chiến tranh đã tạo ra nhiều gặp gỡ thú vị và tình cờ" (15). Khi chiến tranh chấm dứt, ông có những gặp gỡ tình cờ và thú vị nào khác ?

- Trong chiến tranh tình yêu và cái chết quyện lấy nhau. *"Có hai điều lớn hơn mọi điều. Thứ nhất là Tình Yêu, và thứ hai là Chiến Tranh"* [Two things greater than all things are, The first is Love, and the second War]. Mà chiến tranh là cái chết. Rudyard Kipling cũng đã viết như vậy. Trước Mùa Hè Đỏ Lửa trong một quán biên thùy trên cao nguyên, như một tình yêu sét đánh cô hàng cà phê tuổi nữ sinh ấy đã yêu thiếu úy Hoàng của đơn vị chúng tôi ngay ở lần mới gặp, cô đã tỏ tình qua tiếng hát réo rắt Thái Thanh "Đừng Bỏ Em Một Mình". Hôm sau thì thiếu úy Hoàng nhảy toán đụng địch khi vừa xuống bãi. Phải hai ngày sau mới tìm được xác. Bài ca tối hôm đó vẫn giọng người ca sĩ ấy nhưng nức nở với " Anh Trở Về , trong chiếc Poncho". Nếu bảo rằng những cuộc gặp gỡ tình cờ như vậy là thú vị thì đó là cái "Thú Đau Thương" [thơ Dương Kiền] của thời chiến. Nhưng cũng không phải luôn luôn ảm đạm như vậy: hành quân lẽ ra là xa nhà nhưng với anh Trung Sĩ tiếp liệu của đơn vị thì khắp cả 4 vùng chiến thuật, đi tới đâu chỉ một thời gian rất ngắn anh ấy đã lại có ngay một mái nhà!

-Trong tác phẩm đầu tay Mây Bão trang 58, ông đứng trên quan điểm y khoa hay thẩm mỹ khi viết "Có lẽ ái tình ghê sợ những lớp mỡ và kích thước chiều ngang"?(16)

- Khi chị hỏi *"Nhà văn Doãn Quốc Sĩ có đau không?"* về một câu viết trong *Khu Rừng Lau*, ông trả lời đó chỉ là cảm xúc của nhân vật trong truyện chứ không phải tác giả phát biểu. *"Ghê sợ những lớp mỡ và kích thước chiều ngang"* cũng chỉ là nhãn quan theo phát triển cá tính của một nhân vật phụ tên Hoạt trong tiểu thuyết *Mây Bão*. Lại càng không phải đứng trên quan điểm y khoa vì như vậy là trái với y đức [unethical] nói theo nghĩa vụ luận.

- Tiểu xảo chữ nghĩa chẳng thể tạo được những áng văn hay, điều quan trọng là ngòi bút phải có lửa, mà cái đó chỉ có ở lớp người trẻ đang đi tới" (17) . Ông nghĩ gì về những tác giả trẻ nổi bật hiện nay như Đinh Linh, Andrew Pham, Lê Minh Hà...?

-Tiểu xảo đôi khi cũng tạo được những dòng chữ đẹp long lanh nhưng đã thực sự là những áng văn hay chịu được thử thách của thời gian đều có một nội dung mang tính nhân loại mà điều đó đòi hỏi tới *"Tâm và Thức"* của nhà văn. Với các tác giả trẻ tài năng như chị vừa nhắc ấy tôi hy vọng họ đủ dài hơi để có thể hoàn tất những tác phẩm lớn mà chúng ta đều mong đợi.

- Nhà văn Ngô Thế Vinh viết: "Tôi rất thích hội họa"(18). Ông có thể cho biết về họa sĩ và trường phái hội họa yêu thích nhất ?

- Hội họa như một cách nhìn khác về đời sống. Tôi có một người bạn "Tấm Cám" hơn 40 năm là một họa sĩ, chúng tôi rất khác nhau nhưng lại là đôi bạn thân. Tôi thích những bức tranh sơn dầu lớn của anh ấy, ngoài đường nét tạo hình tôi thích hơn là những khoảng trống trên các bức tranh với những tảng màu gây ấn tượng thật thanh thoát. *"Người nghệ sĩ đã tìm được một nét đúng trong tranh giữa hai nét sai ngoài đời ."* Chỉ tiếc là người họa sĩ tài hoa ấy không sáng tác nhiều. Đó là Nghiêu Đề, anh ấy đã không còn nữa.

- Xin ông cho biết ý kiến về giải Nobel 2000 Cao Hành Kiện và tác phẩm Linh Sơn (Soul Mountain) ?

- Trong 100 cuốn sách hay của thế kỷ 20, không nhất thiết là những cuốn có gắn nhãn hiệu giải Nobel văn chương từ Stockhlom. Tôi thú vị đọc một số trích đoạn hay của Linh Sơn, nhưng tác phẩm ấy đã không đem lại cho tôi những xúc động lớn.

- Theo nhà văn Ngô Thế Vinh, có gì khác biệt giữa một nhà văn nổi tiếng hành nghề y khoa và một bác sĩ với những tác phẩm đi vào văn học sử ?

- Văn chương làm phong phú nghề thuốc, ngược lại trong nghề thuốc "mỗi ngày tiếp xúc với bao nhiêu cái tôi không phải là tôi", cả hai có tác dụng hỗ tương. Trong tác phẩm *"Viết và Đọc Tiểu Thuyết"* của Nhất Linh, khi bàn về *chân thiện mỹ,* ông có nói tới nghệ thuật nấu bếp, có nghĩa là trong bất cứ lãnh vực nào người ta cũng có thể đưa công việc của mình tới trình độ của nghệ thuật và thời gian là sự đãi lọc nghiêm khắc và công bằng nhất.

- Nếu có quyền lực nào ngăn cấm không cho Ngô Thế Vinh viết nữa, ông sẽ phải làm sao ?

- Dùng quyền lực để ngăn cấm người cầm bút về lâu dài chỉ có tác dụng ngược lại. Nhưng "tự ngăn cấm" mình, biết lúc nào phải dừng lại cũng là một hình thái tự do của người cầm bút, không viết ra những dòng chữ không có nghĩa hay có nội dung chống lại chính mình. *"Nếu không ngăn chống thứ gì thì hoặc ít nhất không hỗ trợ cho thứ gì như góp thêm đất màu cho những tàn ác của cuộc đời"*. Đó là dòng chữ trong bức thư của một người bạn văn khi anh sắp bước vào tuổi 70, viết cho tôi sau lần gặp cuối năm 1965 trên Tây Nguyên mà tôi rất chia xẻ.

- Ông vừa thực hiện chuyến đi Lào. Nhà văn Ngô Thế Vinh có thể cho biết mục đích chuyến đi này hay không ? Và nhận xét của ông như thế nào về quốc gia này hiện nay ?

- Đó là một chuyến đi quan sát thực địa – hay đúng hơn để thấy tận mắt khúc trên của con sông Mekong trên thượng Lào không mấy xa những con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam. Sự suy thoái của con sông Mekong đã nhanh hơn tôi nghĩ. Thêm vào đó, một đất nước chỉ bằng 1/3 diện tích bang Texas, đang vội vã "Đổi Mới" với hơn 600 ngàn du khách / năm với dịch AIDS – HIV và thuốc phiện, thì cảm tưởng chung là sau chủ nghĩa xã hội Lào đang có nguy cơ trở thành tổn thất của chủ nghĩa tư bản.

- Theo ông trong một cuộc phỏng vấn, đối tượng là một nhà khoa học hoặc là tác giả có những tác phẩm chuyên nghiên cứu về những dữ kiện lịch sử. Có nên đặt câu hỏi về tình yêu, cuộc sống hạnh phúc gia đình hay không ? (vấn đề nhân bản của cuộc sống). Nếu có ông cho biết ý kiến về hai câu hỏi trên. Nếu không, tại sao?

- Y khoa đã là một nghề bận rộn, viết văn mà lại đam mê là một bận rộn thứ hai. Hai cái bận rộn ấy chiếm bao nhiêu thời gian của 24 giờ một ngày của đời sống, để có thể tiếp tục đi những chặng đường dài chắc cần sự cảm thông, hợp tác và cả phần nào hy sinh nữa của gia đình – mà điều ấy thì không phải lúc nào cũng có được.

LÊ QUỲNH MAI
Phân Khoa Truyền Thông Báo Chí
Université De Montréal thực hiện 04 - 01

Ghi Chú:

(1) Vòng Đai Xanh, tr 5
(2) Mặt Trận ở Sài Gòn, tr 80
(3) Cửu Long Cạn Dòng, tr 325
(4) Vòng Đai Xanh, tr 19
(5) Vòng Đai Xanh, tr 179
(6) Mặt Trận ở Sài Gòn, tr 32
(7) Cửu Long Cạn Dòng, tr 205
(8) Cửu Long Cạn Dòng, tr 304
(9) Cửu Long Cạn Dòng, tr 67
(10) Khởi Hành, Số 43, tr 7
(11) Cửu Long Cạn Dòng, tr 383
(12) Cửu Long Cạn Dòng, tr 562
(13) Hồi Ký III, trang 23 Văn Nghệ xb 1988
(14) Mặt Trận ở Sài Gòn, tr 152
(15) Mây Bão, tr 28
(16) Mây Bão, tr 58
(17) Vòng Đai Xanh, tr 133
(18) Mặt Trận ở Sài Gòn, tr 183



NK
KIM THI
ngày... tháng...

HOÀNG NGUYÊN NHUẬN
Giã biệt Lý Phật Tử hôm nay

Dương Văn Minh - Tổng Thống thứ tư và cũng là Tổng Thống cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, qua đời ngày 6.8.2001 tại Pasadena, California, Hoa Kỳ thọ 85 tuổi.

Trong số những kẻ đầu đàn trực tiếp có ân nghĩa và nợ nần với dân tộc và tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn lịch sử 1954-1975, giờ chỉ còn lại hai: Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Khánh. Bảo Đại, Ngô đình Diệm rồi Trần văn Hương một bên, Hồ chí Minh và Lê Duẫn một bên, kẻ trước người sau đều theo nhau vượt Sông Mê ghé quán Cháo Lú ... trước khi lên đường về cõi không tên.

Dương Văn Minh ít ra cũng đã hai lần công khai đi vào lịch sử chính trị Việt Nam. Năm 1963 như một phản thần thí quân. Năm 1975

như một Lý Phật Tử đầu hàng quân nhà Tùy năm 603 để "không cứu được nước thì cứu được dân" như chính Dương Văn Minh tâm sự.

Ngoài hai lần đó là những lần khác không quan trọng lắm. Như Đại Tá chỉ huy chiến dịch Hoàng Diệu đánh bật lực lượng Bình Xuyên khỏi ven đô chạy về Rừng Sát tháng 9.1955. Phụ tá của Dương Văn Minh trong chiến dịch này là Trung Tá Nguyễn Khánh, kẻ đã phế triệt ông 8 năm sau đó. Như Thiếu Tướng chỉ huy chiến dịch Nguyễn Huệ truy kích lực lượng Bình Xuyên tháng 1.1956 và bắt được Ba Cụt ngày 13.4. Như Thiếu Tướng chỉ huy chiến dịch Thoại Ngọc Hầu bình định lục tỉnh tháng 6.1956, kết thúc bằng vụ xử tử Ba Cụt tại Cần Thơ ngày 13.7.56. Dương Văn Minh là một Ngô Thì Nhiệm an định Bắc Hà cho Quang Trung, một Lê Văn Duyệt giữ yên Nam kỳ lục tỉnh cho nhà Nguyễn. Dương Văn Minh chính là trụ cột chống đở chính quyền non nớt của Ngô Đình Diệm thời khai quốc trước nạn sứ quân lục lâm Lương Sơn Bạc núp dưới chiêu bài giáo phái do Pháp và Bảo Đại đở đầu xúi dục. Nhờ công trạng đó mà đến tháng 8.56 Dương Văn Minh được cất nhắc lên chức Tổng Thư Ký Thường Trực Bộ Quốc Phòng tương đương với Tổng Tham Mưu Trưởng, kiêm chỉ huy Phân Khu Sài Gòn-Chợ Lớn tương đương với Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, kiêm Tư Lệnh chiến dịch Thoại Ngọc Hầu. Sau đó lên Trung Tướng và giữ chức Tư Lệnh Hành Quân Bộ Tổng Tham Mưu. Cho đến tháng 12.62 thì mất chức Tư Lệnh Hành Quân và chỉ còn hư danh Cố Vấn Quân Sự Phủ Tổng Thống. Tại sao Dương Văn Minh thất sủng như thế thì có lẽ chỉ có anh em Ngô Đình Diệm và Dương Văn Minh biết rõ thôi.

Năm 1963, phong trào Phật giáo bùng lên từ ngày Phật Đản 8.5, trong khi chính quyền đang chủ trương dẹp gấp dẹp gọn phong trào này thì ngày 14.6 cái gọi là hội đồng tướng lãnh họp kêu gọi hai bên đoàn kết, bình tĩnh, tránh hiểu lầm, đặt quyền lợi quốc gia lên trên hết, giải quyết trong tình huynh đệ. Là đàn anh của các tướng lãnh, hẳn Dương Văn Minh không thể không có ý kiến quyết định khuyến cáo đó. Khuyến cáo đó có thể coi là một cách dằn mặt Phật giáo, và cũng có thể là một cách dằn mặt chính quyền. Cách nào đúng thì hơn bốn tháng sau mọi người đều đã thấy rõ qua chính biến 1.11.

Không có chính biến 1.11 thì lịch sử của chung Miền Nam và của riêng Phật giáo Việt Nam hẳn đã có một vài trang đẫm máu ngoại hạng và Miền Nam có thể đã tạm thời trở thành một Phi Luật Tân về tôn giáo. Thật vậy, khi cuộc vận động tự do và bình đẳng tín ngưỡng của Phật giáo vượt ngoài vòng tiên liệu và kiểm soát của mình thì chính quyền đã thẳng tay phát động chiến dịch Nước Lũ đêm 20.8 hốt tất cả thành phần lãnh đạo Phật giáo vào tù. Dĩ nhiên, không phải cho những

người này nghỉ ngơi một thời gian rồi thả ra, để biểu tình tiếp hay ra để hưởng tất cả những quyền lợi nhân quyền, tự do hành đạo, tự do chính trị như các đồng bào công giáo!

Ai không theo ta là kẻ thù của ta. Nếu không có chính biến 1.11 do Dương Văn Minh cầm đầu thì số phận những người bị chế độ xem là kẻ thù sẽ như thế nào? Hỏi như vậy tức những người Phật tử cũng như những thành phần đối lập với chính quyền từ vụ Bình Xuyên Hòa Hảo, vụ Caravelle, vụ Phạm Phú Quốc - Nguyễn Văn Cử, vụ Nguyễn Chánh Thi ... đều phải nhớ ơn Dương Văn Minh và chính biến 1.11.1963.

Và không chỉ những người Phật tử biểu tình tranh đấu cám ơn Dương Văn Minh mà cả những người trung kiên với Ngô Đình Diệm cũng phải cám ơn Dương Văn Minh nữa. Những người này có thể trách Dương Văn Minh phản chủ khiến cho Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu bị thảm sát và có thể hận Dương Văn Minh đến độ quên không tự hỏi rằng, nếu trong và sau ngày 1.11.1963 mà Dương Văn Minh có dã tâm bật đèn xanh xúi dục hay nhắm mắt cho những phần tử cực đoan, các giáo phái đã bị truy bức chết lên chết xuống trước đây tìm cách trả thù "chế độ cũ" hay "Cần Lao ác ôn" thì chuyện gì sẽ xảy ra? Hoặc đặt câu hỏi ngược lại rằng nếu chính biến 1.11.1963 là do những người của Ngô Tổng Thống anh minh thực hiện thì chuyện gì sẽ xảy ra? Cứ xem những gì đã xảy ra ở Indonesia sau khi Sukarno bị hạ bệ, ở Campuchia sau khi Pol Pot vào Nam Vang, ở Yugoslavia sau khi cộng hòa này tan rã, ở Rwanda trước đây và Bắc Ireland hiện nay thì phải thấy đa số người dân Việt đáng tự hào là đã không để cho máu đổ vì những hận thù chính trị hay tôn giáo.

Có người không muốn nhìn cái chết của anh em Ngô Đình Diệm như hậu quả đương nhiên của trò chơi quyền lực vốn tàn độc bất nhân đã nhào vào chơi thì phải rán chịu, nên đã tìm cách đổ tội cho Dương Văn Minh và Kennedy về cái chết của anh em nhà Ngô. Nhưng trách Dương Văn Minh phản Ngô Đình Diệm thì làm sao tránh khỏi trách Ngô Đình Diệm phản Bảo Đại? Mặt khác, bảo rằng vì Kennedy chủ tâm giết Ngô Đình Diệm nên chẳng bao lâu sau Kennedy mới bị chết thảm. Nhưng nếu bảo Kennedy chết thảm vì quả báo sát hại anh em nhà Ngô thì ba anh em nhà Ngô chết thảm vì quả báo nào đây? Không lý những người bênh anh em nhà Ngô lại muốn thiên hạ nghĩ rằng theo luật quả báo mà nói thì họ chết cũng chẳng oan chút nào sao?

Kennedy có chủ tâm giết anh em nhà Ngô không thì không biết, nhưng Kennedy muốn phế bỏ nhà Ngô là chuyện thật. Tại sao? Câu trả lời có thể tìm thấy qua dòng tin ngắn Đoàn Thêm đã ghi lại trong quyển ***Hai Mươi Năm Qua 1945-1964*** tr.348 như sau: *"22.5.1963 - T.T*

Kennedy họp báo tuyên bố rất rành mạch và dứt khoát: Một: sẽ rút quân đội Mỹ khỏi VN bất cứ lúc nào nếu chính phủ VN yêu cầu. Một ngày sau khi có sự đòi hỏi đó, sẽ cho ngay một số quân về. Nhấn mạnh: đó là điều thứ nhất. Hai: Hy vọng rằng tình thế ở VN sẽ cho phép rút một số quân vào cuối năm nay, song e rằng cuộc tranh đấu còn gay go." Như vậy, theo Kennedy, đánh hay đàm, tiến hay rút thì Mỹ cũng cần Miền Nam ổn định, không hỗn loạn. Ngô Đình Diệm phải chịu trách nhiệm về thế nước lòng dân ổn định đó. Và trong lúc địch gia tăng quấy phá, tấn kích mà chính quyền Việt Nam lại đẩy gần 80% dân chúng vào thế đối kháng sống chết với chính quyền thì quả thực đó là một sai lầm không thể chấp nhận được. Bằng chiến dịch Nước Lũ 20.8.1963, chính quyền đã nói cho Hoa Kỳ biết là họ không cần thế nước lòng dân ổn định đó. Và họ có cách tái lập ổn định riêng của họ. Mỹ không chấp nhận điều đó và thế là Đệ Nhất Cộng Hòa bị dứt điểm. Kẻ được Mỹ nhờ đến là Dương Văn Minh. Dương Văn Minh đoán được ý Mỹ, không đòi Mỹ tiếp tay mà chỉ đòi Mỹ hứa là không phá bĩnh kế hoạch chính biến của phe mình thôi. Đó là quả quyết của Stanley Karnow, tác giả bộ sử đồ sộ ***Vietnam: A History***. Karnow đã có cơ hội trò chuyện với Dương Văn Minh cùng những người khác trong nhóm làm chính biến cũng như với đại diện của Tòa Đại Sứ Mỹ bên cạnh nhóm chính biến là Đại Tá Conein.

Kennedy và bộ tham mưu cần Dương Văn Minh để tái tạo một thế ổn định mới, có thể là để cho Mỹ an toàn ra đi. Kennedy chết đột ngột, dự tính đó cũng bị bỏ rơi. Những người thay thế Kennedy không cần nhóm Dương Văn Minh nữa. Cho nên Dương Văn Minh làm quốc trưởng được mấy tháng thì bị Nguyễn Khánh lật. Vì Tổng Thống Johnson cần một quốc trưởng Miền Nam dám vác cờ Bắc tiến trong khi Dương Văn Minh không muốn đánh mà cũng chưa dám đàm.

Năm 1963, Dương Văn Minh không được Kennedy và Lodge trọng dụng, nhưng năm 1975, đã được Nixon-Ford và Martin xài đúng chỗ khi họ cần một người vác cờ trắng đầu hàng cho Mỹ êm thấm rút đợt cuối cùng. Dương Văn Minh cố đẩy Trần Văn Hương xuống để dành lấy ngôi vị quốc trưởng vì thành thật tin mình có thể cứu vãn được Miền Nam, hay chỉ tự lừa mình, hay vì bị người lừa để tin như vậy? Hay vì cả ba lý do đó hợp đồng thúc đẩy? Chỉ có Dương Văn Minh biết rõ mà thôi. Chiều 28.4.1975, sau khi Dương Văn Minh tuyên thệ nhậm chức, một người bạn gặp anh Bùi Tường Huân lúc đó là Bộ Trưởng Quốc Phòng của Dương Văn Minh báo cho biết là bên kia - tức Cộng Hòa Lâm Thời Miền Nam Việt Nam, đã chịu thương thuyết. Tôi thưa lại rằng thương thuyết chi mà thương thuyết! điều gấp rút bây giờ

không phải là cứu Miền Nam hay Sài Gòn mà là cứu các anh đó. Cách tiện lợi để làm chuyện ấy là dụ Đại Sứ Martin đến Dinh Độc Lập rồi bắt lại luôn và nói cho Martin biết: Tôi chết thì anh cũng chết, anh thoát thì tôi cũng thoát! Đệ Thất Hạm Đội của Mỹ ngoài khơi đâu có chịu để cho Đại Sứ Martin lọt vào tay đối phương. Vì phát ngôn bừa bãi vậy nên Hoàng tôi đã phải nghe chửi thề rồi bị mắng cho là bao giờ cũng chỉ thích làm loạn!

Chuyển biến tư tưởng của Dương Văn Minh trong 72 giờ làm Tổng Thống hẳn phải là bão táp quay cuồng giữa tin và không tin thiên hạ, đánh và đàm, thương thuyết và đầu hàng, cầm cự và bỏ chạy ... Tội nghiệp! Như tâm trạng của người Miền Nam và riêng Sài Gòn trong những ngày cuối cùng đó. Nhưng bị người lừa hay tự lừa mình hay quyết định tỉnh táo mà sai lầm đến đâu chăng nữa thì Dương Văn Minh thực sự cũng đã có một quyết định đúng đắn mà cả dân tộc phải ghi ân đó là quyết định buông súng ngưng chiến. Một điều bi hài mà Dương Văn Minh không hề nghĩ đến đó là khi tuyên bố ngưng chiến, Dương Văn Minh không chỉ ký giấy khai tử Việt Nam Cộng Hòa mà còn vô tình khai tử luôn cả Cộng Hòa Lâm Thời Miền Nam Việt Nam! Việt Nam Cộng Hòa chết thì Cộng Hòa Lâm Thời Miền Nam Việt Nam cũng chết theo vì cả hai chỉ là những con chốt trên bàn cờ Mỹ-Bắc Việt.

Cho đến năm 1997, 25 năm sau ngày Việt Nam Cộng Hòa tiêu vong, Dương Văn Minh đã nói một sự thật ít người nào chịu chấp nhận đó là người Mỹ viện trợ cho Miền Nam chiến đấu chống cộng vô giới hạn về nhiều mặt, trừ ba thứ là gạo, xăng dầu và đạn. Viện trợ Mỹ về ba thứ này được dứt khoát giữ ở mức đạn chỉ đủ bắn 6 tháng, xăng dầu và gạo chỉ dùng được 3 tháng là cùng! Năm 1966, Miền Trung không dám ly khai cũng vì lý do này. Năm 1970, Tướng Nguyễn Văn Vỹ và chương trình Quỹ Tiết Kiệm Quân Đội bị giết chết từ trong trứng nước cũng chỉ vì muốn dùng số tiền tiết kiệm đó để tạo điều kiện cho quân đội VNCH khỏi bị những thúc bách hạn chế tiếp vận về gạo, đạn và xăng dầu đó. Điều này cũng giải thích tại sao Tướng Nguyễn Khoa Nam tự tử và kéo những người thân tín nhất của ông chết theo sau ngày 30.4.1975 sau khi thất bại trong dự tính biến miền Tây thành khu tự trị để đương cự với địch.

Có một điều mà Dương Văn Minh không nói và Hà Nội cũng không xác nhận đó là trong số xe bồn chở xăng dầu cung ứng cho chiến trường Sài Gòn có những chiếc không chở xăng dầu mà chở phọt-môn, chuẩn bị để tẩy uế Sài Gòn trường hợp Miền Nam không chịu buông súng và Bắc quân phải giải phóng Sài Gòn bằng pháo kích

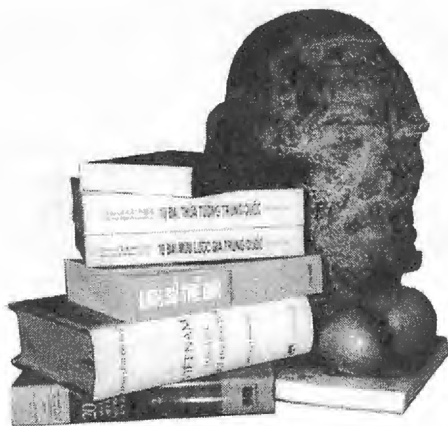
như Pol Pot đã làm ở Nam Vang! Về chuyện ác mộng pháo kích này thì mấy ai ở Sài Gòn mà không nhớ chuyện khôi hài ghi lại lời một ông lão hơi lẩm cẩm nhưng hay nói đã phát biểu sau ngày 30.4. Trong một buổi mít-tinh, ông cụ đã dơ tay xin phát biểu rằng: "Tui cám ơn cách mạng đã về giải phóng chúng tôi nhanh chóng, cách mạng mà vào chậm chút nữa thì "dziệt cộng" nó pháo kích như ở Nam Vang chắc chúng tôi chết hết rồi!" Thiên hạ cười quá trời khiến ông lão tỉnh người lại và hoảng hốt xua tay phân bua: "Thôi! Thôi! Tui không dám dài dòng nữa đâu. Già cả lẩm cẩm, tui nói bậy cách mạng giết tui chết mất! Xin cách mạng tha tui!"

Dương Văn Minh ra lệnh buông súng là đúng. Bởi ông không thể làm gì khác hơn nếu không muốn thịt rơi máu chảy hơn nữa. Người Sài Gòn và người Miền Nam phải nhớ ơn ông, cám ơn cái sai lầm của ông, nếu có, khi ông đoạt lấy chiếc ghế Tổng Thống. Đó cũng là sai lầm của Lý Phật Tử đầu hàng quân Tàu ngày xưa để tránh cho dân khỏi bị khổ đau chết chóc thêm nữa vì một cuộc chiến vô vọng. Miền Nam có đau khổ hay không dưới nền cai trị mới của kẻ chiến thắng, đó là chuyện khác. Và nỗi đau khổ dưới chế độ mới này cũng vô ích như nỗi khổ kéo dài cuộc chiến mà Dương Văn Minh đã cố tránh, và tránh được. Vô ích vì nỗi khổ này chỉ bắt nguồn từ ảo tưởng và cuồng vọng. Dương Văn Minh đã đánh bại kẻ chiến thắng về điểm này, không phải bằng nộ khí anh hùng mà bằng độ lượng từ tâm. Dương Văn Minh không có ảo tưởng chiến thắng hay thủ hòa bằng quân sự như Lê Duẫn có ảo tưởng triệt để "cãi tạo Miền Nam để tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên XHCN". Bao nhiêu trại học tập cãi tạo là bấy nhiêu chứng tích của ảo tưởng này. Cái ảo tưởng không làm cho Sài Gòn tắm máu, nhưng làm cho Miền Nam tắm nước mắt và mồ hôi vô lối.

Mà thôi! Đó là chuyện để cho Lê Duẫn đôi co với Hồ Chí Minh và Dương Văn Minh dưới Suối Vàng nếu quả thật đã vượt Sông Mê, đã ăn cháo lú mà họ vẫn còn nhớ chuyện trần gian. Tự nhận thất bại đôi khi còn có ích cho đời hơn là tự cho mình thành công. Những người Việt còn sống có lẽ chỉ nên suy gẫm bài học Dương Văn Minh để vừa buồn là đã phải làm người Việt Nam, vừa tự hào là đã làm người Việt Nam. Tương lai Việt Nam tùy thuộc phần lớn vào nỗi muộn phiền và lòng tự hào đó.

Xin vĩnh biệt Dương Văn Minh, xin vọng bái Lý Phật Tử của Việt Nam thế kỷ 20.

HOÀNG NGUYÊN NHUẬN
Phong Trang 10.8.2001





NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU
giới thiệu sách mới

TUYỂN TẬP, Võ Phiến. Nhà xuất bản Văn Mới. Giá 25MK. Dày ngót 800 trang.

Nhà xuất bản cho biết: "Trong tuyển tập này các tác phẩm của Võ Phiến tạm xếp vào năm phần. Truyện ngắn, Tùy bút, Thơ, Tạp luận, Phê bình."

"Như vậy chưa đủ (...) Nhưng (...) những loại trước tác dài - như Khảo luận, Tiểu luận, Chuyên luận (monograph) chẳng hạn - khó lòng trích tuyển đôi đoạn mà có thể biểu hiện tinh thần toàn tác phẩm."

Cho nên, để giữ được càng nhiều càng tốt tính khách quan trong tuyển chọn, nhà xuất bản đã dựa trên "ý kiến của tác giả được đón nhận trực tiếp; ý kiến người đọc căn cứ vào số lượng tiêu thụ trên thị trường và vào những phát biểu thành văn trên sách báo."

Tên tuổi, văn nghiệp của Võ Phiến thế nào, hẳn độc giả thừa hiểu, giới thiệu thêm cũng bằng thừa. Chỉ xin lưu ý: Tuyển Tập này là một chọn lọc tốt. Độc giả nào đã có toàn bộ sách Võ Phiến, nên có

thêm để làm sưu tập. Vị nào chỉ đọcVõ Phiến rải rác, thì tác phẩm là một loại "Chỉ Nam", giúp chúng ta đi vào văn nghiệp Võ Phiền một cách cụ thể và chọn lọc.

XIN CẢM ƠN THÀNH PHỐ CÓ ANH, Thảo Chi Bùi Mỹ Hoa. Thơ và ảnh. Cần Thơ xuất bản 2001. Giá 15MK. Ngoài Mỹ 20MK. Liên lạc: Bùi Mỹ Hoa, 2723 Mekee road, San Jose, CA 7152.

Tập thơ & ảnh thứ ba, sau Nhẹ Bước vào Thơ (1999); Hoa Ô Môi (2000).

HÀNH TRANG VÀO ĐỜI 1 (những kiến thức căn bản - 1999), 17MK ; **HÀNH TRANG VÀO ĐỜI 2** (Hạnh phúc lứa đôi- 2001), 20MK, Lê Phương Thúy MD (chuyên khoa tâm thần).

Tập hợp những bài viết của tác giả khi phụ trách các chương trìng "Hành trang vào đời"; "Sống An vui"; "Hạnh phúc gia đình" trên hệ thống truyền thanh địa phương thuộc thành phố San Jose.

SĨ PHÚ, Biết bao Giờ Nguôi, Hồi ký của Ngọc Lan. Giá 30MK.

Tại các nước phương tây, tình nhân hay vợ của các nhân vật nổi tiếng viết hồi ký để ghi lại chuyện đời của chồng, của người yêu, là chuyện bình thường. Với người Việt chúng ta, công việc này tương đối hiếm.

Ngọc Lan, người vợ sau cùng của nam danh ca Sĩ Phú, đã thực hiện công việc hiếm hoi này, qua 600 trang hồi ký.

Chưa vội bàn đến nội dung, chỉ duy niềm thương yêu và ngưỡng mộ mà tác giả đã dành trọn vẹn cho chồng, thiết nghĩ, cũng đã là một tấm chân tình quí hiếm.

TRỊNH CÔNG SƠN, MỘT NGƯỜI THƠ CA, MỘT CÕI ĐI VỀ, Nguyễn Trọng Tạo, Nguyễn Thụy Kha, Đoàn Tử Huyến sưu tầm & biên soạn. Giá 63.000đồng VN.

Cuốn sách ra đời sau ngày nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từ trần không lâu. Đây là một cố gắng lớn của ba tác giả Nguyễn Thụy Kha, Nguyễn Trọng Tạo và Đoàn Tử Huyến.

Sách chia làm 4 phần, với rất nhiều tác giả thuộc nhiều thế hệ viết về Trịnh Công Sơn:

1. Một người thơ ca.
2. Phác thảo chân dung tôi (văn xuôi Trịnh Công Sơn).
3. Biết đâu người cội (63 ca từ TCS).
4. Một cõi đi về.

Tuy chưa phải là công trình nghiên cứu có hệ thống về người nhạc sĩ tài hoa này, tác phẩm cũng là một đóng góp hữu ích và cần thiết, khả dĩ có thể dùng làm nền cho những biên soạn công phu hơn sau này.

TÙY BÚT, TẠP BÚT, THẦN THOẠI HY LẠP, Bùi Giáng. Mưa Nguồn xuất bản. Giá 10MK.

Theo nhà xuất bản thì "những gì Bùi Giáng viết trong tập sách này, lúc ông chưa thực sự chịu ảnh hưởng các trào lưu tư tưởng Âu Mỹ và nhất là lúc cuộc chiến tranh VN chưa đến hồi đứt hơi, chúng tôi thấy quả có hồn nhiên, chân chất, và thật sự gần gũi với tuổi thơ của chúng tôi nhiều hơn. Để đánh dấu một giai đoạn sáng tác của nhà thơ và để kỷ niệm cái thuở *"náo nức của một thời trẻ dại"*, chúng tôi chọn in trong tập này các bài:

- Tùy bút
- Tạp bút
- Thần thoại Hy Lạp (Trong các trang sau, chính tác giả sẽ trình bày lý do tồn tại của những câu chuyện đời xưa này do ông dịch và kể lại một cách rất sau xưa)

Phụ Lục: thơ dịch (Được dịch trong thời gian ông *"bôn ba băng rú rậm rùng mình"* với bầy dê rất tinh quái của ông)."

CHUYỆN KỂ NĂM 2000, tiểu thuyết Bùi Ngọc Tấn. Thời Mới tái bản lần thứ 3. Giá 20MK.

Đây là một trong số vài tác phẩm đã được độc giả chiếu cố mạnh mẽ nhất trong suốt 26 năm qua ở hải ngoại. Với tình trạng trì trệ của ngành xuất bản hiện nay, sự kiện một nhà xuất bản dám in lại một tác phẩm đến lần thứ ba, là một chứng minh hùng hồn cho điều chúng tôi vừa trình bày.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Mời văn hữu, độc giả đóng góp bài vở cho

HỢP LƯU XUÂN NHÂM NGỌ

Thời hạn cuối nhận bài: Ngày 10 tháng 11 năm 2001



DƯƠNG THU HƯƠNG

chốn vắng

Truyện dài

(Khởi đăng từ HL 48 - Kỳ 4)

Có tiếng gõ cửa, sau đó là tiếng gọi của cô gái:

- Anh ơi, anh tắm xong chưa?

Cái tiếng gọi đó khiến anh nổi cơn điên. Anh quát:

- Ai? Hỏi gì?...

Sau đó xối nước ào ào như để khỏa lấp cơn giận dữ. Khi anh ngừng tay, tiếng nói kia lại cất lên và lần này giọng nói rắn đanh lại, đầy vẻ thách thức:

- Anh tắm mau lên mà ra phòng khách. Ba mẹ anh đang chờ anh ở đó. Để phòng tắm cho người khác nữa chứ... Không ngủ ở trong ấy được đâu...

Hoan sững người.

... A, con bé này ghê gớm thật. Chính nó đã tham gia sắp đặt tấn tuồng chứ không riêng mụ Kim Lan. Kinh khủng, mới mười lăm tuổi mặt non choẹt mà đã biết lọc lừa. Vậy nàng Xi-ren đêm qua đã

hiện hình thành con hồ ly thứ thiệt...

Chàng trai nghĩ và bắt đầu căm ghét cái người đàn bà mười lăm tuổi. Trong trí nhớ của anh lần lượt diễu qua những gương mặt khả ái, những cô bạn đồng học, các cô bé lớp dưới, đám bạn gái cùng phố...

... Khốn nạn cho ta, đứa con gái xấu xí nhất trong đám bạn gái cũng còn xinh xắn hơn con bé lăng loàn này. Thêm nữa, tính tình nó cũng xảo trá, cũng trơ trẽn như người mẹ...

Hoan mặc quần áo, đẩy cửa phòng tắm bước ra. Cô Kim Liên lập tức bước vào, không ai chào ai. Bộ mặt vênh váo của cô ta đầy thách thức:

... Muốn hay không anh cũng phải cưới tôi, anh có chạy đằng trời...

Anh đưa mắt liếc nhìn cái gương mặt choắt cheo, chiếc cằm nhỏ chẻ đôi, môi mỏng và hai hàng lông mày chạy xiên xẹo kẻ những đường chì quá đậm... Ấy là gương mặt của định mệnh. Ấy là lưỡi gươm đã cắm sâu vào trái tim thù hận của anh. Gương mặt ấy đã ám ảnh anh suốt chín năm trường, ba ngàn hai trăm tám mươi lăm ngày, từ khoảnh khắc họ gặp nhau trên ngưỡng cửa phòng tắm, số phận đã kết trói họ trong một cuộc cộng sinh mà mỗi ngày thù hận kết thêm những gút dây cho đến nỗi ngay cả sau khi ly hôn, những gút mắt đó vẫn kêu gọi cuộc trả thù...

Tuổi trẻ của anh, ước mộng của anh đã bị tước đoạt một cách oan uổng do cuộc hôn nhân ấy, và vì thế anh không thể thủ tiêu gã sát nhân thường trực trú ngụ trong anh... Chỉ mãi sau ngày gặp Miên, tình yêu mới xóa mờ những mối thù hận cũ. Hoan đã ngỡ có thể chia tay hoàn toàn với quá khứ đau buồn, với nỗi bất hạnh. Anh những tưởng hạnh phúc của anh sẽ mãi mãi bền chặt vì nó được xây cất trên nền móng của nghiệm sinh, của tình yêu thuần khiết và của những khổ đau anh đã trả. Vào lúc anh ngỡ không còn hiểm họa nào đe dọa con thuyền hạnh phúc của mình, bão giông ập tới... Đường đột hơn cả cơn mưa rào sáu năm về trước. Mà anh, anh không còn là chàng trai hai mươi tuổi... Anh thấy lòng nao núng:

... Miên ơi, em nghĩ gì lúc này?... Em tính sao đây?... Em sẽ không bỏ anh mà đi chứ?

Một đoàn ô tô nữa từ phía sau vọt lên, phả bụi mù mịt. Hoan chợt nhận ra anh vừa rên rỉ thành lời. Anh vội dừng xe lại, khạc miếng đờm đầy bụi, rút khăn mù xoa lau hai lỗ mũi đen xì rồi lại chụp mũ bảo hiểm lên đầu. Từ đây về Xóm Núi chỉ còn mươi cây số. Mười lăm phút nữa anh sẽ có mặt ở nhà. Vợ anh ở đó, con trai anh ở

đó, cuộc sống thật sự của anh ở đó... Và mọi chuyện sẽ tính sau.

Dẫu đã tự trấn an như vậy, nhưng khi về tới Xóm Núi, Hoan vẫn không nhìn thấy đám láng giềng đứng bên đường chào hỏi, cũng chẳng kịp đám lễ những người đi ngược đường cho tử tế. Anh phóng thẳng xe qua cổng, vừa phóng xe vừa dùng chân đạp cho cánh cổng mở rộng hẳn ra rồi lao thẳng tới trước thềm.

... Miên ngồi kia, con trai ta ngồi kia... Tất cả đều nguyên vẹn...

Anh nghĩ vậy rồi cứ ngồi trên chiếc xe còn xình xịch nổ máy nhìn vào nhà. Miên đang chơi với con. Chị quay lại:

... Gương mặt em đó, hồng hào như mọi ngày, đôi mắt em đó, đôi mắt của mọi ngày...

Anh tắt máy, bước xuống xe. Thong thả, cởi chiếc mũ bảo hiểm treo vào tay và bước lên bậc tam cấp. Vợ anh đứng sững nhìn anh, không cười như mọi bận, cũng không hỏi anh một câu vu vơ như mọi bận.

- Sao anh đi lâu thế?...

- Sao anh chẳng nhắn nhe gì?...

- Sao anh không chờ tạnh mưa hãy về... Ướt hết rồi còn đâu...

Đại loại những câu hỏi chỉ để hỏi, tựu trung chúng chỉ hàm che giấu nỗi vui mừng nhằm lại dịu nhớ nhung và khỏa lấp niềm mong chờ ân ái...

Miên không hỏi những câu vu vơ nữa, không lặp lại cái điệp khúc giản dị của hạnh phúc, không bước những bước hấp tấp lại đón anh để bộ quần áo lụa tạt về sau làm nổi khuôn lên cái thân hình óng ả mà anh quen thuộc và đắm say từng ly tấc. Vợ anh đặt lên bàn chiếc bát rồi buông sõng hai tay chăm chăm nhìn anh. Đôi mắt đen của chị hút về anh run rẩy, đói khát, đau đớn. Ánh mắt ấy là con thú hoang uống lần cuối dòng suối trước khi bước vào sa mạc, là kẻ mót lượm vơ vét mảnh ruộng sau chót trước lúc sang đông, là kẻ tử tù thụ hưởng bữa cơm đặc ân trước giờ hành quyết.

Hoan tiến thêm mấy bước nữa về phía vợ. Chị cũng bước lại để ngã vào ngực anh. Họ ôm nhau. Và cùng khóc.

***

Đêm yên bình quá.

Yên bình đến tiếng giun dế nỉ non, tiếng kêu thảng thốt và tiếng hót mơ dại của các loài chim đêm cũng chỉ làm tăng thêm vẻ yên bình đó. Im lặng tan chảy trên những phiến lá cam bạc trắng, những ngọn cau, những đóa mẫu đơn đọng đầy sương, những bụi cỏ leo dưới chân tường. Gió như chẳng còn là gió mà chỉ là tiếng thở dài trộm lén của kẻ nghi kị và sợ hãi tất thảy nhân gian đành ngấu

nghiến nỗi buồn của chính mình. Càng về khuya trăng càng sáng. Nhưng chẳng phải ánh vàng lộng lẫy mà là thứ ánh bạc trộn cùng các tia lửa dạ quang. Trăng mênh mông trùm phủ núi rừng, thôn xóm, các giải đồi hoang, các nương rẫy, tất thảy các đường nét hình khối hòa trộn thành một miền mờ ảo, một đại dương giao hòa bóng tối, ánh trăng, lửa lân tinh thoi thóp ven rừng, những giải sương trắng đục kéo từ vực sâu qua thung lũng. Đại dương ấy phân cắt với bầu trời bởi một đường viền đen thẫm phía tây, ấy là giải Trường Sơn. Phía sau rặng núi, trời đêm ánh lên màu lá mạ.

- Nhà nhà đã tắt đèn.

Hoan lên tiếng.

- Chỉ nhà mình có thói quen để đèn đêm.

Miên đáp.

Rồi họ lại yên lặng.

Đây là lần đầu hai người cùng trèo lên sân thượng, cùng ngắm nhìn khung cảnh xung quanh. Khung cảnh quen thuộc mà chưa lúc nào họ có thời gian để mắt tới. Ngôi nhà Hoan xây theo kiểu cổ, tường cao, cột cao, lợp ngói dày không có gác. Nhưng khi xây khu nhà kho, nhà bếp và nhà tắm, anh cho đổ một sân thượng rộng trên năm chục thước vuông để Miên lấy chỗ phơi quần áo và buổi tối ngồi uống trà. Sân thượng có lan can bao quanh, đứa con trai họ tha hồ nhảy nhót. Trên sân có đặt sẵn đôi tràng kỉ và chiếc bàn nhỏ, thường khi, cơm chiều xong hàng xóm đến uống trà hoặc đánh cờ. Thêm nữa, họ có thể mở đài nghe tin tức thế giới, tán gẫu và phóng tầm mắt đến tận chân trời. Vào giờ những người đàn ông tụ họp, Miên bận tắm rửa cho con hoặc thu vén cửa nhà, bởi thế, trừ những lúc phải trèo lên sân thượng để phơi quần áo, chưa bao giờ Miên đặt chân lên đây vào buổi tối. Đêm nay bất chợt Hoan bảo:

- Trăng sáng quá, mình lên sân thượng đi em.

- Dạ.

Chị gật đầu tức khắc nhưng chưa hiểu anh muốn gì. Khi Hoan đưa tay dắt chị lên cầu thang, Miên bỗng tràn đầy hối tiếc:

... Mình sắp phải xa ngôi nhà này, mà chưa biết ban đêm khung cảnh ra sao... Cũng như buổi tối Bôn về đây, mình mới để mắt tới vườn cam sau nhà... Cái gì ta bắt đầu nhận biết, là ta sắp mất...

Ý nghĩ ấy khiến chị hụt hẫng, và chị ngả đầu vào vai chồng. Hoan ôm vợ. Tấm thân cao lớn của anh là bức thành che chắn cho chị. Vòng tay anh quàng qua lưng chị, cử chỉ quá đổi thân thuộc khiến cho chị muốn khóc. Anh đã ôm chị như thế vào những ngày họ mới yêu nhau, vào lúc chị bị ngất xỉu trong thời kì ốm nghén, vào ngày

chị tới trạm hộ sinh, vào một tối ba mươi tết lúc chị bưng nồi chè lên nhà dẫm phải vỏ cam suýt ngã, vào một lần... chị bước từ buồng tắm ra anh đã ôm thốc chị trở lại để bắt chị tắm cùng anh lượt nữa trong gian phòng tắm nghi ngút hơi nước, Hoan cười như nắc nẻ và bên ngoài, trời rét tái tê... Còn bao nhiêu lần như thế nữa?... Hoan đã ôm chị bất cứ lúc nào anh có thể, những kỉ niệm ấy không thể đếm xuể trong quãng thời gian họ chung sống và lẽ ra nó có thể kéo dài tới lúc hai người cùng đầu bạc răng long...

- Em có lạnh không?

- Không.

- Em làm sao vậy?

- Không.

- Nước mắt em ướt nhòe áo anh.

- Không.

- Mù-xoa đâu, đưa anh lau cho.

Một con chim lợn bỗng buông tiếng kêu đầu ngõ. Tiếng kêu vãi trong không gian một thứ âm thanh cục cằn, u ám. Miên ôm riết lấy chồng:

- Người ta bảo chim lợn kêu là sắp có người chết.

- Vậy thì dân sống ven rừng sẽ chết quanh năm... Em đừng tin điều đó.

Hoan ngừng lại một khoảnh khắc rồi tiếp:

- Nhưng đêm nay tiếng chim lợn rơi đúng ngõ nhà mình... Có thể lần này nó báo đúng.

- Anh muốn nói ai?

- Không phải em, không phải anh, càng không phải con trai chúng ta... Đó là hạnh phúc của chúng ta... Nó cũng như con người, có số kiếp, có sinh và có tử.

Anh thở dài, đoạn ghì xiết Miên trong vòng tay khiến chị gần như nghẹt thở:

- Miên, không thể nào khác được sao?

-....

- Anh chẳng biết anh sẽ sống thế nào khi không có em.

- Bất cứ cô gái trẻ nào cũng mơ ước lấy được anh, Hoan ạ...

- Như bất cứ người đàn ông nào cũng cầu trời khấn Phật nếu lấy được em... Nhưng nói tới chuyện ấy làm gì?...

- Anh bảo em nói gì bây giờ?...

Hoan im lặng. Và Miên tiếp:

- Anh ngỡ em sung sướng lắm ư?...

Chị cao giọng đay lại anh và bắt đầu nghẹn. Hoan cúi xuống,

mùi hương nhu lẫn mùi tóc Miên xộc vào mũi anh, như mùi hương anh đã hít thở từ ngàn kiếp trước đến tận bây giờ, lại như một ảo ảnh thắm tươi sắp tan theo gió... Anh bỗng nhớ điên cuồng mùi hương đó, tựa hồ anh đã đánh mất nó từ lâu vừa tìm lại được và rồi sắp sửa phải rời xa trong khoảnh khắc. Anh cúi thấp hơn nữa vì anh cao hơn Miên một cái đầu, rồi ngồi xuống tràng kỉ anh đặt vợ lên đùi hôn mái tóc chị ngấu nghiến. Tóc Miên đen lánh, mượt như tơ, dài quá khoeo chân. Hồi con gái, tóc Miên dài qua gót chân hơn gang tay mỗi bận gội đầu phải đứng lên ghế chải. Sau khi lấy chồng, dì Huyên bắt cắt bớt vài gang:

- Hết thời bẻ gãy sừng trâu rồi con ạ. Hớt bớt đi kẻo ăn được ba hột cơm nó nuôi tóc hết, chẳng còn gì nuôi da nuôi thịt.

Miên đã kể chuyện đó với anh với giọng tiếc nuối. Còn anh, anh cười và bảo vợ:

- Chuyện đã qua đừng nhớ cho thêm phiền... Nhưng giờ đây tóc em cũng vô địch toàn cầu rồi... Anh chưa từng thấy ai có mái tóc đẹp hơn.

Đã nhiều lần anh tự tay chải tóc, búi tóc cho chị. Anh thích thọc tay vào giữa suối tóc dày mát rượi ấy để cảm giác êm dịu thấm vào da thịt, thấu tới tận tâm hồn... Giờ anh sắp phải lìa xa mái tóc ấy, mùi hương ấy... Hoan lùa mấy ngón tay vào búi tóc Miên trong lúc bên tai anh vang lên tiếng thầm thì:

... Lần cuối rồi, lần cuối cùng rồi đấy...

Hoan gỡ nút tóc, và cả mái tóc nặng trĩu của Miên xổ ra, đầy xòa lòng tay anh, trùm lên vai chị rồi chảy tràn xuống sàn gạch. Anh úp mặt vào tóc vợ, như muốn ghi nhận một cách rõ rệt từng sợi tóc tơ mềm, trơn láng và mát như thạch. Hoa bưởi lẫn hương nhu hòa trộn, tỏa mùi hương nồng nàn xa vắng, tựa như mùi hương đó cũng là loài bướm sắp vỗ cánh bay đi:

- Miên... Em là của anh...

Anh buột miệng rên rỉ, không kịp cắn lời. Nỗi nuối tiếc lồng lộn trong tim anh, như con ngựa cuồng muốn day đứt hàm thiếc. Có cái gì đó giống như nỗi oan ức, như sự bất công khiến tim anh đau thắt từng cơn. Những cơn đau nối tiếp nhau, cơn này chưa nguôi cơn kia đã tới. Hoan ghì riết vợ, rúc mặt vào mái tóc êm mượt của chị, hôn chi chít lên cần cổ và món tóc tơ sau gáy, càng yêu mê mùi hương thân thuộc từ mái tóc và da thịt người đàn bà càng bốc lên như men rượu khiến nỗi khát khao lẫn đau đớn một lần dập dồn cấu xé.

- Miên ơi i i...

Anh đã cắn chặt hai hàm răng nhưng tiếng rên vẫn cứ bật ra.

Anh thấy anh sắp sửa mất tự chủ. Có lẽ anh sắp gào rống lên, sắp đập nát một vật nào đó, hoặc lay đổ cánh cổng hoặc nhổ bật một gốc cam... Có lẽ anh sẽ tìm thứ vũ khí nào thích hợp để bổ đôi bầu trời bình yên kia, để đốt cháy bóng đêm tĩnh lặng kia, tất thảy đồi núi nương rẫy vườn tược thôn xóm, tất thảy cái không gian âm hiểm cái trật tự gian manh ngự trị cõi đất, cái luật tắc vĩnh định an nhiên... Toàn thể cái sức mạnh sắp sửa nghiền nát hạnh phúc của anh, tàn phá cuộc đời anh.

... Miên, em là người đàn bà của anh, vợ anh, người yêu anh và người anh yêu. Em là mẹ của con trai anh... Vì những điều đó chúng ta không thể lìa xa nhau một cách vô lý như thế này...

Trái tim đau đớn của anh gào thét, nhưng chẳng ai đáp lời. Người đàn bà anh đang áp gương mặt đầm đìa nước mắt vào mặt anh, những ngón tay run rẩy của chị luồn trong tóc anh, không ngớt rên rỉ gọi tên anh...

Khuya hơn, trăng dịu đi trong như lọc. Những đường vân trên mặt nguyệt rối ren như nét bút của một chàng đệ tử lưu linh phóng bút lúc đang say. Trong khoảng mênh mông chợt có tiếng hoẵng kêu vọng tới. Tiếng hoẵng nghe rõ mồn một. Tiếng kêu đơn lẻ, bơ vơ, khao khát như tiếng của kẻ mồ côi lang thang về già vẫn hành hương tìm xuất xứ. Có lẽ đó là tiếng kêu của một con vật bị thương hoặc bị bạn tình ruồng rẫy. Âm thanh da diết, vọng qua các giải đồi hoang, các nương rẫy tới Xóm Núi đánh thức cặp vợ chồng. Họ nằm im nghe tiếng hoẵng, tay trong tay, tóc vùi trong tóc. Rồi tiếng hoẵng tắt đi, còn lại thứ im lặng điệp trùng ngự trị. Để lay động cái im lặng đầy uy lực ấy, chỉ những giọt sương thi thoảng rơi lộp bộp trên tàu chuối.

- Em có lạnh không?

- Không.

- Quá nửa đêm rồi.

- Dạ.

- Trời bắt đầu lạnh, nhưng tóc em quá dày nên không thấy. Tóc người cũng ấm thật, chẳng thua kém một tấm chăn. Miên, em biết rằng anh yêu em.

- Em biết.

- Anh yêu em hơn tất cả những gì anh đã từng yêu trên đời.

- Em cũng vậy.

- Mình đành xa nhau thật hay sao?

Chị lặng im.

Anh mò mẫm gài những chiếc cúc áo cho vợ. Tay anh đụng vào bộ ngực tròn đầy của chị và cảm giác ấy lại đánh thức niềm ham

muốn trong anh. Hoan nhớ cặp vú của Miên thật tròn, trắng hồng với những núm vú nhỏ. Màu da thịt chị rực như ngọc trai trong những đêm ân ái. Màu sắc ấy đã vĩnh định trong trí nhớ của anh. Giờ đây, chúng khiến anh háo hức. Hoan choàng dậy, lần lượt mở những chiếc nút áo anh vừa gài. Anh muốn nhìn vợ dưới ánh trăng. Những năm tháng qua anh đã nhìn khuôn ngực này dưới ánh lửa nến hoặc đèn dầu. Giờ anh muốn thấy nó dưới trăng.

Khi Hoan mở chiếc khuy cuối cùng, dém gọn mớ tóc Miên sang một bên khuôn ngực người đàn lồ lộ như tạc bằng đá trắng. Màu trắng cao sang lạ lùng khiến anh thấy chị biến đổi, dường như chị là nữ thần núi hạ thế cùng anh kết duyên chồng vợ và giờ đây thời hạn đã hết, chị sắp giã biệt anh để quay về chốn núi thẳm rừng sâu... Miên thấy anh ngơ ngẩn giờ lâu, đưa bàn tay lên rờ cằm anh:

- Anh làm sao thế?

- Không.

- Cài nút áo cho em.

- Đừng.

- Anh phải giữ sức chứ...

- Giữ sức?... Em muốn anh giữ sức?... Nhưng để làm gì và để cho ai?...

Miên giơ tay ôm đầu anh như chị vẫn thường ôm đầu cu Hạnh, rồi chị vuốt ve cằm anh, hai má anh, món tóc trước trán anh cùng với cử chỉ thường vuốt ve đứa con trai:

- Hoan ơi, anh còn trẻ và anh sẽ phải xây đắp cuộc sống mới. Anh là người đàn ông, trụ cột gia đình phải lo chèo chống với đời. Và rồi, anh sẽ còn có những đứa con khác...

- Sao em lo cho anh nhiều quá vậy. Anh chẳng cần thứ lòng tốt đó.

- Em lo cho anh vì yêu anh... Bề nào chúng ta cũng chẳng thể sống với nhau.

- Đó là do em quyết định.

- Anh lại dày vò em... Vậy bây giờ anh quyết định đi, và em sẽ hoàn toàn vâng phục...

Hoan im lặng.

Vợ anh cao giọng nhắc lại:

- Anh quyết định đi.

Hoan không dám đáp lời. Miên nhắc lại lần thứ ba với giọng run rẩy như chực òa khóc:

- Nào anh quyết định đi và em sẽ làm theo ý muốn của anh...

Người chồng gục đầu vào ngực vợ và chính anh òa khóc trước.

Anh biết rằng vợ anh có lý, rằng anh không thể tiếp tục sống với chị khi người chồng cũ quay về...

Hoan đã từng đăng lính vào thời gian tất cả trai tráng đều phải ra trận mạc và việc trở thành quân nhân là cách duy nhất để chứng tỏ phẩm giá con người. Ban tuyển quân từ chối anh bởi anh có khuyết tật bẩm sinh: gan bàn chân anh quá dầy không có khoảng lõm nên không thể đi bộ và chạy nhanh như những người bình thường khác.

Hoan biết rằng nếu anh đi lính, anh cũng có cơ trở thành thứ người bị rủi ro thu nhặt, bị xóa tên trên sổ sinh ghi vào sổ tử bị lưu lạc sống vất vưởng nơi góc rừng xó núi như loài thú hoang và ngày nào đó quay trở lại quê hương với chiếc ba lô rúm ró rách nát như một kẻ ăn mày... Vì những điều ấy, chính lương tâm anh cũng không cho phép anh giành giật Miên, một khi người chồng cũ quay về và ở trong tình thế kẻ thất cơ lỡ vận. Vả chăng, ngoài vị quan tòa nghiệt ngã của lương tâm, sẽ còn biết bao pháp quan khác trên cõi đời, những kẻ nghiễm nhiên được quyền phán xử họ... Nhưng dù lý trí anh đã thấu hiểu, con tim cay đắng của anh vẫn khắc khoải, ấm ức và anh vẫn cảm thấy cuộc chia ly này quá tàn nhẫn đối với anh không sao chịu nổi...

Gà gáy canh đầu. Vầng trăng giật mình nhợt mặt đi. Sương rụng lộp bộp trên các tàu chuối. Người đàn bà lấy khăn lau nước mắt cho chồng:

- Xuống nhà đi anh... Em sợ con thức dậy.

Chị đứng lên, kéo tay anh. Họ xuống cầu thang và lần này Miên dắt tay người chồng vạm vỡ như dắt đứa con trai của chị trên khúc đường dốc. Cu Hạnh vẫn ngủ say, ngọn đèn vẫn cháy nơi góc phòng trên chiếc kỉ cao chân. Bất giác cả hai người cùng đưa mắt nhìn đứa con đến những thứ đồ vật: Chiếc tủ đứng hai buồng có gương soi. Chiếc tủ nằm ba buồng đựng quần áo với giấy tờ quan trọng cùng tiền bạc. Đồ nữ trang của Miên cũng cất trong đó. Hộp đựng lược và các thứ kẹp tóc bằng sơn mài đặt phía trên. Sát đó bình hoa thủy tiên đặt trên kỉ đối diện với chiếc kỉ đặt đèn cầy. Khuôn cửa sổ treo những tấm rèm bằng hàng thêu ren Hoan mua năm trước.

- Em có buồn ngủ không?

- Em tỉnh hẳn rồi.

- Anh cũng vậy.

Người chồng xì mũi vào chiếc khăn tay rồi ném nó vào chiếc thau đặt nơi chân tường. Anh đi tới cây đèn, khêu cho sáng:

- Em muốn uống trà không?

- Em không khát... Nhưng nếu anh muốn, ta sẽ pha một ấm.

- Để anh pha... Em muốn uống trà mua ở hiệu hay trà nhài em

tự ướp?

- Em uống trà nhà.

- Ờ, anh cũng vậy.

Hoan ra phòng khách pha trà. Lát sau, anh bưng vào bộ đồ song ẩm với chiếc đĩa đựng vài phong bánh đậu xanh. Miên nói:

- Em đánh răng rồi. Ăn bánh vào chua miệng.

- Ăn rồi lại đánh răng tiếp... Mình đâu có thiếu thời gian...

Miên im lặng nhìn chồng chợt hiểu rằng từ nay về sau sẽ chẳng bao giờ họ còn được ngồi bên nhau với bộ trà song ẩm, rằng từ nay mỗi khoảnh khắc sống sẽ qua đi không trở lại và chị quá ngu ngốc nên mới nghĩ rằng chỉ còn năm ngày sáu đêm nữa chị sẽ phải rời xa anh, xa ngôi nhà này, vĩnh viễn...

Người đàn bà ngồi xuống giường, chăm chú nhìn chồng, và biết rằng anh còn đáng yêu hơn chị vẫn tưởng:

... Hoan ơi, kẻ nào lấy được anh thật tốt số... Mà anh sẽ lấy ai... Hẳn anh se quay về phố. Ở đó, thiếu gì gái trẻ, má phấn môi son...

Chị mường tượng gương mặt người sẽ là vợ Hoan... Hẳn là một cô gái thị thành, sung sướng từ thuở lọt lòng, da trắng môi đỏ. Cô ta trẻ hơn chị, được học hành nhiều hơn chị, giàu sang hơn chị... Người đàn bà đó sẽ chia sẻ giường chiếu với Hoan, sẽ buôn bán cùng chị Châu của Hoan, sẽ theo Hoan đi tới những thành phố lạ... Đương nhiên cuộc sống mới của anh sẽ được định đoạt như thế. Trong lúc chị phải chui rúc dưới mái nhà tăm tối của Bôn, ngủ dưới tấm màn võng như vó tôm đầy bụi bặm và xác con cuốn chiếu, bên cạnh một người đàn bà dâm loạn, bẩn thỉu nhếch nhác không hơn mụ ăn mày... Cảnh tượng vừa so sánh khiến Miên tủi hơn, sống mũi chị cay xè như ăn ớt:

- Em nghĩ gì vậy?

- Không.

- Sao em khóc?

- Đâu có...

Hoan lẳng lặng mở tủ lấy chiếc khăn sạch đưa cho Miên, rồi anh ôm vợ, vỗ về:

- Nín đi em.

-...

- Em đã kịp xem mớ quần áo mới chưa?

- Chưa.

- Chờ anh lấy.

Hoan mở tủ, lấy xấp váy ngủ mua cho Miên, giăng từng chiếc cho chị ngắm:

- Nào, mặc thử cho anh xem.

- Thôi.

- Để anh xem mình chọn có chuẩn hay không?

- Thôi mà...

... Những thứ đồ này trở thành vô dụng với cuộc sống đọa đày sắp tới của em... Sẽ chẳng bao giờ em còn cần tới chúng...

Miên nghĩ vậy nhưng không dám nói với chồng. Còn anh, anh nhất quyết ép chị làm điều anh muốn. Sau cùng, Miên cũng phải đứng dậy. lần lượt thử từng chiếc váy. Họ cùng đứng trước gương, người chồng ngắm nghía vuốt ve từng nếp lụa, tỉ mỉ xem từng viền đăng ten mà anh đã tốn phí bao nhiêu thời gian để chọn lựa. Hai người đang cùng chơi cái trò chơi mê mải ấy, đứa con chợt thức giấc. Nó ngồi nhỏm lên dụi mắt:

- Mẹ, mẹ... Mẹ làm gì thế?

Miên chưa kịp trả lời, cu Hạnh đã nhìn thấy đĩa bánh đậu. Thằng bé tức khắc thay đổi mục tiêu:

- Con ăn bánh.

Hoan bước tới:

- Được thôi, nhưng ăn xong con phải đánh răng.

Thằng bé ngần ngừ suy tính giây lát, đoạn nó lắc đầu:

- Thôi, thôi... Mai con ăn.

Nó nằm xuống và ngủ lại ngay tức khắc.

Miên nhìn con hồi lâu, quên rằng Hoan đang chờ chị thử nốt chiếc váy cuối cùng:

- Thằng bé ngoan quá... Rồi em sẽ sống ra sao khi xa nó?

- Em cứ lại nhà dì Huyên với con ngày ngày. Tới chủ nhật anh mới lên thăm nó.

- Anh không mang con về phố chứ?

- Không. Anh biết em không thể sống thiếu con.

- Anh tử tế với em quá.

- Anh yêu em.

Anh đáp và nhìn sâu vào mắt chị. Miên không dám ngước nhìn chồng, cụp đôi mi rưng rưng xuống, nhìn như dán vào hàng đăng ten chạy dưới gấu váy. Sau đó, chị lột chiếc váy đó ra, mặc chiếc sau chót cho anh toại nguyện:

- Tất cả đều vừa xinh... Anh mua khéo.

- Không phải vì anh mua khéo, mà vì em rất đẹp... Em đẹp hơn đám đàn bà dưới phố nhiều.

- Anh đừng nói vậy.

- Anh nói sự thật.

- Chiếc váy nào em cũng thích... Nhất chiếc màu lam hoa

trắng. Nhưng em sẽ chẳng bao giờ chạm tới chúng...

- Tại sao?

- Em sẽ gập tất cả lại và xếp vào ngăn tủ này. Xưa nay, đó vẫn là nơi cất quần áo của mẹ con em...

Miên gập từng chiếc váy một cách nắn nót, xếp thành chồng. Đoạn chị mang tới chiếc tủ ba buồng:

- Trong này, em cũng xếp lại tất thảy những thứ áo quần em đang mặc chỉ mang đi vài bộ cũ.

- Không được, những bộ cũ nhất phải để lại cho bố con anh... Em mang quần áo tốt đi.

Miên quay lại nhìn Hoan, nói chậm rãi:

- Tất cả những gì mang hơi hướng của anh của con đều thuộc về cuộc sống chung dưới mái nhà này... Em phải để lại cho chủ nhân của chúng.

- Không... Em mới chính là chủ nhân của ngôi nhà này. Điều đó chính em biết rõ.

- Trước kia... Đó là chuyện trước kia... Còn từ nay em thuộc về một mái nhà khác... Mình phải chấp nhận sự thực đó.

Hoan im lặng, và anh từ từ cảm nhận điều vợ anh vừa nói. Tâm hồn anh hoang hoải, tựa gian lều gió táp bốn bên...

... Ra thế, đó là chia ly... Chia ly, ta vẫn chưa hình dung nổi... Một người sẽ sống nơi này, và người khác nơi kia. Căn nhà cũ biến thành nấm mồ chôn kỉ niệm...

Anh đốt một điếu thuốc mong hơi khói cuốn đi cảm giác lạnh lẽo đang ngự trị tâm hồn. Mùi vị thuốc đã biến đổi theo nỗi buồn, trở nên đắng ngắt. Người đàn ông lại ném điếu thuốc vừa châm ra vườn:

- Này Miên...

Anh cất giọng khi thấy chị loay hoay mãi với mớ quần áo:

- Em sẽ không thể làm gì được với đống quần áo đó, bởi tất cả đều mang hơi hướng hạnh phúc của chúng ta... Tốt hơn cả là ngày mai, em hãy mang xấp lụa anh vừa mua tới cho thợ may, trả công họ gấp đôi gấp ba để họ may cho kịp.

- Nhưng xấp lụa anh thuần màu đẹp... Màu sắc đó không hợp với cảnh sống mới của em.

- Miên, sao bỗng dưng em kiếm cớ hành hạ mình?

- Mặc kệ em, mặc kệ em...

Bất chợt chị quát tướng lên rồi cúi xuống, lôi hết ngăn kéo dưới tới ngăn kéo trên, hết nhấc lên lại đặt xuống như một kẻ điên khùng bất cứ thứ đồ vật, thứ quần áo nào chị vớ được. Dường như mỗi lần định cắt bỏ một thứ đồ vật lìa khỏi không gian cũ, lịch sử

yêu đương lại lật trang, phơi bày những kỉ niệm và nỗi đau khiến chị không làm gì nổi... Sau cùng, Hoan thấy vợ lôi bộ quần áo đen bằng vải cũ mốc thếch, kiểu bà già, bộ quần áo chị đã nhét trong xó tủ gần mười năm nay không hề đụng tới:

- Miên, em định mang bộ đồ đen cũ ấy đi sao?

- Em mang đi.

- Cho anh xin... Đấy là bộ quần áo anh quý nhất... Anh sẽ đền em một trăm bộ quần áo màu đen nếu em thích màu đen.

Chị cúi gằm mặt xuống ngăn tủ, không trả lời.

Hoan hỏi:

- Em nhớ bộ quần áo đó em đã mặc lúc nào không?

Miên vẫn quỳ trước các ngăn tủ, không trả lời. Hoan cũng bước tới sau lưng vợ, cao giọng nhái theo tiếng địa phương:

"... Mệ ơi, mệ có nác cho tui xin một miếng..."

Hơn tám năm về trước một trưa nắng quay quắt, gió Lào thổi ràn rạt qua các giải đồi hoang, Hoan đã lang thang khắp vùng tìm đất làm trang trại theo ý nguyện của cha anh. Suốt năm tiếng đồng hồ, anh không gặp một sơn trại hoặc một lạch suối nào có thể kiếm nổi ngụm nước. Cơn khát hành hạ chàng trai khiến anh muốn lả, chân anh bước nhưng không còn định hướng nổi giữa vùng nắng lóa mênh mông. Sau cùng, Hoan nhìn thấy một bà già đang cuốc đất trên đồi. Hẳn bà lão cũng mở trại vì trên mảnh đất bà đang cuốc chỉ mới dựng vài hàng cột chưa gá dây tiêu. Nhìn từ phía sau, Hoan thấy bà lão khá cao, mặc bộ đồ vải đen vạt thẳng không cài khuyu, chiếc nón mê trên đầu trùm thêm tầng lá ngụy trang trông lười xười kì cục.

- Mệ ơi, mệ ơi... Bớ mệ...

Anh gọi theo tiếng địa phương vì biết dân vùng sơn đã không quen nghe tiếng phổ thông.

- Mệ ơi i...i... Bớ mệ ệ ệ...

Hoặc bà lão điếc đặc, hoặc gió thổi tạt tiếng anh gọi về phía sau nên bà lão vẫn cắm cúi cuốc, chẳng mảy may tỏ ra biết sự hiện diện của người thứ hai giữa khu đồi vắng vẻ. Hoan nghĩ rằng anh đã quá khát nên khan cổ, và anh lấy hết sức gào to:

- Mệ, bớ mệ...

Vừa gào, Hoan vừa cố sức leo lên đỉnh đồi và khi chỉ còn cách bà lão vài bước chân anh gần như quát vào tai bà ta:

- Mệ có nác cho tui xin một miếng?...

Bà lão kia buông rơi cây cuốc, kêu:

- Úi cha cha...

Và nhảy cẫng lên như con sơn dương, bà với theo cây cuốc vừa

rơi khiến Hoan sửng sốt. Nắm được cây cuốc rồi, bà lão liền quay lại và anh thấy dưới vành nón mê một cặp mắt đen nhanh nhánh lòng trắng xanh biếc trong veo, một khoảng da hở ra dưới tấm khăn che mặt trắng nõn, trắng như không phải da người mà là mảnh sứ hoặc hoa lan, hoa huệ. Cặp mắt đen nhánh ấy nheo lại và tiếng cười phát ra dưới tấm khăn đen:

- Trời đất ơi, té ra anh gọi tôi từ nãy... Vậy mà tôi chẳng biết chi...

- Xin lỗi, xin lỗi... Tại vì tôi, lỗi ở tôi...

Trong lúc Hoan còn phân bua "Mệ" đã quay lưng đi về phía bụi mâm xôi, nói gọn lỏn:

- Nước tôi cất dưới bụi kia, anh lẹ chân lên.

Hoan đi theo "Bà mệ", chẳng còn thấy cơn khát hành hạ như lúc nãy, chỉ sững sờ trước tấm nhan sắc kì lạ nơi Xóm Núi, lòng thắc thỏm cầu mong "Bà mệ" bỏ tấm khăn che mặt kia xuống cho anh được thỏa cơn tò mò.

Bụi mâm xôi cao hơn ba thước, tốt um tùm. Nắng khiến đám lá héo rũ, bốc mùi nhựa ngào ngạt nhưng dưới bóng râm của nó vẫn đủ che cho dăm người tránh nắng. Bình nước đặt trong làn tre, bên ngoài phủ cỏ trắng, thứ cỏ sợi dài như rơm, dai ngoách, khi phơi khô có sắc trắng như phoi tre và tỏa mùi thơm ngòn ngọt. Bà mệ nhấc bình nước ủ trong đám cỏ lên, rót vào chiếc bát sứ đem theo thứ nước chè tươi xanh ngắt:

- Anh uống đi.

Hoan biết trong làn chẳng còn chiếc bát sứ thứ hai, nên nói:

- Mời chị uống trước.

- Gọi em là Miên... Thôi, khách sáo làm chi, anh uống trước đi.

"Bà mệ" vừa đáp vừa cởi tấm khăn bịt mặt, rải xuống hai đầu gối hon gió. Và anh đặt bát nước chè xanh lên môi, ngẩn ngơ nhìn gương mặt của nàng Lọ Lem trong chuyện cổ...

Đã bao nhiêu ngày tháng trôi qua... Hồi ức quay về.

Như cơn bão bị giam cầm trong hẽm núi, không thể vượt ra một khoảng không rộng rãi để phóng xả cơn bức bối, đành lồng lộn quay cuồng dưới khe sâu, luồn lách trong các bờ cây, hú gào giữa vực thẳm... Trái tim anh đau nỗi đau của cơn giông bị giam cầm...

- Mệ ơi, mệ có nác cho tui xin một miếng...

Hoan bất giác lặp lại lần thứ hai. Lần này, không phải để Miên nghe mà cho chính anh nghe... Anh muốn nghe vọng âm đó thêm một lần nữa. Một lần nữa cho tường tận hạnh phúc cùng đau khổ. Giống ngày cha anh qua đời anh đã túc trực bên ông suốt quãng thời gian ông hấp hối để tường tận phút ông vĩnh biệt thế gian, dù

phút đó với anh thật tàn khốc.

... Người ta không phải là loài đà điểu nên cần đối mặt với cuộc sống, dù hạnh phúc hay bất hạnh, dù sang hay hèn, dù an bình hay hiểm nguy... Thượng đế cho con người tư thế đứng khác loài vật là để cho con người có thể nhìn thẳng về phía trước...

Cha anh đã dạy điều đó không chỉ một lần.

Khi bị mẹ con bà Kim Lan lừa vào bẫy, anh đã phải cưới cô Kim Liên nhưng rồi anh xử sự với cô theo đúng cách một kẻ đứng thẳng và nhìn thẳng. Mẹ anh sợ hãi nhưn cha anh tán đồng.

Một lần nữa, người đàn ông mảnh khảnh đó lại dìu đỡ anh, lại đưa bàn tay vuốt món tóc trước trán anh:

... Con trai ba khá lắm. Người ta có thể chết nhưng không thể thua. Chúng ta chẳng phải những con vật cho kẻ khác sai khiến...

Đúng thế. Ngày ấy anh đã quyết liệt chống lại số mệnh. Giữa đám cưới chính anh đứng lên trước hai họ tuyên bố mình là kẻ bị lừa, chính anh đã mô tả lại toàn bộ câu chuyện một cách bình thản, kĩ lưỡng với vẻ lạnh lùng khinh bỉ không che giấu. Như thiên hạ nói anh đã rắc tro lên mặt gia đình lẫn họ hàng nhà gái, và hơn thế nữa, lên uy tín và danh dự của ông phó chủ tịch thành phố, kẻ thế lực còn hơn chủ tịch tỉnh nhờ nương nhờ bóng các đồng chí Ban chấp hành trung ương đảng và người bạn chí thiết đương kim bí thư tỉnh ủy tỉnh nhà. Sau đám cưới, anh sang thôn Bảo, một làng chài ven sông Nhật Lệ sống...

Nhưng ngày ấy, số mệnh có gương mặt khác. Kẻ thù hiện diện dưới những xúc thịt có tên gọi, khoác áo quần, có sổ đăng kí hộ khẩu và đủ mọi phụ tùng khác của loài thú đi bằng hai chân. Còn giờ đây, số mệnh mang gương mặt khác. Chẳng ai lừa đảo anh, chẳng ai phản bội anh, chẳng ai hãm hại anh...

Anh biết chống lại số mệnh bằng cách nào?

Anh thấy mình bất lực.

Anh bất giác lặp lại lần thứ ba:

- Mệ ơi cho tui miếng nác...

Lần này, không để cho Miên cũng không để cho anh. Lần này, là lời kêu than của chính quá khứ, ánh viễn quang rong ruổi suốt chặng đời họ vừa trải nghiệm, bật sáng lên những chớp lóe để bao nhiêu hình ảnh tươi thắm cũ, bao nhiêu kỉ niệm êm ái cũ cùng một lúc hồi tụ trong căn buồng này.

- Anh yêu em, Miên...

- Em cũng vậy.

- Mình đành xa nhau thật ư?

-...

- Miên.

- Em sẽ để tất cả lại đây. Mai em mua vải may vài bộ mới.

- Miên.

- Em chỉ xin anh đừng để ai đụng tới những thứ đồ vật em đã dùng. Như thế, coi như anh đã giữ mãi tình yêu của chúng ta.

Vợ anh cất tiếng đều đều âm thanh ảm đạm như cất lên từ cõi vắng, như vọng từ một nghĩa địa hoang vu nơi chỉ những bóng ma qua lại và các vệt sương mù chuyển động theo gió hoặc theo tiếng hú gọi của các thầy mo.

... Em đã chấp nhận số phận, giọng nói của em không còn là giọng nói của một người tỉnh táo mà là những âm thanh vô chủ, là mệnh lệnh của thày mo kí thác nơi cửa miệng hồn ma... Em đã cam tâm chịu sự sai khiến của một sức mạnh ngoài mình trong lúc trái tim chưa thôi tiếc nuối...

Hoan nghĩ, khi nhìn Miên quỳ gối trước đống quần áo, và cặp mắt chị ánh lên vẻ thê lương khi xin anh gìn giữ những kỉ vật trong cuộc sống chung... Hẳn chị đang hình dung tới người đàn bà sẽ thế chân chị sống trong ngôi nhà này.

... Mà ai có thể thế chân em được? Và nếu có, kẻ đó sẽ là ai?...

Anh không hình dung được có một người đàn bà nào đấy sẽ hít thở bầu không khí anh đã cùng Miên hít thở, ái ân với anh ở nơi anh đã cùng chị ái ân, cùng nhìn ánh trăng bên ngoài những song cửa cùng giật mình khi nghe gà gáy báo canh, kẻ nào sẽ mở cánh tủ kia lấy áo quần cho anh khi anh tắm và lúc nào đấy sẽ quỳ gối thu dọn những xấp quần áo như Miên đang thu dọn lúc này?...

Ai nhỉ?...

Anh không hình dung nổi. Người đàn bà của anh xếp bộ quần áo sau chót vào ngăn kéo. Với một cử chỉ nhẹ nhàng chị đóng ngăn kéo lại. Trong tư thế đó, cần cổ trắng nõn của chị vươn dài ra và ánh lửa hắt lên mái tóc trơn bóng những lần sáng nhấp nhánh. Búi tóc sơ sài và đồ sộ sau gáy tạo một dáng nét nghiêm trang và kiều diễm. Tim anh đau nhói lên nước mắt sắp trào ra. Nhưng anh biết anh không được quyền khóc lóc sụt sùi như đứa trẻ. Bởi điều đó là sự lố bịch. Bởi điều đó không xứng với người đàn ông:

... Này con, con có biết kẻ thù nào đáng sợ nhất với kẻ làm trai không?... Ấy chẳng phải kẻ bạo tàn, quân giặc giã hoặc bọn giàu có bất lương nhưng là sự lố bịch... Mà sự lố bịch bao giờ cũng do ta tự chuốc cho mình...

Anh cắn răng nuốt nước mắt. Anh cũng không muốn cam chịu dù

biết mình bất lực. Anh nắm lấy hai vai Miên, kéo vợ lại với mình, nhìn sâu vào cặp mắt thê lương của chị và nói:

- Anh hứa rằng sẽ không có người đàn bà nào chạm tới những đồ vật của em...

***

Vào những ngày cuối cùng họ chung sống, không có người khách nào lai vãng. Kể cả những ông láng giềng nghiện trà và thích đánh cờ trên sân thượng nhà họ. Hoan vốn hiếu khách, không lúc nào trong nhà không trữ trà ngon, các loại bánh để đưa trà và kẹo cho trẻ nhỏ. Khắp miền, chẳng ai thường xuyên đi đến các thành phố lớn như anh nên đồ thực phẩm dùng trong nhà anh sang trọng bậc nhất. Khi Hoan ở nhà, trừ những ngày mưa bão không chiều nào vắng khách. Tuần lễ này, mọi người đều biến mất. Ngay khi lỡ gặp anh ngoài đường, họ cũng cất tiếng chào hối hả rồi rẽ sang lối khác. Sáng sớm, dì Huyên sang đón cu Hạnh và giữ nó cho tới lúc tối mịt mới cõng trả Miên. Tất cả đối đãi với cặp vợ chồng trẻ như đối với tử tù trước giờ hành quyết. Anh hiểu rằng tuần lễ trăng mật muộn mằn này là bữa cơm thịnh soạn trước lúc họ phải rơi đầu. Thế nhưng Miên vẫn có vô số việc phải làm trong những giây phút hiếm hoi ấy, khiến anh cảm thấy thời gian như bị đánh cắp. Một ngày anh phải đưa chị đi mua vải mới, loại trang phục "thích hợp với hoàn cảnh mới" như chị nói. Miên may một lúc ba bộ đồ vải đen, hai bộ xanh dương. Chị cũng mua vài chiếc áo len dệt và một chiếc áo bông kiểu bà già, tất cả đều đen. Gương lược cũ lẫn mớ kẹp tóc rất đẹp anh mua cho chị ở các thành phố, cả những giải lụa màu và những dây nhung buộc tóc, chị xếp lại nguyên vẹn trong chiếc hộp sơn mài. Rồi chị mua một chiếc lược sừng nhỏ với vài chiếc kẹp tóc rẻ tiền ngay trong cửa hiệu bán dầu hỏa, muối mắm cùng những thứ lặt vặt của xã. Và chị xếp tất cả vào chiếc hòm gỗ nhỏ, bằng thứ gỗ bộp, có nẹp nhôm to tướng với hàng mũ đinh thô bỉ quét sơ sài lượt véc-ni.

Hoan hỏi:

- Em có hai chiếc va-l cơ mà... Sao không đem một chiếc theo?

Chị đáp:

- Kệ em.

Vẻ mặt lì lợm của chị khiến anh không dám hỏi thêm. Khi những phút cáu bẳn đột ngột như vậy qua đi, vợ anh trở nên dịu dàng hơn bao giờ hết, không phải thứ dịu dàng của người đàn bà an nhiên trong hạnh phúc mà thứ dịu dàng đắm đuối rồ dại của kẻ sắp bị đuổi khỏi thiên đàng. Hàng giờ liền trong đêm thâu, chị vuốt ve không mỏi món tóc trước trán anh, vành tai anh, những sợi lông trên

ngực anh, mụn ruồi sau gáy anh, phía trên đốt sống cổ. Đôi khi chị nằm ép mình hàng giờ liền như con thằn lằn ép mình trong kẽ đá khiến anh tưởng chị ngủ nhưng bất thần chị len lén đưa tay quơ khăn lau nước mắt anh rờ mặt gối thấy ướt đầm. Những đêm ấy, tiếng gà rót từng canh, canh nọ gọi canh kia càng về sáng càng vội vã cho tới lúc bên ngoài trời chuyển sắc, sương trắng lặng tan và áng lê minh nở dần trên nõn lá:

- Hoan, sau này anh có nhớ em không?

- Anh nhớ em từ bây giờ.

- Nhưng rồi anh sẽ quên... Dần dà anh sẽ quên...

- Thế em cũng sẽ dần dà quên anh chứ?

- Không, không bao giờ.

- Vậy tại sao em lại tin chắc điều đó ở nơi anh?...

- Vì rằng... vì rằng...

Câu hỏi không tìm được hồi âm nhưng cứ lặp đi lặp lại một cách rồ dại mỗi đêm và khi ánh nắng rọi qua song cửa chiếu tới nơi họ nằm cả hai cùng choàng dậy. Hoan đi ra khép hai cánh cửa sổ:

- Quỷ thật, loại rèm này đẹp thật nhưng vô tích sự... Biết thế này mình đã mua thứ sẫm màu...

Anh lẩm bẩm khi kéo các tấm rèm lại, hình ren thêu nổi bật trong ánh ngày. Anh đã mua chúng cho cuộc sống yên vui xưa, không để cho cái tuần lễ trăng mật độc địa này, khoảng thời gian mà anh cầu mong mặt trời đừng bao giờ mọc.

- Em đi đâu?

- Em chạy sang nhà dì Huyên một lát.

- Em sang làm gì?

- Em nhờ dì thuê lũ trẻ trong xóm lên núi cắt thạch trinh hương. Anh cứ nằm nghỉ thêm, chỉ mười phút sau là em quay lại.

Thạch trinh hương là loài dương xỉ trên núi đá, lá dài nhọn như hoa lúa, thứ cây dành riêng cho những kẻ tu hành. Người ta cắt cỏ đem về phơi khô ém trong bồ, mỗi lần tắm lấy một nắm thả vào nồi nước đun sôi vài khắc là được. Thứ nước tắm nấu bằng thạch trinh hương là thứ nước tẩy trần, mùi hương ấy dành cho những ai từ bỏ cuộc sống dục tình và chốn đông vui để ẩn mình trên những đỉnh núi cheo leo, những am cỏ hoặc những ngôi chùa u tịch... Vậy mà vợ anh tầm nó về phơi. Lẽ nào chị biết trước cuộc sống chung của chị với người chồng cũ là một cuộc cộng sinh không tình ái hay chị quyết sống với anh ta một cuộc sống nữ tu dù thân xác bị trói buộc?... Hoan không dám hỏi Miên vì rất có thể chị lại nổi khùng và đáp lại bằng cái điệp khúc chị vừa sáng tạo ra trong mấy

ngày vừa qua: Kệ em!...

Trưa hôm sau hơn một chục đứa trẻ gánh thạch trinh hương về, rải đầy ngõ lẫn sân khiến ngôi nhà họ giống như xưởng nhồi đệm cỏ. Từ bếp lên nhà, từ nhà ra ngõ giày dép đều mắc vào thứ dương xỉ thơm hắc này. Cứ hơn một giờ, Miên đảo cỏ một lần, mùi nhựa cỏ bốc nữa như mùi mía lùi nửa như mùi thuốc bắc:

- Miên ơi.

- Em đây.

- Nhựa cỏ dây đầy các ngón tay em rồi... Vất vả thế làm gì?

- Em cần mang cỏ theo đun nước tắm.

- Em mang xa-phòng theo... Tất cả là của em...

- Không.

- Những gì ở dưới mái nhà này là của chúng ta, chẳng riêng ai. Sao em cứ đặt bày như vậy?

- Em muốn thế.

- Đừng muốn như vậy nữa, anh xin em.

- Không.

- Em ương bướng với anh làm gì? Từ ngày chúng ta yêu nhau, chưa một lần anh bắt buộc em.

- Anh không bắt, nhưng em bắt buộc em.

- Em vô lý.

- Tất cả những gì có ở đây, trong ngôi nhà này là của con trai chúng ta... Nó mới chính là chủ nhân và em để lại tất cả cho nó...

... Ra thế... Đó là lý do khiến chị chuẩn bị cuộc ra đi giống cuộc ra đi của kẻ lưu đầy. Anh nhìn vợ thoăn thoắt chạy đi chạy lại đảo cỏ trên sân, muốn ứa nước mắt. Trò chơi cay nghiệt này của tạo hóa thật không chịu nổi.

Đêm sau là đêm cuối cùng của họ.

Mặt trời đậu mãi trên rặng Trường Sơn không chịu lặn, và khi đã lặn những đám mây đỏ rực còn hắt sáng chưa chịu tắt. Hoàng hôn oi nóng, dài đặc như muốn trêu cợt hai kẻ bất hạnh. Miên không nấu cơm, giá có nấu cũng chẳng ai nuốt nổi. Cu Hạnh ăn cơm chiều và ngủ bên dì Huyên.

- Anh có ăn cháo em bắt con gà?

- Đừng... Đừng tốn thời gian vào chuyện bếp núc.

- Anh có đói không?

- Không.

- Em nấu nồi chè đỗ xanh nhé?

- Em không làm gì hết... Lại đây, chúng ta chẳng còn nhiều thời gian...

Anh nắm tay vợ, kéo xuống bên mình. Và họ nằm im lặng.

Ngoài kia, hoàng hôn đã tắt, trời tím khói chuyển sang tro sẫm. Không còn trăng và những vòm lá cam thu mình trong bóng tối. Sao Hôm cũng không mọc như mọi ngày. Căn nhà chìm trong bóng đêm. Đêm như độc dược thẩm thấu qua da thịt vào gân cốt, khiến họ bủn rủn chân tay, bải hoải tâm thần. Họ chẳng còn sức để khóc, để than thở, để ái ân. Những con sóng dục tình như ngọn triều đã rút để lại trên bờ cát rong rêu mệt mỏi. Nỗi buồn tựa loài dơi vô hình bay lượn, vỗ cánh quạt vào mặt họ khiến họ ngộp thở. Miên gối đầu lên cánh tay chồng, cả hai nằm đờ như khúc gỗ. Bóng tối mỗi lúc mỗi nặng dần trong tiếng rên rỉ của côn trùng, tiếng thạch sùng tắc lưỡi và thi thoảng tiếng chim đêm táo tác. Đêm bước qua. Và trên lối đi, thần đêm rắc những cánh hoa bùa ngải dụ con người vào cõi mộng. Như thế, giờ lâu cặp vợ chồng mệt mỏi thiếp đi. Lúc gà gáy canh đầu họ giật mình tỉnh giấc, nhận ra họ đã bỏ bữa cơm tối và ngủ ngay không kịp mắc màn. Vài con muỗi vo ve mãn nguyện hẳn chúng đã tận dụng cơ hội hiếm hoi để kiếm một bữa no phè. Miên ngồi lên trước:

- Em thắp đèn nhé?
- Ờ, em thắp đèn lên?
- Anh khát nước không?
- Khát. Nhà mình còn nước sôi không nhỉ?
- Tối qua em chưa kịp đun.
- Để anh đun.
- Không, anh cứ nằm nghỉ thêm. Em sẽ đun tức thì.
- Để anh đun.
- Được rồi, chúng ta cùng xuống bếp.

Họ xuống bếp, nhóm lửa. Khi lửa cháy, bọt củi xèo xèo và những đốm lửa than bắn tí tách bất chợt hai người quay lại ôm choàng lấu nhau:

- Hoan, anh có nhớ ngày làm căn bếp này không?
- Anh nhớ.
- Lúc đó, anh hứa với em điều gì?
- Anh nhớ điều đã hứa.
- Điều gì vậy?

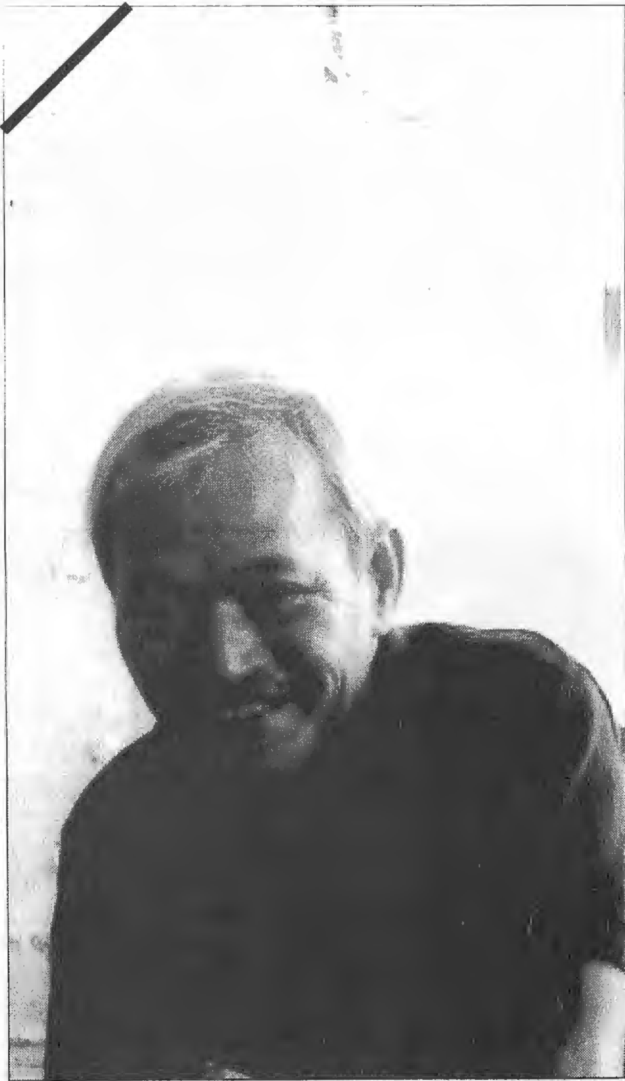
Hoan đưa tay nhè nhẹ vuốt lưng vợ, không hiểu vì sao chị lại nhắc anh cái kỉ niệm rực rỡ ánh lửa ấy vào chính lúc này, lúc gà gáy canh hai và chỉ còn vài giờ nữa là chị đã ra đi...

Anh nhớ ánh lửa rừng rực trong căn bếp mùa đông năm trước, khi họ hoàn tất ngôi nhà chuẩn bị một bữa linh đình thết khách theo tục lệ: Tiệc rửa nhà. Hai vợ chồng anh đã lo mua sắm từ mấy

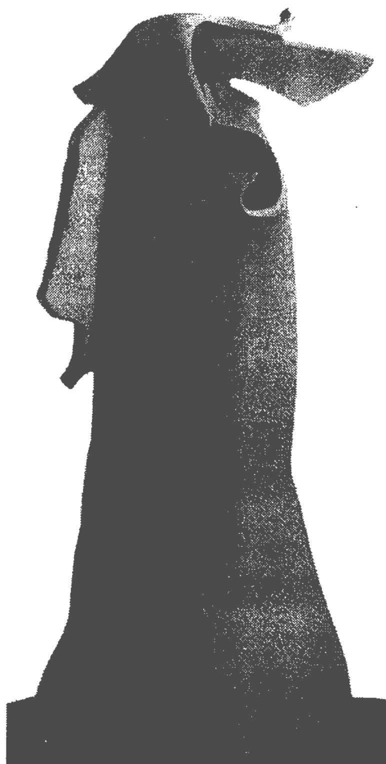
hôm trước: Hoan nhờ người tìm một con bê béo làm món bê thui món mặn thứ nhất. Món mặn thứ hai là gà luộc lá chanh do Miên đảm nhiệm. Chị đã tầm các chuồng gà ngon trong xóm đặt mua sẵn ba chục con gà mái tơ nhờ đám bạn gái làm. Món mặn thứ ba là cá thu khô hấp mỡ lợn với gừng do chính tay chị làm bởi dân Xóm Núi thèm ăn cá quanh năm, bất cứ cỗ bàn hay giỗ chạp người ta cũng chọc đũa vào đĩa cá dù các loại thịt ê hề thừa mứa. Thêm nữa, Miên cũng đã sắm đủ thứ rau và thịt để làm thêm vài món xào và hai tô canh đặc biệt. Đồ tráng miệng được chỉ định là thứ bánh bột lọc, nhân đỗ xanh, dừa và vừng đen ngào nhuyễn. Những công việc khó khăn nhất đã xong, đêm đó họ chỉ lo coi nồi bánh tét và đóng khuôn bánh in, thứ bánh làm bằng bột gạo nếp rang ngào đường nhân đỗ xanh nấu lẫn mứt bí hạt dưa. Đây là hai thứ bánh dùng chia phần cho những ai tới ăn cỗ có chút quà cầm về cho con cháu ở nhà. Dẫu không phải món ăn chính trong bữa tiệc nhưng chẳng thể sơ xuất. Đêm ấy, Hoan đã thắp cây đèn măng-sông lớn treo cửa chính bếp, ánh sáng của nó đủ soi cho một đám cưới hoặc một cuộc họp trăm người. Lửa nấu nồi bánh tét hắt thêm khiến căn bếp sáng trưng. Bếp mới, vôi quét tường còn hăng, mọi thứ đồ gỗ sực nức mùi véc-ni, trông giống một phòng khách. Khác với đám nhà giàu Xóm Núi, những người thích xây năm gian nhà ở thật cao, tường dày, cột kèo thuần gỗ tứ thiết, ngói phủ nêm như ngói đình nhưng gian bếp chỉ nhỏ bằng nửa chuồng heo buồng tắm dài rộng cỡ vài sải tay lại xây cẩu thả tùng tiệm bằng những thứ vật liệu đầu thừa đuôi thẹo, Hoan xây gian bếp cũng như phòng tắm và vệ sinh bằng thứ vật liệu tốt nhất, xây cất kĩ lưỡng nhất, tốn kém nhất. Anh muốn gian bếp phải là nơi đẹp nhất sang trọng nhất và sạch sẽ nhất. Bởi đó là vương quốc của Miên. Anh không thể để vợ anh khổ sở như những người đàn bà thôn quê khác, đến bữa phải chui vào gian bếp thấp lè tè, cúi đầu chổng mông thổi lửa, nấu xong bữa cơm hai mắt nhòe nhoẹt vì khói. Anh cũng không muốn chị phải rửa ráy, tắm táp vội vàng trong căn nhà tắm sơ sài được che bằng vài tấm liếp vừa tắm vừa hớt hoảng sợ ai đó ghé mắt nhìn hoặc vị khách vô tình tìm nơi tiểu tiện lầm đường, hoặc đứa trẻ ranh nào rình mò nhìn trộm... Những cảnh ấy quá quen thuộc nơi làng quê. Hoan là dân thành phố nên anh hiểu giá trị của tiện nghi và anh muốn người đàn bà của anh được hưởng tất thảy những gì chị đáng hưởng...

(Xem tiếp kỳ 5)

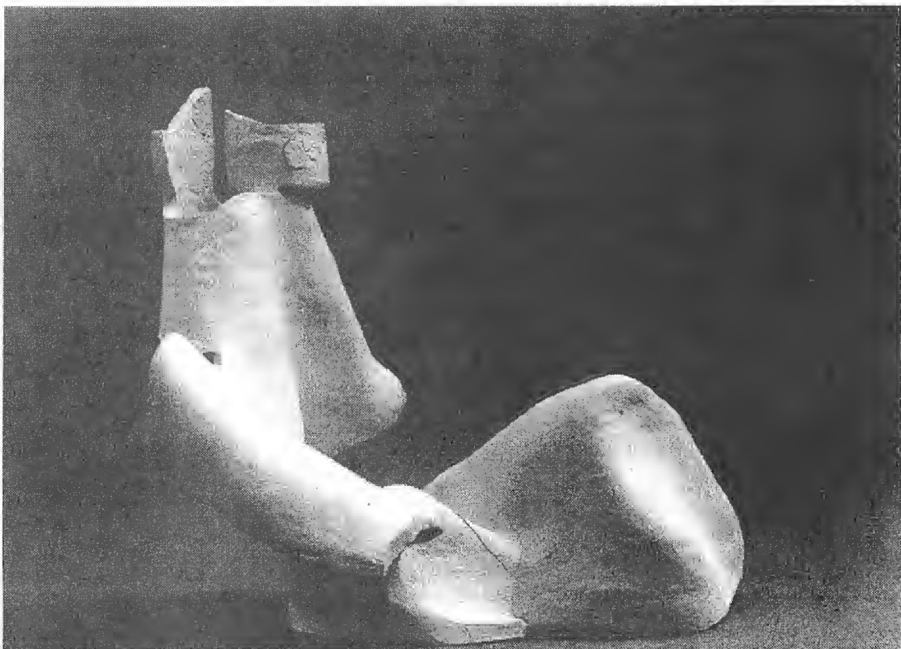
DƯƠNG THU HƯƠNG



TƯỞNG NIỆM
Điêu khắc gia MAI CHỬNG
(1940 - 2001)



Mai Chửng sinh năm 1940 tại Bình Định, miền Trung Việt Nam.
Tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế (1961)
và trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, Sài Gòn (1963).
Giáo sư hội họa trường Kiến Trúc Sài Gòn.
Từ 1963 đến 1965, góp phần thành lập Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam tại Sài Gòn và được bầu làm chủ tịch hội này từ 1965-1972.
Từ 1975 đến 1978 học tập cải tạo.
1981 vượt biên sang Mã Lai.
1982 đến Mỹ, định cư tại San Jose, California.
Từ 1990 đến 1995, làm đủ mọi nghề để mưu sinh, như nấu ăn, phụ bàn, dealer bán xe cũ ở California, tài xế taxi ở Hawaii...
Từ 1995, Mai Chửng về định cư tại Dallas, Texas, tiếp tục hành nghề điêu khắc và đặc biệt vẽ tranh sơn dầu trong những năm cuối đời.
Triển lãm sau cùng của Mai Chửng với một số họa sĩ khác được tổ chức tại Little Sàigòn tháng 12/2000.
1 giờ 20 phút sáng ngày thứ Bảy 1/9/2001, điêu khắc gia Mai Chửng, pháp danh Thiện Mỹ, trút hơi thở cuối cùng tại thành phố Dallas, Texas.
Lễ hỏa táng sẽ được thân nhân thực hiện chiều thứ Ba 4/9/2001.



Ngày hai buổi đến sở làm, thời gian còn lại rảnh rỗi không biết làm gì: lúc thì ở nhà nghe nhạc, sơn lại cái cửa, quét lại đám mạng nhện trên trần hoặc sửa chiếc xe cho khỏi chết máy dọc đường. Khi thì đi rong ngoài phố nhìn thiên hạ, lục tìm một đĩa nhạc cũ. Rồi những công việc lặt vặt đó lâu cũng hết, cũng chán. Nhất là ban đêm có khi mất ngủ, dậy bật đèn, thấy chân tay dư thừa. Sẵn có cái kèm, cái búa, cái đục, cái bay, táy máy muốn làm ra cái này cái nọ. Nhưng khổ thay không dễ dàng như sửa chiếc xe, sơn cái cửa... Mười lần vào việc thì có đến hơn chín lần chẳng làm nên hình. Trước cũng như sau đó không biết sẽ làm thế nào và đã làm được cái gì...

MAI CHỬNG



ĐINH CƯỜNG
Mai Chửng, Mai Chửng!

Không kịp nữa rồi.
Bạn mới ngồi cùng tôi trên đồi Thiên An,
Huế, mùa hạ,
Nắng lửa những hàng cây thông đứng im hồ nước lặng.

Không kịp nữa,
Những tượng đồng mới ra lò ở Phường Đúc
Bạn khó tính đúc lại lần thứ hai.
Căn phòng 207, khách sạn Morin,
Bạn cùng tôi nằm trên hai chiếc giường, thư thái ...
Sáng bạn dậy sớm, đi bộ một giờ,
Qua rồi về lại trên cầu Tràng Tiền
Nước sông Hương vẫn xanh
In bóng bạn thời xa xưa.
Chúng ta đã cùng nhau
Một thời thơ mộng.

Huế mù sương và bạn yêu Na.
Na ở An Cựu ...

Na vừa cùng con gái út từ Dallas về,
Tức tốc đi chuyến bay về.
Tức tốc đến bệnh viện Chợ Rẫy lầu 10, căn phòng hồi sức đặc biệt
Nơi mà Trịnh Công Sơn cũng đã nằm hôn mê hồi tháng Tư.
Bạn tháng Bảy.

Bạn bè đã ở quanh bạn trong căn phòng đầy giây nhợ,
Bình oxy, chai sérum chuyền nước biển...
Bạn khóc, và nói, "Chuyến này chắc tiêu rồi."
Xong bạn lại cười, nụ cười sảng khoái khi gặp lại nhau.
Nguyễn Trung, Đỗ Quang Em, Trịnh Cung, Cù Nguyễn, Hồ Hữu Thủ ...
Và người học trò điêu khắc yêu quý bạn biết chừng nào: Nguyễn Nam,
Đã ngủ lại với thầy, đêm bệnh viện.

Không kịp nữa rồi.
Mới ngồi với nhau ở Cali, ở Sàigòn, ở Huế, ở Chợ Rẫy
Những bức tranh, những tượng đồng còn đó,
Gallery Vĩnh Lợi, ngày khai mạc không có bạn...
Và mãi mãi không có bạn nữa .

Mai Chửng, Mai Chửng,
Không kịp về lại rừng dừa Bồng Sơn,
Không kịp nhìn trăng Bình Định
Như chúng ta đã hẹn sẽ trở lại, một mùa hè khác.

Tôi mất lần hết những người bạn thiết
Những cây nhang ám khói một góc phòng
Tràng hạt, tràng hạt tôi bấm lần
Từng hạt tụng niệm cùng hư vô

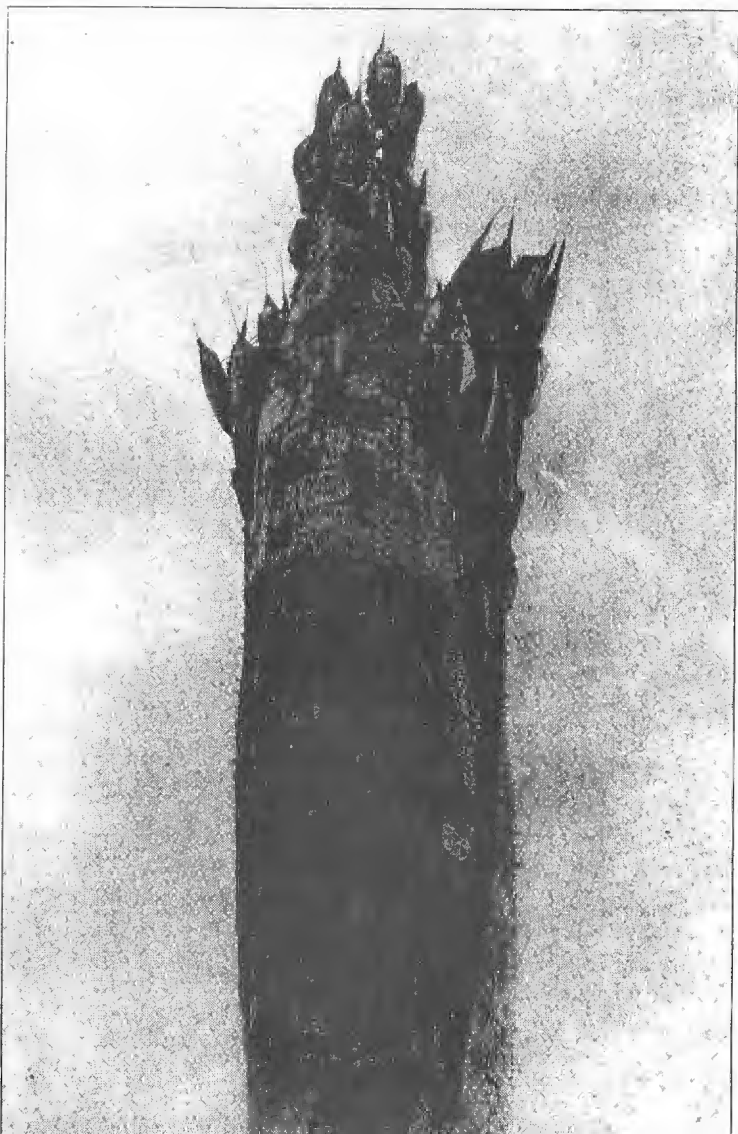
Tôi ngồi im sững, xanh rêu
"Nghe chim ăn trái rụng đều như kinh" (*)

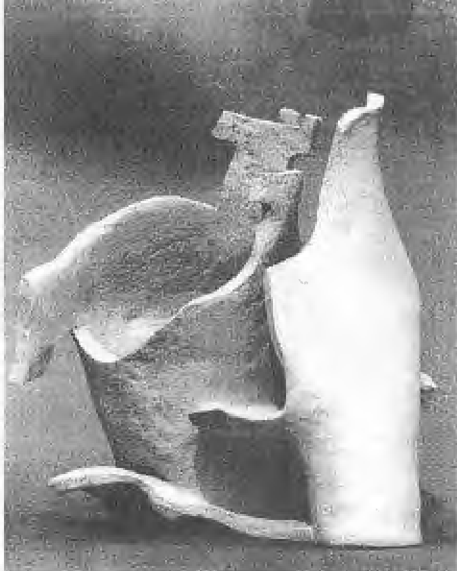
Virginia, 3. Sept. 2001
ĐINH CƯỜNG

(*) thơ Nguyễn Đức Sơn

Mai Chửng thích sự hoàn chỉnh, rất nghiêm trong công việc. Anh thích hợp với chất kim loại, đã từng là tác giả nổi danh một thời của những tượng đài - tượng *Bông Lúa (hình dưới)*. Dù kích thước lớn hay nhỏ, tác phẩm thường bằng kim loại của anh luôn luôn mang tính hoành tráng.

Họa sĩ NGUYỄN TRUNG





Tôi làm việc dưới tầng hầm yên tĩnh, dù ngoài trời có mưa to hay bão tuyết, tôi cũng thấy nơi này đầy bình an. Khi không làm việc được tôi thường miên man suy nghĩ về tranh, tượng và bạn bè. Những người đã thành công vang dội và những người như lỡ mang cái nghiệp vào mình không dứt ra được.

Tôi đã nghĩ đến Mai Chửng.

Mai Chửng ít lời, hay nhìn thẳng vào sự bất hạnh cay đắng và hay diễu cợt với nó.

Anh đã một thời là chủ tịch Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, trước khi hội này tan rã theo vận mệnh đất nước từ 1975. Ít ai biết đến anh đã âm thầm làm việc, ôm ấp một khối lượng công việc đồ sộ, làm trăm năm vẫn chưa hết.

Khi mới biết anh bắt đầu làm việc, chỉ sau vài tháng gặp lại, tôi đã thấy vô số tượng bày chung quanh xưởng.

Tượng của anh rất hoàn chỉnh và có chiều sâu. Một sức sáng tác mãnh liệt.

Giữa xưởng ngổn ngang những đồ đạt dụng cụ. Tôi đã giúp anh đóng gói vô thùng một số tượng để gửi đi triển lãm,và tôi đã thấy được ở anh nỗi hân hoan hài lòng. Anh nhìn những bức tượng nằm gọn trong thùng giống như một bà mẹ nhìn những đứa con của mình sinh ra.

Giờ này nghĩ lại tôi mới cảm nhận được Mai Chững và những tác phẩm của anh là một...

Họa sĩ NGUYỄN PHƯỚC
8/31/2001



Mai Chửng thời sinh viên điêu khắc tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế 1962



Trước (từ trái): Đinh Cường, Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Trung, Nguyễn Đồng
Sau: Mai Chửng, Dương Nghiễm Mậu (bạn văn), Nguyên Khai, Hồ Thành Đức

VĨNH BIỆT

Mai Chửng

*(từ trần lúc 1 giờ sáng thứ Bảy, ngày 1/9/2001
tại Dallas, Texas. USA)*

Toàn thể anh chị em nghệ sĩ trong và ngoài nước
thành kính ngỏ lời phân ưu với gia đình
điêu khắc gia Mai Chửng.

Cầu mong hương hồn bạn hiền
sớm về miền vĩnh cửu.

Hồ Thành Đức - Bé Ký- Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp - Dương Văn Hùng - Lương Văn Tỷ - Nguyễn Phước - Ann Phong - Huỳnh Hữu Ủy - Cao Bá Minh - Nguyễn Đình Thuần - Nguyên Khai - Khánh Trường - Đinh Cường - Trịnh Cung - Nguyễn Trung - Hồ Hữu Thu - Nguyễn Lâm - Đỗ Quang Em - Cù Nguyễn - Thái Tuấn - Lê Tài Điển - Thanh Trí - Nguyễn Trọng Khôi - Trương Thị Thịnh - Vũ Thị Ngà - Nguyễn Cầm - Lâm Triết - Phạm Văn Hạng - Đỗ Toàn - Lê Thành Nhơn - Hà Quốc Huy - Đỗ Xuân Chính - Trần Văn Danh - Liên Tâm - Võ Thị Hồng Diệp - Rừng - Nguyễn Văn Trung - Đoàn Hân - Văn Moch - Dương Ngọc Sum - Đàm Quốc Cường - Hồ Nguyễn - Nguyễn Nam - Nguyễn Việt - Nguyễn Văn Hưng - Quỳnh Hương - Quế Hương - Quỳnh Chi - Thu Huệ - Dương Văn Tâm - Trần Hữu Đô - Nguyễn Rĩ - Phạm Hoàng - Lê Văn Lai - Ngô Bảo - Dương Phước Luyến - Trần Văn Lên - Tạ Tỵ - Duy Thanh - Tôn Thất Văn - Vinh Phối - Nguyễn Khả Nhơn - Phan Ngọc Nam - Tôn Nữ Cẩm Quỳ - Thái Lãng - Nguyễn Huy Dũng - Bửu Ý - Nguyễn Đình Toàn - Giang & Chí Trung - Đỗ Ngọc Yến - Du Tử Lê - Huy Tưởng - Phạm Phú Minh - Nguyễn Xuân Hoàng - Nguyễn Mộng Giác...

CHIA VUI

Nhận được hồng thiệp của ông bà Thân Trọng Mẫn báo tin

cháu Thân Trọng Mân Anh,
(trưởng nữ)

sẽ đẹp duyên cùng

cháu Đoàn Thanh Tâm
(thứ nam)
của ông bà Đoàn Thái Sung.

Chúc ông bà Thân Trọng Mẫn có được rể quí.
Cầu mong hai cháu hạnh phúc mãi mãi

Nguyễn Mộng Giác (Văn Học), Nguyễn Xuân Hoàng (Văn),
Phạm Phú Minh (Thế Kỷ 21), Khánh Trường (Hợp Lưu)
cùng anh chị em văn nghệ sĩ thân hữu trong, ngoài nước

CHIA VUI

Nhận được hồng thiệp của ông bà họa sĩ Đinh Cường
báo tin lễ thành hôn của hai cháu

ĐINH V. TRƯỜNG CHINH
TRỊNH H. QUỲNH GIAO

sẽ cử hành vào ngày 1 tháng 9 năm 2001
tại Virginia. USA
Hợp Lưu và toàn thể anh chị em văn nghệ sĩ trong, ngoài nước
thành thực chia vui với với ông bà Đinh Cường
Chúc hai cháu Chinh- Giao trăm năm hạnh phúc

CHIA VUI

Rất vui được nhà văn Lệ Hằng báo tin thứ nữ là

cháu **ĐÀO THY CÁT TIÊN**

sẽ đẹp duyên cùng

cháu **LÂM HOÀNG HUY**

Hôn lễ sẽ cử hành tại Garden Grove, California, USA
ngày 6 tháng 10 năm 2001.

Chúc hai cháu Cát Tiên - Hoàng Huy trăm năm hạnh phúc.
Rất mong nhà văn Lệ Hằng có được rể quí

Nguyễn Mộng Giác (Văn Học), Nguyễn Xuân Hoàng (Văn),
Phạm Phú Minh (Thế Kỷ 21), Khánh Trường (Hợp Lưu)
cùng anh chị em văn nghệ sĩ thân hữu trong, ngoài nước

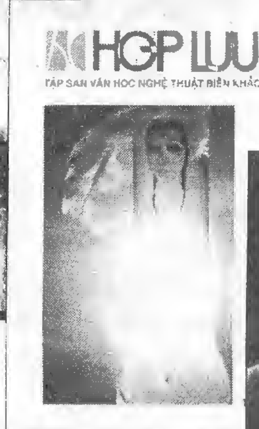
CHIA VUI

Chúc hai cháu
Thân Trọng Mân Anh,
và **Đoàn Thanh Tâm**
hạnh phúc bên nhau mãi mãi.
Rất mong anh chị Thân Trọng Mẫn có được rể quí.

Kim Ninh - Nguyễn Hương - Lê Thị Thấm Vân
Nguyễn Thị Ngọc Lan - Mai Ninh

HỢP LƯU CŨ

30% off



Ngoại trừ các số 1, 4, 6, 8 (Văn Cao), 12 (Thi Ca) & 44 (Bùi Giáng), tất cả các số HỢP LƯU còn lại tòa soạn còn tồn kho một ít. Độc giả nào muốn mua, xin xem bảng giá sau đây:

Các số: 2, 3, 5, 7, 9, 10, 11, 13 mỗi số US$6.00
Từ số 14 đến số 25 mỗi số US$7.00
Từ số 26 đến số 56 (trừ số 44) mỗi số US$8.00
Từ số 57 đến số mới nhất mỗi số US$9.00

Nếu **MUA TOÀN BỘ**,
sẽ được bớt 30% trên giá tổng cộng



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU TẶNG BÁO

Tên người tặng: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

tặng [ ] (1,2) năm HỢP LƯU bằng máy bay [ ]; hạng tư [ ] đến

Tên người nhận : ______________________________
Địa chỉ: ______________________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

Yêu cầu tòa soạn báo cho tôi biết khi nhận được phiếu tặng báo kèm check (or money order) bằng điện thoại, thư bưu điện, hoặc email.

(Xin xem PHIẾU MUA DÀI HẠN ở mặt sau để biết giá)

PHIẾU GIỚI THIỆU

Yêu cầu tòa soạn gửi đến:

Tên: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________

____

Email ______________ điện thoại ______________

HỢP LƯU số mới nhất. Nếu người nhận vừa lòng với nội dung của tạp chí, sẽ đặt mua dài hạn.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail
Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years
Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ (Four class only)
- *Một năm / One year* ☐ US$50.00.
- *Hai năm / Two years* ☐ US$95.00.

Gia Nã Đại (Canada) (Air mail only):
- *Một năm / One year* ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$135.00

Úc, Âu châu, Á châu (Australia, Europe & Asia) (Global priority only):
- *Một năm / One year* ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$155.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HOP LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.

HÀ NGUYÊN DU

THƠ

(anh biết, em yêu dấu)



TỰ LỰC xuất bản

Giá 15MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK

Liên lạc:

HÀ NGUYÊN DU

10291 Arundel Ave. - Westminster, CA 92683-5821